

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Truyền thuyết dân gian người Việt

Quyển 3



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI LÝ VÀ TRẦN

Quyển 3

**Viện nghiên cứu Văn hóa
và Nhà xuất bản Khoa học xã hội
giữ bản quyền sách này**

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI LÝ VÀ TRẦN

Quyển 3

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2009

Chủ biên
GS. TS. KIỀU THU HOẠCH

Nhóm biên soạn
KIỀU THU HOẠCH
TRẦN THỊ AN
MAI NGỌC HỒNG

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là nước có truyền thống văn học. Bộ sách *Tổng tập văn học Việt Nam* do GS. Đinh Gia Khánh làm Chủ tịch Hội đồng biên tập, được Nhà xuất bản Khoa học xã hội tái bản năm 2000 (gồm 42 tập) là minh chứng cho truyền thống đó. Đây là bộ *Tổng tập văn học* viết của cả người Việt và các dân tộc thiểu số Việt Nam từ thế kỷ X cho đến ngày 02 tháng 9 năm 1945.

Về văn học dân gian, từ năm 2002 đến năm 2006, Viện Nghiên cứu Văn hóa và Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã hợp tác biên soạn và xuất bản trọn bộ *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, gồm 20 quyển). Hiện nay, hai đơn vị đang hợp tác biên soạn và theo kế hoạch đến năm 2010 sẽ hoàn thành việc công bố bộ sách *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam* gồm 23 tập. Bộ sách giới thiệu diện mạo văn học dân tộc thiểu số nước ta theo từng thể loại và được xuất bản với hình thức song ngữ (ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ dân tộc thiểu số).

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, 20 quyển) là bộ sách lần đầu tiên được biên soạn tương đối thống nhất về phương pháp, giới thiệu diện mạo văn học dân gian người Việt theo thể loại. Trong *Tổng tập*, mỗi một thể loại được giới thiệu như sau: Bài Khảo luận (trong bài trình bày, giới thiệu thể loại, lịch sử sưu tầm, nghiên cứu, giá trị nội dung và hình thức); phần biên soạn các tác phẩm; thư mục. Các thể loại tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, vè, ca dao được dành hai tập cho một thể loại. Còn các thể loại sau được thể hiện với dung lượng mỗi tập một thể loại: câu đố, truyện ngụ ngôn, giai thoại văn học, truyện nông binh dân, kịch bản chèo sân đình, kịch bản tuồng dân gian. Người Việt cổ có thần thoại và có thể có sử thi, nhưng vì lý do lịch sử, sử thi bị mai một, thần thoại chỉ còn những mảnh vụn, không còn hệ thống.

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* trước hết và chủ yếu được biên soạn dành cho giới nghiên cứu. Để đáp ứng nhu cầu rộng rãi của bạn đọc, được sự cho phép của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, sự đồng ý của các soạn giả, Viện Nghiên cứu Văn hoá và Nhà xuất bản Khoa học xã hội chủ trương trên cơ sở đảm bảo nội dung cơ bản, lược bỏ phần dị bản của các tác phẩm, in thành những quyển sách có khuôn khổ và độ dày phù hợp nhằm phục vụ độc giả cả nước. Những quyển này nằm trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*. Khi từng quyển sách này đến tay bạn đọc, sau khi thưởng thức trí tuệ mẫn tiệp trong các câu tục ngữ, sự hóm hỉnh trong câu đố, sự sáng khoái trong các truyện cười, tính chất ý nhị trong các giai thoại văn học, những rung động thiết tha qua lời ca dao trữ tình..., xin bạn đọc hiểu rằng đó là tài sản văn hoá tinh thần quý báu của cha ông, việc sưu tầm, gìn giữ nó không chỉ do các soạn giả được ghi tên ở trong sách, mà còn do nhiều thế hệ, nhiều nhà sưu tầm thực hiện, tên tuổi và các công trình của họ đã được ghi nhận đầy đủ trong bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt*.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc từng quyển trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*.

Hà Nội, tháng 8 năm 2008

Giám đốc

Tổng biên tập

NHÀ XUẤT BẢN

KHOA HỌC XÃ HỘI

TS. Vi Quang Thọ

Viện trưởng

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ

Chủ tịch Hội đồng biên tập

Tổng tập văn học dân gian người Việt

GS. TS. Nguyễn Xuân Kính

PHẦN I
TRUYỀN THUYẾT
VỀ THỜI LÝ

1. LÝ THÁI TỔ

Thái Tổ họ Lý tên là Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, tỉnh Bắc Ninh.

Tục truyền đời ông thân sinh ra ngài, nhà nghèo khó, đi làm ruộng thuê ở chùa Tiêu Sơn, huyện An Phong, phải lòng một người tiểu nữ và có mang¹, nhà sư thấy thế đuổi đi chỗ khác. Hai vợ chồng mang nhau đi, đến chỗ rừng Báng, mỗi một ngồi nghỉ mát. chồng khát nước, xuống chỗ giếng giữa rừng uống nước, chẳng may sẩy chân xuống giếng chết đuối. Vợ ngồi chờ lâu không thấy, đến giếng xem thì đất đã đùn lấp giếng rồi: ngồi khóc lóc một hồi. rồi vào ngủ nhờ trong chùa Ứng Tâm ở gần đấy.

Ông sư chùa Ứng Tâm, đêm hôm trước nằm mơ thấy ông Long thần báo mộng rằng: "Ngày mai dọn chùa cho sạch, có Hoàng đế đến". Nhà sư tỉnh dậy, sai tiểu quét dọn sạch sẽ, chực đợi từ sáng đến chiều, chỉ thấy một người đàn bà có mang xin vào ngủ nhờ.

Nhà sư lấy làm lạ hỏi rằng:

- Chồng con quê quán ở đâu?

Người đàn bà kể tên họ nhà chồng và nói lại chuyện sa xuống giếng. Nhà sư cho ở nhờ ngoài cửa tam quan. Được vài tháng, có một đêm, thơm nức cả chùa, nhà sư thức dậy trông ra tam quan thì thấy sáng rực lên. Nhà sư sai bà hộ chùa ra thăm, thì người đàn bà ấy đã sinh ra một đứa con trai. Bà hộ chùa bế đứa bé vào chùa cho nhà sư xem thì thấy hai bàn tay có bốn chữ son "*Sơn hà xã tắc*". Xem rồi, bỗng nhiên trời nổi cơn mưa to gió

1. Ở sử nói là bà mẹ ngài nằm mơ thấy giao cảm với thần núi Tiêu Sơn, có mang sinh ra ngài. Ông sư chùa Cổ Pháp tên là Lý Khánh Văn nuôi ngài làm con nuôi, cho nên theo về họ Lý.

lớn. Đến lúc bà hộ chùa trở ra thì người đàn bà đã chết rồi, nhà sư sai đem chôn ở đằng sau vườn.

Từ đấy nhà sư nuôi người con trai, lên sáu tuổi đã có khí phách thông minh. Một hôm nhà sư sai mang oản lên chùa dâng cúng, thì chú nhỏ đã khoét lấy ruột ăn trước. Đến đêm, ông Long thần báo mộng cho nhà sư. Sáng mai, nhà sư gọi máng chú nhỏ ấy. Chú nhỏ hỏi:

- Ai nói với ông như thế

Nhà sư kể sự ông Long thần báo mộng, chú kia tức lắm, lên chùa đánh vào cổ ông Long thần ba cẳng tay, rồi viết vào sau lưng bốn chữ rằng: "Lưu tam thiên lý". Đến đêm ông Long thần lại báo mộng cho ông sư rằng: "Hoàng đế đã đuổi tôi rồi, thì ông nghỉ lại để tôi đi". Nhà sư thức dậy sớm, vội vàng lên chùa soát xem: thì thấy sau lưng Long thần có mấy chữ ấy, mới bắt tiêu lấy nước vào rửa, thì rửa làm sao cũng không sạch. Nhà sư bảo chú nhỏ ấy rửa thì chỉ nhỏ ít nước bọt chùi đi sạch ngay.

Khi tám, chín tuổi, nhà sư cho chú nhỏ ấy theo học ông sư ở chùa Tiêu Sơn tên là Vạn Hạnh. Một khi học không thuộc, phải ông thầy trói lại bắt nằm dưới đất một đêm, mới ngâm thơ rằng:

Canh khuya không dám dang chân ruỗi,

Vì ngại non sông, xã tắc xiêu.

Vạn Hạnh thấy có khẩu khí thiên tử, tự bấy giờ có lòng kính trọng lắm.

Ngài lớn lên, khẳng khái có chí to, nhân có công, làm quan thời vua Thiếu Đế nhà Lê. Khi vua Thiếu Đế bị giết, thì ngài nằm ôm lấy thân vua mà khóc. Vua Ngọa Triều khen là trung, nhắc lên làm Tứ tướng quân chế chỉ huy sứ, thống lĩnh hết quân túc vệ. Bấy giờ ở làng Cổ Pháp có cây gạo cổ thụ, bị sét đánh tước lìa da ngoài, trong thân cây có mấy câu sấm rằng:

*Thụ căn điều diễn,
Mộc biểu thanh thanh,
Hòa đao mộc lạc,
Thập bát tử thành...*

Nghĩa là: Gốc cây thăm thăm / Ngọn cây xanh xanh / Hòa đao cây ngã / Mười tám hạt thành. (Bài thơ theo lối chiết tự "Hòa đao mộc" là chữ Lê, "Thập bát tử" là chữ Lý, ý nói Lê đổ Lý lên).

Vạn Hạnh xem câu sấm ấy biết là điềm nhà Lê đổ mà nhà Lý sắp lên, bảo riêng với ngài rằng:

- Xem câu sấm ấy, thì chắc nhà Lý lên làm vua. Thiên hạ tuy cũng nhiều họ Lý, nhưng xem ra thì không ai bằng ngài có bụng nhân từ khoan thứ, vả lại lòng dân tin mến nhiều, thì phi ngài không ai làm nổi.

Ngài thấy nói làm vậy, sợ nói lộ chuyện ra ngoài, phải giấu Vạn Hạnh ở chùa Tiêu Sơn. Đến khi vua Ngọa Triều mất, vua kế tự còn nhỏ, ngài cầm quân túc vệ trong chốn cung cấm. Có quan chi hậu là Đào Cam Mộc mưu với các quan triều, lập ngài lên làm Thiên tử.

Ngài đã lên trị vì, thấy chỗ kinh đô Hoa Lư hẹp hòi lắm, mới thiên lên đóng đô ở Đại La thành, nhân có điềm rồng vàng hiện ra, mới đổi tên gọi là thành Thăng Long (tức thành Hà Nội bây giờ).

Ngài ở ngôi được mười tám năm thì mất.

Xét ngôi huyệt chỗ giếng trong rừng Báng ấy, những gò ở chung quanh trông hình như cái hoa sen nở ra tám cánh, cho nên nhà Lý truyền ngôi được tám đời, bây giờ thuộc về làng Đình Bảng huyện Đông Ngàn.

Vì ngài sinh ra ở chùa Ứng Tâm, cho nên chùa ấy bây giờ thành tên gọi là chùa Dận.

2. LÝ PHỤC MAN¹

Theo sử ký *Đỗ Thiện*: Vương họ Lý, tên là Phục Man. Xưa vua Lý Thái Tổ (1010-1026) đi xem xét các địa phương, đến bến Cổ Sở thấy phong cảnh núi sông rất đẹp, tâm thần nhà vua cảm xúc, mới rót rượu xuống đất, khấn rằng: "Trẫm xem chỗ này nước non đẹp khác mọi nơi, nếu có người thiêng liêng nhận thấy cốc rượu trẫm tặng!". Đêm ấy, vua mộng thấy một người cao lớn béo tốt, mặt hồ râu rồng, ăn mặc trang nghiêm đến trước vua cúi đầu chấp tay nói rằng: "Tôi người làng này, họ Lý, tên Phục Man, làm tướng giúp vua Lý Nam Đế (Lý Bôn), vì được tiếng trung liệt, vua giao cho đóng giữ hai đất Đỗ Động và Đường Lâm, các rợ ở gần đều sợ không dám phạm đến bờ cõi, nhân dân được yên vui. Khi tôi chết được đức Thượng đế khen là có công, cho giữ chức như cũ. Nay xin tâu bày một vài việc để bệ hạ nghe: trước đây đời Đường tướng vương(?)², tôi thường đem đội quỷ binh theo Khâu Hòa đánh phá bọn giặc Ninh Trường Chân ở Giáp Sơn Khẩu, đời Đường Túc Tông thì đánh phá giặc Đại Thực, Ba Tư ở Thần Thạch Khẩu, đến đời Đại Tông thì đánh tan giặc Côn Lôn, Đỗ Bà ở Chu Diên. Lại những khi Cao Biền đánh Nam Chiếu, vua Ngô tiên chủ đánh Nam Hán, vua Lê Đại Hành đánh quân Tống, mỗi lần ra quân, tôi đều dẫn đội quỷ binh giúp ngầm cho được thành công mau chóng. Tôi lại phụng mạng Thượng đế, đem quân đánh đuổi giặc Chiêm Thành ở trấn Giáp Sơn. Khi tôi đã chết được dân làng kính yêu và sợ không có người phòng giữ bọn rợ vào cướp, mới dựng đền thờ tôi, vì vậy tôi được phảng phất trong khoảng trời mây, lúc có giặc già tôi liền chống đánh. Nay gặp bệ hạ loan giá tới đây, tôi xin đến bái yết". Nói đoạn, liền ngâm mấy câu thơ:

1. Đền này ở làng An Sở, huyện Đan Phượng, trước thuộc Sơn Tây, nay thuộc Hà Tây.

2. Có sách chép: về thời vua Đường Cao Tông.

*Thiên hạ toàn mông muội,
Cô vi ẩn thanh danh
Trung thiên yết nhật nguyệt
Quang diện thị chân hình¹*

Ngâm xong biến mất. Thái Tổ giật mình tỉnh dậy, nói chuyện cho các quan nghe. Quan Ngự sử Đại phu Lương Văn Nhậm tâu rằng: "Nghe 4 câu thơ thì ý thần muốn được dựng tượng thờ đó". Thái Tổ liền sai lập đền, tạc tượng theo như hình dáng đã thấy trong mộng để thờ làm Phúc thần một phương.

Trong thời Nguyên Phong (1251-1257 đời Trần Thái Tông). quân Thái Đát (Mông Cổ) sang lấn, tiến đến địa phận làng Cổ Sở(?) ngựa đều phục xuống không tiến được nữa. Dân làng tin có thần giúp liền đem binh ra đánh, giết được quân giặc rất nhiều, giặc phải rút lui ngay. Sau đó, thần được phong là Chứng

1. Nghĩa là:

*Thiên hạ toàn mờ tối,
Hãy tạm ẩn tiếng tăm
Này giữa trời đó có mặt trời, mặt trăng treo cao
Ấy là lúc chân hình sáng tỏ*

Theo quyển *Sơn ấi tỉnh chí* A.857-TVKH tờ (43 trước) chép, thì 4 câu thơ như thế này :

*Thiên hạ từ mông muội
Trung thần ác tính danh
Trung thiên minh nhất nguyệt.
Tư khả hiện chân hình.*

Nghĩa là:

*Thiên hạ gặp lúc còn mờ tối,
Kẻ trung thần phải giấy họ tên
Nay được mặt trời, mặt trăng sáng tỏ giữa trời,
Ấy là lúc có thể hiện chân hình.*

Không biết bài nào chép đúng, song 4 câu thơ ở quyển *Sơn Tây tỉnh chí* nghe rõ hơn.

an quốc công, vua xuống chiếu ban cho cả làng ấy làm Chứng an hộ xá (nhà của thần Chứng an). Đến năm Trùng Hưng thứ 1 (1285), quân giặc lại sang, đến đâu cũng đốt phá tàn hại, duy đi qua làng này, hình như đã có người giữ gìn nên không phạm tới một vật gì. Khi giặc tan, sắc phong thần là Chứng an vương. Năm thứ 4 gia phong hai chữ Minh ứng, năm Hưng Long 21 gia phong Tá quốc.

3. TRUYỆN VỊ THẦN Ở XỨ ĐĂNG CHÂU

Thần vốn là Thổ thần ở ngôi miếu cổ đất Đăng Châu. Lý Thái Tổ khi còn làm quan quản lĩnh thân binh, có thực ấp ở Đăng Châu. Một lần vua dạo chơi tới làng này, thuyền đang đi ở giữa sông, bỗng gặp mưa to gió lớn, phải dừng lại. Vua hỏi đến ở bờ sông là đến gì, có linh ứng không? Có kẻ đáp rằng: "Đó là đền thần thổ địa đất Đăng Châu, người trong châu cầu mưa đảo tạnh đều rất là linh ứng". Vua nói lớn rằng: "Nếu như có trận mưa lớn mà nửa sông bên này vẫn tạnh thì mới thực là anh linh". Phút chốc, quả nhiên một nửa sông mưa, một nửa sông tạnh. Vua kinh dị, bèn sai tu sửa đền vũ, hương lửa cúng thờ. Người trong thôn có bài thơ rằng:

*Mỹ hỹ đại vương uy vọng trọng,
Đăng Châu thổ địa hiển thần linh,
Khước giao bạo vũ vô xâm phạm,
Ná nhất bàng đà giá nhất tình¹.*

Vua nghe thấy, có bụng tự phụ. Kịp tới khi Lê Ngọa Triều

1. Tạm dịch thơ:

Đẹp thay Đại vương uy vọng lớn
Đăng Châu thổ địa tỏ oai linh
Chẳng cho gió bão tới xâm phạm
Nửa sông mưa tấp nửa yên bình.

bằng hà, vua muốn mưu đại sự bèn tới đền mặt cáo, chờ điềm linh ứng. Đêm ấy mộng thấy có dị nhân đến báo rằng: "Có lòng muốn thì sẽ thành công, các phương đều thuận phục, vạn quốc hưởng thanh bình, ba năm dân yên cơ lạc nghiệp, bảy miếu chúa được an minh". Vua tỉnh mộng, chưa hiểu ý tứ thế nào, có người đoán mộng cho là triệu tốt. Vua bèn phong Đằng Châu là Thái bình phủ, phong thần làm Khai thiên Thành hoàng Đại vương. Năm Trùng Hưng thứ nhất đời Trần gia phong cho mỹ tự là Khai thiên Trấn quốc. Đền thần ở phía trong đê, thường bị nước lũ tràn ngập. Người ở làng ven sông thường trông thấy có xe, ngựa, dù, tán đi hầu một người có vẻ như đi hộ đê, cho nên đê tuy thấp mà nước không thể gây tai họa được. Trải qua năm tháng, nước sông dâng cao áp tới đền thờ. Năm Bính Tuất niên hiệu Thống Nguyên, dân làng định lập đền ở trên mặt đê. Khi mọi người tới nơi đã thấy chính tẩm dựng sắp xong, quan huyện và dân làng đều ngủ ở trên gò cỏ, nghe thấy có người tới mang theo những đồ để đào đất, lại nghe có tiếng gọi nhau như kiểu người trong thôn di làm. Sáng ra, thấy những cột và đá tảng đã chuyển dịch sang phía tả, cách đê 3 thước, thật là muôn phần linh ứng. Về sau đến ngày rước thần, Tri phủ Khoái Châu là Hoàng Nam Kim có đề lên miếu bài thơ rằng:

Phân thổ châu khư lịch hách hách,

Khai thiên huyền tạo ngưỡng nguy nguy.

Đường thành dục thúc chân linh tích,

Nhất dạ thần công diệu chuyển di¹.

Miếu ở xã Đằng Châu huyện Kim Động, nay gọi là miếu Vua Máy.

1. Tạm dịch thơ:

Gò đất bên sông oai hiển hách
Huyền thiên tạo dựng vút cao cao
Muốn hay linh tích trên nền cũ
Một đêm chuyển dịch lạ kỳ sao.

4. LÊ PHỤNG HIẾU

(Đô thống Khuông quốc Tá thánh vương)¹

Vương họ Lê, tên Phụng Hiếu, người làng Bằng Sơn (nay làng Dương Sơn, huyện Hoàng Hóa), phủ Thanh Hoa, (nay là tỉnh Thanh Hóa). Có người nói: Vương là cháu ông Định phiên hầu Lê Đình.

Vương người cao lớn, tướng đẹp, râu tốt có sức khỏe lạ thường.

Lúc còn trẻ ở Lương Giang có bọn cậy khỏe tranh ruộng, Vương lấy tay nhỏ tre non cả gốc lẫn rễ xông ra đánh, không ai địch nổi. Sách *Việt sử bổ di chép*: Vương lúc trẻ rất hùng dũng. Có hai làng Cổ Bi và Đàm Xá vì tranh địa giới dân quân ra đánh nhau. Vương xắn tay áo bảo người làng Cổ Bi rằng: "Chỉ một mình ta đánh nổi vạn người!" Phụ lão trong làng nghe nói rất mừng, đem cơm rượu khoản đãi. Vương ăn hết nổi "ba mươi" cơm, uống rượu cực nhiều, rồi một mình ra khiêu chiến. Quân làng Đàm Xá xông đến, Vương nhổ cây đánh vung như trận gió táp, quân làng Đàm bị thương rất nhiều, bỏ chạy tan nát. Làng ấy khiếp sợ phải chịu nhường ruộng cho làng Cổ Bi.

Bấy giờ vua Lý Thái Tổ tuyển những người có sức khỏe sung vào quân Túc vệ. Vương được tuyển dụng, siêng năng, được việc, vua rất khen ngợi và cất dần lên tới chức Vũ vệ Tướng quân, cùng hàng với các tướng: Đàm Thản, Quách Thịnh Dật và Lý Huyền Sư Vua Thái Tổ mất, Thái Tông theo di chiếu lên nối ngôi (1028), Dục Thánh, Vũ Đức, Đông Chinh ba Vương (Ba người con thứ của vua Thái Tổ) dùng mưu làm loạn, đem vệ binh ở các phủ đến vây nội thành, chia cửa tranh nhau tiến vào, sự thế rất nguy cấp. Thái Tông gọi Vương vào bảo: "Trẫm nay tiến thoái đều không được, giao quyền cho người tùy tiện chống đánh". Vương liền đem vệ binh ra cửa cung Đại nội, giáp chiến

1. Đền ở thôn Hương Sơn, xã Dương Sơn, huyện Mỹ Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Quanh vùng ấy có 10 đền thờ.

với quân ngoài một hồi chưa phân được thua. Vương nổi giận tuốt gươm tiến thẳng tới cửa Quảng Dương, hô to lên bảo Vũ Đức Vương rằng: "Các Vương định cướp ngôi báu đánh đổ Tự quân thật là trái mệnh Tiên đế, lỗi đạo làm tôi, Phụng điều này xin dâng các Vương nhất kiếm!", nói xong xông tới trước ngựa, Vũ Đức Vương trở tay không kịp bị Vương chém chết. Quân 3 phủ thua chạy tan tác, quan quân đuổi bắt không sót một người, chỉ còn Đông Chinh, Dục Thánh hai Vương trốn thoát. Vương về tâu tin thắng trận trước linh cữu Thái Tổ, rồi sang điện Càn Nguyên tâu vua Thái Tôn. Vua bảo Vương rằng: Trẫm được an toàn, giữ được cơ nghiệp của Tiên đế là nhờ sức người cả! Thường xem Đường sử, thấy Uất Trì Kính Đức giúp vua trong khi có nạn, tự nghĩ bề tôi đời sau ít người được bằng. Nay nhà ngươi trung dũng, lại thấy còn hơn Kính Đức". Vương lay tạ, nói rằng: "Bệ hạ đức cảm tới trời đất, uy lừng khắp biên thùy trong ngoài đều phục theo. Ba vương dám manh tâm làm bậy, trời đất quỷ thần không dung tha, chứ không phải sức của hạ thần dẹp nổi". Vua bèn cất làm Đô thống Thượng tướng quân, phong hầu tước.

Năm Thiên cảm Thánh vũ thứ 1(1044), Thái Tông sang đánh Chiêm Thành, Vương làm tiên phong, đại thắng quân Chiêm, tiếng lừng các nước phiên thuộc. Lúc khải hoàn thưởng công, vua sai lấy ruộng công hơn 1.000 mẫu ở dưới núi Bạng Sơn cấp cho Vương làm ruộng tư, miễn nộp thuế hằng năm. (Theo sử ký: khi thắng Chiêm về, Phụng Hiểu không muốn được thưởng chức tước, chỉ xin cho đứng ở trên núi Bạng Sơn phóng con dao đi, hễ dao rơi xuống, cắm đến chỗ nào thì xin ruộng đến chỗ ấy. Vua thuận cho, Phụng Hiểu lên núi phóng dao đi xa tới hơn 10 dặm, rơi xuống địa phận làng Đa Mỹ. Vua bèn cho ruộng từ chân núi Bạng Sơn đến đấy miễn thuế ruộng "cắm dao". Sau đó ở châu ái những ruộng thưởng người có công, đều gọi là ruộng "cắm dao" tức là theo nghĩa ở đây)

Wương hết lòng trung thành thờ vua, biết điều gì là nói luôn không giấu. Đi đánh dẹp tới đâu cũng thắng. Vương thọ 77 tuổi,

sau khi mất, thổ dân nhớ tiếc lập đền thờ làm Phúc thần, cầu đảo rất được linh ứng.

Năm Trùng Hưng 1, phong Đô thống vương, năm thứ 4 gia phong hai chữ Khuông quốc, năm Hưng Long 21 gia hai chữ Tá thánh. Đền thờ nguy nga, tới nay hương lửa không dứt.

5. LÝ HOÀNG

Vương họ Lý, tên là Hoàng, con thứ 8 vua Lý Thái Tông, mẹ là bà Trinh Minh hoàng hậu, họ Lê. Vương có tính trung hiếu, kính cần, rất quả cảm và có tài. Năm Càn phù Hữu đạo thứ 1(1039), được tuyển vào làm thuế ở châu Nghệ An, làm việc trong mấy năm có tiếng rất liêm và thẳng, vua khen và yêu, cho tên hiệu là Uy Minh thái tử và giao cho coi cả mọi việc quân, dân ở châu ấy.

Bấy giờ Thái Tông sắp sang đánh Chiêm Thành, sai Vương sửa dựng một chỗ ở gọi là trại Bà Hỏa, cần phải được hiểm kín. bốn mặt đào ngòi đắp lũy, trong trại đất rộng chứa được ba bốn vạn quân, kho tàng tiền lương phải chứa sẵn để dùng đủ trong 3 năm Khi vua dẫn quân vào quả được vừa ý. Vua tiến đánh Chiêm Thành được đại thắng, chém chết vua Chiêm là Sạ Đầu tại trận. bắt được phi tần nước Chiêm và vàng bạc châu báu rất nhiều.

Khải hoàn tới bản châu, vua khen Vương đã giúp việc công đầy đủ, chính lệnh lại càng tốt, bèn gia phong tước vương, vẫn ở cai từ các miền trong ấy. Lại sắc cho Vương được riêng giữ sổ sách về bản châu gồm 6 huyện, 4 trường, 60 giáp, số hộ: 46.450, số người: 54.364. Vương thấy các rợ ở ven núi miền Nghệ An còn phần nhiều chưa chịu xin phụ thuộc mới tâu lên, vua cho Vương được đặc quyền đi tuần các vùng biên giới. Các rợ đều phục theo: thành ra mở thêm được 5 châu, 22 trại, 56 sách (trại nhỏ). Vua xuống chiếu cho đo các mặt cương giới của bản châu, dựng bia đá khắc chữ để ghi công.

Đến thời vua Thánh Tông năm Long thủy Thái bình thứ 2 (1055), Vương dẹp yên hai bọn giặc; ông Yết và Lý Phủ. Có người nói gièm lên vua rằng: Vương có ý chuyên chính, tự tiện dùng binh đánh giặc. Thánh Tông nghe nói có ý ngờ vực, Vương biết vậy mới xin từ chức. Vương trị châu 16 năm, tiếng tốt càng ngày càng nhiều, nhân dân rất tin mến. Khi thấy Vương từ chức về kinh, dân tranh nhau ngăn xe, khóc lóc nài xin lưu lại. Được ít bữa, Vương đương ngồi trong dinh thấy một con quạ bay vào, người nhà định bắt, Vương không cho. Quạ vừa kêu vừa lượn 3 vòng rồi sa xuống chỗ Vương ngồi hóa ra một tờ giấy trắng, trong giấy có mấy hàng chữ nhưng lối viết không đọc được, chỉ thấy như hình rồng mây. Vương đem giấy cất đi. Đêm hôm ấy gió mát trăng trong, Vương đặt tiệc mời khắp các bạn thân đến dự. Tiệc rất lịch sự, đông vui, tiếng âm nhạc với tiếng nói cười rất rộn rịp. Vương đương ngồi bỗng thiu thiu ngủ, thấy một người ước chừng 60 tuổi, đội mũ đeo đai, mình mặc áo tía, tay cầm thanh long đao, đến trước mặt Vương, nói: "Tôi là sao Vũ Khúc trên trời phụng mạng đức Ngọc Hoàng đến mời Vương lên sở Tử hư đế quân, để thảo một bản ngọc điệp". Vương đáp: "Tôi người trần mắt thịt biết đâu được việc trời". Nói đoạn, xua tay cố từ, bỗng giật mình tỉnh dậy, mới đem chuyện mộng và chuyển con quạ lúc ban ngày kể cho các bạn nghe. Mọi người đều cho là điềm tốt. Một lát Vương lui vào nhà trong nằm nghỉ, không phát một bệnh gì mà mất! Nhân dân trong châu lập đền thờ, cầu đảo việc gì cũng linh ứng. Các bộ lạc thuộc châu cũng có lập miếu thờ cả. Mỗi khi vua Lý đi đánh giặc, tất cho rước kiệu Vương đi trước, ra trận thường nghe có tiếng binh mã âm âm trên không, trận đánh tất thắng. Năm Nguyên Phong thứ 2 (1252) đời Trần, vua Thái Tông vào đánh Chiêm Thành, sai cầu đảo tại đền, rồi thuyền đi như gió, trận ấy đại thắng quân Chiêm. Lúc trở về tới hành điện châu Nghệ An, Thái Tông sắc phong: Uy minh Dũng liệt Đại vương. Năm Trùng Hưng thứ 1, phong thêm hai chữ Hiển trung. năm thứ 4, thêm hai chữ Tá thánh. Đến năm Hưng Long 21, lại phong thêm hai chữ Phu hựu.

6. THẦN NÚI ĐỒNG CỔ¹

Theo truyện *Báo cực* chép: Vương là thần núi Đồng Cổ (ở Thanh Hóa, tục gọi là núi Khả Phong).

Khi xưa, Lý Thái Tông còn là thái tử phụng mạng vua cha là Thái Tổ, đem binh đi đánh Chiêm Thành (1020), đến Trường Châu đóng quân tạm nghỉ, canh ba đêm ấy, thấy một người thân cao 8 thước, mắt sáng, râu rậm, mặc chiến bào, tay cầm binh khí, đến trước cúi đầu tâu rằng: "Tôi là thần núi Đồng Cổ, nghe tin thái tử sang đánh phương Nam, tôi xin theo giúp để phá giặc lập công".

Thái tử vỗ tay khen ngợi rồi tỉnh dậy luôn. Hôm sau tiến quân đến đất Chiêm, trận ấy quả nhiên đại thắng. Khi khai hoàn về qua Trường Châu, thái tử bèn sai quân gia sửa sang lễ tạ rồi rước về kinh đô để giữ nước hộ dân. Đang chọn đất khắp ngoại thành, chưa biết nên lập đền chỗ nào, thì đến đêm, thái tử lại thấy thần báo mộng: "Xin lập đền ở bên hữu trong đại thành, sau chùa Thánh Thọ". Thái tử theo lời, cho hưng công xây dựng, không bao lâu đền dựng xong.

Đến khi Thái Tổ mất (1028), thái tử lên nối ngôi, tức là Thái Tôn. Đêm mộng thấy thần đến báo rằng: "Ba vị vương em vua mưu làm phản, định đem giáp binh đến xin nhà vua nên kíp đề phòng!". Vua thức dậy, còn chưa tin, đến sáng mới thấy việc xảy ra đúng như lời thần báo. Vua rất lấy làm lạ, xuống chiếu phong thần làm: Thiên hạ minh chủ gia tước Đại vương. Đến năm Trùng Hưng 1, sắc phong là Linh ứng Đại vương. Năm thứ 4, gia phong hai chữ Chiêu cảm. Năm Hưng Long 21, gia phong hai chữ Bảo hộ.

1. Đền chính ở núi Đồng Cổ, địa phận xã Đan Nê, huyện An Định tỉnh Thanh Hóa.

7. ÔNG TỔ NGHỀ IN LÀ AI?

Nhằm đời vua Lý Thái Tông (1434-1442) ở nước ta có ông Lương Như Hộc người làng Lục Hồng, tỉnh Hải Dương vốn ham chuộng thơ văn và cách sao lục các văn thơ đời trước. Thuở bấy giờ ở nước ta không có nghề in. Người ta thường viết vào trúc, vào tre hoặc vào giấy bản. Một áng văn thơ dù hay muốn truyền đi tất phải chép bằng tay thành nhiều bản.

Ông Lương Như Hộc nghe nói ở bên Tàu có nghề in, nhưng không biết người Tàu làm cách nào để in. Bấy giờ, ông mới tâu với vua Lê cho mình qua bên Tàu tìm học cách in. Người Tàu có tính hay giấu nghề, nên ông Lương Như Hộc không dễ gì thấu thập cái hay của họ. Ông biết một nơi kia có những thợ in làm việc, ông bèn thuê một căn nhà ở khít bên rồi đục lỗ ở tường rình xem họ làm việc từng ngày.

Thuở ấy, người ta chưa phát minh ra máy in, mọi việc ấn loát đều phải làm bằng tay. Ông Lương Như Hộc thấy người Tàu khắc chữ vào những bản gỗ rồi thoa mực lên và đem in vào giấy, muốn in nhiều hay ít gì cũng được. Khi đã rõ bí quyết này rồi, ông liền trở về nước dạy dân chúng ở làng Liễu Tràng cửa bào từng bản gỗ rồi dùng mũi dao bén khắc chữ lên gỗ đoạn đem in, thì thấy kết quả tốt đẹp.

Từ đó, việc in bằng gỗ bắt đầu xuất hiện và dần dần lan rộng trong dân gian. Người ta gọi đó là thủ ấn phẩm hay thủ ấn họa.

Ông Lương Như Hộc được xem như là ông Tổ nghề in nước ta. Năm 1440, ông mất, vua Lê phong ông cái biệt danh là "Vị đại thần truyền tụng những tác phẩm văn chương qua các thời đại".

8. SỰ TÍCH CẢNH KỶ, TIẾN SƠN

Tương truyền ở trang Thái Tiến, huyện Đông Thành, trấn Nghệ An, có người tên là Hoàng Phúc Hựu, vợ là Võ Thị sinh

sống bằng nghề dệt củi, tuổi đã cao mà chưa có con. Chẳng may Hoàng Phúc Hựu mất sớm, Võ Thị đành ở góa, một mình vẫn theo nghề canh củi kiếm ăn. Hằng ngày cứ đến trưa, Võ Thị ra tắm giặt ở con suối thuộc địa Phận bản trang. Sau ba năm bỗng nghe ở buồng dệt có tiếng kêu ù ù, đến canh ba mới dứt. Sáng ra, Võ Thị xem chỗ mình ngồi dệt, có một cái lỗ sâu hoắm, khi Võ Thị ngồi vào dệt vải thì các lỗ ấy phụt hơi lên và có tiếng kêu ù ù. Do đó, Võ Thị cảm động mà có mang. Ít lâu sau, bụng mỗi ngày một to, nhân dân bản trang bắt phạt vạ, Võ Thị đành bỏ làng xóm ra đi. Bà bơ vơ cứ đi, không nhằm phương hướng nào hết. Một hôm vào lúc chiều tối, bà đi đến nhà họ Phạm ở trang Đan Xá huyện Cổ Chiếu, thuộc trấn Thanh Hoa xin ở nhờ, được Phạm công làm phúc đồng ý cho ở. Đến giờ Ngọ, ngày 16 tháng 6, năm Bính Thìn, Võ Thị đến xứ Cồn Dầy, trở dạ đẻ ra một cái bọc có 2 quả trứng. Bà sợ hãi đem giấu vào trong bụi rậm và về báo cho Phạm công biết. Phạm công cũng cảm thấy sợ hãi, ba ngày sau mới dám ra xem. Ông ta nhặt 2 quả trứng đó về giấu kín ở xó nhà. Một tháng sau, trời bỗng nổi gió, hai cái trứng vỡ ra thành hai cái hình kỳ lạ, một cái là con rắn, một cái là con thuồng luồng. Rắn và thuồng luồng lại có tính người, anh em biết nhường nhịn nhau. Phạm công cho là điềm lạ bèn nuôi dưỡng cẩn thận. Từ đó về sau, Phạm công đi cày, rắn và thuồng luồng cũng theo ông ra đồng, đêm đến chúng lại nằm cuộn khúc ngủ ở trên bàn. Ba bốn năm sau, Phạm công đặt tên cho rắn là Cảnh Kỳ, thuồng luồng là Tiến Sơn.

Một hôm, Tiến Sơn theo Phạm công ra chơi ngoài nội, không hiểu do ý trời xui khiến hay Phạm công lỡ tay mà chém đứt đuôi Tiến Sơn. Trời đất bỗng tối sầm lại, gió mưa sấm chớp ù ù. Cảnh Kỳ và Tiến Sơn đều bay lên trời. Dấu tích để lại của hai vị thần là những hồ, đầm ở xứ này. Ngày 14 tháng 8 năm Kỷ Tị nhà Đinh, ở phía đông bắc thuộc bản trang, trong đêm mưa to gió lớn, nước suối dâng lên, có con thuồng luồng cụt đuôi tung lên vạt xuống làm thành một cái vực sâu hoắm, rộng ước một mẫu, nước trong veo. Sáng hôm sau, phụ lão ra xem thấy thế

muôn phần sợ hãi, không ai dám đến gần bên bảo nhau lập đàn ở bên cạnh vực cầu đảo. Thuồng luồng liền biến mất, sau đó giáng đồng mượn tiếng một ông từ ở bản trang phán rằng: "Ta là Long Uyên, tên gọi Tiến Sơn, hiệu Chàng Gót, thượng đế sắc mệnh cho ta làm long thần ở khu vực này". Nhân dân thấy thế bèn lập miếu thờ, từ đó mọi người đều được bình an vô sự.

Những hôm trở trời, rất nhiều tôm cá ngoi lên mặt nước châu đầu hướng về miếu thần, khi ấy ai xâm phạm đến đều bị hại, nên người ta sợ không dám đến gần và gọi đó là cấm địa của thần Gót.

Đến năm Long Phù của đời vua Thái Tông nhà Lý, có giặc Chiêm Thành kéo đến xâm lược. Thế giặc rất mạnh, chúng đi đến đâu tàn phá giết chóc đến đấy. Nhà vua lo sợ bèn ngự giá thân chinh dẹp giặc. Khi quân nhà vua đi qua linh miếu, họ xuống bắt cá ở vực bị thần quả phạt nên quân lính có nhiều kẻ bỏ mạng. Nhà vua thấy thần linh ứng, đến mặt đảo và khẩn rằng: "Thần có khôn thiêng thì giúp vua trừ giặc chứ không nên cản trở việc hành quân của ta". Sau đó vua tâu tiến binh đến chỗ giặc đóng, đánh một trận dữ dội, quân giặc tan vỡ ngay lập tức.

Chiến thắng khải hoàn, nhà vua tặng cho 6 tấm lụa vàng, 10 lạng bạc, cấp cho 11 người làm nhiệm vụ quét dọn miếu thần. Sắc phong là *Đương cảnh Thành hoàng Trưng tinh hoàng trạch Hồng ân linh tế Long Uyên, húy Gót, tự Tiến Sơn thượng đẳng tối linh thần Đại vương*. Trải các đời đế vương về sau, thiên tai hạn hán, cầu mưa đều linh ứng.

9. ÔNG THẦN XÃ ĐÌNH LẬP

Thời Bắc thuộc, nước Nam sống khổ sở dưới ách cai trị của người phương Bắc. Nhiều lần dân chúng nổi lên chống ngoại xâm. Người phương Bắc ra sức đàn áp dã man dân chúng nước Nam. Vào khoảng thế thứ 10, một viên quan Châu nọ khởi nghĩa thất bại, vợ và con chạy thất lạc.

Đứa con lớn lên học võ nghệ tinh thông để báo thù cho cha. Đang đi trên núi, thỉnh linh nó gặp con Long mã. Long mã hiến cho nó một cái vòng cần khôn, đeo vào cổ thì ra trận bá chiến bá thắng. Quân phương Bắc đại bại liên tiếp mấy trận, tập trung binh mã để đối phó. Rủi thay, đứa con nọ bị bao vây, chạy dài. Quân phương Bắc đuổi theo kịp, chém đứt đầu, cái vòng cần khôn văng ra ngoài.

Một tên quân lượm cái vòng cần khôn, chạy đem về nhà của bà mẹ để làm bằng chứng báo tin buồn.

Trong khi đứa con đứt đầu té xuống, thần Long mã hiện ra lượm cái đầu đặt lại vào cổ của đồ đệ mình mà nói:

- Con chưa chết đâu. Con hãy mau mau chạy về nhà. Dọc đường gặp ba người đầu tiên thì con hỏi: "Tôi sống hay chết". Nếu họ nhìn sắc diện của con rồi nói rằng con còn sống thì tánh mạng của con chưa đến nỗi nào.

Đứa con vâng lời. Trước tiên, gặp một ông lão. Hỏi thì ông trả lời: đừng hỏi vậy. Anh còn sống nhân chỗ chết hỏi nào.

Gặp một người thứ nhì, người ấy đáp:

- Nhứt định anh còn sống. Nếu chết thì làm sao mở miệng nói chuyện được.

Đứa con nọ mừng quýnh, chạy về nhà, gặp mẹ. Hỏi thì bà mẹ khóc lóc mà nói:

- Con chết thiệt rồi. Con đừng hiện hồn về nhất mẹ. Nếu con còn sống thì cái vòng cần khôn còn đeo trong cổ. Đằng này, nó đầm máu, có người lượm được đem về cho mẹ đây.

Đứt lời đứa con thất sắc, tay chân bủn rủn, té xuống chết.

Dân chúng trong nước thương tiếc vị nhân tài trẻ tuổi ấy. Sau này vua phong sắc thần.

Còn bà mẹ nọ thì thiên hạ nguyên rửa, cho rằng vì bà ta đại dột mà đứa con phải chết. Làng Đình Lập (tỉnh Móng Cái) hằng năm cúng tế vị anh hùng này.

Có người nói rằng tích trên đây là tích ông Nùng Trí Cao đánh nhà Tống, về sau ông phải bại trận mà chết oan uổng.

10. THÁNH VÕNG THỊ

Nhiều làng quanh Hồ Tây có thần thành hoàng riêng của mình, như làng *Võng Thị* thờ một vị thần có tài chài lưới và cũng có phép thuật biến hóa như thánh Trần Vũ.

Tục truyền, có một lần, có vị vua không rõ đời nào, có người bảo là đời Lý, ngự thuyền chơi Hồ Tây, xem quăng lưới bắt cá. Trời đương yên lặng, bỗng gió nổi và mây mù phủ kín. Lúc đó, thuyền vua đã ra đến giữa hồ, thì một người con gái đẹp hiện lên. Vua mê mẩn tâm thần, định cho đón người đó về cung, thì vị đạo sĩ giỏi chài lưới nói trên đang ngồi cạnh vua, tâu rằng: "Xin nhà vua chớ lầm, đó là con yêu tinh dưới hồ, đã từng làm hại nhiều người". Vua không tin là thật. Nhưng vị đạo sĩ kia, lo cho số phận của vua, bèn dùng phép quăng lưới tơ xuống hồ, vây lấy người con gái, rồi biến lưới tơ thành lưới sắt và con yêu tinh hiện nguyên hình là con rắn khổng lồ. Đuôi rắn rất dài, có thể quấn thành chín vòng trên cổ người nào mà nó định làm hại. Vua thoát nạn, từ đó nhân dân cũng thoát nạn và lập đền thờ gọi là đền *thánh Võng Thị* bắt yêu tinh.

11. ĐỀN MỤC THẬN

Câu chuyện thánh Võng Thị có thể lúc đầu chỉ là chuyện quăng lưới bắt yêu nữ cứu vua, nhưng về sau lại gắn với chuyện Mục Thận quăng lưới bắt thái sư Lê Văn Thịnh. Chuyện này có chép trong các sách *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chí quái* và thần tích làng Vọng Bốc (tức Vọng Thị) xưa¹. Theo thần tích này,

1. Về tên làng Vọng Thị (trông ra chợ): theo các cụ ở địa phương tên cũ là là Võng Thị (chợ lưới) sau mới đổi ra Vọng Thị; Sau nữa lại đổi ra Vọng Bốc, một lần với Quảng Bốc (tức Quảng Bá).

ngay từ thời Lê Đại Hành ở Hồ Khẩu, có gia đình *Mục Ôn* làm nghề dệt lưới và vợ ông sinh ra *Mục Thận* khoảng niên hiệu Long thủy Thái bình (1054-1058) đời Lý Thánh Tông, Thận có tên tự là Hòa. Thận lớn lên đi học, theo Phật giáo tu ở chùa Thầy, tinh thông võ nghệ, có tài phương thuật như gọi gió làm mưa. *Mục Thận* lấy vợ họ Lê, đẻ sinh đôi trai, đặt tên là *Đại Lễ* và *Tiểu Lễ* sau đổi là *Công Lễ* (Lễ Lớn) và *Cá Lễ* (Lễ Bé, tức em). *Mục Thận* lúc đầu được làm chức Đô úy, thường đi phò tá nhà vua, tương truyền có lần dùng phép thuật bắt được Lê Văn Thịnh định làm hại vua, nên được thăng Phụ quốc Tướng quân, và lúc mất rồi, được tặng phong chức Thái úy, tương đương như Binh bộ Thượng thư sau này. Khi ông mất, được dân địa phương tạc tượng thờ ở đền Vọng Bó, tức là nơi có vị đạo sĩ dân gian, trên kia. Hai con trai ông là *Cống Lễ*, *Cá Lễ* về sau cũng làm quan tại triều, có sắc phong là *Mục Nhất lang* *Cống Lễ*. *Mục Á lang* *Cá Lễ*. Đời sau, có người không hiểu nghĩa gốc của việc đặt tên đó, bèn bịa đặt ra chuyện bà đi qua cái "Cống" và khi có mang ông *Cá*, là lúc thuyền bà có con "cá" nhảy lên. Làng Vọng Bó (Vọng Thi) thờ anh, làng Hồ Khẩu thờ em.

Năm 1252, đời Trần Thái Tông, nhân mùa thu đi chơi hồ Dâm Đàm (Hồ Tây) thăm đến *Mục Thận*, nhà vua sai Lê Văn Hưu làm bài thơ thủ vĩ ngâm để lưu niệm như sau:

*Mục thị tì bà tử đại vương,
Xuân thu hưởng tự địa thiên trường.
Tổ công tông đức thiên niên hòa,
Tử hiếu tôn hiền vạn thế hương.
Lương sản song thân do tiền kiến,
Nhất bào nhị thánh kỷ thừa dương.
Lịch triều tự điển vinh phong tặng,
Mục thị đệ huynh tử đại vương¹*

1. Trích: Thần tích phường Trích Sài, Hoàn Long (nay ở khu Ba Đình, Hà Nội).

Nghĩa:

Họ Mục một nhà bốn người¹ được phong Đại vương như cây đàn tỳ bà bốn dây,

Đời đời được nhân dân hàng năm xuân thu hai kỳ tế lễ.

Công đức tổ tiên nghìn thu đèn lửa,

Cháu con hiếu thuận vạn thuở hương thơm.

Hai lần dễ được hai vị thần quả là ít thấy,

Một bọc mà thành hai vị thánh đều xứng đáng cả.

Chức tước tặng phong đã được ghi công vào lịch sử,

Anh em họ Mục đều được phong Đại vương.

Về sau, vua Tự Đức khi ra ngoài Bắc, đi chơi Hồ Tây, qua đền Võng Thị, có làm bài châm. ngỏ ý ca ngợi, trong đó hai câu kết có nhắc đến việc Mục Thận bắt Lê Văn Thịnh:

Võng lý vô ngư hoàn hữu hổ

Tây Hồ hà hoạn thiếu ngư long.

Nghĩa:

Trong lưới không có cá, mà lại có hổ.

Hồ Tây sao lo thiếu cá rồng.

Đó là chỉ vào việc Lý Nhân Tông, nhân đi chơi thuyền hồ Dâm Đàm, bị Lê Văn Thịnh hóa hổ ám hại, theo truyền thuyết lâu nay. Còn Mục Thận theo tục truyền trong dân gian thì tuy có công cứu vua, nhưng vẫn không chịu làm quan, sau không rõ bỏ đi đâu. Các chức tước trên kia do vua tặng phong. Về sau, dân làng tìm được cái gậy và cái nón của ông để lại ở vùng ven Hồ Tây, mới biết là ông đã hóa thánh². Tuy nhiên, ông đã để lại

1. Bốn người: Mục ôn, Mục Thận, Cống Lễ, Cá Lễ. Ngày xưa, con làm nên được tặng phong tam đại (ba đời).

2. Các cụ Bùi Văn Kỳ và Khán Tư ở Trích Sài lại nói Mục Thận là Vũ Lạng, thật ra *Vũ Lượng* (chữ không phải Lạng) là một chữ phong thêm trong đạo sắc năm Hưng Long thứ 21 (1313, đời Trần Anh Tông), do đó người ta mượn để gọi tránh tên húy của Mục Thận (Vũ Lượng có nghĩa là có sức mạnh).

cho dân làng ven Hồ Tây cả một kho tàng về kinh nghiệm bơi lội, vượt sông, quăng lưới bắt cá, mà dân làng coi như vị tổ sư.

12. ĐẠI YÊN VÀ CHUYỆN TRẦN NGỌC HOA

Cũng như Vinh Phúc, Đại Yên là một trong 13 trại được thành lập do dòng sĩ họ Hoàng làng Lệ Mật.

Đại Yên có nghề trồng cây thuốc nam tương truyền có ít nhất từ đời nhà Lý. Nhiều phụ lão cho rằng có chịu ảnh hưởng của Lệ Mật vốn có nghề bắt rắn và cũng biết nhiều cây thuốc nam vừa để chống lại nọc độc của rắn. Vả lại, Đại Yên ở ven "hồ mù sương", không khí ẩm ướt luôn, nên nếu bị rắn độc cắn, vừa để trị bệnh nói chung, trồng cây thuốc tại đây được thuận lợi hơn. Còn ở Lệ Mật, nhân dân chỉ đi tìm lá cây thuốc chữa rắn cắn chứ không trồng.

Đình Đại Yên thờ Thành hoàng là *Trần Ngọc Hoa* một cô gái 9 tuổi tương truyền đã theo Lý Thường Kiệt vào dẹp giặc Chế Ma Na ở Chiêm Thành năm 1103. Cô bé đã giả trang đóng vai bán trầu cau và thuốc lào, liên lạc làm mê hoặc bọn quân địch rồi phát ám hiệu để quân ta tập kích thành công... Đình còn có tượng và một số câu đối ca ngợi công trạng đánh giặc giúp nước trong đó có câu:

Nhất trận hoàn quân, điện Yên vũ trụ;

Cửu linh phá tặc, phù Lý giang sơn.

(Một trận thắng hồi quân, giữ vững bờ cõi Đại Yên

Chín tuổi thơ đẹp giặc, phò trợ non sông nhà Lý).

Tuế ký Long phù, hách tán Ma Na tặc;

Sắc tuyên Phượng các, vinh diệu Đại bi khu.

(Tuổi chép thuở Long phù, dẹp tan giặc Ma Ná

Sắc truyền từ gác phượng, rạng rỡ khu Đại Bi).

Long phù chỉ niên hiệu Long phù Nguyên hóa (1101-1109) thời Lý Nhân Tông. Chế Ma Na cũng đọc là Chế Ma Nà. Khu Đại Bi là tên cũ của trại Đại Yên.

13. SỰ TÍCH Ỡ LAN PHU NHÂN **(Lý triều đệ tam Hoàng đế - Hoàng thái hậu)**

Vườn hoa, vườn dâu ở phía trước làng, bên vườn có giếng thả cá. Hương Cổ Lỗi đổi thành hương Siêu Loại, tức trang Dương Nguyễn ngày nay, rồi sau đổi làm xã Thuận Quang.

Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), đổi làm xã Thuận Quang. Vườn hoa, vườn dâu ở trước làng, bên cạnh có giếng nước, dựng bia "Hạ mã" (xuống ngựa).

Hoàng thái hậu quê ở hương Siêu Loại, huyện Gia Lâm, nay là làng Siêu Loại đổi làm Thuận Quang. Cha là Lê Thiết. Mẹ là Vũ Thị Tĩnh. Gia đình theo nghiệp nông tang. Bà mẹ nằm mơ thấy điềm lạ, nuốt khí Thái âm (Mặt trăng), rồi sinh được một gái, tức Hoàng thái hậu sau này Hoàng thái hậu tên là Yến, lại có tên là Cám, tên hiệu là Khiết nương (nàng Khiết). Bà có dung mạo đoan chính lại gồm đủ tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh). Năm 12 tuổi, bà mẹ họ Vũ của bà mắc bệnh, người cha họ Lê thì bận đi phục dịch việc quan chưa về. Nàng Khiết ngày ngày cơm cháo thuốc thang cho mẹ, hết sức lo tròn đạo hiếu. Hai mẹ con cũng e cha còn có vợ kế, nên mẹ dặn nàng Khiết phải khéo làm vui lòng bà đi. Đến khi mẹ đã mất được ba ngày. Bấy giờ nàng Khiết còn đang ôm mẹ mà khóc. Sau khi tang ma chôn cất xong xuôi; đợi đến kỳ mãn tang thì cha nàng lấy vợ kế để lo việc nội trợ, bà mẹ kế có tên Chắt, họ Chu. Sau bà sinh được một gái, đặt tên là nàng Tấm. Bà mẹ kế dạy con gái chăm lo việc nông tang để giúp gia đình đủ ăn mặc. Nàng Khiết ở với em gái hòa thuận, chưa bao giờ để xảy ra điều gì sơ suất. Mọi người thường ra đánh cá ở sông Thiên Đức Một hôm nàng Khiết rủ em gái cùng đi chơi bắt cá. Cô em gái không bắt được một con

nào, còn nàng Khiết thì bắt được rất nhiều. Về đến làng, hai chị em cùng xuống ao tắm rửa. Cô em bảo chị rằng, đầu chị có bùn kìa. Cô chị liền ngụp đầu xuống ao để gội. Thế là cô em bèn lấy hết cá, rồi chạy vội về nhà. Cô khoe với mẹ rằng: Con bắt được cá đây, còn chị thì chẳng bắt được con nào đâu. Cô chị tắm gội xong chẳng dám về nhà, chỉ ngồi khóc. Được một lát, bỗng thấy vị sư già tên là Thái Điền ở chùa Linh Nhân đi vào thôn Trung Hương. Ông sư nói: Vì sao cô khóc? Nàng nói lại sự tình. Ông sư bảo cô hãy nhìn lại xem trong giỏ còn vật gì không. Nàng thưa chỉ còn một con cá bống. Ông sư bảo nàng mang cá về thả xuống giếng, tức ở xứ Đường Tang (Ao dâu, Bờ dâu), sau này sẽ có điều tốt lành. Nàng nuôi cá được ba năm, nó đã lớn như cái chĩnh. Người dì ghẻ biết sự việc, đợi đến hôm sau liền sai nàng đi làm việc ở nơi khác. Lúc đó người dì ghẻ bèn bắt cá bống mà nấu ăn. Khi nàng trở về thấy mất cá, liền khóc âm lên. Được một lát lại thấy vị sư già tới hỏi vì sao mà khóc. Nàng kể lại sự việc. Ông sư bảo nàng rằng: hãy lấy xương cá bỏ vào cái chĩnh nhỏ, đậy kín, rồi đem chôn xuống dưới chân giường, được một trăm ngày lấy ra, nếu thấy trong đó có vật gì thì cứ cầm lấy. Nàng làm theo lời ông sư Đến thời hạn, lấy chĩnh ra xem thì thấy bên trong có một đôi hài cực kỳ quý giá như vật trên trời. Nàng vui sướng trong lòng, đem đôi hài ra trước sân phơi nắng cho khô. Chẳng ngờ một con chim thần bay đi, cắp luôn một chiếc bay đi mất. Nàng không dám nói việc đó với ai trong nhà. Chim bay tới kinh đô thì bỏ chiếc hài xuống trước sân điện. Nhà vua trông thấy, liền phán rằng: Đây là điềm có thái tử nối ngôi hoàng đế, nếu người trong thiên hạ cùng kinh thành có ai đi vừa chiếc hài này, thì đó tất là lúc sinh được hoàng tử.

Hoàng đế thứ ba triều Lý là vua Thánh Tông, thường đi chơi xa vào dịp xuân thu. Những nơi danh lam mà trai gái thiên hạ ưa thích không đâu mà nhà vua không muốn biết. Nghe nói hương Cổ Lỗi có chùa Linh Nhân vốn là nơi linh ứng; nhà vua vì muốn có hoàng tử, bèn cùng văn võ bá quan, hạ chiếu cho ba ty Thừa hiến ở kinh đô cùng các phủ, huyện, tổng, xã sắm sửa đầy

đủ lễ vật để đón vua đến chùa. Tại chùa Linh Nhân đã lập đàn tràng, đón các tăng ni đạo sĩ tới tụng niệm suốt 5 ngày đêm.

Khi nhà vua ngự về chùa, trẻ già trai gái khắp cả làng đều ăn mặc tề chỉnh, nô nức kéo nhau đi xem đám rước vua. Riêng có nàng Khiết vẫn cứ thản nhiên hái dâu ở trong ruộng. Một ông lão bán dầu thấy mây lành trên đầu nàng, biết là giàu sang sẽ đến với nàng, bèn bảo nàng rằng: Sao cô không đi xem vua mà cứ hái dâu thế? Nàng đáp rằng: Thân phận con gái nhà nghèo sao xứng mà đi tìm vua.

Vua Lý Thánh Tông bây giờ ngồi trên cỗ xe kiệu vàng, trông thấy một thôn nữ đang hái dâu. Nhà vua bèn sai quần thần triệu cô đến gặp. Nhà vua hỏi nàng rằng thiên hạ đều nô nức tìm xem vua, sao nàng vẫn cứ hái dâu ở đó? Nàng lay vua mà tâu rằng: Di tôi sai tôi đi hái dâu, chứ có sai tôi đi tìm xem vua đâu. Vì thế tôi phải làm theo lời di. Nhà vua nghe đáp lấy làm lạ, bảo với các quan rằng: "Đây quả là người có đức, có lẽ là người có một không hai trong thiên hạ". Ngay lúc đó, nhà vua đem chiếc hài cho nàng đi thử, thì thấy rất vừa vặn. Trong bụng nàng thừa biết đó chính là vật của mình nhưng không dám nói ra. Tức thì nhà vua bảo nàng ngồi vào sau xe rồi đưa nàng về kinh đô. Nhà vua cho nàng vào ở trong cung ý Lan để dạy bảo. Lại sai các quan chọn ngày lành tháng tốt để đưa nàng vào nội điện. Từ đó nhà vua rất vui mừng, phong nàng làm ý Lan phu nhân. Sau lại phong tặng nàng làm Thần cung phi. Hàng tháng cứ đến ngày mồng một, ngày rằm, sai viên quan trong nội điện tên là Nguyễn Bông sắm sửa lễ vật tới cầu cúng ở chùa Linh Nhân, cầu nguyện cho nhà vua trị vì lâu dài muôn năm. Vị sư già Thái Diên thấy Nguyễn Bông thành tâm, chuyển động cả đạo trời, lại có tướng lạ. Thái Diên bèn gọi Nguyễn Bông vào tăng phòng mà nói rằng: Có muốn làm chàng hoàng tử giàu sang không? Nguyễn Bông đáp: Người đời ai chẳng muốn làm hoàng đế. Sư Thái Diên nói: Kiếp trước bố thí, kiếp sau giàu sang. Nguyễn Bông hỏi nhà sư làm thế nào mà được như vậy. Nhà sư bảo Bông rằng: Hãy ẩn trong buồng tắm mà dòm trộm

thân thể hoàng hậu thì sẽ được như vậy. Nguyễn Bông bèn làm theo lời sư Thái Diên. Thần phi đang tắm, chợt thấy Nguyễn Bông, phi tức khắc tâu với vua rằng: Nguyễn Bông làm bậy tôi mà không trung thành, dám dòm trộm thân thể lúc phi đang tắm. Vua cả giận, truyền đem chém. Nguyễn Bông liền tâu rằng: Đó là do sư Thái Diên xúi giục, xin cho được gặp Thái Diên để nói một lời rồi sẽ chết. Lúc gặp Thái Diên ở chùa, Nguyễn Bông kêu to lên rằng: Tôi nghe lời pháp sư nên mắc tội này đây. Thái Diên bảo rằng: Cái thân phạm tục có hóa đi thì cái thân thần thánh mới thành. Rồi sai đem chém Nguyễn Bông ở bên cạnh tầng phòng. Đêm đó hoàng đế Thánh Tông mộng thấy tiên ông bế một đứa con trai trao cho nhà vua. Khi thức dậy nhà vua bàn rằng: Hẳn là có điều tốt lành đây. Ta sẽ có hoàng thái tử nối ngôi. Nhà vua thăm hiểu đó chính là hậu thân của Nguyễn Bông. Cùng hôm ấy thần phi họ Lê thấy trong lòng xốn xang, thụ thai đúng 14 tháng, rồi sinh ra hoàng thái tử. Bấy giờ hoàng hậu họ Dương không có con, bèn ngấm bàn với cung tần trong nội điện, bắt trộm hoàng thái tử về làm con mình. Chuyện đó trong ngoài đều biết, nhưng chẳng ai dám nói. Cho đến khi thái tử khôn lớn nối ngôi vua, thì chỉ biết bà họ Dương là mẹ mình, mà chẳng biết mình là do bà họ Lê sinh ra. Chẳng những thế bà họ Lê còn bị vu là đẻ ra cầm thú, dễ bị mắc tội oan. Mãi sau này vua kế vị mới biết bà họ Lê chính là mẹ mình. Vua bấy giờ mới ôm mẹ mà khóc, rồi phong mẹ làm Á quốc phu nhân, một lòng tôn kính thờ mẹ. Thế rồi vua cùng mẹ lại oán giận bà họ Dương đã lập mưu gian, bèn hạ lệnh giết chết 72 cung nữ đã can dự vào vụ âm mưu này, sau đó đem chôn họ ở lăng vua Thánh Tông. Còn bà họ Dương thì do biết trước đã bỏ trốn nên không tìm được.

Về sau, bà mẹ họ Lê cho lập 72 ngôi chùa, hằng năm cứ đến ngày 25 tháng 7 thì làm lễ giải oan cho 72 người cung nữ. Rồi bà lại cho xây tháp Báo Thiên cao hơn trăm trượng để trấn giữ quốc gia.

Ngày 25 tháng 7 Lê thái hậu mất. (Niên hiệu Hội Tường Đại

Khánh 8 thời Lý Nhân Tông, năm Đinh Dậu). Bấy giờ triều Lý cho dựng Thần phi điện ở bên chùa Linh Nhân Tư Phúc để thờ phụng. Nhân dân bốn mùa đèn nhang lễ bái. Qua tám năm sau, xét phong bách thần, thấy đây là nơi linh ứng, nhà vua bèn phong làm Thượng đẳng Tối linh thần, hằng năm cử hành quốc tế (Lễ tế trọng đại do Nhà nước chủ trì).

14. BÀ CHÚA DỆT: THỤ LA CÔNG CHÚA

Dưới triều Lý Huệ Tông (đầu thế kỷ XIII) kinh thành Thăng Long đã rất sầm uất đô hội. Các phố phường mở ra, nghề nghiệp thủ công cũng phát triển mạnh, nức tiếng trong cả nước. Nhiều người ở các châu quận xa đều về Thăng Long, học nghề hoặc mở phố xá buôn bán. Ông Nguyễn Diệu là một trong những người ấy. Ông vốn là người Ái châu (Thanh Hóa) lấy vợ họ Mai. Hai vợ chồng đưa nhau ra Thăng Long mở một xưởng dệt vải. Trên quê hương mới này. Ông bà sinh được một cô gái đặt tên là Nguyễn Thị La. Đặt tên con như thế. Ông Diệu nghĩ đến tên cổ của kinh đô Thăng Long là thành Đại La một phần, phần khác "la" còn có nghĩa là: lụa là, rất hợp với nghề nghiệp của ông. Nàng La lớn lên, có tài sắc lại cũng được theo bút nghiên đọc được sách vở thông hiểu chữ nghĩa. Điều đặc biệt hơn cả, là noi theo nghề cha mẹ, nàng La rất khéo tay. Vải nàng dệt vừa bền vừa đẹp. Nàng lại biết sắp xếp những thao tác rất gọn gàng hợp lý, thành ra mau công được việc, ai cũng phải phục tài.

Trong số những người đến làm công, học việc với ông Diệu, có một chàng thanh niên tên là Trần Thường vốn quê ở Hồng Châu (Hưng Yên). Cha mẹ mất sớm, anh Thường có được học hành nhưng không thể đeo đuổi sách đèn, phải ra làm thợ. Anh cũng là một tay thợ dệt lành nghề. Anh thường thi tài với nàng La. Làm việc gần nhau, quen hơi bén tiếng, hai người yêu nhau và ông bà Diệu cũng vui lòng nhận Trần Thường làm con rể.

Có cơ sở vững vàng, chu đáo rồi, Trần Thường nghe lời

khuyên của vợ, quay ra ôn tập sách vở để đi thi. Anh thi đỗ được bổ làm quan, coi sóc về việc hộ. Anh xin với nhà vua cho lập một phường thủ công ở ven Hồ Tây, lúc ấy gọi là hồ Dâm Đàm. Nàng La làm nhà ở kế đó, và nhận việc dạy nghề dệt cho dân chúng. Cách truyền nghề của nàng cũng rất công hiệu, người học việc rất hoan nghênh. Tiếng đồn lan rộng, nhà vua nhiều lần mời nàng vào cung, dạy cho công chúa và các cung nữ. Các tiểu thư nhà quan cũng đua nhau mời nàng.

Trong lúc đó thì Trần Thượng được thăng chức vào làm Đốc lĩnh ở hai châu Hoan, Ái. Nghe tin người cháu khác họ của mình là Đoàn Thượng muốn nổi lên chống Trần Thủ Độ, ông kéo quân về để giúp sức Thuyền đi gặp bão bị đắm, ông bị sóng cuốn đi mất tích. Nàng La nghe tin, uống rượu thuốc độc mà chết theo chồng. Vua rất thương xót cho dựng miếu thờ và truy tặng là Thụ La công chúa. Thần tích chép chuyện nàng ghi ở phường Nhược Công, nay là Hoàn Long, Hà Nội. Dân chúng ở đây, bao đời nay vẫn gọi là bà chúa dệt.

15. NHẢ LANG VÀ ĐÌNH CHU CHÀNG (CHU QUYẾN)

Ngày xưa, vào đời nhà Lý, ở Chu Chàng (Chu Quyến) xã Chu Minh, huyện Quảng Oai, Sơn Tây cũ, có một người đàn bà vì xấu xí lại nghèo khổ nên không ai lấy cả.

Cũng vào thời gian đó, nhà vua đang hiếm con và đang tìm cách cầu cho có con. Một đêm, vua nằm mơ thấy một tấm lụa đỏ choàng vào người vua.

Sáng hôm sau, nhà vua triệu tập quần thần văn võ bá quan để xét đoán giấc mộng.

Một viên quan đã tâu rằng:

- Muôn tâu bệ hạ, tấm lụa đỏ tức là bắt nguồn từ chữ "chu" nghĩa là "đỏ", "quyến" là "lụa". Như thế là nhà vua sẽ có con với người ở vùng Chu Quyến.

Vua bèn đi về tìm xem ở vùng này có hiện tượng gì lạ: ứng với mộng cầu con của mình hay không.

Không ngờ, vua gặp người đàn bà xấu xí này và liền lấy làm vợ trước sự ngạc nhiên của văn võ bá quan và dân làng.

Quả nhiên, được ít lâu, bà ta đã sinh được một hoàng tử và được nhà vua đặt tên là Nhã Lang.

Nhã Lang lớn lên, rất có tài về võ nghệ. Hoàng tử được nhà vua rất yêu mến. Khi quân giặc phong kiến phương Bắc kéo sang xâm lược nước ta, Nhã Lang được nhà vua cử làm tướng, cầm quân đi đánh giặc ngoại xâm.

Với sức mạnh và tài võ nghệ, Nhã Lang đã xông pha trận tiền, đi đến đâu quân giặc bị thua đến đó.

Chẳng bao lâu Nhã Lang đã đánh tan quân giặc giữ yên bờ cõi. Nhưng khi trở về triều đình thì Nhã Lang bị bà hoàng hậu ghét bỏ, vì sợ anh chiếm mất ngôi báu.

Chán cảnh triều đình thối nát, Nhã Lang xin'cha cho về quê mẹ tức là làng Chu Quyển, hay còn gọi là Chu Chàng.

Nhã Lang về quê mẹ, ở cùng với nhân dân mười tám xã lân cận để làm việc nhà nông.

Một hôm có người nông dân thấy ông đứng trong cái lãng xây ở vùng Chu Chàng. Đến sáng thì người nông dân không còn thấy Nhã Lang và cả cái lãng đâu nữa. Họ cho rằng Nhã Lang đã "hoá" thân thánh. Cũng có người cho rằng, Nhã Lang là một vị thần được Ngọc Hoàng phái xuống trần đánh giặc cứu dân, nay xong việc đã bay về trời...

Để tưởng nhớ vị thần có công đánh giặc, nhân dân dựng một cái đình có cột rất to. Người ta gọi đó là đình Dội, hay đình Chu Chàng và có câu: "Con một như cột đình Chàng".

16. QUÁN ĐÁ, CHÓ VÀNG

Vào thời Lý, có một vị vua ít quan tâm đến việc triều chính,

thường hay tuần du, thăm thú cảnh vật các nơi. Việc nước bề trên. Biên cương bờ cõi. Giặc Tống, giặc Chiêm mấy lần nhòm ngó đến nước ta, vua cũng xem thường.

Hôm ấy, nhà vua và đoàn tùy tùng đi qua tỉnh Đông. Đến địa phận xã Ái Quốc, Nam Sách, vua cho dừng xe giá ngay bên một quán đá ven đường. Suốt một đoạn dài, rợp trời tàn vàng lộng tía. Dân chúng chỉ sợ có điều gì sơ xuất để vua quở trách nên không dám đến gần. Duy chỉ có bà chủ quán già nua, tóc bạc, áo nâu, chân đất thì ra chào vua.

Vua bước vào trong quán và thấy nhiều điều khác lạ. Quán dựng toàn bằng đá, nền quán cũng lát đá. Trên chõng có đủ chén ngọc, đĩa ngà, bình lưu ly, nổi cắm thạch...

Vua bật lên lời khen:

- Chà, có kém gì chốn đế kinh!...

Đặc biệt bà chủ quán còn có hai con chó vàng, thoạt trông tưởng chó nhồi bông, mà lại là chó thật. Hai con đã đẹp, lại vờn nhau, vật chơi, cứ như múa để mừng đón khách quý. Nhà vua ngẩn ra xem, rồi lại khen:

- Chà, vật quý thế này, chốn đế kinh không có được!

Trong khi đó, đoàn tùy tùng đã bắt lý dịch bản địa ngả trâu, mổ lợn, chuẩn bị cơm nước linh đình. Khi quan cận thần đến mời vua về ngự, vua lại lắc đầu. Vua bảo:

- Sơn hào hải vị, trẫm đã thưởng dùng. Đi kinh lý các nơi, của ngon vật lạ, trẫm cũng đã nếm trải. Nay dừng chân ở quán đá bà lão, xem hai con chó vàng nhảy múa, trẫm muốn ăn một bữa cơm dân dã do bà lão nấu. Quán xá khác thường: đồ vật mới lạ, hẳn bà lão phải là người giỏi giang. Mời bà chủ quán lại đây.

Bà chủ quán già bước lại gần. Sau khi nghe ý vua, bà thông thả đáp:

- Tàu bề hạ, ý vua là ý trời, người dân đâu dám trái. Song quán của lão chật hẹp, đồ ăn thức uống nghèo nàn, xưa nay chỉ

quen rau mắm, lão không biết làm các món ăn cao lương mỹ vị, e rằng mắc tội phạm thượng!

- Không sao! Ta tin ở tài nghệ của bà, bà dâng gì ta cũng dùng. Dẫu có gì không hợp khẩu vị, ta miễn xá cho...

Bà lão vái lạy vua, xin được phụng mệnh.

Chỉ một loáng sau, mâm đã được bưng ra. Mâm cơm được phủ một chiếc lồng bàn kỳ lạ hư hư, ảo ảo, trông rõ cả bát ngọc, đĩa, thấy thế, vua đã thém. Người phán:

- Ngon tuyệt vời thế này, nơi cung cấm làm sao có được...

Bà lão lại ôn tồn:

- Muôn tâu bệ hạ, lão chỉ biết làm cơm rau dưa thường nhật, mong được hạ cố, nếu có sơ xuất gì xin bệ hạ lượng thứ...

Vua nhắc lại ý mình:

- Đã bảo rồi, nếu có gì không hợp khẩu vị ta cũng không trách cứ nhà ngươi...

Bà lão vái lạy lui ra.

Nhà vua tự tay mở lồng bàn... Vua bỗng tròn xoe mắt. Cái lồng bàn mà vua chạm vào, bây giờ hiện rõ mảnh khăn vuông dầm bùn đã bạc màu, vá chằng vá đụp, thứ khăn đội đầu hầu hết phụ nữ đang dùng. Trên mâm chỉ là cái bát gốm sứ mẻ, đĩa sứ thô kệch, đôi đĩa tre như nhiều thường dân vẫn có. Thức ăn là nắm cơm, rau luộc, tép rang, nước rau và nước mắm cáy. Nhà vua tự nhiên nổi giận:

- Bà hàng quá khinh ta! Bà lại làm mâm cơm như thế này à? Bà là người hay là yêu quái?

Bà lão vẫn bình tĩnh đáp:

- Tôi là người ở đất này từ dạo mới lọt lòng đến nay. Quán hàng tôi đón tiếp người cày cấy, kẻ buôn gánh bán bưng qua đây... Vua vẫn chưa hả giận:

Quân đâu, trời ngay bà lão lại!...

Bà lão vẫn đứng yên tại chỗ. Lính cận vệ xông vào quán. Lạ

thay, khí lạnh từ các tảng đá, từ nền nhà toát lên, làm cho bọn chúng rét run cầm cập, se vai, rứt cổ. Chúng chưa biết làm gì thì bà chủ quán nói:

- Trước khi làm cơm, tôi đã có lời thưa rằng tôi chỉ quen làm cơm dân dã, không có cao lương mỹ vị và chính bệ hạ đã gạt đầu, hứa sẽ không trách cứ gì tôi cả. Làm sao bệ hạ thay đổi nhanh thế

Nhà vua ngẫm nghĩ rồi nói:

- Thôi được, ta tha cho. Nhưng làm sao quán nhà người lại nổi rét như thế?

- Tâu bệ hạ, đây là rét dai, rét lộc mà thần dân đang phải chịu đựng. Thần dân phải quấn cái khăn vá chằng vá đụp kia để lấy hơi ấm, phải ăn cơm nắm với tép rang, rau muống để lấy sức mà đi làm. Cứ xem mâm cơm này, hẳn bệ hạ sẽ thấu hiểu cho dân tình chúng tôi...

Vua sững sờ im lặng. Bà lão lại nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, kinh thành đang bỏ trống. Ngoài biên ải thì giặc ngoại xâm đang động binh. Xin bệ hạ hãy quan tâm đến sơn hà xã tắc.

Bấy giờ như sực tỉnh, vua toát mồ hôi, hạ lệnh hồi kinh.

Tương truyền, khi về tới kinh, vua đã kịp thời cùng các tướng lĩnh điều quân ra biên giới, phá tan âm mưu xâm lăng của quân giặc. Công việc triều chính được chấn chỉnh. Muôn dân vui mừng thấy đất nước đã qua cơn bĩ cực.

Sực nhớ tới bà chủ quán đá, vua cho mang lễ vật về tỉnh Đông để ban thưởng. Song đến nơi, mọi người ngạc nhiên thấy quán không còn, người không thấy, chó vàng cũng không. Chỉ còn trơ lại bốn cây cột đá và hai con chó đá ở đúng chỗ đó.

Ngày nay, bốn cột đá đã được dỡ bỏ, còn hai con chó đá thì mang về đặt ở chùa thôn Văn Xá, xã Ái Quốc.

17. THÁNH LINH LANG

Về chuyện *Thánh Linh Lang*, có hai truyền thuyết khác nhau. Theo *Doãn Kế Thiện* trong *Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội*. Lý Thái Tông nhân đi chơi hồ Dâm Đàm (tức hồ Tây), gặp một người con gái giặt lụa, có nhan sắc, cho triệu vào cung. Về sau người con gái đó có mang, đẻ ra một con trai lớn lên không biết nói. Gặp năm đại hạn, mất mùa, chú bé bỗng nhiên biết nói và hóa phép làm được mùa, và được vua rất quý mến. Ít lâu sau, chú bé đó lên đậu và mất hóa thành con giao long ở hồ Linh Lang và được phong là *Uy linh Đại vương*. Xưa kia có miếu thờ ở cạnh hồ này, nên cũng gọi là thần Linh Lang.

Nhưng theo thần tích đền Voi Phục gần Cầu Giấy cũng như thần tích Yên Phụ, trong khu vực trường cấp I Mạc Đĩnh Chi hiện nay, thì hoàng hậu chính cung Minh Đức đời Trần Thái Tông hiếm con, phải đến cầu tự ở đền Kim Ngưu đã nói ở trên, rồi thụ thai, đẻ ra cái bọc, đem vứt xuống hồ. Một đêm trăng sáng có tiếng nổ long trời, cái bọc kia vỡ, một em trai chui ra có tiếng khóc như chuông. Được tin, hoàng hậu cho đi tìm, truyền đưa vào cung. Khoảng năm tháng sau, đứa bé bỗng biết đi, biết nói như người lớn, được hoàng hậu săn sóc, ban hiệu là Linh Lang, và cho ở cung An Thọ, vùng Yên Phụ hiện nay. Đến thời Trần Nhân Tông hoàng tử Linh Lang, hưởng ứng lời truyền của Trần Hưng Đạo, huy động gia nhân tham gia chống giặc cứu nước, tự mộ binh sĩ, huấn luyện trận pháp, gọi là "thiên tử quân" (quân đội nhà vua) đánh quân Nguyên - Mông ở nhiều trận, như trận Vạn Kiếp (có thuyết lại nói là trận Đông Kết (Mạn Trù))¹ giết được tướng giặc là Cát Ly Hoa La.

Sau chiến thắng, hoàng tử được phong làm Dâm Đàm vương (vua ở hồ Dâm Đàm, tức hồ Tây) và chẳng bao lâu thì mất. Lúc

1. Vạn Kiếp ở vùng Phả Lại, còn Đông Kết, Mạn Trù ở vùng Khoái Châu (thuộc tỉnh Hưng Yên).

đó vương mới có ba mươi sáu tuổi. Tương truyền, vương hóa ở nơi sinh là hồ Linh Lang, tức cái hồ có miếu thờ vị hoàng tử Linh Lang, tức cái hồ có miếu thờ vị hoàng tử đời Lý đã nói ở trên (hồ này hiện còn di tích ở đền Voi Phục, gần Cầu Giấy). Để khỏi trùng với vị hoàng tử Linh Lang đời Lý, người đời gọi vương là thánh Uy Linh Lang. Vương được nhân dân địa phương thờ ở đình Yên Phụ, và đền Thụy Khuê, trông ra hồ Tây, nơi đây xưa kia là điện Thụy Chương đời Trần.

Hàng năm xưa kia, dân làng Thụy Khuê mở hội rước thánh từ Thụy Khuê đến đền Voi Phục (Thủ Lệ) là nơi thờ vị hoàng tử đời Lý, và cũng là nơi sinh và hóa của vị hoàng tử đời Trần. Đám rước rất tưng bừng, dọc đường đám kiệu phải trèo qua mấy quả đồi như núi Trúc, núi Bò (nay đã thành phố phường). Truyền thuyết cho rằng thánh Uy Linh Lang ở Thụy Khuê cũng chính là hiện thân kiếp sau của thánh Linh Lang ở Thủ Lệ, và hai hoàng tử ở hai đời khác nhau, nhưng có công giúp dân cứu nước, nên được dân tưởng niệm.

18. SỰ TÍCH THẦN LINH LANG

Tục truyền vào triều Lý Thánh Tông, có cô gái tên Hạo nương người giáp Bông Lai, hương Từ Liêm, cha họ Nguyễn, húy Thực, mẹ họ Lê húy là Năng. Bà Lê Năng tuổi ngoài 30 nằm mơ thấy rồng thân đuối trắng vào miệng rồi có thai, đến ngày 15 tháng 3 năm Quý Sửu sinh ra một bé gái, do bé mặt mày sáng sủa, lại ứng với giấc mơ trắng, nên cha mẹ đặt tên là Hạo nương. Ngày 5 tháng 9 năm Ất Mão thì cha Hạo nương mất, khi ấy ông đã gần 60 tuổi. Bảy giờ Hạo nương mới lên 3 tuổi, mẹ Hạo nương phải rời đến xứ Thị Trại, huyện Quảng Đức, Long Thành. Năm Hạo nương 17 tuổi dung nhan đức hạnh tuyệt vời. Bảy giờ các cung phi đều chưa có con nối dõi nhà vua, vua Lý Thánh Tông thường đi du ngoạn nhân gặp Hạo nương đem lòng yêu mến rồi đón vào cung, cho làm phi thứ 9, lại cho đổi tên ấp của phi thành trại Thủ Lệ. Sau đó không lâu mẹ phi

qua đời, vua ban cho vàng lụa, sai quan lo việc tang tế, lại ban cho phi về quê cư tang mẹ 3 năm rồi sau mới vào cung. Hoàng phi Hạo nương để tang mẹ đã xong, có một ngày phi ra hồ Dâm Đàm để tắm gội, bỗng thấy Long thần từ giữa hồ bơi tới quán lấy thân phi, trong chốc lát rồi mới buông ra, phun sóng thành mây rồi bay lên trời mà biến mất. Lúc ấy phi thấy nước thơm ướm khắp mình, trong lòng bàng hoàng mới vội ra về. Năm sáu ngày sau đó, thấy có chiếu chỉ của nhà vua đòi vào cung, tự thấy phi có thai, thai mang 14 tháng, sắp đến ngày sinh phi mơ màng thấy một người kì dị mặc áo cẩm bào, đeo đai ngọc tới trước mặt phi râu rậm: "Thần tên là mỗ xin làm con". Nói đoạn, phi tỉnh giấc rồi sinh ra vương. Lúc đó vào giờ Thân ngày 13 tháng Chạp năm Giáp Thìn, niên hiệu Gia Khánh thứ 6 (1054). Trong lúc sinh hương thơm sực nức khắp nhà, tối ngày vẫn chưa tỏa hết mùi thơm. Vương sinh ra là người khôi ngô tuấn tú, sau lưng có 28 nốt mụn màu hồng hết như vẩy cá, trước ngực có 7 nốt đen dạng giống hạt châu. Vua lấy làm kỳ lắm, nên mới có 7 ngày mà vua đã gọi tên là Hoàng Tứ Lang. Ngày 20 tháng ấy vua cho mở tiệc ăn mừng, quần thần chúc tụng. Sau đó ít bữa, vua cho phi bế con về nuôi ở nhà riêng, qua một tháng bảy ngày. Bấy giờ giặc Tống sai bọn cử suý Triệu Tiết, Quách Quỳ thống lĩnh 9 tướng là bọn Hồng Châu, Võ Nhị, Từ Tĩnh và Hoàng Vĩnh Trinh cấu kết với giặc man hai nước Chiêm Thành và Chân Lạp xâm lấn bờ cõi nước ta. Giặc đã tới Quốc Oai Thượng Lộ (Tức sau là các phủ Sơn Tây, Đoàn Hùng, Lâm Thao), thế giặc rất mạnh. Thư biên ải ngày 5 bện cáo cấp làm chấn động kinh thành. Vua hết sức lo lắng. Nhân ngài có việc phải về cung Thái Hòa, trong lúc ngủ mơ mơ màng màng, vua nghe có tiếng vọng bên tai: "Nước đã có người hiền tài rồi, hà tất phải lo giặc già!". Vua tỉnh dậy, bèn hạ chiếu cầu hiền, ai diệt được lũ giặc hung dữ kia thì trăm chẳng tiếc gì trọng thưởng. Sau hơn một tháng sứ giả về tới địa phương trại ấy. Bấy giờ Vương đang nằm ở giữa giường, nghe tiếng sứ giả Vương ngồi nhồm dậy, nói với mẹ rằng: "Biên thủy có giặc nằm ngủ sao yên,

mẹ hãy gọi sứ giả vào đây cho con nói một lời". Phi kinh ngạc bảo: "Thế giặc mạnh như vậy, con còn bé nhỏ thì làm gì được?". Vương đáp: "Bé rồi cũng phải trưởng thành, mẹ chớ quá lo". Phi bèn gọi sứ giả vào, Vương ung dung bảo: "Khanh hồi triều tâu với hoàng đế rằng Người chớ lo, ta nguyện đi giết giặc". Sứ giả vái lạy và hỏi: "Ngài có cần sắm sửa khí giới gì hay không?". Đáp: "Cần một lá cờ đỏ cán dài 10 trượng và 1 thớt voi đực, thế thôi". Sứ giả hồi triều tâu lên, vua cả mừng. Ngay hôm đó ngài ban lệnh cấp đủ cờ, voi, lại cho thêm mấy vạn tinh binh, cùng với 121 nghĩa sĩ do Vương chiêu mộ ở địa phương trong thời gian chờ lệnh, trong số ấy có những người có tiếng như Lê Bảo, Phạm Hoàng đều vái xin làm tả hữu tỳ tướng cho Vương. Kế đó là bọn Trương Bản, Đinh Hiền, Nguyễn Xán, Đặng Tích, Trần Hưng gồm năm người đều được phong thượng trật để giúp cho Vương công kia việc nọ hằng ngày.

Mọi việc sắp đặt xong xuôi Vương vụt đứng dậy, hô to một tiếng hiên ngang như một Thiên Bổng thiên tướng, voi liền quỳ phục trước Vương (Người đời sau gọi đến Vương là đến "Voi Phục" là bởi tích này). Vương cưỡi trên mình voi, tay cầm cờ phi như bay về phương bắc tới địa đầu đất phủ Phú Lương (Phú Lương tức sau là phủ Hanh Thông). Vương vừa vung cờ lên thì giặc đã tự tan tác ngay. Quan quân khải hoàn, vua cho mở tiệc ăn mừng, cử lễ rất lớn để định công khao thưởng tướng sĩ cao thấp khác nhau. Mấy tháng sau đây, vua biết Vương có công lao to lớn, mới vời vào phong cho cương vị tôn quý. Vương một mực thoái thác không nhận, mà tạ ơn vua xin cho về nhà ở cố thụ, tức ngôi nhà cũ tại trại Thủ Lệ. Sống ở nhà cũ được bảy tháng thì bệnh đậu phát sinh, mụn cóc đầy mình, hàng trăm mụn bóng to như hạt đậu, lở loét không sao chữa được, thuốc thang đủ loại mà vô hiệu. Mãi đến tháng hai năm sau, vua tới thăm viếng luôn mà ngài ca thán không thôi. Vương tâu rằng: "Trích giáng xuống trần đã có hạn. không liên quan đến việc nhân gian. Nếu có lòng thương tiếc, xin hoàng thượng nhìn vào ngọn cỏ đang dựng ở trước cửa Đại Hưng kia; đó là ngọn cỏ mà ngày

trước thần đã phụng mạng dùng nó đem đi dẹp giặc, để sau khi thần đi rồi thì hoàng thượng hãy phóng nó lên trời và sau đó thấy ở đâu có cờ thì hoàng thượng cho lập miếu thờ ở đó, thế là mỹ mãn lòng thần rồi". Vua thuận lòng ngài bèn hạ giá để vĩnh biệt. Vương liền biến thành một con đại giao long, dài lên trăm thước, từ từ bỏ vào cái hang dưới tảng đá lớn ở giữa dinh thự, sau đó lại từ trong hang đá bò ra tới hồ Dâm Đàm mà lặn biến đi. Bấy giờ là ngày 15 tháng 11 năm Ất Ty (có bản chép ngày 10 tháng 2) niên hiệu Gia Khánh thứ 7 (1065), gió nổi sóng cồn, trời tối mịt mù mấy ngày rồi mới sáng ra. Khi ấy người ta trông thấy cây cờ bay lên trời hôm trước nay lại thấy nó mọc lên ở trước cửa Ngọ môn trong kinh thành như cũ. Vua càng thấy kỳ lạ hơn, ngày thứ 12, sai quan viết sắc phong Vương tước đem về tới chỗ ở của Vương hóa mà hành lễ. Vua lại ban cho 30 nén vàng và 36 mẫu ruộng để lo việc tế lễ nhị kỳ xuân thu hằng năm. Tháng 3, vua ban chiếu lập đền thờ Vương ở hai quê Thủ Lệ và Bông Lai; Thủ Lệ là nơi sinh, dân ở đây được miễn phu phen tạp dịch để họ cố gắng tu tạo cố thự của Vương thành đền thờ. Bắt đầu từ đó, ngay trong tháng ấy có 269 ấp đã dựng miếu thờ Vương. Trong các miếu ấy, miếu nào cũng có một con rắn hoa năm màu nằm châu ở đó. Dân chúng càng kinh ngạc, nhưng chỉ một thoáng lại biến mất. Tự bấy giờ trở đi, dân cầu xin gì đều được linh nghiệm, mà sự linh nghiệm quả không lường. Bởi vậy tục mới gọi là đền Voi Phục. Đến triều Lý Nhân Tông, lại xuất hiện hai vị Linh Long và Lương Long; đó lại là lần hóa thân thứ hai của Vương vậy. Vào khoảng những năm Thái Ninh (1072-1075), vua thường đến xem cá ở hồ Dâm Đàm, có một ngày nhà vua trông thấy một cô gái ở làng bên đang giặt lụa ở ven hồ, vua thương yêu mang về cung, rồi nàng có thai. Sau nàng đẻ ra một bọc hai con trai: Anh gọi là Linh Long, em là Lương Long. Sau khi sinh có mấy tháng mà hai anh em đã biết nói như trẻ 6, 7 tuổi. Vua lấy làm lạ, càng yêu quý. Đây tuổi thôi, hai anh em bỗng nhiên nói với vua rằng: "Giáng trích xuống thế gian đã mãn hạn, không dám trái mệnh, muôn vàn

lần mong được tha lỗi cho". Vua trù trù không biết làm thế nào. sau đành phải cử quan Trung sứ tống tiễn. Ra khỏi cửa, hai anh em đều biến thành hình con rồng bò xuống dòng Độc Giang ở Hoài An mà lặn biến đi¹. Sứ giả trở về tâu lên vua sai dựng miếu thờ ngay chỗ họ hóa. Về sau ở địa phương từ những việc kêu cầu cho chí việc mắc tội oan uổng thảy đều được ứng nghiệm sự linh thiêng hiển hách tại miếu này.

Đến triều Lý Thần Tông lại có hai vị là Dục Thánh, Vệ Quốc; đây cũng lại là hóa thân lần thứ ba của Vương. Mẹ của hai vị là người ở Hồ Khẩu, tuổi 18 chưa lấy chồng. Một đêm nàng mơ thấy có thần rồng đến đùa bỡn, tỉnh dậy thấy nước thơm còn đó, bởi thế mà nàng mang thai, rồi sinh ra một bọc hai con trai. Đến khi khoảng năm Thiên Thuận (1128-1132) có bọn sơn tặc nổi lên ở châu Bạch Hạc. Triều đình không chế ngự được; nhà vua hạ chiếu triệu hai anh em tới. Họ vâng mệnh vào bệ kiến. Vua trao cho ấn kiếm và vài ngàn tinh binh, hai anh em ra trận, dẹp yên được giặc. Anh được phong: Dục Thánh tướng quân cùng vợ là Thanh Từ phu nhân; em được phong là Vệ Quốc tướng quân được kết duyên với Thủy công chúa. Vẫn phong cho đất Hồ Khẩu làm thực ấp (Sau ấp này thành thôn xóm; đến đời Trần mới gọi là phường Hồ Khẩu). Ba ngôi miếu thờ hai ông và Thủy chúa nay vẫn còn ở ấp ấy, đèn nhang phụng thờ bất tận. Xét ra, miếu Dục Thánh ở phía bắc ấp, mặt hướng về Đông Nam; miếu Vệ Quốc ở phía đông ấp hướng nam; miếu Thủy chúa ở phía tây ấp nhìn hướng đông; bên tả là hồ Dâm Đàm, bên hữu là sông Tô Lịch. Thủy chúa vốn là con gái vua Động Đình hồ, tới lúc ấy dẫu thai, sinh không bao lâu đã hóa. Thế cho nên mới có câu đối rằng: "Nhị Thủy bảy trăm thu, đô thành vững nền, từ đây mà xuất phát. Động Đình bốn ngàn năm, họ ngoại đẹp đẽ, bởi đó đón trùng quang"².

1. Hoài An: tức huyện Hoài An, thuộc trấn Sơn Nam; nay là khoảng vùng núi Hương Sơn, Hà Tây.

2. Nguyên văn chữ Hán:

Nhị Thủy bách tải, đô thành đỉnh định long cơ, bằng nhất xuất;
Động Đình tứ thiên niên thích phả khôn tư mĩ nghiệp, nhạ trùng quang.

Bên bờ đê xã Nhật Chiêu (Nhật Tân sau này), ở chỗ Bảy cây gạo cổ thụ, cũng lập miếu phụng thờ Thủy chúa.¹

Đến thời Hậu Lê, khoảng niên hiệu Quang Hưng (1578-1599), Thái úy Trưởng quốc công Trịnh Tùng đem mấy vạn tinh binh từ Thanh Hoa tiến ra Đông Đô để diệt nhà Mạc. (Bấy giờ Mạc Mậu Hợp đang chiếm cứ thành Thăng Long). Khi Thái úy đi qua đến Thủ Lệ, thấy phía trước đền có một con giao long dị kỳ thân rất dài, một mắt mở thao láo sáng quắc, đưa đi đưa lại sắc như tia chớp, miệng phun lửa. Thái úy thấy nó phải dừng xe, trong nháy mắt nó đã biến đâu mất rồi. Đêm ấy Thái úy đóng quân ngủ tại đền. Ông cho tả hữu sắm sanh đầy đủ lễ nghi cầu đảo. Nửa đêm chiêm bao thấy một người cao lớn áo mũ uy nghi, cuồi voi đi thẳng vào đền. Trịnh Thái úy nghênh tiếp vào ngôi, hỏi rõ ngọn ngành, thần nhân nói: "Ta nghe nhà Lê Trung Hưng, nên đến để phù giúp". Thần nói dứt lời. Trịnh Thái úy tỉnh giấc. Sáng hôm sau tỉnh dậy, Thái úy cho biện lễ tạ ơn, rồi tiến quân đến địa phận đất Bún Thượng huyện Phúc Lộc, giao chiến với quân Mạc, quả nhiên chiến thắng quân Mạc, thu phục Trung Đô (Trung Đô tức Thăng Long) chính là nhờ Vương ngầm giúp. Triều Lê Thế Tông (1573-1577) mới truy phong thêm mỹ tự để biểu dương công đức của Vương.

Triều Lê suy tôn Vương cùng với các thần Cao Sơn, Quý Minh, Long Đỗ làm thần trấn ải bốn cửa kinh thành (gọi là Kinh thành tứ cực). Cho nên, các cuộc tế lễ minh thệ vào mùa xuân hàng năm, đều sai quan làm lễ tế cáo thần một cách đặc biệt và long trọng vô cùng.

19. QUẾ NƯƠNG VÀ DUNG NƯƠNG

Đời Hậu Ngô (thế kỷ X) tại làng An Thái phủ Nghĩa Hưng

1. *Tụng Tây Hồ phú* của Nguyễn Huy Lượng sáng tác thời Tây Sơn (1802) có câu nói về bảy cây gạo cổ thụ ở xã Nhật Chiêu: "Chốn bảy cây còn gốc lẫm vân, chẳng từng bách cũng khoa hình thương lão".

nước ta, có vợ chồng ông Lý Châu hiền lành, sung túc mà mãi không sinh nở. Hai ông bà đến chùa Phi Lai thuộc huyện Ý Yên, ăn chay nằm mộng để cầu tự. Đêm ấy, ông mơ thấy được dẫn đến một tòa cung điện. Rồi một người trong điện cầm 5 đóa hoa sen và hai tấm sừng tê ban cho ông, lại đọc cho ông nghe bốn câu thơ, có ý khuyên là phải đi tìm đất lành mà trú ngụ.

Sáng dậy, Lý Châu kể lại câu chuyện cho vợ. Rồi hai vợ chồng tìm đến ngụ tại xã Thanh Hà. Ông mở trường dạy học được dân làng rất quý mến.

Vài chục năm sau một đêm bà vợ nằm chiêm bao thấy có năm con rồng và hai con rùa vàng hiện lên ở chỗ bà nằm. Bà thấy kinh động, sau đó thì thụ thai đến ba năm mới sinh ra một cái bọc năm trứng, nở ra được năm người con trai dung mạo khác thường. Đó là vào giờ Thân ngày 20 tháng Giêng năm Giáp Thân, niên hiệu Lê Đại Hành năm thứ năm. Vợ chồng rất mừng tưởng như vậy đã hưởng đầy đủ phúc trời. Nhưng rồi đến giờ Mão, ngày 30 tháng 4 năm ấy, tức là hơn ba tháng sau, bà vợ lại sinh ra một cái bọc nữa, nở ra hai người con gái mặt đỏ mây xanh, nhan sắc rất đẹp. Vợ chồng sung sướng nuôi nấng các con, đặt tên cho con trưởng là Xích công, các con sau là Hoàng công, Hồng công, Phương công, Mẫn công, hai người con gái thì ấy tên là Quế nương, Dung nương. Cả mấy người đều ham ăn chóng lớn, chẳng mấy chốc đều là những nam thanh nữ tú, không những thông minh tài giỏi; thiên văn địa lý am tường mà võ nghệ cũng thành thạo. Được ít lâu vợ chồng Lý Châu mất, bảy con làm lễ an táng xong, rồi vẫn ăn ở chung một nhà, rách lành đùm bọc lấy nhau.

Bấy giờ đã sang đời nhà Lý. Giặc Ma Na gây loạn, xâm chiếm và nhiễu hại các châu quận phía Nam, nhà vua phải kén tướng tài đi dẹp giặc. Cả bảy anh em đều vào thi được đậu hạng ưu. Triều đình phong chức tước cho họ và sai đi dẹp giặc.

Bảy anh em chia quân làm hai đạo. Hai nữ tướng Quế nương và Dung nương đem quân đi đường bộ, ra trước để khiêu chiến.

Bọn giặc thấy là tướng gái thì có ý xem thường, việc cầm cự cũng như canh gác đều có ý trể nải. Mấy người anh trai đem thủy bộ theo các ngả khác tấn công vào trại địch. Giặc không kịp trở tay, bị đuổi xuống sông chết đuối quá nửa, số còn sống sót phải xin hàng. Thế là dẹp yên được bọn giặc Ma Na. Nhà vua ban thưởng và cho bảy anh em chia nhau đem quân ra đóng các nơi. Hai nàng Quế nương và Dung nương được tới đóng đồn ở An Trụ và ở Hoàng Kinh. Các anh khác thì chung nhau, hai người đóng ở Thanh Hà, ba người nữa đóng ở Thanh Lâm. Ngày 12 tháng Chạp, cả mấy anh em cùng hẹn đi du ngoạn, trèo lên gò cao để ngắm cảnh. Trời bỗng nổi lên một trận mưa to gió lớn, cả bảy vị đều hóa.

Tin được cấp báo về triều, nhà vua thương tiếc song biết các vị đều là thần được sai xuống phò tá, nay đã phải về trời. Vua sắc phong cho các vị nam đều làm Đại vương. Còn hai nàng thì một người phong là Quế Hoa công chúa Đại liêu thần, cho xã An Trụ lập miếu thờ. Một người phong là Phương Dung công chúa Đại liêu thần, cho xã Hoàng Kinh lập miếu thờ.

20. BÀ CHÚA LÂM

Đời nhà Lý có hoàng tử rất chăm học, nghe nơi nào có thầy giỏi, dù xa xôi hiểm trở chàng cũng tìm đến. Một lần hoàng tử đi qua vùng Cổ Mỹ - Thị Cầu, đường xa bụng đói lại gặp lúc trời tối đành tìm nơi nghỉ trọ. Đang lang thang lạc giữa cánh đồng bốn bề nước trắng chợt có ánh lửa gần đấy, hoàng tử vội lần tới. Gặp túp lều nhỏ, hoàng tử liền lên tiếng gọi. Cửa mở, không ngờ trong lều chỉ có một người con gái soi đèn ra đón. Hoàng tử lúng túng định quay ra thì người con gái bạo:

- Xin chàng chớ ngại, ở đây đâu chỉ có chàng với thiếp, mà còn có ngọn đèn này nữa.

Thấy cô gái sáng ý và tha thiết, hoàng tử đành vui lòng ở lại. Cô gái khêu to ngọn đèn, lấy ra bữa cơm của mình mời

hoàng tử cùng ăn. Bữa cơm đạm bạc nhưng sạch sẽ ngon lành quá, hoàng tử nhai chậm thấm thía vị ngọt bùi của hạt cơm nấu khéo chín nục.

Đêm hôm ấy ngọn đèn thức sáng. Trong lều chỉ có cái chõng tre, hai người ngồi trò chuyện qua đêm. Cô gái kể cảnh nghèo, bố mẹ mất sớm, không muốn nương tựa nhờ vả người trong họ trong làng nên làm túp lều ra đây cho tiện bề kiếm sống... giọng cô gái mỗi lúc một sôi nổi. Cô bảo:

- Thiếp nghĩ, giàu nghèo là tự tay mình làm ra. Cứ chăm chỉ rồi sẽ khá lên, phải không chàng? Người ta đi gặt ăn từng bó vải, thiếp cứ đi cóp nhặt lại của họ mà lại được nhiều thóc hơn. Gần đây có kho lương, thiếp cứ đào hang chuột cũng khối thóc... Hoàng tử không ngờ người con gái quê mùa chân thực lại có tâm sự hơn người đến thế.

Cảm vì sắc đẹp lồ lộ đường xuân, trọng mến vì sự thông minh ý tứ của người con gái, từ đó hoàng tử thường tìm cớ lại qua. Người con gái vẫn ngỡ hoàng tử chỉ là anh học trò nghèo như mình nên cũng nhiều lưu luyến, săn sóc. Hoàng tử đã tìm thấy ở ngay một làng bên cạnh đấy nên càng tiện cho hai người gặp gỡ.

Một hôm, hoàng tử đang ngồi học ở nhà trọ, có sứ giả tìm đến, mang lệnh vua cha triệu chàng về triều. Hoàng tử vội theo đường tắt tìm đến gặp cô gái. Lần này chàng kể thực về mình và ngỏ lời cầu hôn.

Tối kinh đô hoàng tử được vua cha xuống chiếu nhường ngôi. Tuy chưa già yếu nhưng đức vua muốn trao quyền cho con tập sự để tiện bề diu dặt.

Hoàng tử lên ngôi. Việc làm đầu tiên của nhà vua trẻ tuổi này là sai quan quân về vùng sông Cầu đón người con gái yêu thương về phong làm hoàng hậu.

Từ đó, duyên tình càng thêm khăng khít, nồng đậm. Nhiều việc trong triều đức vua đều mang vào cung bàn bạc với vợ. Lần ấy, thấy chồng có vẻ đắm chiêu nghĩ ngợi, hoàng

hậu lo lắng, liền lựa lời hỏi han. Biết không giấu được, đức vua quay lại hỏi vợ:

- Chắc nàng còn nhớ những kho lương thực ở ven sông Cầu quê nàng? Không hiểu sao số thóc chứa ở đấy cứ tự nhiên mất đi quá nửa. Ta đã sai quan khâm sai về khám nhiều lần đều không tìm ra nguyên do. Việc kho quỹ là huyết mạch của quốc gia, đâu phải chuyện nhỏ. Làm cách nào bây giờ?

Hoàng hậu như đã đoán được năm sáu phần sự việc. Nàng xin với vua cho được đích thân về tra xét. Phải xa người vợ trẻ là bao nhiêu nhớ thương, nhưng túng thế, nhà vua đành gật đầu ưng thuận.

Nói sao hết nỗi vui mừng cảm động khi được trở lại quê hương thuở hàn vi. Nhưng hoàng hậu không vội để lộ tình cảm của mình. Nàng dẫn đầu đoàn quân triều đến thẳng khu kho. Các quan coi kho vội kéo nhau ra quỹ lạy rồi đưa hoàng hậu đi khắp nơi xem xét Kho thóc nào cũng chỉ còn đầy vỏ trấu. Cầm một nắm trấu lên, hoàng hậu nhìn thẳng vào các quan coi kho béo phệ. Thấy các quan coi kho run run lúng túng, nàng cười nhạt bảo:

- Chuột nào mà nhằn trấu khéo như cối xay thế này? Đúng là ở đây có những con chuột thành tinh. Các người cứ yên tâm, ta có phép bắt được chúng lộ nguyên hình. Cả chuột nhỏ, chuột to, chuột yêu tinh quỷ quái ta cũng không sợ...

Liền đó hoàng hậu cho thiết lập đàn tràng đủ hương án bàn độc, nải quả mũ mã, đèn nến sáng choang, khói nhang nghi ngút. Rồi hoàng hậu cho kiểm một ổ chuột mới đẻ còn đỏ hồng. Phát cho mỗi quan coi kho một con chuột chưa mở mắt ấy, hoàng hậu truyền rằng:

- Ta đã phù phép, các người hãy vào tế lễ, những con chuột này sẽ tự chết trên tay các người. Nếu con chuột nào sống là người cầm đã bị tinh chuột ám vào. Ta sẽ chém đầu trừ họa.

Các quan coi kho vâng lệnh vào tế trước đàn tràng. Hết tuần nhang, các quan coi kho mở tay ra, quả nhiên con chuột nào

cũng chết thẳng cẳng. Thấy thế, hoàng hậu liền quát quân sĩ trói tất cả lũ quan coi kho lại. Trói xong, hoàng hậu mới vạch trần tội ác của chúng nó. Chỉ vào những vết máu nhầy nhớp khắp các bàn tay, hoàng hậu bảo:

- Chính các người đã bóp chết lũ chuột kia. Tội lỗi đã rành rành ra đó, muốn sống khai đi!

Lũ quan coi kho mặt như chàm đổ, vội rập đầu nhận tội. Nào là đánh tráo trấu lấy thóc rồi bảo là chuột ăn. Nào là chuốc rượu cho lính canh, mở khóa kho lấy trộm. Nào là dút lót cho quan đến khám. Nào là tẩy xóa sổ sách để bòn rút dần... Hoàng hậu sai người biên chép đủ các lời khai ấy, rồi sai quân đến nhà từng quan coi kho tịch biên gia sản. Bao nhiêu vàng bạc châu báu của cải thu được đều cho xuất ra mua thóc gạo về đầy các kho. Mặt khác, hoàng hậu lại sai quân sĩ đi tìm các hang chuột quanh kho đào lên. Lại thu thêm được một số thóc bị chuột tha đi.

Khi các kho渐渐 trở lại đầy ắp, hoàng hậu liền tự mình đứng ra làm tổng quản. Vì thế, nhân dân từ đấy gọi hoàng hậu là bà Chúa Kho, hay bà Chúa Lẫm. Ai cũng vui mừng thấy hoàng hậu đã trừ được cả loài chuột bốn chân lẫn loài chuột hai chân, vốn cùng giống hại dân hại nước.

Xong việc, bà Chúa Lẫm mới bắt đầu đi thăm lại cảnh cũ người xưa. Đến đâu bà Chúa Lẫm cũng được đón tiếp cởi mở. Thấy dân tình còn thiếu ăn thiếu mặc nhất là đời sống những tù binh Tàu, tù binh Chăm tập trung trong vùng thì neho nhếch cơ cực quá, bà Chúa Lẫm bảo mọi người:

- Giàu nghèo là ở tay mình. Sao cứ chịu mãi thế này? Vùng này còn bao nhiêu đất bỏ hoang, ta phải cày xới lên mà ăn chứ.

Nói rồi bà Chúa Lẫm sai lấy thóc phát cho dân có lương ăn.

Lúc đó vào mùa nước tháng tám tháng chín, khắp các ngả đồng trắng bằng một màu, bà Chúa Lẫm tay đeo bị trấu đi dọc từ Quả Cầm theo triền sông Cầu xuống tới vùng núi Bài thuộc dãy Nham Biền. Vừa đi, bà vừa vung trấu vãi xuống mặt nước.

Gió đông bắc đưa trấu trôi đi đến đâu, bà Chúa Lãm cho người cắm đồn điền tới đó.

Có được đất rồi, bà Chúa Lãm phân người đi các nơi, lập nên bảy mươi hai trang ấp trong vùng, cùng lo cai quản, cây cấy. Sau mỗi vụ thu hoạch, cảnh trí càng hưng thịnh lên. Dân gian không ngớt lời ca tụng công đức bà Chúa Lãm.

Triều đình biết tin đều mừng vui. Riêng nhà vua là người sung sướng nhất, ngài lấy làm hài lòng vì năm xưa đã tự kiếm được người vợ thông minh, hiền đảm.

21. THẦN HẬU THỔ

(Ứng thiên hóa dục

Nguyên trung Hậu thổ địa kỳ Nguyên quân)

Theo truyện *Báo cực*: Nguyên quân tức là thần cõi đất nước Nam. Khi xưa vua Lý Thánh Tôn vào đánh Chiêm Thành (1069), đến cửa Hoàn bồng bị mưa to gió lớn, sóng nổi dữ dội, thuyền vua bị trùng trùng rất nguy. Vua ngồi bàng hoàng, chợt thấy một người con gái ước chừng 20 tuổi, mặt tươi như hoa đào, mày thanh như lá liễu, mình mặc áo trắng quần xanh, đến nói với vua rằng: "Tôi là "tinh" cõi đất nước Nam, thác sinh vào cây ở chốn mây nước đã lâu, chờ thời đợi dịp, nay được gặp bệ hạ, thật là thỏa nguyện bình sinh. Bệ hạ đi chuyến này, xin cố cho chóng được toàn thắng, tôi tuy là thân bồ liễu, cũng xin theo giúp sức. Đến ngày khải hoàn, tôi lại xin đợi ở đây để bái yết". Nói rồi biến luôn. Vua tính ra nói chuyện với quần thần. Có vị tể tướng là Huệ Lâm tâu rằng: "Thần nói thác sinh vào cây, ở chốn mây nước, nay xin cho tìm ở cây hoặc có linh nghiệm". Vua bèn cho sứ lên tìm khắp trên bờ, dưới bãi, được một khúc gỗ rất giống hình người, màu sắc khuôn khổ trông như người trong mộng đã thấy. Vua liền đặt hiệu là Hậu thổ phu nhân, sai đặt lên bàn, để trong thuyền ngự. Bấy giờ gió lặng, sóng êm, thuyền đi rất nhẹ nhàng. Đến Chiêm Thành, trận đánh như có thần

giúp, quân ta được to. Đến hôm khải hoàn, thuyền nhà vua về tới bến cũ đậu lại, vua sai lập miếu thờ tại đây, liền thấy mưa gió lại nổi to. Huệ Lâm tâu rằng: "Xin nhà vua cho rước về thờ ở kinh đô", vua bằng lòng, cơn mưa gió liền tan. Về tới kinh đô, vua sai chọn đất lập đền thờ ở làng An Lăng, đền rất thiêng, ai có ý nhạo báng liền bị tai vạ. Đến đời vua Lý Anh Tông, trời đại hạn, quần thần xin lập đàn ở Nam Giao tế trời, tôn Nguyên quân làm chủ đàn. Nguyên quân trên báo mộng cho vua biết: "Bản bộ có Câu Mang thần quân chuyên việc làm mưa". Vua mừng, bèn định: lễ Hậu Thổ phối với trời, Hậu Thổ phối với đất, lập đàn ở Nam Giao cầu đảo, quả nhiên được trận mưa to. Vua hạ lệnh rằng: "Dưới Hậu Thổ phụ nhân có Câu Mang thần quân coi về mùa xuân. Từ nay phạm làm lễ mùa xuân rồi, phải đem con trâu bằng đất để ở dưới đền thờ".

Năm Trùng Hưng thứ 1, sắc phong "Hậu Thổ thần địa kỳ Nguyên quân". Năm thứ 4, gia phong hai chữ "Nguyên trung". Năm Hưng Long 21, gia phong 4 chữ "Ứng thiên hóa dục".

22. LÝ THƯỜNG KIỆT¹

Ông họ Lý, tên là Thường Kiệt, người ở phường Thái Hòa thuộc kinh đô Thăng Long, cha tên là An Ngữ, làm quan đến chức Sùng ban lang tướng. Ông có nhiều mưu lược, có tài dùng binh, lúc còn trẻ đã nổi tiếng tài giỏi, được cử làm chức Hoàng môn Chi hầu. Trong thời vua Lý Thái Tông (1028-1053), làm quan Nội thị Đô tri, đến khi Thánh Tông lên ngôi ông được thăng Hiệu úy Thái bảo. Ông làm việc kính cẩn, theo đúng lễ pháp, không xảy một điều gì lầm lỗi. Vì vậy được cử vào tra xét quan dân hai quận Thanh Hóa, Nghệ An và các xứ Man Liêu ở năm huyện, nếu có nơi nào không theo mệnh lệnh nhà vua thì ông được đặc quyền trấn phục.

1. Đền chính ở xã Ngọ Xá, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa, ba thôn cùng thờ, vì trước ông vào kinh lý miền trong ấy.

Bấy giờ vua Chiêm Thành không sang triều cống. Lý Thánh Tông thân đem binh vào đánh (1069). Ông linh chức Đại tướng, đi làm tiền phong, đánh phá quân Chiêm, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Vì có công ấy ông được thăng Phụ quốc Thái úy, Thiên tử nghĩa đệ, Phụ quốc Đại tướng quân, Khai quốc công. Vua Nhân Tông lên nối ngôi, ông lại được thăng Phụ quốc Thái úy, đứng đầu hàng địa thần. Khi ấy nghe tin nhà Tống đương chinh bị binh mã, định sang lấn nước ta. Ông tâu vua rằng: "Ngồi đợi giặc đến, chẳng thà đánh trước làm nhụt nhuệ khí của giặc". Vua liền cử ông thống lĩnh đại binh sang đánh phá châu Khâm, châu Liêm và châu Ung, bắt được quân dân và của cải mang về rất nhiều. Năm Long Phù thứ 1 (1101), ông thăng chức Nội thị Phán tỉnh, coi hết mọi việc trong ngoài. Mùa đông năm ấy, ông dẹp yên bọn giặc Lý Giác ở Diễn Châu. Nhà Tống sai tướng đem quân sang đánh báo thù, cướp mấy châu trên mạn ngược. Ông cố sức đắp thành ở bến sông Như Nguyệt để chống giữ, rồi phản công lấy lại được Vũ Bình Nguyên, khi khải hoàn vua khen thưởng rất hậu, khi ông mất lại tặng chức Nội điện Đô tri hiệu kiểm, Thái úy bình chương Quân quốc trọng sự và phong tước Việt quốc công, cấp thực ấp 10.000 hộ. Lại cho em ông tên là Thường Hiến được nối phong tước hầu.

Ông rất ghét dị đoan, cho nên trong sinh thời ông, những kẻ chuộng ma quỷ, đồng cốt, làm mê hoặc lòng người, đều bị ông trừng phạt rất nghiêm và tẩy trừ rất nhiều. Những đền thờ nhảm đều được biến thành những nơi thờ phúc thần cả, vì thế dân nhớ ơn tâu lên vua xin lập đền thờ ông. Năm Trùng Hưng thứ nhất, sắc phong Trung phụ công, năm thứ 4, gia phong 2 chữ Dũng mãnh. Năm Hưng Long 21, gia phong 2 chữ Uy thắng. Tối nay đền vẫn tôn nghiêm linh ứng rõ rệt.

23. TRUYỆN TỪ ĐẠO HẠNH VÀ NGUYỄN MINH KHÔNG

(Ngày nay còn đền thờ ở chùa Thiên Phúc núi Sài Sơn huyện An Sơn; trong núi đá này có tượng, trong chùa có tượng Lý Thần Tông).

Ông họ Từ tên Lộ, tự là Đạo Hạnh, ở chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, cha tên là Vinh, làm chức Tăng quan Đô sát ở triều Lý, thường qua chơi làng An Lăng, lấy con gái người họ Lỗ tên là Loan, nhân thế ở lại đó. Lộ tức là con bà họ Lỗ vậy. Thuở thiếu niên, thích giao du hào hiệp, phóng khoáng, có chí lớn, hành động ngôn ngữ không ai có thể lường được, thường cùng kẻ nhỏ giả Mãi sinh, đạo sĩ Lê Toàn Nghĩa và người con hát là Phan Ất kết bạn. Đêm thì mài miết đọc sách, ngày thì thổi sáo đánh cầu, vui sự chơi bời. Cha mẹ thường trách là trể nải, một đêm ghé dòm qua khe cửa vào trong phòng thấy ngọn đèn gần tàn, sách vở chổng chất, Lộ gục xuống án mà ngủ, tay vẫn chưa rời khỏi sách; do đó cha mẹ không còn lo nghĩ nữa. Sau Lộ dự kỳ thi tăng hương thí, đỗ khoa Bạch Liên. Không bao lâu, cha dùng tà thuật làm phật ý Diên thành hầu, Diên thành sai Đại Diên thiền sư dùng phép đánh chết, ném xác xuống sông Tô Lịch. Xác trôi tới cầu An Quyết, đến trước cửa nhà Diên thành hầu, hốt nhiên đứng dựng lên ở đấy suốt một ngày không trôi đi.

Diên thành hầu sợ hãi nói với Đại Diên. Đại Diên đến và hét lên rằng: "Người đi tu không được phép giận quá một ngày", rút lời thầy đồ xuống mà trôi đi. Lộ nghĩ việc báo thù cho cha nhưng chưa nghĩ ra mưu kế. Một hôm, rình Đại Diên ra ngoài, gây sự định đánh, bỗng nghe thấy trên không trung có tiếng thét ngăn lại. Lộ sợ hãi quàng gậy mà đi. Muốn sang chùa Ấn Quốc cầu phép lạ để đánh Diên, đường đi qua đất rợ Kim Sĩ (răng vàng) thấy hiểm trở bèn quay về, ẩn cư ở núi Phật Tích, thường ngày đọc kinh Đại bi đa la, đọc trọn mười vạn tám nghìn lần. Một hôm, thấy có thần nhân đến trước mặt nói rằng: "Kẻ đệ tử tức là Trần Thiên Vương, cảm phục thầy có công trì kinh nên lại đây để thầy sai khiến". Lộ biết là đạo pháp đã thành, thù cha có thể rửa. bèn thân đến cầu An Quyết, cầm cây gậy chống ở tay ném xuống dòng nước chảy xiết. Gậy đi ngược dòng nước tới cầu Tây Dương thì dừng lại. Lộ mừng mà nói rằng: "Phép của ta thắng được Đại Diên rồi!". Bèn đến thẳng chỗ Diên ở, thấy Diên nói rằng: "Mày không nhớ chuyện ngày trước sao?"

Nói rồi nhìn lên không trung, tịnh không thấy gì, bèn đánh liên. Diên phát bệnh mà chết. Từ đó, thù xưa đã rửa, tục lệ nguội dần mới du ngoạn các miền rừng rú để tìm dấu Phật. Nghe tiếng Kiều Trí Huyền ở đạo Bình Hóa, bèn cung kính tới bái yết và hỏi về chân tâm, đọc câu kệ rằng:

*Cửu hồn phong trần vị thức kim,
Bất tri hà xử thị chân tâm,
Nguyện thừa chỉ giáo khai phương tiện,
Tiện kiến hồ đề đoạn khổ tâm.*

(Lặn lội tìm vàng giữa bụi đời / Chân tâm nào đã thấy tâm hơi / Mong người chỉ lối, mách phương tiện / Thấy rõ Chân Như khổ hận vơi).

Huyền đọc kệ đáp lại:

*Ngũ âm bí quyết diễn chân kim
Cá trung mãn nguyệt lộ thiên tâm.
Hà sa giác thị bồ đề đạo,
Nghĩ hương bồ đề cách vạn tâm.*

(Ngũ âm bí quyết rõ vàng / Tháng tròn sẽ lộ rõ ràng thiên tông / Bồ đề như cát ven sông / Tìm Bồ đề đạo cõi lòng càng xa).

Lộ hoang mang chưa hiểu hết, bèn đi tới chùa Pháp Linh sơn yết kiến Phạm Hội thiền sư, hỏi rằng "Như thế nào là chân tâm?". Phạm nói: "A nan cá chính là chân tâm". Lộ bỗng nhiên tỉnh ngộ, hỏi rằng: "Thế nào là phép hành trụ?". Phạm nói: "Đói thì ăn, khát thì uống". Lộ bài từ mà đi, từ đó phép lực ngày càng mạnh, duyên thiên càng kết. Các giống rắn núi, thú đồng đến quần quýt quanh mình. Lộ đốt ngón tay cầu đảo chú phép vào nước trị bệnh, không lúc nào không nghiệm. Có vị sư hỏi rằng: "Phải chăng hành, trụ, tọa, ngoạn đều là Phật tâm". Lộ đọc kệ đáp rằng:

*Tác hữu trần sa hữu,
Vi không nhất thiết không.*

Hữu không như thủy nguyệt,

Vật chúc khả không không.

(Có thì có tự may / Không thì cả thế gian này cũng không / Vàng trắng vàng vạc in sông / Chắc chi có có không không mơ màng).

Hoặc lại nói:

Nhật nguyệt xuất nham đầu

Nhân nhân thất hỏa châu.

Quý nhân hữu câu tử,

Hành bộ bất kỳ câu.

(Nhật nguyệt ló non đồi / Người người mất ngọc hồng / Như người sang có ngựa / Bỏ ngựa đi chân không).

Khi ấy vua Lý Nhân Tông không có con, tháng ba năm Hội Tường Đại Khánh thứ 3, có người ở phủ Thanh Hoa nói rằng: ở bãi bể có đứa trẻ kỳ lạ, mới khoảng lên ba, tự xưng là hoàng đế, lấy hiệu Giác Hoàng, phàm vua làm điều gì đứa trẻ ấy cũng biết, đó chính là Đại Diên hóa sinh. Vua sai quan trung sứ tới xem, thấy đúng như lời nói, bèn đón về Kinh sư, cho ở chùa Báo Thiên. Vua thấy đứa trẻ thông minh, rất lấy làm yêu dấu, muốn lập làm kẻ kế tự quần thần đều cố khuyên can là không thể được. và nói: "Nếu kẻ kia thực là linh dị, tất phải thác sinh ở nơi cung cấm, sau mới có thể lập được". Vua nghe theo. Bèn mở đại hội bảy ngày đêm cho đấu thai. Pháp Lộ nghe tin, nói với chị gái rằng: "Đứa trẻ kia là yêu tà, mê hoặc người ta quá đáng. Ta há chịu ngồi yên mà không cứu, để nó làm mê hoặc lòng mọi người, rồi loạn chính pháp sao?". Nhân sai chị gái giả dò làm người đi xem hội, mặt đem mấy tấm bùa của Lộ treo ở trên rèm. Hội tới ngày thứ ba thì Giác Hoàng bị bệnh nói với mọi người rằng: "Khắp biên giới trong nước đều có lưới sắt vây che, tuy muốn thác sinh, sợ không có lối vạy". Vua nghe có kẻ phá mất bùa chú, bèn sai người đi tìm, quả nhiên bắt được Lộ ở Hưng Thánh lâu, trói lại, họp quần thần lại để xét xử. Vừa lúc đó Sùng Hiễn Hầu đi ngang

qua, Lộ năn nỉ nói: "Xin ra sức cứu bản tăng khỏi phải chịu tội, ngày sau xin ngụ thai trong cung để báo đáp công đức này". Hầu gật đầu. Sau ngày hội, quần thần tâu với vua rằng: "Bệ hạ vô tự, nên cầu kẻ kia thác sinh, thế mà tên Lộ cuồng dại dám tự ý giải chú, thật là đắc tội". Hầu tâu rằng: "Thiết tưởng nếu Giác Hoàng có thần lực thì tuy có trăm tên Lộ giải chú, há đâu có hại được ru? Nay lại trái hẳn, Lộ hơn hẳn Giác Hoàng. Thần trộm nghĩ nếu như giết, chẳng thà cho nó thác sinh". Vua bằng lòng. Lộ đến thẳng phủ đệ nhà Hầu, nhằm chỗ phu nhân tắm, nhìn khắp cả. Phu nhân giận quá mách với Hầu. Hầu vốn hiểu ý, để mặc không hỏi đến. Phu nhân vì thế có thai. Lộ dặn Hầu rằng đến lúc phu nhân lâm bồn phải báo cho biết trước. Đến kỳ lâm bồn, Lộ được người báo tin, bèn tắm rửa thay quần áo bảo học trò rằng: "Mối túc nhân của ta chưa hết, phải thác sinh lần nữa ở đời. Tam làm đế vương, kíp đến khi già chết làm nhị thập thiên tử. Nếu thấy thân thể tan ra đất: đó là ta đã thâm nhập vào bùn đất không còn ở trong cõi sống chết nữa". Học trò nghe nói, ai cũng cảm động sụt sùi. Lộ đọc kệ rằng:

*Thu lai bất hóa nhận lai quy,
Lãnh tiểu nhân gian tạm phát bi
Vi báo môn nhân lưu luyến chúc,
Cổ sư kỷ độ tác kim sư.*

(Thu về chẳng báo nhận hồng bay / Cười nhạt nhìn đời khổ
lắm thay / Thâm nhủ môn nhân đừng luyến tiếc / Thấy xưa
mấy độ hóa thầy nay).

Đọc dứt, nghiêm nhiên mà hóa. Hầu phu nhân bèn sinh con trai, đặt tên là Dương Hoán. Khi lên ba, vua Nhân Tông nuôi ở trong cung, lập làm hoàng thái tử. Nhân Tông băng hà, thái tử tức vị, ấy là vua Thần Tông do Lộ thác sinh ra vậy. Hình xác Lộ nay còn ở hòm đá trong chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, huyện Ninh Sơn.

Xưa ở làng Đàm Xá huyện Đại Hoàng (còn có tên là Gia Viên) đất Trường An có người tên là Nguyễn Chí Thành ở chùa

Quốc Thanh, hiệu là Minh Không quốc sư, lúc ít tuổi đi du học, gặp Đạo Hạnh, học được Đạo giáo, trải hơn mười năm. Đạo Hạnh thấy người tiết tháo bèn truyền tâm ấn, lại đặt tên cho. Kịp tới khi Đạo Hạnh sắp tạ thế bảo Minh Không rằng: "Xưa tôn sư của ta tu đã tròn quả phúc mà còn bị cái nạn đao thương quả báo huống chi ở cái thuở mặt thế huyền vi này, há có thể tự giữ mình được sao? Ta nay sắp xuất thế, ở cái địa vị làm thầy người ta, bệnh trái kiếp sau quyết là khó tránh nổi. Ta với người có duyên, nên cứu giúp nhau". Đạo Hạnh đã hóa. Minh Không trở về chùa cũ cày ruộng. Hơn hai mươi năm, không có tin tức gì. Khi đó Lý Thần Tông bỗng mắc bệnh lạ, tâm thần rối loạn, tiếng kêu đau đớn gầm rú đáng sợ. Các lương y trong thiên hạ vâng chiếu mà đến, kể hàng ngàn hàng vạn, đều chịu khoanh tay. Khi ấy có đứa trẻ hát rằng:

"Dục trị thiên tử bệnh, tu đắc Nguyễn Minh Không"
(nghĩa là: muốn chữa bệnh nhà vua tất phải tìm Nguyễn Minh Không). Triều đình bèn sai sứ đi tìm được Minh Không. Minh Không thấy sứ giả đến, trong thuyền có rất nhiều lính chèo thuyền, muốn dọn cơm chay cho ăn, bèn lấy một cái nồi nhỏ đem cho họ cùng ăn, bảo họ rằng: "anh em đông quá sợ không đủ no bụng, tạm ăn vậy". Thế mà bọn lính chèo thuyền hơn một trăm người cùng ăn cũng không sao hết. Lính ăn xong, sứ lại bảo:

"Anh em hãy tạm ngủ say một lát nữa đợi nước triều dâng lên ta hãy bắt đầu ra đi". Chúng nghe lời, đều nằm ngủ say ở trên thuyền. Mới trong khoảnh khắc, thuyền đã trở về tới kinh đô. Bọn lính bơi chèo tỉnh dậy đều lấy làm lạ. Khi Minh Không đến, các bậc có tiếng là học rộng ở các nơi đều đang làm phép ở trên điện, thấy Minh Không quê mùa, không thêm chào. Minh Không bèn lấy một chiếc đỉnh lớn dài hơn năm tấc đóng vào cột điện, lớn tiếng nói rằng: "Có nhờ được đỉnh này hãy nói chuyện chữa bệnh". Nói như vậy hai ba lần, không có ai dám nhỡ. Minh Không bèn lấy hai ngón tay trái mà nhổ, đỉnh bật phăng ra. Chúng đều kinh phục. Khi gặp Thần Tông, Minh Không lớn

tiếng nói: "Kẻ đại trượng phu được tôn lên ngôi thiên tử, giàu có khắp bốn bể, cơ sao còn phát bệnh cuồng loạn như vậy". Vua nghe nói rất run sợ. Minh Không bèn lấy một cái vạc lớn đựng dầu, đun lên sôi sùng sục, rồi lấy tay khoắng vào bốn lần, rắc vảy lên khắp mình vua, bệnh tức thì khỏi hết. Bèn phong Minh Không làm quốc sư, ban lộc mấy trăm hộ để thưởng công. Năm Tân Sửu, niên hiệu Thái Bình thứ 22, Minh Không tạ thế, thọ bảy mươi sáu tuổi.

24. TRUYỆN SƯ NGUYỄN MINH KHÔNG

Ở hương Giao Thủy¹ nước Giao Chỉ có chùa Không Lộ. Ngày xưa có một nhà sư họ Nguyễn, tên Minh Không, khoảng năm Trị Bình đời Tống² xuất gia đến ở chùa này, có đức hạnh và rất nổi tiếng³. Một hôm Minh Không từ ngoài về, có nhà sư cùng phòng đùa núp trong cửa, nhảy ra làm tiếng hồ kêu để dọa Minh Không. Minh Không cười nói:

- Anh đã đi tu, lại còn muốn làm hồ ư? Ta phải cứu anh mới được.

Năm sau nhà sư kia chết. Tiếp đó, quốc vương họ Lý sinh thế tử⁴ tuổi chừng hai mươi thì bỗng nhiên khắp mình mọc lông, nhảy nhót găm thét, đầu và mặt dần dần biến thành hình hổ.

1. *Hương Giao Thủy*: nay là Xuân Trường, Nam Định.

2. Năm Trị Bình đời Tống: "Trị Bình" là niên hiệu của Tống Anh Tông (Bắc Tống). Năm Trị Bình đời Tống, tức vào khoảng 1064 đến 1067 tương ứng với niên hiệu Chương Khánh Gia Khánh (1059-1065) và Long Chương Thiên Tự (1066-1067) đời vua Lý Thánh Tông ở nước ta.

3. Theo sử chép: Minh Không nguyên tên là Nguyễn Chí Thành, người xã Đàm Xá, huyện Gia Viên, phủ Trường Yên, tỉnh Ninh Bình (xem ĐVSKTT; Bản kỉ; Quyển II; Kỉ nhà Lý). Chùa Giao Thủy, tức chùa Keo ngày nay.

4. *Thế tử*: đây chỉ Dương Hoán, là cháu của Lý Thánh Tông, và con của Sùng Hiền hầu, về sau lên ngôi là Lý Thần Tông (1128-1138)

Nhà vua cầu y, vu¹, tăng, đạo khắp nơi, nhưng đều chịu bó tay. Nghe Minh Không có phép thuật, sai người đi thuyền đến mời về. Minh Không lấy một chiếc niêu nhỏ nấu cơm định cho thủy thủ ăn. Sứ giả cười nói:

- Thủy thủ người đông, tự họ sẽ có cái ăn, không phiền tới Thường trú².

Minh Không nói:

- Không phải như vậy đâu. Mọi người cứ ăn một ít đi rồi sẽ thấy hậu ý của ta.

Bốn năm mươi người mỗi người xới một bát đầy, cơm vẫn không hết mọi người lấy làm lạ. Đến tối khi lên thuyền, nhà sư dặn sứ giả và các thủy thủ đều nên ngủ kĩ một giấc:

- Đợi lúc trăng mọc, bản tăng³ gọi dậy hãy mở thuyền, nếu không ta chẳng đi nữa đâu.

Sứ giả nài xin không được, mọi người đành nằm sắp giả ngủ, duy cảm thấy bên dưới thuyền có gió lạnh. Phút chốc trăng lên, gọi dậy thuyền đã cập bến Đô thành, vượt hơn ba trăm dặm. Nhà sư bèn nhảy lên khoảng không mà vào trong cung, nấu nước để rửa cho thế tử, tay cọ đến đâu lông hết đến đấy, thân thể liền bình phục. Vua hỏi nguyên do, đáp rằng:

- Kẻ tu hành hễ mắc niềm mê thì sám hối mà rửa đi thôi, không khó khăn gì cả.

Hỏi:

- Nhà sư biết phép thần thông gì mà có thể đi trên không được?

Đáp:

Không phải vậy. Thần vốn có phong tật, bệnh này khi phát

1. Vu: kẻ đồng bóng.

2. Thường trú: tiếng nói của những nhà sư thường ở lại chùa, không đi vân du các nơi. Đây chỉ Minh Không.

3. Bản Tăng: chỉ Minh Không. Tiếng khiêm xưng.

thì chẳng thấy muôn cảnh tượng, chẳng biết đâu là không, bèn cứ thế mà bước thôi; không phải thần thông gì hết.

Rồi đi trên không mà về. Ban thưởng các thứ đều không nhận. Vua phong cho hiệu "Thần tăng" và nhân đó, lấy hai chữ "Không Lộ" để đặt tên chùa của nhà sư. Thế tử về sau lên làm vua, thụy là Thần Vương.¹

25. TRUYỆN DƯƠNG KHÔNG LỘ VÀ NGUYỄN GIÁC HẢI

Thiền sư Dương Không Lộ ở chùa Nghiêm Quang, huyện Hải Thanh, mấy đời làm nghề câu cá, sau bỏ nghề ấy mà đi tu, thường hay đọc kinh Già la ni môn. Trong các năm Chương Thánh, Gia Khánh đời Lý Thần Tông thường cùng Giác Hải là đạo hữu cùng ở ẩn đất Hà Trạch, quên cả thân mình, ngoài không đi đến đâu, trong thì tu thiền định. Bỗng thấy tâm thần tai mắt nhẹ nhàng sáng sủa, có thể bay lên không, đi trên băng giá, bắt được hổ phải phục, bắt được rồng phải giáng, vô cùng quái đản người ta không sao lường biết được. Sau tìm về một ngôi chùa ở quận nhà mà ở. Một hôm người hầu bẩm rằng: "Mồ tự khi tới đây chưa hề được thấy chỉ giáo về những điều tâm yếu, dám xin trình thơ rằng:

*Đoàn luyện thân tâm hảo đắc tinh,
Xâm xâm trực chuyển đôi nghiêm đình.
Hữu nhân lai học không không pháp
Thân tọa bình biên ảnh tập hình."*

(Rèn luyện thân tâm thấy sạch trong / Cây xanh sừng sững trước sân không / Có người tới học không không pháp / Thân tọa bình phong chiếu bóng lồng).

Sư bèn bảo rằng: "Nếu con đi đường bộ mà tới, ta tiếp dẫn

1. Tức Lý Thần Tông.

con, nếu con đi đường thủy mà tới, ta trao cho con. Chẳng có chỗ nào mà ta không truyền cho con cái đạo tâm yếu". Nói xong, ha hả cười lớn.

Thường hay đọc câu kệ rằng:

*Tuyên thủ giao long địa khả cư,
Đã tình chung nhật lạc vô dư
Hữu thời trực thượng cô phong lĩnh,
Trường tiếu nhất thanh hàn thái hư.*

(Kiểu đất long xà chọn được nơi / Tình quê lai láng chẳng hề
vơi / Có khi xông thẳng lên đầu núi / Một tiếng kêu vang lạnh
cả trời).

Ngày 3 tháng 6 năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ mười thì tịch, môn nhân thu xác táng ở cửa chùa. Vua hạ chiếu cho sửa rộng chùa này, quyên hai mươi hộ phụng hương hỏa.

Thiền sư Giác Hải họ Nguyễn, người Hải Thanh, ở tại chùa Diên Phúc quận nhà. Thuở nhỏ thích câu cá, thường lấy thuyền con làm nhà, lênh đênh trên mặt nước. Năm hai mươi lăm tuổi bỏ nghề ấy, cắt tóc đi tu, lúc đầu cùng thiền sư Không Lộ thờ một thầy ở chùa Hà Trạch.

Thời Lý Nhân Tông, sư thường cùng Thông Huyền chân nhân được triệu vào ngôi hầu ở chùa Liên Mộng, đất Lương Thạch. Bỗng một hôm có đôi tác kẻ gọi nhau, nhúc tai điếc óc. Vua truyền Thông Huyền ngăn nó lại, Huyền lặng nhắm thần chú, một con rơi xuống trước. Vua cười bảo: "Hãy còn một con xin để nhường nhà sư". Sư đọc thần chú, trong nháy mắt con còn lại cũng rơi xuống nốt. Vua kinh lạ, làm thơ rằng:

*Giác Hải tâm như hải,
Thông Huyền đạo diệt huyền.
Thần thông năng biến hóa,
Nhất Phật, nhất thần tiên.*

(Giác Hải lòng như biển / Thông Huyền đạo cũng huyền /
Thần thông tài biến hóa / Một Phật một thần tiên).

Từ đó, danh tiếng sư vang đông thiên hạ, các vị tăng cùng kẻ tục đều ngưỡng vọng. Vua thường lấy lễ thầy trò mà đãi sư, mỗi khi hạ giá tới hành cung ở Thanh Hải, tất trước tới thăm chùa. Một hôm vua bảo sư: "Cái đạo ứng chân thần tức có thể cho nghe được không?". Sư bèn đọc kinh tám lần, bay vút lên không, cách xa đất năm trượng, bỗng lại rơi xuống. Vua cùng quần thần đều vỗ tay xưng tán, ban cho chiếc kiệu để ra vào nơi cung cấm. Tới triều vua Thân Tông, mấy lần vua triệu vào kinh thành, sư đều lấy cớ già yếu không đi. Có vị sư hỏi rằng: "Phật và chúng sinh, ai là chủ ai là khách?"

Sư bèn đặt câu kệ rằng:

*Bất giác nhữ đầu bạch,
Báo nhĩ tác lão khách.
Nhược vấn Phật cảnh giới,
Long môn tao điểm ngạch.*

(Ai biết má đào mà bạc tóc / Khuyên người cầu học hiểu cho sâu
/ Ví như cội Phật ham tìm hỏi / Cá vượt Cửa Rồng bị điểm đầu).

Lúc sắp tịch, bèn làm bài kệ cáo chúng như sau:

*Xuân lai hoa điệp thiên trợi hi,
Hoa điệp ưng tu tiện ứng kỳ.
Hoa điệp bản lai giai thị ảo
Mạc tương hoa điệp hương tâm trì.*

(Xuân sang hoa bướm khéo quen thì / Bướm liệng hoa cười
vẫn đúng kỳ / Nên biết bướm hoa đều huyền ảo / Chớ đem hoa
bướm để lòng chi).

Đêm ấy có ngôi sao lớn rơi ở góc tây nam phương trượng. Sáng hôm sau, sư ngồi ngay thẳng mà tịch. Vua xuống chiếu quyên 30 hộ phụng thờ hương hỏa phong hai con làm quan để thưởng công.

(Đời Trần Thái Tông, đất Hải Thanh là Thiên Thanh, tức là phủ Thiên Trường).

26. TRUYỆN TÔ HIỂN THÀNH VÀ THẦN LINH

Đời trước truyền lại rằng: Khi Tô Hiến Thành thời nhà Lý còn làm một chức quan nhỏ thì ông ở một ngôi chùa, cạnh một ấp kia.

Một hôm, bên hàng xóm, trên bờ đậu ngăn cách hai ngôi nhà ở phía Đông và phía Tây có phơi chiếc áo. Tô Hiến Thành ngẫu nhiên thấy người hàng xóm ở phía Tây cất chiếc áo đi. Ông không biết rằng chiếc áo ấy không phải là của anh ta. Sau đó, người hàng xóm ở phía Đông thấy mất áo thì rêu rao, chửi rủa. Tô Hiến Thành chưa muốn vạch rõ tội ăn trộm của kẻ kia, cho nên chưa nói để cho người mất áo biết. Người mất áo bèn đến đền thờ vị thần ở trong ấp, cầu khẩn thần phạt tội kẻ ăn trộm áo. Vị thần này vốn nổi tiếng là thiêng. Tô Hiến Thành bèn muốn nhân dịp này xem vị thần sẽ làm gì đây.

Một tuần trôi qua mà không thấy có hiệu nghiệm gì cả. Tô Hiến Thành bèn bảo dân ấp rằng phải phá đền đi và phế bỏ việc thờ cúng vị thần. Ông nói: "Thần linh được thờ là để làm cái việc giúp dân qua khỏi hoạn nạn. Nay nhà kia mất trộm đến tố cáo với thần mà không thấy hiệu nghiệm gì cả. Vậy thì thờ thần có ích gì?" Dân ấp chưa tin vào lời nói của ông cho nên chưa phá đền. Ông bèn sai người vớt bỏ lư hương ở bàn thờ, lấy đinh đóng chặt cửa đền lại và nói rằng: "Nếu làm như thế này mà gọi là có tội thì ta đây xin gánh chịu hết".

Đêm hôm ấy, vợ ông nằm mộng thấy vị thần đến bảo rằng: "Cớ sao lại phế bỏ việc thờ cúng ta? Ta quyết sẽ giết chết đứa con út của mẹ!". Bà vợ ông Tô đem việc nằm mộng nói với ông. Ông không chịu nghe theo yêu cầu của vị thần. Sau năm ngày người con út của ông quả nhiên lăn ra chết. Bà vợ làm lễ cầu

đảo vị thần. Còn ông Tô thì vẫn không chịu nghe theo yêu cầu của vị thần.

Người con cả của ông Tô lại nằm mộng thấy vị thần tức giận bảo anh ta rằng: "Mau mau nói với cha nhà ngươi phải phục hồi lại việc thờ cúng ta. Nếu không làm như thế, thì ta sẽ giết chết đứa em thứ hai của nhà ngươi!". Người con cả bèn làm lễ cầu đảo. Dân ấp cũng làm lễ cầu đảo. Nhưng Tô Hiến Thành thì vẫn không nghe theo yêu cầu của thần. Sau ba ngày, người con thứ hai của ông lại lăn ra chết.

Vị thần kia lại nhập vào một người và mượn lời của người ấy mà rằng: "Nếu Tô Hiến Thành mà sớm phục hồi lại việc thờ cúng ta thì đâu lại đến nông nổi ấy kia chứ!". Tô Hiến Thành trả lời rằng: "Việc sống, việc chết đều có số mệnh. Kẻ ăn trộm kia có tội mà thần còn không thể ra tay trừng phạt hẳn ta thì làm sao lại có thể ra tay đối với người bình thường được? Đàn bà con trẻ không hiểu biết cho nên thần mới quen thói dọa nạt họ, chứ làm sao mà lại có thể dọa nạt ta được!". Vị thần nói: "Nhà thầy chưa tin vào lời ta ư! Nếu không phục hồi ngay việc thờ cúng thì nhà thầy sẽ phải chết đấy". Tô Hiến Thành nói: "Nếu giết được ta thì cứ giết, còn như thờ cúng thần thì không thể được. Thần thử cho ta biết kỳ hạn ta sẽ phải chết!". Vị thần nói: "Năm ngày nữa thì sẽ biết tay ta".

Nhưng năm ngày trôi qua mà vẫn chẳng thấy có việc gì xảy ra cả Tô Hiến Thành bèn đốc suất dân ấp ra phá hủy ngôi đền. Bấy giờ thần lại nhập vào một người để mượn lời anh ta mà tạ lỗi với Tô Hiến Thành rằng: "Thần linh vốn không có thể giết người được, mà chỉ có thể biết trước về cái sống, cái chết của người mà thôi. Trước kia hai người con trai của nhà thầy mệnh số đã đến lúc chết.

Ta biết trước được việc ấy, bèn lấy đó để mà lừa nhà thầy. Nhà thầy quả là một bậc chính nhân quân tử. Sau này, nhà thầy sẽ gánh vác việc lớn của quốc gia đấy. Nhưng vẫn có điều mà nhà thầy chưa nghĩ tới. Đó là phạm việc gì cũng chỉ quý là ở

chỗ kiên tâm nhẫn nại. Đúng là cái tên ắt kia có ăn trộm chiếc áo thực đấy. Nhưng nếu ta có thể nhẫn nại chịu đựng lời nói ngạo mạn của nhà thầy thì tại sao nhà thầy lại không thể nhẫn nại chịu được cái việc tên ắt kia không phải chết. Hắn ta chỉ ăn trộm có một cái áo mà lại đòi hắn phải chịu tội chết? Thế thì hãy hỏi lấy hình phạt gì để mà đối xử với cái kẻ chỉ vì mất một chiếc áo mà đi cầu khẩn cho người ăn trộm phải chết! Nếu thấy ta chưa trừng phạt kẻ ăn trộm theo lời cầu khẩn là không đúng thì ta có thể làm cho hắn ta ốm đau một số ngày". Tô Hiến Thành nói: "Thần nói như vậy xem ra cũng có lý. Thế thì sao lại không thờ cúng thần. Còn như nếu lại giả cái trò dọa nạt ta thì không được".

Và ông bèn cho phục hồi lại việc thờ cúng vị thần ấy. Kẻ ăn trộm chiếc áo sau đó cũng mắc phải chứng nhức đầu một số ngày rồi dần dần khỏi.

Về sau, Tô Hiến Thành làm quan đến chức Thái úy¹, trở thành một người bề tôi nổi tiếng trong triều đình nhà Lý.

27. TRUYỆN CAO SƠN ĐẠI VƯƠNG THỜI LÝ

Hùng Vương thuở xa ở trên đỉnh núi, là bậc thánh tổ mở vận nước, ứng nghiệp vương hai ngàn năm lẻ; kiến tạo móng nền cung điện nhà Hùng non xanh vạn dặm; khởi dựng cơ đồ đế thánh thân vương nước biếc một dải mông mênh.

Bởi vậy, người thời sau có thơ ca tụng:

Thời đầu Bách Việt tự Kinh Dương,

Thống nhất sơn hà mười tám vương.

Mười tám hệ truyền từ cổ đó,

Muôn năm hương hỏa vẫn thơm hương.

1. Thái úy: Chức quan to thời xưa, đứng đầu triều đình, cũng giống như tể tướng, thủ tướng vậy.

Vào thời Tống Nhân Tông, xưa có một người ở trang Bảo Lĩnh, đạo Linh Nam¹, họ Cao húy là Hoảng, ông sinh trong một dòng họ nhiều đời tập ấm, lấy vợ người trong cùng một quận là Đào Thị Sùng, nếp nhà thi lễ, nối đời trăm anh, có thể nói là môn đăng hộ đối ông làm thầy dạy học kiêm nghề y thuật bốc thuốc cứu người, gắng làm việc thiện, việc tốt nhỏ nào cũng làm, mà không mấy may gây ác cho ai. Vậy nên dân địa phương đều khen là nhà tích phúc, tất sẽ gặp được nhiều điều hay. Nhưng buồn nỗi, vợ chồng ông tuổi tác đã cao mà muộn chút con trai. Một đêm, bà Đào Thị nằm mộng thấy ánh sáng của sao Vũ Khúc tự trên trời rơi thẳng vào miệng, rồi nuốt đi. Tự đấy, bà mang thai, giờ Ngọ ngày 7 tháng 5 năm Nhâm Ngọ, bà sinh ra một cậu con trai. Cậu bé thiên tư đặc biệt, thể mạo phi thường, ông rất yêu quý mà đặt tên chữ tên hiệu cho là Cao Sơn. Năm lên ba đã biết lễ nghĩa, khéo kính nhường, chỉ học lỏm mà biết, nghe tiếng mà hiểu âm luật. Bảy tuổi vào trường học, đọc thông sử sách các nhà, am tường võ nghệ. Mười ba tuổi đã là một người có học vấn khá sâu rộng mà nghề nào cũng đều có sở trường. Bấy giờ vào thời Khánh Lịch (1041 - 1048), vua Tống Nhân Tông mở khoa thi tuyển người ra làm quan, ông đỗ rồi làm quan tới chức Tể tướng. Năm ông mười bảy tuổi, cha mẹ đều qua đời. Ông chọn đất tốt an táng cha mẹ, sau 3 năm tang trở, nhân vua Tống sang nước Nam, Cao Sơn được đi theo, khi tiến đến bến sông Như Nguyệt đạo Kinh Bắc (cổ gọi là quận Vũ Ninh²) thì dừng chân. Vua Tống nhìn thấy một ngôi miếu thần, đêm ấy ông ta trú ở đó, nghe thấy tiếng trăm thần hội họp và có tiếng ngâm thơ. Nghe rồi, vua Tống cảm ngộ nghĩ rằng lòng trời đã định, mới bèn thu quân trở về Bắc quốc. Cao Sơn vốn nuôi chí làm thầy dạy trẻ, ông đi tới huyện Ngự Thiên (sau đổi là huyện Hưng Nhân) phủ Tiên Hưng đạo Sơn Nam Hạ, vừa đi tới Tống Khu thuộc trang Tống Súc thì ông hiểu ngay rằng người ở đây ít được học hành, ông bèn ở lại đó để dạy chữ cho con em họ. Cao Sơn

1. Đạo Linh Nam: tức vùng Quảng Tây (Trung Quốc) sau này.

2. Thuộc đất Bắc Ninh, Bắc Giang ngày nay.

dạy học mới được một năm mà nhân dân địa phương đều rất ngưỡng mộ. Cao Sơn nhân đạo ngắm nhìn phong cảnh, thấy một khu đất núi sông bao bọc, hồ cứ rồng chầu. Ông truyền lệnh cho các học trò cùng với nhân dân xây dựng ngôi trường ở đó. Đến thời Lý Nhân Tông (1072-1128) mở khoa thi đình về văn học. Cao Sơn ứng thí, liền đỗ Tiến sĩ. Từ đấy, Cao Sơn được nhún thắm cái ân sủng ưu ái của nhà vua. Bấy giờ, có giặc Chiêm Thành vào quấy nhiễu biên cương, triều đình nghị bàn kế đánh giặc. Vua sai Cao Sơn cầm quân ra trận đánh giặc. Ông lĩnh ba ngàn quân, trước chia quân đi tuần hành để phòng giặc lấn tới. Có một ngày Cao Sơn hành quân qua Tống Khu, trang Tống Súc, nghỉ lại tại trường học, phụ lão và học trò đều tới chúc mừng và nói: Từ khi ngài tới đây dạy dỗ con em và nhân dân chúng tôi đã có nhiều ân nghĩa, vậy xin được báo đền. Ngôi trường này, trước là học đường, sau này là nơi thờ tự. Ông thuận cho, lại nói với các cụ phụ lão rằng: Các người đã có tình cảm nồng hậu đối với ta như thế, thì các người cũng phải trân trọng di mệnh của ta rằng, nghìn vạn năm sau, địa phương của các người phải thờ phụng một người.

Nói rồi, ông ban thêm 15 nén bạc để sau này mua thêm ao ruộng dùng vào việc tế thờ. Đêm ấy, Cao Sơn tới ngủ ở miếu thần và làm lễ cầu thần phù giúp đi đánh giặc. Đến cuối canh ba, Cao Sơn vừa mơ màng chợp mắt thì thấy có người con gái hiện ra, phong tư tha thuốt, da phấn mặt hoa, mười phần xuân sắc mà rất hồn nhiên tự xưng tên hiệu là Bảo Hoa, vâng mệnh Thiên đình giáng trần để trấn giữ miền đất này. Nay thấy ông đem quân đi Nam chinh, tự nguyện phù hộ lập công để sau này sẽ được phụng thờ. Nói rồi, thần nhân biến mất, đó là ngày 10 tháng 3. Cao Sơn chợt tỉnh giấc, ông đã hiểu ngay đó là linh thần ứng mộng trợ giúp. Sáng sớm mai có sứ giả mang thư của triều đình tới sai ông đi đánh đuổi giặc Chiêm Thành. Ông mang quân tiến thẳng tới chân đồn giặc mà đánh. Chỉ mới đánh một trận quân Chiêm Thành đã bỏ chạy tan tác, bắt sống được Đại tướng của chúng.

Từ đấy thiên hạ thái bình, quốc gia vô sự. Cao Sơn vâng

lệnh khai hoàn, nhà vua mở đại hội mừng công, ông tâu: Dẹp yên giặc Chiêm Thành được nhanh chóng như vậy là nhờ có sự ngầm giúp của thần linh. Nhà vua sai sứ ban sắc cho vị thần âm phù Bảo Hoa công chúa và gia phong: Khiết Thực phu nhân. Nhà vua lại gia phong cho các tướng sĩ đẳng cấp cao thấp khác nhau. Ban thực ấp cho Cao Sơn ở đạo Sơn Nam Hạ. Cao Sơn bái tạ nhà vua rồi trở về tư dinh của mình ở Tống Khu. Có một ngày Cao Sơn mở tiệc mời các phụ lão và học trò tới dự, đang khi ăn uống vui mừng bỗng nhiên trời đấtมืด mù, giữa ban ngày mà tối tựa ban đêm, mọi người ngược trông lên, thấy trên trời xuất hiện một dải mây vàng như hình dải lụa tự không trung rơi thẳng xuống dinh. Lại thấy Cao Sơn bay lên từ lầu thành rồi biến mất, đó là ngày 12 tháng 9. Nhân dân và sĩ tử đều rất kinh hoàng, bèn làm sớ tâu lên triều đình. Nhà vua sai quan trở về làm lễ cúng tế. Tế xong cho lập miếu thờ. Sai sứ ban sắc nguyên thần hiệu là Cao Sơn Hiến ứng Đại vương.

Lại nói, từ đây về sau luôn linh thiêng hiển hiện, cho nên các triều đại đế vương đều có gia phong mỹ tự.

Tới thời Trần Thái Tông (1225 - 1258), giặc Nguyên tới xâm lấn quấy nhiễu, kinh thành bị vây hãm, Trần Quốc Tuấn vâng mệnh triều đình cầu đảo trăm thần ở các miếu, trong đó có cả hai vị thần Đại vương và Công chúa ở đây cũng hiển ứng âm phù. Đến khi dẹp được giặc Ô Mã Nhi, vua Trần lại tặng phong sắc: Linh ứng Anh triết, Hiến hựu Trợ thuận.

Đến thời Lê Thái Tổ (1428 - 1433), khởi nghĩa đánh Liễu Thăng tướng giặc của nhà Minh. Đất nước thanh bình, vua Lê lại phong cho một vị là Phổ tế Cương nghị Anh linh. Sắc chỉ cho Tống Khu phải trùng tu miếu điện để thờ thần mãi mãi.

Cho tới niên hiệu Chính Hòa (1680 - 1705) có giặc Mạc nổi lên ở đạo Thái Nguyên, nhà vua lại kêu cầu trăm thần, hai vị ở đây cũng có công phù hộ. Đợi đến sau khi dẹp yên giặc Mạc, hai vị cũng được gia phong mỹ tự. Vị dương thần là Uy minh hùng vĩ, Tuy lộc an dân; vị âm thần là Huệ hòa gia hạnh, Nhu ý đoan trang. Chuẩn cho Tống Khu thờ phụng thần mãi mãi

28. SỰ TÍCH THIÊN BỔNG NHÀ LÝ

Tục truyền, vào thời Lý Cao Tông, tại Mộc Vật Châu (tức Mộc Châu sau này), đạo Tuyên Quang, có một người tên gọi Nguyễn Lương, tên vợ là Trần Thị Ngọc. Vợ chồng ông bà Lương Ngọc rất hòa thuận và sống với nhau rất hạnh phúc. Thế rồi vào một ngày hè nóng nực, bà Ngọc xuống sông tắm, liền bị Hà bá cuốn mang về Thủy phủ. Ông Lương thương nhớ khôn xiết, ngày ngày ra ngồi lên hòn đá mé sông, nơi vợ mất tích, ngóng chờ hoài. Sau hai ba tháng, hòn đá kia cứ lớn dần, Nguyễn Lương công khiếp sợ không dám tới gần, miệng lẩm bẩm than phiền mãi. Bỗng nhiên ông chuyển thành trọng bệnh mà chết. Sau đó một năm, vào ngày 3 tháng 6, trời đang quang quẽ mây tạnh, bỗng tối sầm gió mưa vùn vùn, chớp giạt sấm gào, một tiếng sét đĩnh tai trên cao đánh vào hòn đá và một loạt sấm nổ ầm ầm vài chục tiếng liên hồi nữa, khiến đá vỡ toác ra. Sau một lát, trời quang mây tạnh người ta thấy có một người con trai từ trong chỗ đá vỡ đi ra, khiến mọi người đều kinh ngạc sợ hãi. Ít lâu sau, người thanh niên ấy lên núi săn bắt cầm thú mà ăn.

Lại nói, vào năm Gia Thủy 16 (1201) đời vua Lý Cao Tông, ở đạo Tuyên Quang, trời làm hạn hán mất mùa, nhân dân đói khát. trộm cướp giặc cỏ nổi lên như ong. Vua sai Đoàn Thượng mang quân đi dẹp loạn. Khi Đoàn Thượng hành quân tới miền sơn cước châu Mộc Vật (tức Mộc Châu) bỗng gặp một thanh niên tướng mạo đường đường, uy phong lẫm liệt, thân cao chừng 12 thước, đầu gà thân người, bước vội từ trong núi đi ra, tới phủ phục trước mặt Đoàn Thượng xin được tòng chinh. Đoàn Thượng cho là kỳ dị mới hỏi họ tên. Người ấy đáp rằng: "Ta vốn là người tự do". Đoàn Thượng liền suy tôn anh ta là "Chiêu Dương tướng quân", lệnh cho tướng sĩ gọi anh ta là Thiên Bồng tướng quân, sai đem 500 quân đi tiên phong, còn Đoàn Thượng mang quân tiến sau, hiệp lực đánh một trận thì giặc tan. Vua vui mừng phong cho Đoàn Thượng là Tiến Nghĩa hầu, rồi phong cho Thiên Bồng làm Huyện doãn huyện Diên Hà. Trong thời

gian Thiên Bồng làm quan, ông đi thăm thú dân tình khắp nơi trong huyện, có một ngày kia, ông về tới miền đất xã Việt Yên, Lệnh doãn thích thú phong thủy và phong tục của người dân vùng này, nên ông đã cho xây dựng một ngôi cung sở tại đây, để làm nơi ông đi về nghỉ ngơi và giúp đỡ nhân dân, làm thiện trừ hại, khuyến khích họ tăng gia sản xuất. Bấy giờ trong nước có giặc Hồ Tôn Tinh (Chiêm Thành) đem hơn ba vạn tướng sĩ ồ ạt tiến vào xâm lấn bờ cõi nước ta. Vua phong cho Thiên Bồng làm Trung lang tướng, sai ông cùng Đoàn Thượng đi dẹp giặc. Giặc tan hồi triều, vua phong Thiên Bồng thăng lên chức Sơn Nam đạo Chúa tể quan. Từ đấy ơn vua nhuần thấm, thánh trạch cao đây, nhưng chẳng bao lâu sau ông không bệnh tự hóa. Cho mãi đến đế vương các đời sau vẫn còn phong tặng cho Thiên Bồng là Thiên Bồng Linh ứng Trung Quốc Chiêu dương tướng quân Chúa tể Đại vương, lại chuẩn cho dân xã Việt Yên, huyện Diên Hà, phủ Tiên Hưng, đạo Sơn Nam thờ phụng ngài.

29. TRUYỆN ĐOÀN THƯỢNG TRIỀU LÝ

Cha Đoàn Thượng là Đoàn Trung, mẹ ông là Nguyễn Thị Phương (có chỗ chép là Nguyễn Thị Hang), người đất Hồng Châu thị (nay là xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương). Đoàn Trung làm quan dưới triều Lý Anh Tông, gia đình vào loại thương thường bậc trung. Đoàn Thượng sinh vào thời Anh Tông đến thời Cao Tông ra ứng thí. Năm ấy, thí sinh họ Đoàn vừa tròn 23 tuổi, trúng cách, được bổ chức Thị tụng tham quan Luyện đạt triều trung chính sự. Khi hoàng hậu sinh thái tử Sảm (tức Huệ Tông sau này). Cao Tông sai Đoàn tìm nhũ mẫu cho thái tử, ông bèn tiến cử nhũ mẫu đã nuôi mình từ nhỏ. Sau này khi thái tử lên ngôi lấy hiệu là Huệ Tông, nhớ tình anh em đồng nhũ, Đoàn lại là người tài năng trung hậu, mới tôn Đoàn chức Tham tán Đại phu, được phép mang gươm vào triều, ung dung bước lên thượng điện tham dự việc triều chính. Long vân khánh hội, quần thần hợp đức chẳng được bao lâu Huệ

Tông mắc bệnh không có con trai kế vị, phải nhường ngôi cho con gái là Chiêu Hoàng. Trần Thủ Độ chuyên quyền và tranh ngôi cho nhà Trần. Đoàn Thượng quay về cố thủ đất Hồng Châu, xưng là Đông Hải đại vương nuôi chí phục hồi nhà Lý. Thế lực của Đoàn rất mạnh, nhà Trần phủ dụ mãi không được, Thủ Độ giảng hòa, xúi giục Nguyễn Nộn (vốn là đồng liêu cùng làm tướng dưới triều Lý với Đoàn Thượng, giả hẹn với Đoàn Thượng tới xứ Đồng Dao, đất Yên Nhân (nay thuộc Bắc Yên Thành, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên) cùng uống máu ăn thề tiêu diệt triều Trần khôi phục triều Lý. Nguyễn Nộn, Trần Thủ Độ cho quân phục sẵn, đợi khi thấy Đoàn Thượng tới, bèn hè nhau xông lên chém. Hôm ấy nhằm vào ngày 10 tháng 12.

Sự hy sinh oanh liệt của Đoàn Thượng đã gây nên niềm cảm khái của biết bao nhiêu thế hệ, bao nhiêu sách vở ca ngợi ông. Ở Thái Bình có tới hàng chục văn bản thần tích đều dành tình cảm nồng hậu và ngợi ca Đoàn Thượng, chê trách sự phản trắc của Trần Thủ Độ và Nguyễn Nộn.

Đối với Đoàn Thượng nào là: Kiến nghĩa Bình trung, Phù chính Đông Hải Đoàn đại vương; Số bách niên hậu chính khí do lắm như sinh (đã mấy trăm năm rồi mà chính khí ông vẫn lắm liệt như lúc sinh thời). Tam Thanh quán Đạo nhân nhận xét là: "Anh liệt chính khí Đoàn tướng quân".

Huyền Hư Tử có bài tiểu luận "Trung thần biện" chép trong sách Đoàn đại vương sự tích cũng hết lời ca tụng ông.

Đền thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng có hàng mấy trăm làng xã khắp trong nước phụng thờ, nhưng nhiều nhất là các địa phương miền duyên hải. Nhưng nơi thờ chính là làng Yên Nhân (tức thị trấn Bắc Yên, Yên Nhân, tỉnh Hưng Yên) nơi ông hy sinh và quê hương ông - xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

30. VŨ THÀNH

Ở Kép Ba (thuộc xã Hồng Quang, huyện Lục Ngạn, ngày

nay vẫn còn một ngôi đền, tục gọi là đền Từ Hả) thờ tướng quân Vũ Thành. Hằng năm, cứ đến ngày mồng 8 tháng Giêng, nhân dân khắp nơi lại kéo về đây mở hội tưởng nhớ người con quê hương đã anh dũng hy sinh vì nước. Suốt hai bờ dòng Lục Nam, nước chảy đến đâu là ở đó nhân dân lập đền thờ ông. Câu chuyện về vị tướng anh hùng ấy được kể lại như thế này:

Thuở ấy, vua Lý Huệ Tông tuổi đã cao rồi mà vẫn chưa sinh được hoàng tử nào. Vua bèn truyền ngôi cho người con gái cả là công chúa Lý Chiêu Hoàng. Người con gái thứ hai vua gả cho quan thị Phó vương Tả bộc xạ Vũ Tĩnh. Sau khi vua Lý Huệ Tông mất, Lý Chiêu Hoàng đã nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Nhà Trần được thành lập là kể từ đó.

Các quan công thần nhà Lý hết sức bàng hoàng trước cảnh thay vương đổi triều, nhiều người đã cáo quan về nhà nghỉ. Quan Vũ Tĩnh cũng lui về ẩn dật tại quê: thôn An Khánh, xã Tòng Lệnh, tổng Mỹ Nương, huyện Lục Ngạn. Dịp ấy, gia đình ông nuôi con chó cái để đi săn. Đến khi có chửa sắp đẻ, tự nhiên chó bỏ nhà đi mất, gia đình cất công đi tìm thế nào cũng vẫn không thấy. Thế rồi, một sớm mai, khi Vũ Tĩnh bơi thuyền trên sông Lục Nam săn bắn, ông bỗng gặp lại con chó nhà mình đang cắn ổ đẻ ở bên sông thuộc thôn Bồng Lai, xã Lão Hương. Gặp chủ, con chó tỏ ra vô cùng mừng rỡ. Vũ Tĩnh lấy làm lạ, bèn chỉ tay lên trời mà rằng:

- Loài vật còn biết chọn nơi đất tốt để sinh sống, hưởng chi con người?

Trở về nhà, Vũ Tĩnh bàn với vợ chuyển cả gia đình sang Bồng Lai, nơi con chó làm ổ đẻ đẻ ở. Cảm thấy thực sự thanh thản với nơi ở mới, Vũ Tĩnh từ đó lại thường dùng thuyền đi chơi trên sông Lục. Một hôm thuyền đang nhẹ lướt, ông chợt thấy một vật nổi lên trên mặt nước. Ông vội vớt lên xem, mới hay đó là vỏ một thanh kiếm, ngoài vỏ lại khắc rõ hai chữ "Công Thành". Ông đem kiếm về nhà cất kín. Đêm hôm đó, phu nhân Vũ Tĩnh trong lúc mơ màng đã thấy thần nhân xuất hiện và cho

biết bà sẽ có thai. Quả nhiên, sau mười một tháng, kể từ ngày ấy, bà sinh được một người con trai. Vợ chồng Vũ Tĩnh vô cùng vui sướng, cùng nhau lấy chữ ở chiếc vỏ kiếm lạ kia mà đặt tên cho con là Vũ Thành.

Được gia đình hết lòng nuôi dạy, nên mới đến tuổi thành niên, Vũ Thành đã tỏ rõ là một chàng trai thông minh, tài giỏi, văn võ thông suốt. Đến kỳ vua mở khoa thi, Vũ Thành đỗ luôn Thám hoa và được vua thưởng rất nhiều tiền bạc. Thế rồi, trong dịp trở về quê hương bái yết tiên tổ, chào lạy bố mẹ, ông đã kết duyên với người con gái thôn Giáp, xã Hả Hộ, là Giáp Thị Tuấn. Vợ chồng sống với nhau thật là hạnh phúc; nhưng chỉ được vài tháng, Vũ Thành đã nhận được chiếu của vua vời về triều thi hành quốc sự.

Lại nói, Vũ Thành về triều được một thời gian thì hay tin cha mất. Ông dâng biểu xin từ quan về nhà chịu tang ba năm. Giữa kỳ tang lễ, một đêm Vũ Thành mơ thấy tiên ông chỉ cho một cái huyệt đất tốt tại làng Hồng, xã Bà Lão. ông thưa mẹ xin được mang thi thể cha đến nơi đó an táng. Mọi việc đều trôi chảy cả, bấy giờ Vũ Thành mới tạm yên lòng.

Ở nhà chịu tang cha, những khi nhàn rỗi. Vũ Thành thường lên núi Phụng du chơi. Tình cờ, ông nhặt được một lưỡi kiếm trên khắc nổi hai chữ. Ông đem kiếm về nhà khoe với mẹ. Nhìn thanh kiếm sáng rực rỡ trên tay con trai, bà mẹ sức nhớ lại chuyện cũ, vội chạy vào trong nhà lấy chiếc vỏ kiếm mà Vũ Tĩnh vớt được năm xưa ra ướm. Lạ thay, chẳng những chữ trên thanh kiếm và vỏ kiếm hết giống nhau, mà khi tra kiếm vào vỏ lại thấy vừa khít như đã định sẵn. Bà liền bảo con rằng:

- Ấu là thần linh sông núi cùng hợp lại giúp gia đình ta và tiếp cho con sức mạnh. Việc nước lớn lao tất con sẽ hoàn thành.

Trong lòng xúc động. Vũ Thành mang kiếm thần đặt lên bàn thờ. Đến đúng đêm ba mươi tết năm đó, tự nhiên kiếm thần phát ra một tiếng nổ lớn, mọi người nghe thấy đều hoảng sợ. Gần sáng hôm ấy, Vũ Thành mộng thấy một ông lão da đỏ, áo

hông, chống gậy đến ban cho ông một chữ "thiệt"¹. Ông nhìn kỹ thì thấy chữ ấy thiếu một nét trên đầu. Vũ Thành bâng hoàng không biết sự thế ra sao.

Đất nước đang bình yên thì đầu tháng Hai năm ấy, quân tướng nhà Nguyên đã tràn qua ải quan tiến vào xâm lược nước ta. Vua liền triệu thám hoa Vũ Thành về triều bàn cách chống giặc. Ông lễ lạy phụ mẫu rồi đem theo kiếm thần tới kinh đô dâng vua. Nhà vua rất lấy làm đắc ý, đã trao lại kiếm thần cho Vũ Thành và phong ông là Tri hiệu đầu Thượng tướng, đồng thời truyền cho các trung thần, nghĩa sĩ hiệp sức cùng ông chống giặc. Vũ Thành vâng mệnh, lĩnh ba vạn binh rồi chia làm hai đạo: tiền quân là Hộ Quốc đại thần làm Đốc đốc quân vụ; hậu quân là Long Chu đại thần làm Đề đốc chuyển quân lương. Quân sĩ đang ráo riết chuẩn bị cho ngày lên đường, chợt thấy con ngựa trắng (bạch mã) mà thường ngày trong triều không ai có thể cưỡi được, chạy thẳng vào trước cung điện. Vũ Thành bái bái mệnh vua, đeo kiếm thần bên mình mà khấn rằng:

- Nếu trời phù đức giúp ta thì xin cho con ngựa quý xuống, tất sự việc thành công.

Quả nhiên, Vũ Thành vừa dứt lời, bạch mã đã từ từ quỳ xuống đón ông. Sau đấy, nó liền phi nước kiệu đưa ông đốc thúc ba quân tiến thẳng lên phía bắc chống giặc.

Thượng tướng Vũ Thành có con ngựa diêu kỳ, lại có kiếm thần giúp sức nên chỉ giặc giặc tan, chỉ sông sông cạn. Thượng tướng đã giao chiến giặc chín trận liền, đều toàn thắng. Cũng nhờ bạch mã có nước phi như gió lướt, nhiều hôm, sau một ngày xông pha chiến trận, tới đến Vũ Thành lại trở về sống với người vợ hiền ở quê nhà. Mờ sáng hôm sau, khi quân sĩ còn đang yên giấc, bạch mã đã đưa ông trở lại chiến địa mà vẫn không ai hay

1. Chữ Thiệt thiếu nét phẩy ở trên đầu thì biến thành chữ cổ, chữ "cổ" gồm hai chữ "thập" và "khẩu" hợp thành: ở đây ý nói Vũ Thành sẽ chiến đấu mười trận.

biết gì. Vì thế, một hôm phu nhân Vũ Thành từ Bồng Lai đến thăm mẹ tại làng An Khánh, đã bị bà căn vặn:

- Con ta đang ở nơi chiến trận chưa có dịp về cung, có sao ở nhà lại có thai?

Phu nhân bình tĩnh đáp:

- Chồng con tuy suốt ngày ra trận, nhưng tối nào cũng về nhà nghỉ...

Thánh mẫu không tin, nổi giận nói:

- Việc này không thể cho là thực, lấy gì để làm tin?

Dù đã kể lể hết sự tình, phu nhân Vũ Thành cũng không thể khiến bà mẹ tin theo lời mình, nàng bèn sụp lạy trước mẹ rồi đáp:

- Xin mẹ cứ yên lòng. Con thể tằng đã không làm gì trái với đạo vợ chồng. Một mai chồng con về, con sẽ lưu lại kiếm thần để mẹ hay.

Nói rồi phu nhân quyết trí trần tình lòng ngay thẳng của mình với mẹ. Nàng nhờ cánh thợ rèn đánh cho một thanh kiếm sắt giống hệt kiếm thần rồi mang giấu kín. Ngay đêm ấy Thượng tướng trở về cung thất với vợ. Kiếm thần dựng ở đầu giường, phu nhân liền mang kiếm sắt ra đổi. Tảng tảng sáng hôm sau, Thượng tướng tỉnh dậy vội đeo kiếm, lên ngựa phi ra trận.

Đây là trận đánh thứ mười của Vũ Thành. Mới vào trận, Thượng tướng đã thấy tình thế thật bất lợi; Bạch mã dẫn đường tìm mọi cách xông xáo vẫn không thể tiến lên được. Vũ Thành liền rút kiếm thần ra chém giặc. Lạ thay, giặc chẳng chịu lùi. Đến bảy giờ Vũ Thành mới biết kiếm thần đã bị tráo. Ông cảm thấy đầu óc bồng choáng váng, định ra lệnh lui quân, nhưng giặc đã ào tới chém ngã ông, Vũ Thành vội nhặt đầu mình chấp vào cổ rồi cưỡi ngựa chạy thẳng một mạch về đất Lam Sơn. Bảy giờ là đầu giờ Ngọ. Cả người lẫn ngựa đều đã thấm mệt, ông xuống ngựa nghỉ ngơi và chấp lại đầu. Sau đấy, bạch mã lại phi tiếp. Đến xã Hả Hộ, Vũ Thành trông thấy bên đường có một bà hàng nước bèn dừng ngựa hỏi bà lão:

- Người không đầu thì sống hay chết?

Bà lão trả lời:

Người không còn đầu thì sống làm sao được.

Vũ Thành buồn bã dong ngựa đến một ngọn núi thấp ở trong xã thì hóa ở đó. Tại nơi ông nằm. đấy, tự nhiên dần lên thành một gờ cao, phủ kín người ông. Sau này, nhà vua đã cho lập đền thờ Vũ Thành ở chính nơi ông hoá; còn nhân dân trong vùng thì đời đời hương khói phụng thờ ông và truyền lại cho nhau nghe câu chuyện bi tráng này.

31. SỰ TÍCH MINH CHU ĐẠI VƯƠNG VÀ MINH KHIẾT ĐẠI VƯƠNG

Đời truyền rằng, tại Bắc quốc, phố Mệnh Vương, có một nhà lệnh trưởng họ Lý tên là Thục, vợ họ Hoàng tên Nguyên. Vợ chồng là người phúc hậu, gia tư giàu có, buôn bán sinh nhai. Đến khi vợ chồng đã tuổi ngoại tam tuần, mà giai gái chưa có, trong lòng phiền muộn, đêm ngày cầu nguyện. Có một đêm, thái bà nằm mộng thấy một ông lão râu tóc bạc phơ tay cầm hai cành hoa quế giao cho thái bà nhận lấy, bảo rằng: "Ta phụng mệnh Thiên đình xuống bảo nhà ngươi, nhà ngươi phúc hậu hoàng thiên đã biết, nay cho hai cành hoa quế vào làm con nhà ngươi, ngày sau được hương hỏa vô cùng". Nói xong rồi thần nhân biến mất. Thái bà tỉnh ra biết thần ứng mộng, bèn nói chuyện cùng chồng được biết. Chồng lấy làm sự lạ, làm lễ tạ thần. Từ đấy vợ chồng duyên hài hòa hợp. Được 3 tháng trong bụng như có thai, chỉ ăn uống đồ chay tịnh khiết. Đến ngày mồng 8 tháng Hai năm Bính Ngọ, sinh ra hai người con giai mặt mũi khôi ngô hình dong dĩnh ngộ, tiếng như tiếng chuông, trước bụng có thất tinh điểm, tướng mạo xuất nhân. Đến năm lên ba, đặt tên một người là Oai công, một người là Võ công. Đến năm 12 tuổi, hai ông tự đi tìm thầy vào học. Học được 4, 5 năm, văn học tinh thông, binh thư tường tận. Đến năm 24 tuổi

bố mẹ qua đời. Hai ông cư tang 3 năm báo đức cù lao. Để tang cha mẹ xong, lại gặp năm hỏa hoạn, giặc giã, hai ông bảo nhau rằng: "Anh em ta là người lương thiện, nay gặp địa phương bình hỏa, binh cách nhiễu nhương lấy gì giữ thân. Sao bằng đi tìm chốn khác lập kế sinh nhai". Nói rồi cùng nhau đi thuyền sang nước An Nam. Đến thành Thăng Long, nơi bên tả phố Đông Tân, Lô Giang xứ sở, gặp cơn phong ba thuyền trôi giạt đến nơi Kinh Bắc phủ Thuận An, huyện Gia Lâm, trang Gia Quất, thuyền bè tan vỡ. Hai ông bèn xin vào ở nhờ trang trại ấy. Bấy giờ những người dân thấy hai ông mặt mũi khôi kì, là người phúc hậu thì cho ở nhờ đấy. Được một hai năm gia tư trở nên giàu có. Hai ông thường đem của nhà giúp đỡ những người đói khó trong trang, lại dạy dỗ nông tang có nhiều việc làm từ thiện.

Đến năm niên hiệu Long Phù (Lý Nhân Tông, 1101-1109) có Chiêm Thành nổi loạn xâm đoạt biên cương. Vua bèn ngự giá tiến binh. Đi qua đến trang địa phận, trang đó lập đồn đóng binh ở chỗ ấy ba bốn ngày. Nghe thấy trang trại ấy có hai con nhà họ Lý thực có anh tài. Vua lập tức triệu hai ông lại, truyền hai ông yết kiến. Vua thấy hai ông mặt mũi phi thường, hỏi tên hỏi họ, thủ kĩ tài nghệ hai ông thấy tấu đối lưu loát. Vua biết hai ông có đại tài, phong tước hai ông làm Trung hoa tử và bảo hai ông rằng: "Ngày nay trong nước có giặc, thấy hai ông là kẻ có tài, ta uỷ cho hai ông tiến binh". Hai ông vâng mệnh, lĩnh thủ ba vạn tinh binh, chiến thuyền, tuần mã phân làm hai đạo, thẳng tiến đến Chiêm binh đồn sở. Đại chiến một trận, Chiêm binh đại bại. Bình giặc xong hai ông hồi binh bái tấu phục yết. Vua bèn mở tiệc yến thưởng khao quân sĩ, lại ban cho hai ông ngân tiền hai trăm quan để làm ân thưởng.

Bấy giờ vua mới đem quân về triều, còn hai ông làm biểu tấu xin ở lại bản trang gia quán để làm lễ tiên đường. Vua y tấu, hai ông làm lễ tiên đường xong, rồi mở tiệc mời nhân dân phụ lão cùng lại ăn yến. Một ngày thông thả, hai ông ra chơi đến bản huyện, địa trang Gia Thụy, thấy ngôi đất ấy có cục thế hình con

quy. Đang đứng xem tự nhiên giò đất tối tăm, gió mưa mù mịt. Hai ông cùng hóa mất ở chốn ấy. Một lát sau trời đất tạnh sáng, người bản trang nghe thấy hai ông đã hóa đều cảm đức trạch ra xem đã thấy mỗi đùn thành hai ngôi mộ lớn. Bấy giờ nhân dân thấy sự kì, bèn làm biểu tấu đế đình. Vua nghe thấy lấy làm thương tiếc người công thần có công lao với nước. Lập tức truyền mang sắc chỉ đến bản trang truyền nhân dân lập miếu phụng thờ, xuân thu quốc tế, bao phong mi tự "Thượng đẳng Tối linh thần" vạn cổ huyết thực, mãi mãi muôn đời làm lệ thường.

32. SỰ TÍCH CHIẾU DIỆU QUỐC VƯƠNG ĐỜI LÝ

Theo sự tích, ngài nguyên là một người thiên tài ở trang Dị Sủ, huyện Thiện Tài thuộc đất Phụng Trì. Cha ngài là Phạm Công Bảo, mẹ ngài là Hoàng Thị Nguyên. Ngài sinh ngày 12 tháng 2 năm Bính Ngọ. Khi ngài vừa bảy tuổi, cha mẹ sớm thác, ngài nhờ được ba người anh họ là đức Bá Minh, Trọng Minh, Quý Minh ba anh em hết lòng nuôi nấng cho ăn học. Đến khi 19 tuổi ngài đã thông kinh quán sử, thiên văn địa lí đều tinh hiểu cả. Năm 27 tuổi văn võ kiêm toàn. Vào năm niên hiệu Càn Phù vua Thái Tông nhà Lý, có giặc Chiêm sang quấy nhiễu. Vua truyền hịch cầu tài, ngài nghe tin bèn mộ được hơn vài mươi người gia thần, xin ra báii yết cầu giúp vua. Vua xem ứng đối thấy ngài quả là bậc đại tài, lập tức ban cho tinh binh ba vạn cùng tuần mã một nghìn. Ngài lại được ba ông Bá Minh, Trọng Minh. Quý Minh vốn là gia tướng hết lòng giúp ngài phù quốc cứu dân. Vì vậy, giặc Chiêm sức không chống nổi phải thua chạy tan tác. Bình giặc xong, ngài đem quân về bản quán mở tiệc ăn mừng, rồi ngài tự hóa giữa ngày 2 tháng 12. Vua Thái Tông thấy ngài là bậc trung nghĩa và có công trạng to, mới sai kẻ đình thần mang chiếu chỉ đến trang Dị Sủ. Đạo Sủ tức là đất bản quán của ngài, truyền cho nhân dân phải lập miếu phụng

thờ, lại thưởng cho 70 quan tiền để làm tiền hương hỏa và gia phong là Thượng đẳng Tồi linh thần. Chiếu Diệu quốc vương.

33. SỰ TÍCH PHẠM CỰ LƯỢNG TRIỀU LÝ

Theo sự tích ngài là Hồng Thánh đại vương, ngài làm quan Ngự sử về cuối đời nhà Tiền Lê. Đến đời vua Thái Tông nhà Lý. Bấy giờ trong kinh đô nhà vua có nhiều án khuyết nghị mà các quan trong triều không biết xử án nặng nhẹ ra sao.

Vua Thái Tông thấy vậy lấy làm nản lòng, không biết tìm đâu cho thấy nhân tài. Sau vua phải làm bàn thờ cầu khẩn thiên địa để xin chỉ giáng nhân tài giúp vua. Ngay đêm hôm ấy, nhà vua ngủ mê thấy một ông sứ giả mặt đỏ, tự xưng là thần trên trời hiện ra mà báo mộng cho nhà vua, là thần Phạm Cự Lượng chính là người giỏi sai xuống để giúp vua xử các tội nhân và xét các việc can hệ trong nước. Sau khi tỉnh giấc mộng, vua xét qua danh sách cho các quan trong triều, thì quả có tên Phạm Cự Lượng. Vua bèn viết biểu cho ông quan họ Phạm vào triều yết kiến vua. Sau đó vua giao công việc án tử trong nước cho ông, ông nhận ngay. Từ đấy các việc án của các tội nhân đều do ông điều tra xét xử rất công bằng và nhanh chóng. Vua cùng dân gian đều khâm phục cái tài thông minh của quan án Phạm. Ai cũng khen quan án Phạm Cự Lượng rất thông minh, tài giỏi và công bằng, danh tiếng lừng lẫy khắp trong nước. Nên khi ngài mất, vua nhớ ơn truyền cho lập đền thờ và phong cho ngài là Hồng Thánh đại vương.

34. SỰ TÍCH PHẠM CÔNG CHÚA THỜI LÝ

Theo sự tích, vua Lý Thánh Tông tuổi đã 40 chưa có con nối dõi, một hôm ngài đi chơi chùa qua làng Thượng Lỗ, con trai con gái tới tấp chạy xem. Duy có người con gái vẫn ung dung đứng dựa trong đám cỏ lan mà hái dâu. Vua lấy làm lạ, vờ vào cung, lập làm "Ỗ Lan phu nhân".

Một hôm, phu nhân đi lễ ở chùa Thiên Bảo, đêm mộng thấy Phật Quan âm ban cho một nữ đồng. Từ đó phu nhân có thai, rồi sinh một người con gái. Vua lấy ý rằng phu nhân cầu ở chùa mà sinh được công chúa, bèn đặt tên là Phạn công chúa (tức công chúa nhà Phật). Khi đã 16 tuổi, công chúa không muốn lấy chồng, xin vua lập cung cho ở làng Gia Quất để khuyên dân cày cấy làm ăn. Đến tháng 2 năm Ất Dậu, vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Công chúa xin đi hộ giá, vua còn chưa quyết thì công chúa đã cưỡi ngựa cầm gươm đi tiên phong. Khi qua làng Cổ Viễn, đạo Sơn Nam, phụ lão đón đường bái vọng, thấy công chúa liễu yếu đào thơ, chưa quen sương gió, bèn cố kêu xin cho đóng lại một đêm. Vua cảm lòng dân không nỡ bỏ đi, bèn lưu công chúa lại để ứ lạo nhân dân. Công chúa thấy nhân dân đói khổ, đem tiền của chẩn cứu, khuyên bảo canh nông, cùng dân cam khổ. Đến tháng 6, vua bắt được chúa Chiêm Thành là Chế Củ đem về, khi vua đi qua phủ Thiên Trường, huyện Thượng Hiền, làng Cổ Viễn, công chúa yết kiến vua cha xin khai một con sông nhỏ để tải thóc và biệt lập trang trại, khuyên dạy nông tang. Vua chuẩn y, từ đó công chúa mở trại khẩn điền, chẩn cứu kẻ nghèo hèn, sửa sang lại phong tục, coi dân như con. Khoảng 3, 4 năm ruộng đồng mở mang, người làng no đủ, được bao nhiêu thóc lúa, công chúa cấp hất cho cả trại dân. Sau công chúa trở về kinh sư phụng thị hoàng thượng. Đến khi em ruột công chúa là ông thái tử Kiến Đức lên ngôi thì công chúa tạ thế. Vua truy tôn công chúa làm Thượng đẳng Phúc thần, truyền những làng công chúa ở trước đó phải lập miếu phụng thờ.

35. SỰ TÍCH HAI ANH EM PHẠM QUANG, PHẠM HUY THỜI LÝ

Theo thần tích, hai ngài quê quán ở Ái châu, trang Văn Xá, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Thiên, ông thân sinh ra hai ngài chết vợ sớm, ông bán gia tài mua tiểu cải táng cho những phé mộ cô hồn trong tổng ấy hơn một nghìn mộ, rồi lập đàn phả độ,

xong ông đem sách vở tìm nơi dạy học, làm thuốc. Có một ngày ông đến trọ ở chùa Tây Thiên, quận Hải Dương. Một hôm thông thả, ông nằm ở Phật đường thiu thiu ngủ, mộng thấy một ông sư già, tay cầm thích trượng, đọc 4 câu thơ rằng:

Dục thành danh giá đảo Hồng Châu

Lợi lộc thê noa tự khả cầu

Phúc chí tâm linh giai sự đạt

Thê hiền tử hiếu kế thư lâu¹.

Thấy mộng như thế biết là điềm tốt, Phật báo cho, nên ông về Hồng Châu, chơi ở chợ. Khi ấy ông gặp một ông họ Trương người ở trang Thanh Khê, có 3 người con trai; 2 người con gái, chưa chọn được thầy dạy, nên rước ông về để dạy con học. Được một năm thấy ông giáo hóa sĩ tử tấn tới và làm thuốc cứu giúp các người trong trang ấp được nhờ ơn, nên ông Trương công đem con gái lớn gả cho. Sắt cầm hòa hợp được 5 năm, ông Trương công chết, tổng táng xong, ông có người bạn làm quan ở huyện Bình Lục, mời ông về huyện dạy học làm thuốc. Được mấy năm, gia môn hiển đạt, nho y đều nổi danh nên học trò ở huyện Duy Tiên, Kim Bảng tiếp giáp đều đến học rất đông. Được 3, 4 năm, quan huyện Bình Lục đổi đi Nam Sách, huyện Duy Tiên lại rước ông về dạy học ở huyện. Năm ấy ông đã ngoài 50 tuổi, bà đã 30 tuổi. Một hôm nhàn hạ, bà tựa ghế hiên trường thiu thiu ngủ, bỗng thấy trên trời hai ngôi sao rơi vào miệng, bà nuốt đi. Tỉnh dậy biết là chiêm bao, rồi bà có thai. Đến ngày 12 tháng 2 năm Ất Mão, ông nằm ngủ, thấy có người ghé vào tai 4 câu ý nói bà sẽ sinh đôi hai trai đều là quý tử. Ông tỉnh dậy biết là điềm lành. Trưa ngày hôm ấy thấy có đám mây che trên nóc nhà, đến

1. Nghĩa là:

Muốn nên danh giá tới Hồng Châu

Lợi lộc thê nhi khỏi phải cầu

Phúc đến lòng thành muôn sự đạt

Vợ hiền con hiếu nối thư lâu.

giờ bà sinh một bọc hai con trai (tức là 2 ngài); diện mạo kì tuấn, dung biểu dị thường. Khi lên một tuổi hai ngài đã biết nói, lên 5 học đã tinh thông, lên 9 tuổi quán triệt thi thư. Văn bảy thước thành thơ, võ tài cái thế, đã có khí tượng thành hoàng. Ở trường học người nào thất lễ, hai ngài giận mắng, trở về tất nhiên sẽ bị bệnh; sau biết phép đến xin lại khỏi. Lên 13 tuổi, nhà vua mở khoa thi, hai ngài đi thi đều đỗ tam trường, khi về bố mẹ hai ngài đều vô bệnh tự mất (tức là ngày 10 tháng 7); khi ấy học trò huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Bình Lục, Nam Xang đến hơn nghìn người đều đến tống táng ở sườn bên tả núi Đọi Sơn. Rồi sau hai ngài thay cha mẹ dạy học ở huyện Duy Tiên. Khi bấy giờ nhân dân trong mấy huyện có bệnh tật đến trường học xin hai ngài làm lễ, bệnh tật tự nhiên được khỏi. Một ngày hai ngài đi chơi huyện Nam Xang, qua địa phận trang Cát Lại, có con nhà họ Nguyễn là học trò hai ngài, vì thế hai ngài vào chơi cảnh chùa, hứng bút đề hai bài thơ vào lưng tượng Long Thần. Nội dung thơ có ý trách đùa tượng Long Thần thấy hai ngài không chào. Đề xong tượng Long Thần đổ mồ hôi ra như hạt mưa. Khi hai ngài trở về, trong làng nhân vật, tật bệnh không yên. Bấy giờ các bậc huynh trưởng trong làng mộng thấy một ông cưỡi con ngựa trắng, mũ áo chỉnh tề, gọi dân báo rằng:

- Ta là Long Thần, chúa tể trong dân, nay Hoàng thiên đã định, anh em Quang, Huy làm phúc thần trong dân, nay hai ông đi chơi qua vào chùa, đề thơ vào tượng trách ta là thất lễ, nên bâng hoàng không yên; vậy trách cập dân xã, nay muốn yên phải rước hai ông về làm lễ rửa chữ thơ thời dân mấy yên.

Ngày ấy, chức sắc trong làng phải đến trường học huyện Duy Tiên mời hai ngài về làng, dựng trường học (trường học ấy tức là hướng đình bây giờ) ở đầu làng, hình thế phong thủy rất đẹp. Từ khi hai ngài ngồi dạy học thì trong làng nhân vật tật bệnh đều được yên khỏi. Dân lấy làm tín nhiệm, biện lễ vật đến trường xin rửa thơ ở lưng tượng Long Thần. Từ đấy dân được yên ổn, được mấy năm, triều nhà Lý vua Thánh Tông mở khoa thi, khi ấy hai ngài đã 18 tuổi, đều về kinh dự thi, cả hai anh

em đều trúng Hoàng giáp (ngài Quang công đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, danh đề đông bảng; ngài Huy công đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân, danh đề tây bảng), huynh đệ đồng khoa, tam khôi thiên hạ, lại thi trước sân điện nhà vua, văn võ tinh thông, thiên văn địa lí, cách vật trí tri, hết thảy thông suốt, đối đáp như nước chảy, vua phong ngài Quang công làm Tham nghị triều chính, ngài Huy công làm Lễ bộ tham tri. Bấy giờ thiên hạ thanh bình, phủ trung vô sự; hai ngài xin vua vinh quy thăm cha mẹ. Vua ban vàng, bạc, châu báu, cò, tàn, binh mã, xe giá về làng, yến tiệc mừng 3, 4 tháng. Vua lại ban chiếu về triều, khi ấy ngài xe giá đi qua huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân, phụ lão trong dân biện lễ vật đến mời hai ngài về trường học. Hai ngài xe giá về trường ngày mồng 10 tháng 11, yến ẩm chúc mừng, hai ngài bảo dân rằng:

- Ngôi trường học này, đạo trời đã định, dân không nên di dịch đi nơi khác.

Hai ngài cấp vàng bạc cho dân tu sửa để làm nơi hội đồng du cung, trú giá, hội yến, và mua ruộng đất làm hương hỏa ức niên. Khoảng bấy giờ, nhân dân mấy huyện nghe tiếng đều đến mời hai ngài du lịch các địa phương mười ngày, rồi xe giá về triều. Vua lại thăng ngài Quang công làm Triều nghị đại phu, ngài Huy công làm Đô đài ngự sử. Sau vua lại phong ngài Quang công làm Đốc bộ Hải Dương, ngài Huy công là Nam Sơn hiến sát. Thiên hạ thái bình, hai ngài nhậm chức được 3 năm, vua lại chiếu triệu hồi triều, thăng ngài Quang công làm Lễ bộ Thượng thư, ngài Huy công làm Hộ bộ Thượng thư. Thời bấy giờ thiên hạ bỗng bị nước lụt xuyên phá đê điều, nhân dân lưu tán, ruộng nương ngập trắng. Vua lại mệnh hai ngài tuần hành thiên hạ, trị thủy cứu dân. Hai ngài ngự thuyền rồng đến huyện Nam Xang, vào bến trang Cát Lại (tức là xã Cát Lại bây giờ); ngồi trong thuyền rồng thấy ngoài nước có người nói rằng:

Nay có hai quan vốn Thiên đình sai xuống phù Dương quốc, có thiên tài, vua Dương truyền lệnh cho giao long kíp xuống nước lưu về ngoài bể, không được dâng nước lên, hai ngài tâu

đến Thiên đình tất là có lỗi. Bằng viên nào có tài kháng cự, đem quân lại đánh ta cũng cho.

Bổng thấy có tiếng thưa rằng:

- Nam Hải thần quan đã khiến tôi đem quân lại đánh.

Nghe xong, hai ngài cầm kiếm vua ban và truyền cho gia thần binh sĩ đều cầm khí giới. Một chốc thấy nước kêu lên vu vù, sóng gió cuộn cuộn, thuyền rồng nghiêng đảo. Hai ngài mình trần tay cầm kiếm nhảy xuống nước, chém được con giao long làm 3 đoạn, tức thì nước xuống, sóng gió yên. Hai ngài lên thuyền rồng, dâng biểu lập đàn tấu cáo Thiên Địa và Long Quân thủy đế. Được 3 ngày nước xuống, thiên hạ thanh bình, hai ngài biểu tấu và dâng đầu giao long về triều. Vua lại chiếu triệu hồi triều, hai ngài về triều bái yết nhà vua. Vua đặt yến tiệc chúc mừng, cho huyện Duy Tiên, Bình Lục, Nam Xang, Kim Bảng các đất gia thần đều làm hộ nhi⁽¹⁾, sở tại của hai ngài lại thưởng công trị thủy, để trấn giặc nước 4 mặt sơn hà và gia cấp cho trang Cát Lại làm nơi hội đồng cung gia, thần nghĩa sử, cùng miễn việc binh lương. Hai ngài về triều, vua lại thăng ngài Quang công làm Hàn lâm viện đông các Đại học sĩ, phong làm Đông bằng Đại vương, ngài Huy công làm Lễ bộ Thượng thư, phong làm Tây bằng Đại vương. Được mấy năm lại có giặc ở Trương ấp cùng mấy quân Chiêm khởi binh làm loạn. Vũ sĩ trong triều cự chiến đều bị bại, thế giặc ngày càng to, triều đình lấy làm lo. Hai ngài tâu vua xin đi đánh giặc, vua cấp cho 3 vạn hùng binh, hai ngài phụng mệnh đem quân đi đánh. Đến đạo Sơn Nam, lại mộ ở huyện Kim Bảng, Bình Lục, Duy Tiên. Nam Xang gia thần trong mấy huyện làm quân nội đạo thủ túc, cùng quân đường thủy, cộng được hơn 800 người. Khi ấy trang Cát Lại có 54 người làm gia thần nội đạo thủ túc. Hai ngài mộ quân mấy

1. *Hộ nhi*: dân chúng ở nơi có đền thờ thần được miễn mọi thứ phu phen tạp dịch của nhà nước.

ngày, rồi tiến binh đánh giặc. một trận là giặc thua, bắt được hai tướng chém đầu, lại đuổi chém được hơn nghìn tên và thu khí giới, tấu hồi triều giặc đã bình. Vua ban chiếu triệu hồi. Ngày 12 tháng 10, ngài Quang công về đến huyện Tống Sơn, động Hương Vân, chân núi Bồng Nhan, thấy trời đất mù tối, ngài liền hóa. Ngày mồng 10 tháng 10 ngài Huy công tiến binh về đến huyện Kim Thành, trang Kim Loan, có một gò đất hình con rùa uống nước, trước có một dải sông nhỏ, bỗng thấy trời đất mù tối, gió mưa ầm ầm, ngài liền hóa. Một lát trời quang mây tạnh, quan quân đã thấy mối đùn thành ngôi mộ lớn. Quan quân nhân dân đều lấy làm lạ, làm lễ tế bái xong, biểu tấu đế đình. Vua nghe tin rất lay làm thương xót bấy tôi hiền có công to, bèn sai đình thần đến nơi hóa, truyền địa phương lập đền thờ, xuân thu chí tế. lại truyền cho trang Cát Lại, huyện Nam Xang vốn là thần tử, trời đã định hai ngài làm phúc thần, chuẩn hứa làm nơi hộ nhĩ du cung, lại truyền phải tu sửa đền đài, xuân thu sau quan chí tế. Còn huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Bình Lục, Nam Xang cùng các gia thần thiên hạ, cộng được 62 đền, hương hỏa phụng tự. Đình thần phụng mệnh vua đến các nơi làm lễ, truyền báo xong về triều phục chỉ. Vua lại bao phong hai ngài làm Vạn cổ Phúc thần, huyết thực vạn đại, cùng tôn vinh với nước, thành lệ thường vĩnh viễn muôn đời.

36. SỰ TÍCH CHÍNH NƯƠNG VÀ CHU CHƯƠNG

Huyền tích kể rằng, có người là Nguyễn Đàm, xã Mỹ Lạc, huyện Chân Định; lấy vợ là Trần Thị Phụng, người bản xã. Hai ông bà Nguyễn Đàm tuổi đã cao, đều đã ngoài 40 mà chưa hề sinh nở thì buồn lắm. Một hôm hai vợ chồng than phiền với nhau: Sau này cái ngày ta chết thì lấy ai mà di chúc nhĩ, chỉ bằng ta hãy đi thăm tìm linh từ Phật tự để cầu tự. Thế rồi hai vợ chồng ông bà Nguyễn Đàm nghe tin ở phủ

Kinh Môn có chùa Yên Tử sơn nổi tiếng linh thiêng, cầu gì thì được ứng nấy, xin gì thì được như sở nguyện, nên hai ông bà đánh đường tìm đến chùa Yên Tử làm lễ sơ cúng Phật. Cúng xong, hai vợ chồng tá túc tại chùa, ngay ban đêm mở gặp Phật Quan âm thế tôn dất tối trước ông Đàm hai đứa trẻ, một gái hiệu là Chĩnh nương, một trai tên gọi là Chu Chương, rồi Phật hỏi ông Đàm rằng: "Người thích người nào?". Ông đáp: "Con thì yêu quý cả hai ạ". Sau phu nhân có thai, rồi sinh ra hai chị em Chĩnh nương. Chị là Chĩnh nương, em là Chu Chương. Khi lớn lên, chị thì quốc sắc thiên hương, được vua Lý Anh Tông lấy làm Đệ tam Cung phi; em trai Chu Chương văn chương võ nghệ kiêm tài, vua mến tài mời vào triều cho làm quan Bình chương sự vụ, kiêm Tri nội các. Đến khi có quân Chiêm Thành đem 20 vạn quân, 1000 chiến thuyền vào quấy nhiễu; triều đình sai Chu Chương thống lĩnh ba quân cùng sự phối hợp trợ giúp của chị là Cung phi, ông đã đem 10 vạn tinh binh, một ngàn chiếc thuyền chiến, chia làm ba ngả tiến thẳng tới đồn cứ của giặc mà đánh. Cuộc chiến kéo dài ròng rã ba năm, lực lượng của địch bị quân ta tiêu hao nặng, nhưng chúng vẫn cho quân tiếp viện. Cuối cùng chúng cũng bị quân ta tiêu diệt, quân không sót một tên, thuyền không còn một chiếc. Sau khi giặc tan, đất nước thanh bình, Chu Chương xin vua cho đi chu du thiên hạ. Khi tới khu Mỹ Lạc, xã Trà Hương, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, ngài cho sĩ tốt lập hành cung, lúc sống làm nơi sinh tử làm cơ sở đi về, ngày sau trăm năm làm nơi thờ tự. Sau khi qua đời, triều đình phong cả hai chị em là Thượng đẳng Phúc thần. Phong bà chị làm Đệ nhất Nguyên hậu Phi nhân Chĩnh tức Trang nghiêm Cẩn tiết. Từ hòa cảm hóa Đinh Phi ngọc bệ hạ. Phong Chu Chương là Bản cảnh Thành hoàng, tức Quý công Tổng thống Đại thần quan và mỹ tự "Trị quốc ứng vận Tế thế an dân Đại vương". Sau khi chết lại anh linh cứu giúp nhân gian, nên các triều đế vương đều có sắc phong mỹ tự.

37. SỰ TÍCH PHƯỢNG HOÀNG CÔNG CHÚA THỜI LÝ

Theo huyền tích, tên thật của Phượng Hoàng công chúa tôn thần là Lý Phượng Hoàng. Cha công chúa tên là Lý Thiến, sống vào thời Lý Nhân Tông, trong một gia đình khá giả, người làng Phù Xá, huyện Đông An, phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam. Bất hạnh vào năm Lý Thiến 22 tuổi, cha mẹ bỗng mắc bệnh kế nhau qua đời, kế đó vợ ông là Phạm Thị Nghi cũng chết. Từ đấy ông sống trong cảnh bần bạch, cô đơn buồn chán. Tại quê hương ba bốn năm liền thiên tai mất mùa, dân chúng đói khát cơ hàn, ông đành từ giã quê cha đất tổ đi tìm đất lạ để sinh nhai. Một ngày kia Lý tới địa đầu thôn Phú Vinh, tổng Diên Hà, huyện Diên Hà, phủ Tân Hưng, đạo Sơn Nam, thấy phong cảnh ở đây tươi đẹp, phong tục thuần hậu, ông bèn vào làng xin nhân dân cho lưu trú để mở trường dạy bảo con em họ. Nhân dân phụ lão cả mừng, họ liền mở trường mời ông ở lại làm Hương sư. Không bao lâu, ông gặp người con gái họ Bùi, tên Bùi Thị Cầu bèn lấy làm vợ. Vợ chồng ở với nhau đã bốn năm mà vẫn chưa có con. Có người đánh tiếng có chùa trên núi Phượng Hoàng, thuộc huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc rất linh thiêng cầu gì được nấy, đã nguyện thì tất được ứng ngay. Vợ chồng ông Lý liền sắm sanh lễ vật, đánh đường tìm tới chùa cầu Phật. Phật báo mộng cho hay rằng: Hai vợ chồng ông là người nhân đức, tâm thành, về đức một pho tượng Đại Đạo Thiên Tôn, sớm tối khấn cầu tất sẽ như ý. Quả đúng là rất linh nghiệm; sau khi ông bà Lý đức tượng Đại Đạo Thiên Tôn, sớm tối dâng hương cầu khấn, đã sinh ra một cô con gái xinh đẹp và thông minh, mới lấy tên chùa cầu tự mà đặt tên cho con là Phượng Hoàng. Tới năm Phượng Hoàng 16 tuổi lại càng xinh đẹp, chim sa cá lặn, khiến biết bao chàng trai nhòm ngó. Nhưng cha cô Thiến công bỗng vô bệnh mà chết, rồi mẹ cũng theo cha qua đời. Phượng Hoàng đau đớn lăn khóc, chỉ biết kêu trời. Thế rồi cô tự thu gom tài sản và phổ

khuyến thập phương, dựng một ngôi chùa rước tượng Đại Đạo Thiên Tôn về phụng thờ. Ít lâu sau, Phụng Hoàng ni cô nhớ câu chuyện cha mẹ ni cô đã tới chùa Phụng Hoàng sơn mà sinh ra mình. Nay ni cô muốn về thăm cảnh đó, mới chọn lấy hai tì nữ cho đi theo cùng vãng cảnh. Nhưng vừa tới cổng chùa thì trời đất bỗng tối đen trong giây lát, ni cô bèn biến đi trong khoảnh khắc ấy. Hai tì nữ bàng hoàng lo sợ, chỉ biết vội thu lượm lấy khăn mũ áo xiêm của ni cô, rồi chạy thục mạng trở về báo cáo với bà con thôn Phú Vinh. Nhân dân Phú Vinh nhớ ơn công đức của ni cô Phụng Hoàng, họ bảo nhau làm lễ lập thần vị phụng thờ vào miếu Đại Đạo Thiên Tôn.

Lại nói, bấy giờ ở trang Tống Tranh, huyện Đường An, phủ Khoái Châu, Hồng Châu, đạo Hải Dương, có người tên là Nguyễn Lương. Gốc gác ông Lương là người đất Lương Giang, phủ Thiệu Thiên, ái châu đến ngụ cư ở trang Tống Tranh. Nguyên vào đời thứ hai, có người tên là Nguyễn Sùng lấy Trương Thị Hạnh, bà Trương Thị nằm mơ cười rồing bay lên Thiên đình, ôm được sao Vũ Khúc rồi sinh ra Lương công. Lương công là người văn võ song toàn, thông minh tài trí, cả nước biết tên. Năm Lương công 21 tuổi, Lý Anh Tông hạ chiếu cho các phủ huyện phải tuyển cử những người hiền liêm và có tài văn võ. Bấy giờ huyện quan tiến cử Lương công. Tới khi bệ kiến nhà vua, ông đối đáp trôi chảy lưu loát mọi điều. Vua mến tài, phong làm quan Phủ doãn Tân Hưng. Trong những năm ông làm việc tại phủ, ông thường đi thăm thú dân tình, khuyến khích nông tang, hưng thiện trừ hại. Có một ngày, quan Phủ doãn về thôn Phú Vinh, xã Diên Hà, tổng Diên Hà, huyện Diên Hà, bấy giờ dân thôn chờ đón chúc mừng xin làm thần tử. Ông thấy thế đất long châu hổ chực linh thiêng, dân phong thuần hậu, ông cho sĩ tốt lập một ngôi miếu sở, tự mình làm sớ xin vua cho dân Phú Vinh làm đất thờ tự, xin cho dân nơi đây được miễn mọi phu phen tạp dịch. Vua chuẩn cho. Lại nói, bấy giờ có giặc Chiêm Thành tới lấn cỗi ở châu ái. Quan quân sở tại chống giặc không nổi. Vua

liên phong ông làm Đô thiên Thần tướng, lĩnh 10 vạn tinh binh đi đánh đuổi giặc Chiêm Thành. Trước khi ra trận ông qua miếu Thiên Tôn linh thiêng cầu đảo, xin thần phù giúp. Hôm sau ông cho quân tiến thẳng tới vùng ái châu, đánh 10 trận thì giặc lâm vào thế bất lợi, thừa thắng ông cho quân lính đuổi dài với khí thế trúc chẻ ngồi bay, chém đầu ba tướng giặc, sĩ tốt của chúng bị giết và bắt sống không còn sót một tên. Khải hoàn dâng sớ tâu vua. Vua cả mừng, phong ông làm Ái châu Đô đốc ông một mực chối từ, chỉ xin vua cho đi chu du thiên hạ cho thỏa chí bình sinh. Nhân đó, ông lại tâu vua về công lao âm phù giết giặc Chiêm Thành của miếu thần Phú Vinh. Vua liền phê sắc chỉ giao cho Lương công cùng nhân dân Phú Vinh rước sắc về phụng thờ Đại Đạo Thiên Tôn và Phụng Hoàng công chúa. Vua lại sắc cho dân Phú Vinh lập sinh từ thờ Lương công. Từ đấy Lương công ở lại Phú Vinh, giúp đỡ hướng dẫn nhân dân ở đây tạo thành một miền quê thuần phong mỹ tục, lễ nghĩa. Dân thôn ai ai cũng đều ngợi ca công đức của ông. Đến khi ông qua đời, dân thương tiếc như người cha, làm sớ tâu vua. Vua thương tiếc kẻ lương thần, phong là Đại vương Thần tướng Uy linh Đại vương, cùng thờ với đức Đại Đạo Thiên Tôn Linh ứng Đại vương và đức Phụng Hoàng công chúa Linh hiển Đại vương, giao cho dân thôn Phú Vinh sửa sang miếu vũ tôn thần để hương khói ngàn thu.

38. TRUYỆN BỐN ANH EM CÙNG MỘT BỌC CÓ CÔNG CHỐNG NGOẠI XÂM THỜI LÝ THÁNH TÔNG

Tục truyền vào thời Lý Thánh Tông tại trang Đông Ngàn, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc có người họ Hoàng, tên gọi là Lang, vợ là Đào Thị Thuật. Vợ chồng bản tính hiền hoà, vốn dòng nhân hậu, làm nghề bốc thuốc cứu

người. Bấy giờ bệnh dịch hoành hành, lại thêm nghèo đói, không tiền mua thuốc, nên người chết bệnh chết dịch chết đói nhiều không kể xiết. Trước tình cảnh xót xa ấy, ông Hoàng bàn với vợ: "Kể tu nhân tích đức ở đời không gì bằng cứu sống người, ta hãy mua thuốc chữa bệnh cứu người là hơn. Nhưng hiềm nhà mình bán bạch thì biết làm sao đây? Nhà xem có kế gì hay chăng?". Phu nhân đáp lời ngay "Nhà ta còn mẫu ruộng tốt, có thể bán đi để mua thuốc". Ông Hoàng hớn hở bảo với phu nhân: "Tấm lòng của nhà như vậy thì ta còn lo ngại điều gì nữa". Thế rồi ông bán mẫu ruộng được 125 quan tiền, đem hết số tiền ấy đi mua thuốc chữa bệnh cứu sống rất nhiều người. Thời ấy có người luận bàn về việc này như sau: "Liêu tin được chẳng người làm một việc thiện thì trời giáng cho trăm điều tốt lành". Sau đó, ông nằm mộng được Ngọc Hoàng thượng đế ban cho bốn cái sừng ngọc tê, ông hoan hỉ nhận lấy ngọc tê, chưa kịp cảm ơn Ngọc Hoàng, thì bỗng có tiếng sấm dội vào tai mà tỉnh giấc, ông biết ngay là điềm lành. Sau đó bà Đào quả nhiên có thai, mang thai 13 tháng tới ngày 15 tháng 11 năm Nhâm Dần, bà sinh được một bọc nở ra bốn cậu con trai, trên đỉnh đầu bốn cậu con trai ấy đều có chữ. Con trai đầu có ba chữ "Khúc Giang Vương" nên đặt tên là Khúc Giang, cậu con trai thứ hai có hai chữ "Triệu Vương" thì gọi là Triệu Vương công, người con thứ ba trên cũng có hai chữ "Thiên Quan" nên gọi tên là Thiên Quan công, người con thứ tư lại có hai chữ "Ngô Vương" thì tên gọi là Ngô Vương công. Đến năm 11 tuổi, cha mẹ bỗng vô bệnh mà kế nhau qua đời. Bốn người con trai đau xót chẳng biết làm gì, chỉ biết kêu trời, rồi tìm đất tât để chôn cất cha mẹ. Sau ba năm tang trở, hiếu nghĩa đáp đền hương khói theo nghi lễ, bốn anh em từ giã phần mộ tổ tiên quê hương, dắt díu nhau ra đi tha phương tầm sư học đạo. Họ rong ruổi một ngày đường thì tới địa phận xã Quan Cái, huyện Vĩnh Lại, đạo Hải Dương, họ gặp được ông Hào Hữu, bèn xin ông cha vào trọ. Trọ được một thời gian, ông bà Hào yêu quý anh em nhà họ

Hoàng lâm. Bấy giờ ông bà Hào Hữu có cô con gái tên là Cơ nương tuổi vừa 13, hình dung yếu điệu, nhan sắc tuyệt trần, ông bà ngỏ lời muốn gả cho Khúc Giang. Khúc Giang muốn chối từ, nhưng không thoái thác được đành phải nhận lời. Tuy danh nghĩa là vợ chồng nhưng chuyện chăn gối thì chưa mấy may tơ hào. Tuy vậy Cơ nương vẫn làm trọn đạo người vợ hiền chăm sóc sữa tũn nâng khăn tận tụy với chồng, và chăm sóc chu đáo ba người em chồng với đạo chị dâu trưởng.

Lại nói, bốn anh em họ Hoàng học được ít năm thì văn võ giỏi. Vừa lúc ấy giặc giã nổi lên như ong ở đạo Hải Dương, lại thêm có giặc ngoại bang tới cướp phá. Vua xuống chiếu chiêu tập người hiền tài ra giúp nước đuổi giặc. Anh em nghe thiên tử chiếu thì động chí tang bồng, cùng nhau vào triều bệ kiến. Thấy họ vua cả mừng, phong cho làm tướng soái: Khúc Giang làm chức Thuần chính Đại vương, Triệu Vương là Triệu Vương Linh ứng Đại vương, Thiên Quan là Thiên Quan Chính trực Đại vương, Ngô vương là Ngô Vương Hiên hách Đại vương. Vua cho đem hơn ba vạn binh mã hành quân thần tốc tới chân đồn doanh của giặc, chia quân làm bốn đạo bủa vây bốn phía ào ạt xông lên, lũ giặc thiệt hại nặng, còn một số tháo chạy về bản quốc. Giặc tan, khải hoàn, triều đình ban phong chức tước cho anh em họ Hoàng rất trọng thị. Vua lại thưởng cho về quê thăm nom thân quyến, gia tiên phần mộ, và du ngoạn phong cảnh núi sông khắp nơi. Tới khi họ đi tới khu ấp Nha, trang Lãnh Tinh, huyện Đông Quan, đạo Sơn Nam, thấy phong cảnh ở đây thật hữu tình, dân phong thuần hậu, sinh lòng yêu mến muốn ở. Họ làm biểu tâu vua xin cho khu ấp Nha, trang Lãnh Tinh để làm thái ấp; vua duyệt y. Bốn vị bèn cho nhân dân địa phương thiết lập miếu vũ để ở. Lại nói, từ khi bốn vị ở đây, họ đã dùng nhân nghĩa để cố kết nhân tâm, lấy hoà mục để tạo thành dân tính. Qua ba năm thi hành giáo hóa, nhân dân no đủ sung túc. Tới một ngày bốn vị mở đại yến, triệu mời nhân dân phụ lão đều tới yến ẩm. Đương lúc mọi người yến ẩm hân hoan thì bỗng bốn vị đằng không bay lên trời mà hoá. Nghe

tin, Cơ nương thân đến tận nơi thăm thú sự tình, quả nhiên thấy sự thực, trong lòng đau đớn chịu không nổi mà tự vẫn. Nhà vua nghe tin, sai quan về tới nơi lo tang lễ cho các công thần; phong Cơ nương là Chúa a Chợt liễu Trinh tiết Công chúa, lập đàn hợp tế Ngũ vị. Từ đó trở đi miếu điện nơi này có tiếng linh thiêng, quốc đảo dân cầu tất thấy đều được ứng nghiệm, nên các triều đại đều có sắc phong, mà nơi thờ năm vị cũng không bao giờ ngớt hương khói.

PHẦN II

TRUYỀN THUYẾT
VỀ THỜI TRẦN

1. SỰ TÍCH NGÔI MỘ NHÀ TRẦN

Tiên tổ nhà Trần ở xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, đời đời làm nghề đánh cá, một dải trường giang ở phía nam, đầu cũng là nhà.

Bấy giờ có một thầy địa lý Trung Quốc sang nước ta xem đất.

Chú khách theo long mạch từ núi Tam Đảo đi xuống, qua Thăng Long, Cổ Bi đến các xã Kệ Châu và Cao Xá thuộc huyện Kim Động, thấy có nhiều đồng đất hoàn tụ, bèn cười nói rằng: Đây là chỗ đóng quân và nấu cơm.

Đến xã Phương Trà huyện Nam Xương không thấy vết tích đầu nữa chú khách ngắm trông một hồi lâu rồi nói:

- Nước sông chảy mạnh, có lẽ nào huyết lại ẩn tàng dưới đáy sông.

Chú khách bèn sang sông đi đến xã Hà Liễu, huyện Ngự Thiên, thấy các ngọn núi đều đứng thẳng, liền lấy tay chỉ và cười

- Chỗ cất đầu lên ở đây, trốn tránh ta thế nào được.

Chú khách bèn tìm đến chỗ phát tích tại xã Nhật Cho và chỗ kết cục tại xã Thái Đường mới hạ la bàn để xem xét và cứ say mê quanh quẩn mãi ở đấy không đi được.

Chợt có Nguyễn Cố người xã Tây Vệ đến đấy, hỏi chú khách rằng: ông lưu ý ở chỗ này, có huyết tốt phải không?

Chú khách ngửa mặt lên cười nói:

- Không ngờ ở nơi bình địa mà lại có đất Đế vương. Đáng chê các thầy địa lý đời nay, không thầy nào có nhãn lực?

Nguyễn Cố nói:

- Nếu quả là đất Đế vương, xin ông cho tôi. ông muốn được tạ lễ bao nhiêu, tôi cũng xin nộp đủ.

Chú khách nói:

- Nhà ông có phúc may được gặp tôi thì tôi cho ông. Nhưng

sau khi táng rồi, ông phải trả ngay tôi một trăm quan tiền, và về sau lấy được nước, ông phải chia cho tôi một nửa.

Nguyễn Cố xin vâng, rồi đem mộ tổ táng vào chỗ ấy. Chú khách sợ Cố phản trắc, bèn bảo rằng:

- Táng xong tất có điềm lành. Nhưng trong hạn trăm ngày, thỉnh thoảng phải đến thăm nom. Nếu sau cơn mưa gió sấm sét, thấy có sự lạ thì là lành ít dữ nhiều, phải di táng đi chỗ khác ngay.

Nguyễn Cố vừa đem mả tổ táng vào nơi ấy được ba ngày, đến nửa đêm tự nhiên có một tiếng sấm rất to, làm kinh động nhân dân và súc vật ở vùng ấy. Sáng hôm sau đi xem, thì thấy ở các xã Đặng Xá, Tây Vệ và Thái Đường có nhiều hòn đá nhô lên, gọi là đá tai mèo, khắp vườn tược ao chuôm, nơi nào cũng có. Những hòn đá ấy đến nay vẫn còn.

Nguyễn Cố biết là được đất rồi, rất lấy làm mừng rỡ. Vợ Cố bảo rằng:

Ngôi đất ấy dẫu cho là phát phúc, nhưng hiện nay làm thế nào mà lo được một trăm quan tiền. Và lại sau này chia đôi thiên hạ, thì còn được bao nhiêu.

Cố thấy vợ nói thế, thì định bụng không tạ lễ cho chú khách nữa. Khi chú khách đến hỏi, Cố hẹn mấy ngày sau sẽ trả. Đến hẹn chú khách tới nhà, Cố liền bắt trời lại, rồi đang đêm vớt xuống sông. Vớt xong, vội vàng chạy về. Nguyên chỗ Cố vớt chú khách là một cái bãi phù sa, nước triều lên phủ ngập cả bãi. Sau khi vớt chú khách xuống, nước triều rút lui, bãi phơi khô chú khách nằm trơ ở trên bãi.

Chợt có chiếc thuyền đánh cá của họ Trần đi qua đấy, nghe có tiếng người hô hoán, vội tới cứu đem lên thuyền, rồi cời trời cho chú khách và hỏi duyên cớ. Chú khách đem đầu đuôi việc này thuật lại cho người họ Trần nghe và nói thêm rằng:

- Nhờ ông mà tôi được sống lại. Tôi xin đem ngôi đất quý ấy biếu ông để tạ ơn.

Người họ Trần nói:

- Ngôi đất ấy Nguyễn Cố đã táng rồi, còn làm gì được.

Chú khách nói:

- Tôi đã tính trước, ngôi đất ấy thế nào nhà ông cũng được.

Người họ Trần bèn lưu chú khách ở trong thuyền, không để lộ chuyện cho người ngoài biết. Chú khách bảo người họ Trần lấy đồng đỏ đúc lưỡi tầm sét¹ và lấy cây vang² nấu nước để dùng.

Một đêm, mưa to gió lớn và luôn luôn có tiếng sét đánh. Đến khi tạnh mưa, chú khách và người họ Trần đem lưỡi tầm sét đến cắm xuống mộ tổ của Nguyễn Cố, xuyên thủng đến quan tài, rồi lấy nước vang tưới vào mộ. Sáng hôm sau, Nguyễn Cố ra thăm, cho là mộ bị sét đánh có máu chảy ra, vội vàng dời mộ đi chỗ khác.

Chú khách nhân đó bèn đem mộ tổ họ Trần táng vào chỗ ấy.

Ngôi đất này phía trước trông ra ngã ba sông Cái³ phía sau gối vào voi phục, lâu đài và cờ gươm bài trí hai bên. Huyệt ở "thổ phúc tàng kim" (trong đất giấu vàng), toạ Càn hướng Tốn. Táng xong, chú khách phê rằng:

- "Phấn đại yên hoa đối diện sinh" hẳn lấy nhan sắc được thiên hạ.

Người họ Trần nói:

- Nếu được như lời ông nói, tôi xin chia cho ông một nửa dân lộc.

Chú khách nói:

1. Tục truyền lưỡi tầm sét là một thứ bùa của Thiên lôi dùng để đánh người hay đánh vật có tội.

2. Vang: tức cây Tô mộc, một thứ cây dùng làm thuốc chữa bệnh và nhuộm màu đỏ.

3. Nguyên chú: "Thuộc xã Hữu Bị, huyện Mỹ Lộc, tục gọi là Cửa Vàng".

- Không cần phải làm như thế. Nhà ông hưởng nước, chỉ cần dỗi dờn tư cấp cho nhà tôi đủ ăn đủ mặc mà thôi.

Người họ Trần hứa sẽ ghi lòng tạc dạ. Rồi làm giấy tờ giao ước, mỗi bên giữ một bản để làm tin.

Lại nói chú khách vốn là người có tâm cơ trí lực. Chú làm hai bản sấm thư để lại cho con cháu và dặn:

Nếu sau này họ Trần vẫn dỗi dờn tử tế, thì bảo thực cho họ biết. Nếu họ bội ước, thì nên như thế, như thế...

Chú khách lại bảo họ Trần rằng:

- Tôi đã để lại một phép, có thể làm cho nhà ông trị vì được lâu dài hơn. Phép ấy là gì, thì sau này sẽ bảo cho biết.

Họ Trần vô cùng cảm tạ.

Trần Thừa là cháu ba đời, năm Diên Phúc thứ 8 (1218) triều Lý, sinh ra Trần Cảnh mũi cao mặt rộng, được Chiêu Hoàng nhường ngôi cho, làm vua Thái Tông.

Ban đầu, khi con cháu chú khách ở Trung Quốc sang, các vua Trần đều tặng tống rất hậu. Nhưng đến cuối đời thì dỗi dờn tử tế. Một người cháu của chú khách sang nói với vua Trần: - Tiên tổ hạ thần có để lại một bản sấm thư, dặn đến năm nay thì đem sang đệ trình quý quốc.

Vua Trần xem sấm thư thấy nói: "Ngôi mộ phát tích ở Thái Đường nay sắp hết thịnh, cần phải khơi thông thủy đạo, thì mới giữ được lâu dài". Vua Trần trả lời nói ấy, bèn chiêu theo họa đồ ở sấm thư đào một thủy đạo từ sông Cái xã Phú Xuân đi vào, quanh đến xã Thái Đường¹. Không ngờ đào đứt long mạch, họ Trần bèn suy, rồi bị Xích chủ hầu² thoán đoạt. Xét ra nhà Trần trị vì chỉ được từng ấy năm, đó là do ở mệnh trời, chứ sức người làm thế nào được.

1. Nguyên chú: "Con sông đào ấy hiện nay vẫn còn dấu vết".

2. *Xích chủ hầu*: conkhỉ đuôi đỏ, thời ấy dùng để gọi Hồ Quý Ly.

2. SỰ TÍCH TRẦN QUỐC LIÊU

Theo sự tích thì Ngài là anh đức Trần Thái Tổ. Ngài là bố đức Trần Hưng Đạo. Lúc sinh thời Ngài làm Phụ chính đức Trần Thái Tổ, tức là em ruột Ngài; sau bị chú là Trần Thủ Độ áp chế mà làm trái đạo phu thê của anh em. Bấy giờ Ngài không bằng lòng, bèn khởi loạn, biệt lập giang sơn ở các xã: An Phụ, An Dương, An Sinh An Hưng, An Bang, Thọ Lão, Châu Trần, Lai Xá và Hải Dương, để đánh nhau với binh triều. Một khi Ngài đóng đồn ở Lai Xá tức là nơi miếu bây giờ, thì có quân triều đình đến vây đánh. Đôi bên đánh nhau bốn năm trận, chưa phân thắng bại; Ngài thấy binh ít, bèn rút vào đồn, rồi Ngài vào trú ở chùa Linh Bảo, thì tự nhiên thấy tiếng âm âm như quân mã reo hò, rồi quân triều tự nhiên tan chạy. Đêm đó Ngài mộng thấy một vị đầu đội mũ nhà Phật, tay cầm một đóa hoa sen vàng, vai đeo hồ bạch ngọc, nói là người ở Tây Thiên Thấu Lĩnh đến giúp sức Ngài và đứng trước mặt Ngài đọc bản câu thơ:

*Sa Bà thế giới đôi càn khôn
Bách đóa liên hoa bát tử môn
Phủ quý bách niên giai nhất mộng
Bất như đắc đạo dữ càn khôn.*

Nghĩa là:

Sa Bà thế giới giữa trời
Hoa sen trăm đóa nở tươi đời đời
Giàu sang là giấc mộng thôi
Sao bằng đắc đạo đất trời dài lâu.

Từ bấy giờ uy danh càng lừng lẫy; Ngài bèn tu bổ các đồn binh.

Một hôm Ngài đóng quân ở Đại Giang (Hải Dương). Ông Trần Thủ Độ cùng với đức Trần Thái Tổ đem đại binh ra nghênh địch; thì Ngài lại nằm mộng thấy thiên thần bảo Ngài rằng: "Không nên cưỡng đạo giới mà hại sinh linh, vả lại cùng

huyết mạch đồng bào với hoàng gia há lại không có lòng thương nhau ư?".

Tỉnh dậy Ngài tự nghĩ rằng lòng giời đã báo ứng như thế thì nhân sự cũng khó thành công, và cũng trong tình huyết mạch. Vậy nên Ngài tự bỏ giáo, cùng với bảy tám trăm sĩ tốt, đi thuyền con, giả làm phường đánh cá, lên đến đồn đức Thái Tổ để hàng.

Anh em trông thấy nhau, bèn ôm nhau than khóc, rồi đức Thái Tổ phong chức tước cho, nhưng Ngài không nhận, xin lui về thái ấp quy y đầu Phật. Vì Ngài tưởng đến công Phật đã cứu Ngài ở chùa Linh Bảo và bốn câu thơ trong giấc mộng. Bấy giờ nhà vua cũng ưng thuận các lời Ngài thỉnh cầu và ban cho Ngài hơn một nghìn cân vàng lụa. Lại phong các xã: An Phụ, An Dương, An Sinh, An Hưng, An Bang là những thang mộc ấp và các xã Thọ Lão, Châu Trần, Lai Xá, Bố Chính châu, Nam Định, Lạng Sơn là những hộ nhi hương.

Trong thời kỳ bấy giờ, Ngài thường đi giáo hóa cho các dân xã ấy được thành mỹ tục và hưng thịnh.

Ngài sinh ngày 8 tháng giêng năm Giáp Tuất.

Ngài hiển hóa ngày 4 tháng giêng năm ất Mão về đời vua Trần Thái Tổ.

Hồi bấy giờ Ngài có đến chơi chùa Linh Bảo xã Lai Xá, cả làng làm cỗ chay đón mừng Ngài (tức hôm 15 tháng 2). Ngài vào ở chùa ấy lúc đó gặp khi dân đang có nạn dịch bệnh thì Ngài tụng kinh bảo trợ cho dân chúng, thì trong dân tự nhiên được bình yên, hưng thịnh.

Ngài lưu ở Lai Xá hơn một năm, Ngài cứu cấp cho những người yếu đau, nghèo khổ, sửa sang đình chùa, chỉnh đốn phong tục. Từ bấy giờ dân xã ngày càng được phong thịnh và mỹ phong tục. Nơi đồn nội của Ngài trước thì bấy giờ Ngài cấm cho dân làm đình, tức là đình Đụn bây giờ.

Còn nơi đồn ngoại của Ngài trước thì bấy giờ Ngài cấm cho

dân làm miếu, tức là Đình Quán bây giờ. Ngài gọi bô lão trong làng mà bảo rằng: "Dân chúng đều là chỗ gia thần cố nghĩa, vậy nên thờ phụng ta ở những ngôi đình miếu này. Về sau đừng nên thay đổi gì cả".

Kiểu đất ngôi miếu này đằng sau có gốc gò cao, đằng trước có cái ao to làm nội minh đường. Ngoại minh đường có ba ngọn nước giao nhau. Tả hữu có tính phong làm long hổ châu vào; bên tả có cái giếng đất, nước ăn, bên hữu có cái gò con mọt. Địa hình gọi là Hoàng Xà. Bên tả bên hữu tính phong đều châu vào cả. Đằng sau có ngọn nước nhỏ diễu quanh hợp về đằng trước.

Cả dân mừng rỡ, linh mệnh phụng sự Ngài làm thần Thành Hoàng; rồi Ngài trở về An Bang địa cung. Ba bốn năm sau thì Ngài hóa.

Đức Thái Tổ sắc bao phong Ngài là "Thượng đẳng phúc thần" và có những mỹ tự là: Cao Trạc, Hiếu Trưng, Phù Chính, Phụ Quốc đại vương.

3. SỰ TÍCH TRẦN HUNG ĐẠO

Theo sự tích: Đức Trần Hưng Đạo, Ngài là người phủ Thiên Trường, dòng nhà Trần, gọi vua Trần Thái Tông là chú. Khi sắp sinh Ngài, đức thân mẫu sinh ra Ngài nằm mộng thấy đám mây ngũ sắc tự giới mà xuống, đến trước mặt hóa thành đường người đi ở trong đường mây ấy lại thấy hai đồng tử, một người mặc áo xanh, một người mặc áo đỏ, người mặc áo xanh cầm cái gậy, người mặc áo đỏ cầm con dao vàng, đánh nhau một lúc, người mặc áo đỏ thua chạy, người mặc áo xanh đuổi chém được đầu. Người mặc áo đỏ trở về thảng vào bụng đức từ mẫu. Lúc đức thánh mẫu tỉnh ra; mới biết là mộng, nói chuyện với đức thánh phụ: Đức thánh phụ có bảo rằng: "Nhà ta phúc hậu, nên giới cho đấy, tất có thiên thánh giáng trần, diễm sinh tuần kiệt chứ không phải là mộng thường nhân". Sau đức thánh mẫu có thai

10 tháng. Đến năm ất Mão, tháng 3 ngày 10, giờ Thìn, sinh ra đức thánh, thể mạo đường đường, phong tư凛凛, mặt như chữ điền, ngũ nhạc thiên triều. Thực là tinh chân quốc khí. Ngày sinh Ngài có một đám mây đỏ, từ trên trời xuống bay vào trong nhà, rực rỡ sắc đẹp, thơm tho như mùi hoa lan. Thực là điềm lành sinh thánh nhân. Cha Ngài rất yêu quý đặt tên là Tuấn. Khi lên bảy tuổi gặp khi đức thánh phụ với vua Thái Tông, anh em bất bình, đức thánh phụ sợ di họa đến Ngài, nên sai người nhà giả cách đi buôn, mang Ngài đến chùa Trì Long, huyện Thanh Oai, làng Khúc Thủy gửi Ngài. Lúc ấy, có ông Thống Nhân họ là Lý Đạo giữ chùa ấy, có phép kì binh diệu toán, dị thuật kì phương. Ông thấy ngài bèn hỏi cha mẹ họ tên là gì, ở đâu lại. Thân nhân Ngài nói dối rằng: Chúng tôi là con nhà làm nghề buôn bán, lỡ bị lỗ nhiều nợ, cho nên đem đồng tử này tìm chỗ đất yên vui, để lấy làm nơi nương thân. Thống Nhân thấy ngài thể mạo khôi ngô, liền bảo Ngài rằng: "Ngày nay gặp gỡ, hẳn là lòng trời đưa đến. Ta muốn nhận đồng tử này, dạy truyền đạo pháp, có bằng lòng không". Thân nhân Ngài xin vâng, bèn để ngài ở đấy, rồi trở về. Thế là từ đó, Ngài theo ông Thống Nhân học tập. Ngài miệng đọc lòng hiểu, được ba năm, các sách về như Phật Đạo thấy đều lâu thông, các loại binh pháp cũng rất giỏi. Khi ấy ở làng Khê Tang có cây gạo cổ thụ ba cành rậm rạp có yêu khí, biến hiện bất thường. Nhân dân thường bị hại. Nghe chùa Khúc Thủy có ông Thống Nhân, đạo cao đức phép, làng cho người lại đó, để chữa trị việc yêu khí. Khi họ đến chùa, thì ông Thống Nhân đi chơi vắng, chỉ thấy mình Đức thánh Hưng Đạo. Dân hỏi thì Ngài nói rằng: Thống sư đi chơi xa, dân có việc gì cứ nói. Như ta nay việc nước cũng còn giúp được, phương chỉ việc dân. Bấy giờ dân làng thấy lời nói phi thường, bèn kể tình hình, rồi đón Ngài về làng. Khi Ngài về đến nơi làng, đêm hôm ấy, nhân dân nhiều người nghe thấy ở chỗ thanh vắng có tiếng người kêu khóc và bảo nhau rằng: "Dân này nay đã có chúa quan tới nhậm, chúng ta kíp đi, nếu chậm e chúa quan bắt được tội". Nói xong âm âm mà đi. Nhân dân

thấy thế, lại cáo Ngài. Ngài truyền sớm mai lập một đàn chay để tế thiên địa, lấy chỉ ngũ sắc bày ở trước đàn, chỗ bên cây gạo. Ngài mồm đọc thần chú xong, chợt thấy gió nổi một trận, sấm sét dữ dội, giời đất mù mịt. Cây gạo đổ gãy. Một chốc giời tạnh, mặt giời sáng, thấy một con rắn lớn dài hơn 10 trượng, nằm chết ở chỗ cây gạo, nó bị chỉ ngũ sắc quấn vào mình. Một chốc thì con rắn ấy biến hóa ra nước. Từ đấy nhân dân yên ổn, không còn yêu khí làm hại. Nhân dân làm lễ tạ, xin làm thần tử Ngài. Khi xong việc, Ngài lại về chùa Khúc Thủy. Chợt thấy xe loan binh mã đến chùa Khúc Thủy, tâu với Ngài rằng: Nay đức thánh phụ đã hòa thuận với vua. Vậy nên đức bề trên sai tiểu thần chúng tôi đến đón Ngài về.

Lúc ấy Thống sư cùng nhân dân đều ngạc nhiên sợ hãi. Hôm ấy tức là 15 tháng Giêng, làng làm lễ bái mừng. Ngài bèn lễ tạ Phật tiền, lạy tạ Thống sư mời cùng về kinh thành để báo công nuôi dạy. Từ đấy nhân dân mới biết Ngài là Hoàng gia Tông phái. Làng Khê Tang cùng với làng Khúc Thủy nhất nhất xin làm thần tử.

Khi Ngài về đến kinh thành, mới 11 tuổi, vào lễ yết kiến vua Thái Tông, vua thử tài Ngài, biết là anh hùng quán thế, trí dũng quá nhân, lại có kì mưu dị thuật, rất yêu Ngài, phong cho làm Điện vệ tướng quân, phòng ngự Bắc biên Nguyên binh ở đất Vân Nam. Được hai năm, quân nhà Nguyên không dám lại xâm phạm. Đến năm Mậu Ngọ, tháng hai, quân Mông Cổ mang 30 vạn hùng binh, lại xâm phạm nước ta. Vua lại phong cho Ngài làm Tiết chế kiêm tả hữu Thủy bộ tướng quân, đem 16 vạn binh, chia đạo đặt đồn để chống giữ Mông Cổ. Giặc Mông Cổ cũng chia đạo chống giữ. Ngài thẳng đường tiến đến phủ ứng Thiên, huyện Thanh Oai, ngày ấy là 12 tháng 3 nhuận. Dân làm lễ tái mừng, Ngài bèn xin địa thế sông Tô Lịch lập đồn, để chống giữ Mông Cổ. Lúc ấy làng Khê Tang các dân đinh xin theo Ngài được 24 người. Làng Khúc Thủy 37 người. Sau Ngài dẹp yên được giặc Mông Cổ. Vua lại phong cho Ngài là Hưng Đạo Đại vương.

Từ đấy vua tôi đạo hợp, thiên hạ thái hòa. Một ngày, Ngài xin vua đi thăm chơi các đồn địa phương, khi về đến xã Khúc Thủy, đóng quân 3 ngày, sửa sang chùa cảnh, rồi đến làng Khê Tang tất cả nhân dân đều làm lễ mừng. Trong khi yến ẩm, Ngài bảo phụ lão nhân dân rằng: "Ta cùng nhân dân, ngày trước đã nên thâm nghĩa, chẳng phải ngày nay mới có thân tình. Như lúc chinh chiến khó nhọc, dân cũng theo ta hai ba trăm người, đều là chân tay, thực là sư đệ chí tình, quân thần hữu đạo. Nay ơn đức vua, cho ta lập các đồn, có một chỗ hình dạng hoa sen, khai trương hậu chẩm mộc tình kết mạch, tả hữu phong tình, có cái lại châu, tiền hữu tú thủy minh đường, bàng bạc liệt trần tả hữu, quy hình phượng diệu, tây nam chủ bang, nhất giai châu phục. Đó là đất quý Khê Tang". Ngài bèn cho tiến để nhân dân sửa sang làm chùa. Xong rồi Ngài về triều. Lúc bấy giờ là tháng hai, mùa xuân, vua Thái Tông truyền ngôi cho vua Thánh Tông. Khi vua Thánh Tông lên ngôi, lại phong cho Ngài làm Quốc Công Thống lĩnh chư quân sự, rồi cùng với vua đem quân đi đánh bọn giặc đông nam. Xong rồi trở về thành đô, là tháng tư mùa hạ. Đến đời vua Nhân Tông, nhà Nguyên lại sai Thái Tử Trấn Nam Vương Thành Hoan bình Chương sự thứ lý hải nha dâng, đem trăm vạn tinh binh lại cướp nước ta. Lúc bấy giờ có sao Thái bạch, ban ngày hiện giữa trời, vua Nhân Tông hỏi bầy tôi, chưa ai hay ứng đáp. Có Đức Trần Hưng Đạo tâu rằng, tất có quân nhà Nguyên lại xâm lăng, chỉ sớm tối ngày nay thì biết. Quả nhiên, một chốc thì biên thần đem thư cáo cấp. Vua gọi phụ lão thiên hạ hỏi kế, đều nói rằng nên đánh. Vua lại phong Đức Hưng Đạo làm Tiết chế thống thiên hạ chư quân kiêm Thập đạo quân và lĩnh 50 vạn hùng binh đi đánh. Ngài bái mệnh, đường đường mang quân từ cửa thành tiến ra, thẳng đến các đường Hải Đông đón đánh. Quân nhà Nguyên cũng chia đạo tiến đến Thủy Chu, Tiến Lộc châu. Ngài sai triệt ở Kỳ Ôn. Quân nhà Nguyên tự biết thế khó, cự chiến chạy đến Vạn Kiếp. Chợt thấy thủy đạo ông Thạnh Công quân nhà Nguyên giáp đánh. ông Thạnh Công chưa kịp dàn binh, bèn nhảy xuống sông mà

chết. Quân nhà Nguyên lại tiến. Vua nghe quân nhà Nguyên phạm đến kinh thành, bèn bỏ thành, ngự chiếc thuyền chạy ra Hải Đông triệu kiến Ngài, rồi bảo Ngài rằng: "Nhà nước an nguy, nhờ ở lão thần".

Ngài tâu lại rằng: "Tôi xem quân nhà Nguyên dẫu có trăm vạn, tôi coi dễ cũng như đốt lông con chim hồng vậy".

Vua nghe Ngài nói cả mừng, bèn ngâm một câu thơ ý nói mọi việc an nguy của xã tắc đều trông cậy vào Ngài báo đáp.

Bấy giờ đức Thánh Ngài nghe quân Nguyên đã cướp mất đồn Vạn Kiếp, bèn truyền hịch các đạo tinh binh, đều lại hộ chiến và viện binh các mặt tề tập, để cùng giáp đánh quân nhà Nguyên ở đồn Vạn Kiếp. Sau đó vây đánh quân nhà Nguyên, Ngài bèn chia quân đặt đồn, từ Phả Lại đến Chí Linh đồng tâm cố giữ. Quân nhà Nguyên đi lại, tất bởi con đường ấy, Ngài lại ngầm khiến các quân cùng nhân dân đóng cọc ở sông Bạch Đằng, lấy cỏ phủ ở trên. Lại sai các tướng phục binh ở cửa Tầm Giang, còn ông Nguyễn Mạnh thì lĩnh quân nghia dưng lại đánh. Lúc ấy quân nhà Nguyên đã thua ở đồn Vạn Kiếp, phải lui về sông Bạch Đằng. Ngài lại theo đánh, nhân lúc nước triều lên to, giả cách thua chạy. Giặc Ô Mã Nhi đem hết quân đuổi đánh, gặp lúc nước triều rút chông, các cọc nổi lên, thuyền của ô Mã Nhi không thể đi lại. Quân mai phục của ông Nguyễn Mạnh tung lên đánh quân nhà Nguyên. Chúng tiến thoái không được, dẫm chết không kể xiết, nước sông hóa đỏ, bắt sống được lữ Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp về dâng vua. Vua sai đặt Ô Mã Nhi ở trong thuyền, chèo ra cửa sông Bạch Đằng chia làm ba đoạn. Từ đấy, quân nhà Nguyên chẳng dám lại xâm phạm nước ta. Sau vua cùng với Ngài đi cùng xe về đến phủ ứng Thiên, huyện Thanh Oai, vua nghỉ giá. Bấy giờ nhiều làng Khê Tang đến bái yết, vua cả mở yến ẩm khao trăm quan. Nhân lúc rượu say, vua có bảo trăm quan rằng: "Nhà nước lại được yên ổn, đều nhờ đức Ngài, chứ ta không có sức gì. Vậy nay gia phong cho Ngài làm quốc lão hiến tướng Đại vương, cho các đồn binh sở tại đều lập đền

phụng thờ, để lấy báo công khó nhọc". Lúc ấy làng Khê Tang đều vắng mệnh. Xong rồi vua thời nghỉ ở Thanh Oai, còn đức Thánh lại về làng Khúc Thủy, ngày ấy là 11 tháng 5, nhân dân làm lễ mừng. Ngài có bảo phụ lão trong làng rằng: "Vì việc quân vương khó nhọc, chẳng ngờ ngày nay lại được cùng mấy nhân dân vui vẻ, từ nay trở đi, dân lấy ngày 12 tháng 5 này làm sinh nhật tôi". Nhân dân đều vắng mệnh, xin lưu Ngài bảy tám ngày nữa, rồi mở tiệc yến to, rồi tiễn Ngài cùng vua về kinh thành. Vua lại phong cho Ngài làm Quốc Công thượng tướng quân, kiêm Chi nội ngoại các thống lĩnh văn võ bách quan. Đến khi Ngài 79 tuổi, xin vua về đất Vạn Kiếp, tức là đền Kiếp Bạc bây giờ, để nhàn dưỡng. Vua cho vàng bạc của báu, xe loan đưa đến Vạn Kiếp. Lúc bấy giờ làng Khê Tang và làng Khúc Thủy theo Ngài đến đấy, được 12 người. Khi Ngài 80 tuổi vua thường xa giá lại thăm Ngài. Đến ngày 10 tháng 8, mùa thu, Ngài ngồi chơi ở trong cung, chợt thấy con rắn vàng dài hơn 10 trượng bò thẳng vào chính tẩm, một chốc biến mất. Từ đấy Ngài bị bệnh, vua thân lại hỏi: Ngài mất đi, sau việc nước ai khá dùng được. Ngài lại tâu với vua rằng, làng Khê Tang, Khúc Thủy có thâm tình với lão thần cũng như thầy trò một nhà, xin vua thương đến cho làm hộ nhi để miễn các thứ binh phu thì được đội ơn. Ngài lại tâu với vua rằng: "Tôi chết xin nhà vua lấy lửa thiêu, lấy tro rắc vào trong vườn, trên giồng cây, đừng phong phần mộ, chả giặc nó biết". Đến ngày 15 tháng 8 giờ Ngọ, chợt thấy gió mưa mù mịt, sấm sét vang lừng, thì Ngài hóa. Vua nghe nhờ Ngài dặn, sai trăm quan làm lễ, lập đàn hỏa để thiêu. Lúc xương cốt gần tàn, trông thấy trên khói lửa thấy Ngài ngồi ở đấy, biến hóa thẳng lên trời. Trăm quan nhân dân đều cả sợ. Vua truyền khiến trăm quan xúc lấy than xương, rắc vào trong vườn, giồng cây ở trên, rồi làm lễ an táng. Xong rồi vua về kinh thành, bèn bao phong các chữ hay đẹp, truyền các sở tại mang xe loan đến kinh đón thần sắc về để phụng sự. Ngày ấy giờ đất mờ tối, vua lại sai đình thần, mang sắc chỉ đến đền Kiếp Bạc,

khắc những cho hay, lúc sinh thời Ngài đánh giặc Mông Cổ vua Thái Tông phong cho Ngài vào bia rồng, để dựng ở đền ngoài, rồi làm lễ chí tế. Vua lại nhớ lúc Ngài sắp chết dặn lại cho làng Khê Tang và làng Khúc Thủy làm hộ nhi hương, đều cùng miễn các thứ binh phu tạp dịch. Còn xuân thu sai quan đến tế, bao phong cho Ngài là Thượng đẳng phúc thần, quốc lão hiền tướng đại vương.

4. CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT

Nhật Duật là con thứ 6 của Trần Thái Tôn. Tục truyền khi mới sinh ở nách đã có 2 chữ "chiêu văn", nhân đó mà có phong hiệu. Truyện kể rằng, Trịnh Giốc Mật ở Đà Giang làm phản, Chiêu văn vương Nhật Duật dụ hàng. Thổ tù Đà Giang Trịnh Giốc Mật tụ tập bè đảng quấy nhiễu cướp phá, hoàng đế sai Nhật Duật đi dẹp. Khi quân tiến đến Đà Giang, Trịnh Giốc Mật cho người đến quân doanh tâu rằng: "Giốc Mật này không dám trái mệnh, nếu ân chủ một mình một ngựa tới, thì Giốc Mật xin hàng". Nhật Duật nhận lời. Ông đem 5, 6 tiểu đồng cùng đi, các tướng sĩ đều ngăn lại Nhật Duật đáp: "Nếu tráo trở với ta, thì triều đình còn có nhiều thân vương khác tới ngại chi". Lúc đến trại giặc, chúng bố vây nhiều vòng, trong tay đều lăm lăm đao thương hướng vào trong đồn. Nhật Duật đi thẳng vào trong trại, ngồi vào bàn của Giốc Mật. Nhật Duật thông hiểu ngôn ngữ người Man, lại am hiểu phong tục của họ, ăn bằng tay uống bằng mũi, người Man thích lắm. Trịnh Giốc Mật tức thì mang cả gia thuộc ra hàng. Mọi người đều hồ hởi, khâm phục. Tới khi trở lại kinh sư, Nhật Duật đem Mật cùng vợ con của y vào chầu vua. Nhà vua khen ngợi. Sau đó, Giốc Mật trở về, lưu con ở lại kinh. Nhật Duật quý mến hết lòng nuôi dưỡng, xin vua phong tước, vua ban cho tước Thượng phẩm, rồi cũng cho về quê quán.

Mùa hạ, tháng 4, Chiêu văn vương Nhật Duật đánh bại

quân Nguyên ở Hàm Tử quan (tại bến Hàm Tử huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên) .

Quân Toa Đô từ Chiêm Thành kéo ra, cướp bóc ở các châu Ô Lý, châu Hoan, châu ái, tiến đóng ở Tây Kết. Vua bàn với quần thần rằng: "Bọn giặc phải đi xa hàng vạn dặm, thế tất mỗi mệt. Ta lấy nhàn chống mệt, trước hãy làm cho chúng nhụt chí khí, thì ắt là đánh bại được chúng". Vua bèn sai bọn Chiêu văn vương Nhật Duật, Chiêu Thành vương (khuyết danh), Hoài văn hầu Quốc Toản, tướng quân Nguyễn Khoái đem quân thiện chiến đón đánh giặc ở bến Tây Kết. Quan quân giao chiến với quân Nguyên ở Hàm Tử quan. Trong quân của Chiêu văn vương Nhật Duật có cả người Tống, mặc áo Tống, cầm cung tên chiến đấu. Thượng hoàng sợ các cánh quân có thể không phân biệt được, sai người đến dụ rằng: "Đó là quân Thát¹ của Chiêu văn, phải nhận cho kỹ" . Bởi vì người Thái và người Tống tiếng nói và y phục giống nhau. Quân Nguyên trông thấy (quân Tống) đều rất kinh hãi, cho rằng người Tống sang giúp. Vì thế mà bỏ chạy tán loạn. Toa Đô cho rút quân về đóng đô ở cửa khẩu Thiên Trường. Trước kia nhà Tống mất, nhiều người Tống theo ta, Nhật Duật thu nạp họ, có Triệu Trung làm gia tướng. Cho nên chiến công thắng giặc Nguyên thì Nhật Duật lập được nhiều hơn cả.

Mùa xuân, tháng giêng gia phong Chiêu văn vương Nhật Duật là Thái úy quốc công. Theo quy chế cũ thân vương vào làm Tể tướng thì gọi là Quốc công Thượng vị hầu, nếu vào nội đình thì gia phong quan nội hầu.

Nhật Duật kiêm bác nhiều tài năng, thiệp liệp kinh sử, thông hiểu đạo huyền, am hiểu âm luật, biết nhiều ngôn ngữ tiếng nói của các dân tộc. Nhân Tông từng bảo: "Chú Chiêu Văn

1. Quân Thát: Thát tức Thát Đát, phiên âm chữ Tartares, chỉ người Mông Cổ, đây chỉ người Tống.

có lẽ là hậu thân của người phiên lạc¹ nên giỏi tiếng của họ". Tiếp sứ Nguyên, Nhật Duật thường nói chuyện trực tiếp với họ mà không mượn người phiên dịch. Đến khi sứ nghỉ thì dặt tay cùng vào ngồi uống rượu vui vẻ như bạn văn quen biết. Sứ Nguyên hỏi ông "ông là người Chân Định² tới đây làm quan phải không?". Nhật Duật cố bác lại, nhưng họ không tin, vì hình dáng và tiếng nói của ông đều giống người Chân Định. Nhật Duật là người hòa nhã độ lượng, mừng giận không lộ ra sắc mặt, không làm những điều dối trá. Ông là người ứng biến theo thời, rất dũng cảm chống giặc ngoại xâm. Vào cuối niên hiệu Thiệu Bảo, ông trấn thủ xứ Tuyên Quang, quân Nguyên xâm phạm bờ cõi, Nhật Duật thuận dòng sông rút về xuôi; quân giặc theo hai bờ sông đuổi ông. Nhật Duật ngoảnh lại thấy giặc đi thông thả biết rằng phía trước có phục binh, sai người dò xem, quả thấy giặc đã chặn ngang ở hạ lưu, ông liền lên bộ chạy thoát.

Trong trận Hàm Tử quan đại phá quân Toa Đô, binh nghị về chiến công thời Trung hưng, ông có công đầu. Ông là bậc thân vương tôn quý, làm quan trải bốn triều, ba lần coi giữ trấn lớn, trong nhà không ngày nào không mở cuộc hát xướng, yến ẩm mà không ai cho là say đắm. Có người so ông với Quách Tử Nghi³ nhà Đường. Ông mất năm 77 tuổi.

Dục Tông, Anh Tông hoàng đế phê son hai chữ "Phúc, Đức".

Sử ký chép: Nhật Duật là con thứ 6 của Trần Thái Tông. Lúc sinh đã có hai chữ "Chiêu Văn" trên cánh tay, vì thế mà gọi tên

-
1. Phiên lạc : chỉ người dân tộc thiểu số nói chung .
 2. Chân Định: tên một địa phương ở Trung Quốc; có lẽ Trần Nhật Duật nói tiếng Trung Quốc giọng giọng Chân Định, nên người Nguyên tưởng ông là người vùng Chân Định, Trung Quốc.
 3. Quách Tử Nghi: danh tướng thời Đường, khi quân Thổ Phồn, Hồi Hột xâm phạm bờ cõi, Quách Tử Nghi chỉ đem theo mười mấy kỵ binh, tự cưỡi bỏ giáp trụ tới gặp tướng giặc. Giặc Hồi Hột bái phục, đã cùng Quách Tử Nghi đánh tan quân Thổ Phồn. Nhờ uy danh của Quách Tử Nghi mà giữ yên cho nhà Đường 20 năm.

là Chiêu Văn. Đến khi trưởng thành rất thông minh, có nhiều trí lược, đọc khắp các loại sách, nổi bật là lược thao võ nghệ. Vào khoảng niên hiệu Thiệu Bảo (1279-1285) đời Trần Nhân Tông, có bọn Thổ tù ở đạo Đà Giang là Trịnh Giốc Mật làm phản, quan quân triều đình đã đánh nhưng không thắng. Vua bèn sai Nhật Duật đi đánh dẹp. Ông đã một mình một ngựa tới trại giặc giảng nghĩa lý cho chúng nghe, chúng đều phải hàng phục không tổn một mũi tên mà cả đạo Đà Giang được thanh bình.

Năm Thiệu Bảo thứ 7 (1285), giặc Nguyên vào xâm lược, Nhật Duật bàn kế chống giặc cùng với Quang Khải, Quốc Tuấn. Quan quân chiến đấu với giặc ở Hàm Tử quan, Nhật Duật đem theo những người Tống đã trốn sang ta, mặc quần áo người Tống, cầm cung tên ra trận. Quân Nguyên trông thấy cho rằng có quân Tống trợ giúp, bèn tháo chạy. Đến khi bình nghị công lao chống giặc Nguyên, thì Nhật Duật có nhiều công hơn cả. Ông được phong là Tá Thánh Thái úy. Năm Khai Hựu thứ 2 (1300) thời Trần Hiến Tông Nhật Duật mất thọ 77 tuổi.

Nhật Duật là người hòa nhã, độ lượng, mừng giận không lộ ra sắc mặt, học văn uyên bác rất giỏi tiếng các dân tộc phiên lạc. Khi sứ người Chiêm hay người các Man khác tới, thì ông đều theo phong tục của nước họ mà tiếp đãi. Vua Nhân Tông thường khen: "Có lẽ chú Chiêu Văn là hậu thân của những người Phiên lạc?".

Nhật Duật là bậc thân vương tôn quý, phụng sự trải bốn triều, từng lập đại chiến công. ở nhà không ngày nào không mở hội hát xướng yến tiệc. Vậy mà không ai cho là say đắm. Có người ví ông với Quách Tử Nghi đời Đường.

Nay được phụng thờ tại miếu điện cùng các đế vương các đời.

5. TRUYỆN NÀNG CÔNG CHÚA ĐỜI TRẦN

Tương truyền, khi ấy nước Nam ta trải đến đời vua Anh Tôn nhà Trần, đức chính khoan hòa, triều đình hưng thịnh, đời đều

khen là thời thịnh trị. Lại nói, khoảng trước thời đó, truyền rằng tại lộ Hải Dương, phủ Nam Sách, huyện Bằng Châu, trang Phao Sơn có một nhà bộ chúa họ Lý tên Nghi, vợ là Hoàng Thị Tuấn, gia thế vốn theo nghiệp học. Thi thư giữ nếp, lễ nhạc tuân theo, trải bốn đời danh nổi tiếng vang. Dịp này bộ chúa nhân khi thiên hạ thái bình, sớm hôm nhân nhã, bèn cùng thiên hạ giọng buồm xem phong cảnh, phóng mắt ngắm giang sơn. Khi thăm sông nước tìm bến bờ, lên núi cao thông thả bước. Khi gảy đàn cầm múa nhịp trúc, thi thư gửi trọn đất trời. Nhạc phượng ca loan, thanh sắc Bồng Lai thú vị. Ba vui bao gồm trăng gió, năm hồ thuyền nhỏ theo dấu tiên. Đôi khi xem cảnh sắc nước mây, muôn voi kiệu thên bước cũ. Non xanh nước biếc, quay về nửa cõi càn khôn. Nam thánh bắc thần, vào ra trời Nam phong cảnh.

Một buổi, bộ quan dạo chơi đến địa phận bản trang, thấy bên bãi cát Hạc Trắng có một hồ nước nhỏ. Nơi này thế đất quanh co, nước theo uốn lượn, thế rộng đi hồ bước; trông vơi bốn mặt, Thiên Mã đậu đầy. Bộ quan nhận ra đất quý hồ này, bèn cho dựng một tòa cung tại đây. Khoảng một năm việc dựng xây hoàn tất, bộ quan cùng phu nhân chuyển đến ở tòa cung này.

Khi ấy vì trời hè nóng bức, phu nhân bèn ra hồ nhỏ bên bãi cát Hạc Trắng trước cung tắm gội. Khi đang tắm gội, chợt thấy nước hồ rung động, một con rắn trắng nổi trên mặt nước, vây phủ quanh trên thân thể phu nhân. Phu nhân thấy vậy sợ quá chạy về cung. Bộ quan trông thấy toàn thân phu nhân rùng rùng nước dãi, kỳ cũng không sạch. Bộ quan cho là việc lạ, bèn lập đàn trong cung tế lễ. Đương khi hành lễ, tự nhiên thiên địa tối sầm, mưa trút ào ào, nước hồ dâng cao, rắn rồng nổi lên vây quanh đàn tế. Bộ quan lễ tạ, rắn rồng biến hết.

Từ ấy loan phượng tình nồng, chồng vợ vui xuân, quán quýt nơi gác nguyệt. Mộng đẹp vừa tỉnh, gồm nên nhã hứng nơi phòng khuê. Qua ba bốn ngày, phu nhân chợt thấy trong lòng chuyển động, cảm hoài mà có mang. Thai đã thành hình, ăn uống chẳng như thường, đều dùng đồ chay tịnh cả. Trải 12

tháng mân nguyệt khai hoa, sinh hạ một gái (vào giờ tý ngày 21 tháng 3 năm Giáp Thìn), dung mạo phương phi, dáng hình yếu điệu, môi hồng má phấn, mắt phượng mày rồng. Nét khiến chim sa cá lặn, dáng nên nguyệt thẹn hoa nhường, đều đáng là thần thánh trên cõi đời, Nghiêu Thuấn trong nữ giới, trần gian nào có được người như thế.

Mẹ cha nâng niu, đến tuổi trưởng thành, lại đặt tên cho là Ngọc. Xiêm áo đều dùng màu trắng, chẳng giống người thường. Đến khi tuổi vừa mười tám, công dung ngôn hạnh, nét na hiên hòa, dáng vẻ yếu điệu, con người phúc hậu, hiền từ khoan hồng hiếu dễ, tính lại ưa nước. Bộ quan thấy vậy bảo phu nhân rằng:

- Con gái nhà ta chính là tinh khí của thủy đế long vương rồi, vốn chẳng phải người dương thế đâu?

Bèn dựng một cung ở mé bên trái, đặt tên là cung Khát, cho phép con gái ở riêng nơi đó. Một buổi, nàng Ngọc nhân tiết trời thu, rong chơi thưởng trăng ngắm cảnh, nảy ý muốn đến mỏm đất Long Đầu ở phía tây Thăng Long. Nàng Ngọc đứng trên mỏm đất Long Đầu. Khi ấy, buổi dương chính ngọ, bỗng đâu trời đất tối sầm, mây mưa mù mịt. Tự nhiên dồn dậy gió mưa. Nước sông dâng cao, chợt hiện rắn trắng thân dài 10 trượng, rẽ nước thành luồng, đón nàng Ngọc trở lại thủy cung rồi biến mất (hôm ấy là ngày hóa, 17 tháng 8). Nơi hóa chính ở mỏm đất Long Đầu, thường thường dâng nước.

Các khách qua lại bán buôn thấy linh thiêng như vậy thường đến cầu đảo, đều ứng nghiệm cả. Họ bèn lập một ngôi miếu nhỏ tại đây, thờ phụng nàng Ngọc. Trái đến triều Lý, bỗng đâu có viên Thái giám chiêu dân mở trại, thấy một ngôi miếu nhỏ nằm tại mỏm đất Long Đầu, thường thường hiển ứng. Khi ấy, thôn Đống Nước, già trẻ toàn dân đều mộng thấy một mỹ nhân xiêm y màu trắng, truyền bảo dân rằng:

- Thiếp là con của Long Vương Thủy phủ, thiên đình lệnh cho trấn nhậm nhân dân và lãnh thổ nơi này. Có sao không dọn sạch

Rồi bỗng hét to một tiếng, bay vút lên không.

Nhân dân tỉnh lại, biết là mộng báo. Liền sau đó, dân đều mang bệnh tật, chẳng được yên thân. Người người đều cho là hoạ lớn. Lập tức rủ nhau làm lễ tạ trước miếu thờ. Từ đó, dân ở đây đều được an bình yên ổn, chẳng phải lo lắng tai nạn khó khăn, lại được hưởng phúc thái bình. Việc phụng thờ hương lửa cũng nối đời mãi mãi.

Lại nói, thuở ấy, trải đến nhà Trần đời vua Anh Tông, bỗng đâu giặc Nguyên vào xâm lược. Vua bèn đích thân xa giá đi đánh giặc Nguyên. Khi qua miếu thiêng ở thôn ta, tự nhiên xe rồng dừng lại không tiến. Vua lấy làm kỳ lạ, lập tức lưu lại một đêm. Trong mộng chấp chời, vua thấy một mỹ nhân xiêm y toàn sắc trắng, đứng trước mặt vua tâu rằng:

Thiếp là con của Long Vương Thủy phủ, thiên đình lệnh cho trấn nhậm dân ở đây. Nay biết Hoàng đế đi dẹp giặc Nguyên, thiếp xin theo hầu giúp rập, âm thầm phò trợ cứu nước.

Tâu xong, nàng uốn mình hóa thành con rắn trắng mà biến đi.

Vua tự tỉnh mộng, biết là mộng thấy thần nữ. Lập tức truyền cho nhân dân trong thôn làm lễ tạ trước miếu thờ. Rồi tiến theo đường thủy, thẳng đến nơi đóng trại của quân Nguyên tại địa phận sông Bạch Đằng, từ mấy cánh quân cùng tập hợp đánh vào một trận. Đương khi giao chiến, chợt thấy rồng, rắn, cá, ba ba nổi đầy trên mặt sông. Quân Nguyên thấy vậy tự nhiên chạy tháo lui về nước. Thế là từ đó giặc tan.

Ngày hôm bình xong giặc, vua bèn nhanh chóng dẫn quân hồi triều khao thưởng quân sĩ. Lại phái sứ giả đem sắc chỉ ban cho nhân dân trong thôn một trăm xâu công tiền để làm tiền của chung thờ phụng hương lửa. Lại truyền cho dân thôn tu sửa dựng lại miếu thờ phụng và miễn cho 3 năm khỏi đóng góp lương thực và phu lính. Lại chuẩn cho thôn Đồng Nước cũ thuộc trại Ngọc Hà, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên coi miếu thờ đó là Hộ nhi đệ nhất từ, phụng thờ hương hỏa mãi muôn đời.

6. TRUYỆN PHẠM NHAN

Cái miếu Phạm Nhan ở tại bên sông Thanh Lương, làng Yên Bái, huyện Đông Triều, nguyên người Phạm Nhan tên là Nguyễn Bá Linh. Cha người ấy quê ở tỉnh Quảng Đông bên Tàu sang nước Nam lấy vợ tại làng Yên Bái, đẻ ra người Nguyễn Bá Linh.

Nguyễn Bá Linh đỗ Tiến sĩ đời nhà Nguyên, có phép phù thủy, vào trong cung vua chữa bệnh, rồi ngủ với người trong cung. Việc to phải tội, toan đem ra chém.

Nhân khi ấy nhà Nguyên sang quấy nước Nam, người Nguyễn Bá Linh xin đưa đường, lập công, để chuộc tội. Vua nhà Nguyên cho đi. Đánh nhau ở sông Bạch Đằng, người Nguyễn Bá Linh cùng người Ô Mã Nhi đều phải ông Hưng Đạo Đại Vương bắt được.

Lúc đem ra chém, người Nguyễn Bá Linh xin đem chém tại quê mẹ là làng Yên Bái, chém rồi bỏ đầu xuống sông. Có hai người đánh cá bỏ lưới xuống thời thường được cái đầu lâu người Nguyễn Bá Linh. Hai người đánh cá nói rằng: Như có thiêng thời cho chúng tao được nhiều cá, thời chúng tao đem chôn. Nói thế rồi quả được nhiều cá; hai người ấy chôn ở bên bờ sông. Rồi hai người khi nào đi qua chỗ mả, thường vờ người Nguyễn Bá Linh đi chơi.

Lâu ngày quen đi, cái hồn người Nguyễn Bá Linh cùng hai người ấy hợp làm ba, cho nên gọi là Tam hồn thần.

Vả từ lúc chôn rồi, người ta nhớ cái tính người Nguyễn Bá Linh, bốn chỉ bảo ghẹo liến bà, thời đều nghiệm cả, cho nên cùng nhau làm miếu mà thờ.

Vả nói chuyện lại, khi đem chém người Nguyễn Bá Linh, thời người ấy có xin ông Hưng Đạo Đại Vương rằng: cho người ấy ăn cái gì ông Hưng Đạo Đại Vương nói rằng: cho mày ăn máu dê liến bà.

Vì thế cái hồn người Nguyễn Bá Linh đi khắp cả trong nước,

gặp người liên bà nào dễ, thời ngủ với, hễ người phải người Nguyễn Bá Linh ngủ với, thời phải đau mãi mãi. uống thuốc không khỏi. Phỏng như người nào biết phép mà chữa, thời đến kêu cầu ở đền Vạn Kiếp, đem chiếu mới đổi lấy chiếu cũ ở đền ấy, đem về để cho người phải đau nằm cùng lấy tàn hương nước lã ở trong đền ấy mà uống, thời bệnh khỏi cả.

7. TRUYỆN DỊ NHÂN LÀNG HẠ BÌ

Làng Hạ Bì huyện Gia Phúc có một dị nhân làm nghề bán sò hến, Một hôm, ông đi đến bờ biển thấy ở trên bãi cát có hai con trâu đang đánh nhau: ông lấy đòn gánh đánh trâu, trâu chạy xuống biển rồi biến mất. ông thấy một ít lông trâu dính vào chiếc đòn gánh, cho là linh vật, lấy nuốt vào bụng. Từ đó ông có sức khoẻ lạ thường, lội nước như đi trên đất liền và thường thường xuống sông xuống biển bắt cá, có khi đến vài ngày mới về.

Bấy giờ có giặc phương Bắc đem mấy trăm chiếc thuyền biển sang đóng ở châu Vạn Ninh, nhân dân sợ hãi. Triều đình xuống chiếu dụ rằng người nào đuổi được giặc thì sẽ được thưởng rất hậu. ông xin đi, bèn lặn xuống biển nằm ở dưới thuyền, lấy dùi sắt nhọn dài đục thủng thuyền, thuyền bị nước chảy vào chìm ngay. Giặc sợ lắm, không biết vì lẽ gì. Sau chúng lấy ống thủy tinh (ống nhòm) nhìn thấy dưới nước có người đang lấy dùi đục thuyền. Chúng vội vàng giăng lưới vây bắt được ông đem lên. Chúng hỏi ông rằng: Nước người có bao nhiêu người biết lặn như người? Ông đáp:

- Nước tôi có rất nhiều người biết lặn như tôi. Hiện nay họ vẫn ẩn nấp ở dưới biển để đục thuyền, chỉ có mình tôi chẳng may bị bắt. Nếu các ông thả tôi ra, tôi sẽ dẫn các ông đến chỗ họ ẩn núp, tha hồ các ông bắt.

Giặc tưởng ông nói thật, bèn sai lấy một chiếc thuyền nhẹ chở ông đi. Ông nhân lúc giặc trong thuyền không để ý, vội

nhảy xuống biển lặn trốn. Bọn giặc trong thuyền không biết làm thế nào, đành chỉ nhìn nhau mà thôi. Giặc thấy thuyền bị đắm mất nhiều, lại thấy ông nói có nhiều người biết lặn, không dám ở lâu, bèn dời đi nơi khác.

Còn ông sau khi về nhà thì chết. Triều đình nghĩ ông có công đuổi giặc, truy phong ông làm Đại Vương. Lại cho phép người trong họ ông được độc quyền đánh cá ở các cửa sông thuộc vùng này để lấy nguồn lợi chi tiêu vào việc cúng tế. Đến nay vẫn còn lễ tế tự hằng năm ở cấp nhà nước, đền linh thiêng lạ thường, quả là một vị phúc thần của vùng ấy.

8. SỰ TÍCH ĐỨC THÁNH TRẦN HƯNG HỒNG

Theo sự tích, đức thánh cha tên Hưng Đạo, lấy đức thánh mẫu tên Quế Hoa Nương, người làng Đại Trạch, tục gọi làng Chằm, tổng Đình Tổ, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, lập làm đệ nhị cung phi. Đến năm Tân Ty, ngày 12 tháng giêng sinh ngài. Đến năm Giáp Thìn đời vua Trần Thái Tông, cho sứ triệu ngài về kinh thi, thời ngài đỗ tam giáp Tiến sĩ, làm chức tham tri mưu sự chưởng lĩnh binh nhung, đi đánh giặc nhà Nguyên. Đánh xong giặc, vua lại phong làm binh bộ Thượng thư đi tuần thú thiên hạ, tróc nã gian đồ. Sau ngài đem binh về đóng đồn ở làng Đại Trạch, dân chúng làm lễ bái khánh. Sau ngài lấy đức hoàng bà ở thôn Ư Trì làm vợ. Được năm tháng, vua lại sai sứ triệu ngài về kinh để đi đánh giặc nhà Nguyên ở đồn Vạn Kiếp. Ngài đánh một trận giặc nhà Nguyên tan chạy. Sau giặc Nguyên binh bại, ngài cùng với đức thánh phụ (Trần Hưng Đạo) và các anh tên là Hưng Võ, Hưng Hiếu, Hưng Nhượng, Hưng Trí, đánh ở trận Bạch Đằng giang, bắt được ô Mã Nhi. Bấy giờ giặc yên, vua mở tiệc ăn yến, ban thưởng công thần, phong sắc cho ngài là sắc tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, hộ bộ Thượng thư, kiêm Tri khu mật, Thái bảo kiêm quốc công. Sau ngài lại về đóng đồn ở làng Đại Trạch, triệu phụ lão nhân dân mở yến ba ngày. Đương tiệc thì đức hoàng bà bị rức đầu một

chốc mà mất, tức là ngày 12 tháng năm giờ Ngọ năm Quý Mão. Ngài truyền làm lễ mai táng ở thôn Ư Trì thuộc về địa phận Đại Trạch. Sau ngài đi tìm sinh phần, ngài thấy thiên sử xuống bảo ngài rằng:

- Nay giặc đã tan, nước đã yên, triệu ngài về trời. Chốn này chỉ để cho ngài làm vạn cổ phương danh hậu tích.

Nói xong, sứ biến mất. Ngài bèn ra chốn mình đường tắm rửa sạch sẽ, sau ngài hóa, tức là ngày mồng mười tháng ba, giờ Thân, năm Giáp Thìn. Sau nhân dân biết ra thăm, thời đã thấy mỗi đùn thành mả. Khi ấy vua sai sứ về lo việc bái tế, phong sắc cho ngài là sắc tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, hộ bộ Thượng thư, kiêm Tri khu mật, Thái bảo kiêm quốc công, hiển ứng hựu quốc tế thế uy linh hồng phúc chí đức, hoàng độ khai bình, Vinh lịch thế trị, đức vận nhuận đức tráng dụ tuyên nghĩa phát trường hùng tài, dũng lược vĩ tích phong công anh ngạn quả đoán đại vương. Lại phong sắc đức hoàng bà là Đoan trang gia hạnh, hòa hậu ôn cung, thuần ý thực đức, khiết hạnh thuận thừa, thuần chỉ cẩn tiết, từ nhân nhu tĩnh, hãm hoàng cẩn tiết, nhu mục Đẳng quý phi, niên hiệu Hồng Phúc nguyên niên, tháng chín ngày hai mươi bảy.

9. PHẠM NGŨ LÃO

Ông Phạm Ngũ Lão, người làng Phù ủng, huyện Đường Hào, lúc còn hàn vi thường ngồi xếp bằng tròn ở bên đường cái quan, chẻ tre đan sọt. Chợt khi ấy, Hưng Đạo Đại Vương kéo quân từ Vạn Kiếp về kinh; Quân tiên phong thét ông đứng dậy, ông cứ ngồi xếp bằng tròn mà đan, hình như không nghe thấy gì. Quân lính lấy giáo đâm vào đùi, ngọn giáo mắc vào đấy không rút ra được, nhưng ông vẫn cứ ngồi yên. Khi vōng Hưng Đạo Vương đến, Vương mới hỏi:

- Đùi nhà ngươi bị đâm như thế, sao không biết đau, mà lại cứ ngồi như vậy?

Ông thưa rằng:

- Tôi đương nghĩ mấy câu trong *Bình thư*, nên không nghề thấy gì cả.

Vương bèn dừng võng lại, thủ hỏi binh cơ mưu lược, thì ông ứng đối trôi chảy. Vương lấy làm lạ, cho lên xe đưa về, rồi gả con gái nuôi cho. Sau, Phạm Ngũ Lão đi tòng quân đánh giặc Nguyên, có công, thăng lên coi quân cấm vệ. Những kẻ vệ sĩ thấy ông là người hàn vi mới hiển đạt thì lấy làm khinh, liền xin cùng ông đấu võ, ông cáo về nhà nghỉ vài tháng, cứ ngày ngày ra cái gò cao ở làng bên cạnh tập nhảy, nhảy đến nổi sạt cả một góc gò. Hết hạn nghỉ rồi, ông vào triều, đấu với các vệ sĩ. Bọn vệ sĩ năm sáu người quần lại đấu với ông. Ông tay dấm chân đá, nhẹ nhàng như bay. Chúng đều bị thương cả, mới xin bó tay chịu thua. Về sau, nước Ai Lao vào ăn cướp, đem voi bày trận xông vào, không ai chống được. ông được lệnh đem quân đi đánh. Ông sai chặt gốc tre vạt nhọn, dài độ vài thước, chất cả bên đường, rồi vẫy cho quan quân lui lại, một mình xông vào đánh nhau với giặc. Giặc thả voi ra đuổi ông cứ xông vào lấy những đoạn tre ở bên đường đâm vào móng chân voi. Voi đau phải lui. Trận giặc đại loạn. Quan quân xông vào đánh vô tan. ấy đều là những dật sử của ông mà không thấy chép ở trong sử.

Nay đến thờ ông ở phía tây làng Phù Ủng, trông xuống sông.

Có hai bà công chúa được phối hưởng. Một bà là con gái nuôi Hưng Đạo Vương lấy ông khi trước, một bà là con gái ông, hiệu là Tinh Phi, triều nhà Trần. Người đời truyền rằng đền thờ ông làm ngay trên nền nhà cũ của ông, nguyên ngành về hướng tây, trông xuống ao, ở giữa ao có cái kim ấn nổi trên mặt nước, độ ngoài nửa dặm thì có cái giáo dài làm hộ vệ. Sông Phù Ủng là hổ thủy nghịch triều, các nhà phong thủy đều khen là nơi dương trạch tốt.

Đời Lê, khi mới dẹp yên giặc Cao Bằng, trong làng Phù Ủng có một quan văn thần tên là Võ Vinh Tiến, tuổi còn trẻ đã làm nên khoa hoạn, cầm trọng binh đốc trấn ở Cao Bằng. Những

người kỳ lão ở trong làng đều ghen ghét, việc gì cũng dè nén không cho dự. Mỗi khi làng vào đám, có lệ ăn uống, thì mọi người đều thoái thác, không muốn ngồi cùng chiếu với Võ công. Võ công sai đem một trăm lạng bạc và trâu, gạo tạ lỗi. Chúng khước di không nhận, bắt phải thân về tận nơi. Võ công dắt trâu, đem bạc về, luồn lọt cho được thỏa lòng. Được ít lâu, cái hiểm khích cũ đã quên dần, ông mới bàn với dân xoay miếu thần về hướng bắc, xong đâu đấy, lập đàn chiêu hồn, rồi nhảy xuống sông mà thề rằng:

Làng này đã coi khinh khoa hoạn thì về sau không nên có nữa.

Từ khi Võ công mất, học trò trong làng không mấy người đỗ đạt được nữa. Làng mới hối hận về chỗ xử tệ với ông quá. Khoảng năm Bính Ngọ, Đinh Mùi (1726-1727) lại xoay miếu thần về hướng tây như cũ, nhưng trong làng bị dịch tai hại, dân không được yên, đành lại phải về hướng bắc. Ôi? Thói chất phác đời cổ đã tàn dần, phong tục càng ngày càng kiêu bạc. Có kẻ đi chu du rách nát cả áo khi trở về nhà, vợ với chị dâu cũng khinh. Có kẻ gánh củi vừa đi vừa học mà bị làng xóm chê cười. Đến khi đã đeo tướng ấn sáu nước, cưỡi xe quan Thái thú nghênh ngang thì những kẻ khinh bạc giễu cợt khi xưa mới lại đón rước kính trọng. Xem như bài *Chú cấm đường ký* của âu Dương đã nói, thì người đời xưa cũng có cách xử về việc ấy; việc gì mà phải thề nguyện nhỏ mọn để chia lỗi với kẻ hẹp hòi ấy!

10. SỰ TÍCH ĐÌNH CÔNG TUẤN ĐỜI TRẦN

Theo sự tích, Ngài sống vào đời vua Thái Tôn nhà Trần, có người làng Thượng Cảnh, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây, tên là Đình Công Hồng lấy người làng Ngọc Kiệu tên là Trương Thị Quy. Hai vợ chồng tích đức nhưng vẫn hiếm hoi. Gặp tiết tháng 3 ngày 8, có chùa Thầy mở hội (Sài Sơn), vợ chồng ông Hồng đem tiền hương đến đây cầu tự, làm lễ Phật đường, tức khắc đêm hôm ấy vợ chồng ông Hồng nằm mộng thấy một

người cười hùm đen, tay ôm Tiên đồng đến cho, bảo ông Hồng rằng: "Nhà ngươi tích đức giới đã biết vậy, nên đem cho tiên đồng. Nay cho làm con người. Ngày sau thời hay tế thể an dân". Vừa mới nghe nói xong, chợt nghe thấy gà gáy to, vợ chồng ông tỉnh dậy, biết là có mộng. Các ứng phúc nay đã đến, nên thần nhân báo mộng, bèn đi tạ Phật đường. Từ đấy hai vợ chồng có tin mừng. Thấm thoát thời đưa, ngày sáu tháng giêng năm sau (năm Đinh Dậu) sinh được Ngài. Ngài có dạng thần phong tuấn chỉnh khí vũ khôi ngô hiên ngang, lông mày tựa ông Vân Trường, tiếng nói như ông Dục Đức. Khi ba tuổi, ông bà đặt tên là Tuấn, rồi cho đi học. Được vài năm văn chương tài giỏi trí thức hơn người, võ đã tinh thông, tài gần muôn vật. Các bạn hằng ngày cùng học bấy giờ ai cũng kính phục. Cùng bảo nhau rằng chàng, kia là giao long mà gặp mây mưa, không phải làm vật ở mãi trong ao tù. Lúc đương học, tiên sinh thường khen rằng nhà ấy có phúc sinh được người con văn võ kiêm toàn, là đứa con hơn đời. Đến khi Ngài 21 tuổi, cha mẹ đều khuất núi. Tự lấy là nhà nghèo phải đến ở nhà cậu ở xã Ngọc Hành (tức là xã Ngọc Kiệu bây giờ) tên là ông Trương Công Tự mới được hai năm, ông Tự lại chết. Ngài bèn tu học ở chùa \Kim Cốc, làng Ngọc Kiệu bây giờ. Lúc bấy giờ người trong làng thấy Ngài hay chữ, bèn mở trường đón Ngài dạy học. Ngài là người nhân nghĩa hòa mục, cả làng đều kính phục. Lúc ấy ấy đời vua Thái Tông nhà Trần xuống tờ chiếu lệnh các châu huyện tìm những ông đồ hiếu liêm hiền lương mà văn võ kiêm toàn. Địa phương Ngọc Kiệu bèn lấy Ngài trúng tuyển ở trường Sơn Tây để Ngài đứng trước sân rồng ứng đối. Vua cử làm quan Thị tòng tham tri. Đến tháng bảy năm Đinh Tỵ, có thư cáo cấp giặc Nguyên Mông lại lấn nước ta. Vua bèn mệnh đức Trần Hưng Đạo Đại vương làm Tiết chế tướng quân, phong Ngài làm quản giới tam quân, đem mười vạn quân đi đánh rất nhiều trận đều được. Đến trận ở sông Bạch Hạc, quân Nguyên bao vây, mọi quân đều lui, mình Ngài xung đột, thế không địch nổi, tự tính không thoát được, bèn than rằng:

*Xuất sư vị tiếp thân tiên một
Trường sử anh hùng lệ mãn khâm.*

Nghĩa là:

Xuất quân chưa thắng thân đà mất
Mãi để anh hùng lệ chứa chan.

Than xong, Ngài bèn tử tiết ở sông Bạch Hạc, rồi hài cốt trôi về bến Kim Cốc xã Ngọc Kiệu là nơi Ngài ngồi dạy học trước đấy. Sau ông Thiên tăng ra bến trông thấy nhận mặt lấy hài cốt đem vào táng ở trong chùa làng bấy giờ. Sau Ngài lại đem một cây gỗ bạch đàn trôi về bến ấy, báo mộng cho người hào trưởng trong làng rằng Ngài đem cây gỗ ấy về để khắc tượng Ngài là quân giới đại vương. Dân làng theo như nhờ Ngài bèn khắc tượng phụng thờ rất là linh ứng. Sau có quan Đại thần đi qua cửa đền thờ Ngài bấy giờ, tặng thơ rằng:

*Vạn cổ hương yên nhật nhật tân,
Sinh nhi tướng giả tử nhi thần
Hậu lai thuyết đảo nhân thần sự
Kỷ đắc trung thần tử dữ quân.*

Nghĩa là:

Vạn thuở đèn hương ngày một mới
Sinh làm tướng giỏi chết thần linh
Một mai nói chuyện nhân thần đó
Mấy kẻ trung thần đã xứng danh.

Vua Thái Tông nhớ Ngài là trung thần tử tiết, phong Ngài làm Trung đẳng phúc thần, sai các quan tế lễ, sức cho dân làng sở tại làm hội nhi dân để phụng thờ Ngài.

Đến đời nhà Lê có họ Hồ tranh quyền, họ Mạc lấn ngôi, vua Trang Tông cùng quan Đại thần Thái uy đốt hương mật đảo cầu bách thần âm phù hộ quốc tiểu trừ Mạc nghiệt. Sau Ngài báo mộng cho quan Thái úy biết, bảo quan Thái úy rằng: Ta làm quân giới đại vương quyền chưởng một phương, làm

phúc thần xã Ngọc Hành (tức là Ngọc Kiệu bây giờ) nghe quân vua tiêu trừ giặc Mạc, ta xin âm phù, đem quân diệt giặc giúp nước. Quan Thái úy trông thấy người tự xưng thần tướng nói như thế mà mặc áo rồng sắc đỏ tay cầm thanh kiếm nhọn và có quân gia rất nhiều chỉ bảo như thế, thì cả sợ, tức nhận thịt trâu bò khao quân, tạ lễ bách thần, tiến đánh nhà Mạc, chém giết nhiều người, máu đi thuyền được, xương chứa bằng non. Nhà Mạc cả thua. Vua về gia phong tướng sĩ phong bách thần. Vua lấy Ngài làm linh ứng, bên gia phong Ngài làm Linh Thông đại vương và ban kim tiền một trăm quan cho làng Ngọc Hành (tức là làng Ngọc Kiệu bây giờ) sửa sang đền thờ Ngài lịch sự thêm ra, lưu truyền hương hỏa muôn đời, cùng trời đất lâu dài mãi mãi.

11. SỰ TÍCH MIẾU HAI DANH TƯỚNG HỌ TRẦN

Ở làng Đơn Duệ huyện Vĩnh Linh, bên bờ sông có ngôi miếu thiêng, tương truyền miếu thờ hai danh tướng họ Trần.

Truyện kể rằng vào thời Trần, Trần Nhật Duật và Trần Quốc Chân theo vua đi chinh phạt Chiêm Thành. Khi đoàn quân thắng trận trở về, nhiều tướng sĩ lợi dụng cướp bóc làm kinh động cả một vùng. Riêng Nhật Duật và Quốc Chân ra lệnh rất nghiêm, nếu ai tơ hào đến của dân đều bị xử trảm. Mặt khác, hai ông còn phủ dụ dân chúng trở lại làm ăn như cũ. Dân nhờ vậy yên tâm xây dựng lại cuộc sống sau bao năm chinh chiến.

Về sau khi hai danh tướng qua đời, dân vùng Vĩnh Linh cảm mộ đức độ của hai ông nên đã lập một ngôi đền bằng tranh để thờ phụng, tương truyền đều rất linh ứng, dân quanh vùng cầu gì được nấy.

Khi vua Lê Thánh Tông cầm quân chinh phạt Chiêm Thành, qua đây gặp trời sấm tối, nhà vua ngủ lại trong đền. Nửa đêm nhà vua mộng thấy hai tướng đến trước mặt quỳ tâu rằng:

chúng tôi là tướng nhà Trần, nhiều lần đi đánh Chiêm Thành, am tường thủy thổ, nay thấy đại quân viễn chinh, chúng tôi xin được phép đi theo phò tri giúp đỡ. Nhà vua tỉnh giấc, chưa biết thế nào, cho gọi phụ lão quanh vùng đến hỏi. Tất cả phụ lão đều khai sự thật. Nhà vua mừng vì gặp được điềm lành.

Khi thắng Chiêm Thành trở về, nhà vua ghé lại nơi đây, ra lệnh trùng tu lại ngôi đền và sắc phong cho hai tướng làm Đại Vương. Đền từ đó ngày càng được thờ phụng trang nghiêm và càng thêm linh ứng. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824) được sắc phong làm Trung Đẳng Thần.

12. TRUYỆN BẢNG CÔNG VÀ HẢI CÔNG ĐỜI TRẦN

Thuở xưa, buổi khai thiên lập địa ranh giới nước Việt ta ngang với sao Ngưu sao Đẩu¹. Tự triều Hùng là bậc thánh tổ mở vận nước ứng nghiệp vương: nước biếc mênh mông một dải khởi dựng cơ đồ Vua thần đế thánh, non xanh bát ngát muôn dặm kiến tạo móng nền cung điện đế đô. Cứu người độ vật thống lĩnh 15 bộ, ra sức củng cố thể mạnh biên cương phen giầu, giữ vững nền thịnh trị hơn 2000 năm, phù giúp giang sơn tông miếu vững bền như bàn thạch; hiển ứng linh thông nơi Nghĩa Lĩnh, cha truyền con nối hiệu gọi Hùng Vương. Ngọc bạch xa thu² sơn hà nhất thống thì đó là bậc Tổ của dân Bách Việt ta vậy.

Lại nói, nhà Hùng đời thứ mười tám truyền tới Hùng Duệ Vương, nghe theo lời con rể là Tản Viên Sơn Thánh, Duệ Vương

-
1. Có sách chép sao Dục sao Chấn. Theo quan niệm địa lý - thiên văn cổ, người xưa cho rằng mỗi khu vực địa lý đều ứng với một số ngôi sao trên trời.
 2. Ngọc bạch xa thu - *Ngọc bạch* nghĩa là sứ sách. *Xa thu* là do câu "Xa đồng quỹ thu đồng văn", nghĩa là xe cùng một cỗ trục bánh, sách cùng một lối chữ. ý nói sự thống nhất của đất nước.

bền nhường ngôi cho Thục An Dương Vương. An Dương Vương trị vì đất nước mới được 50 năm thì đã có một người ở Chân Định họ Triệu tên Đà mang quân tới xâm lấn, khiến nhà Thục mất. Triệu Đà cha truyền con nối mới được ba đời làm vua tới đây lại bị diệt. Từ đây nước Việt bị lệ thuộc vào các triều đại: Hán, Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương tất cả là 349 năm. Từ thời ấy nước Việt ta từng có các triều: Tiền Lý, Hậu Lý, nhà Ngô dựng nước, nam bắc phân tranh, rồi mười hai sứ quân chia nhau cát cứ. Nước Việt ta trở lại các triều: Đinh, Lê, Lý, Trần, trong khoảng thời gian ấy đã có biết bao bậc vua sáng tôi hiền kế nhau xuất hiện. Duy nhà Trần sớm ứng lời sấm truyền "Đông A"¹ mà giành được ngôi. Buổi đầu Thái Tông lên ngôi, rủ áo khoanh tay mà vẫn uy nghi ở chốn cửu trùng. Bên trong sửa sang văn đức, bên ngoài chấn bị võ công, xa gần nể uy nên đã giữ yên được cảnh thái bình thịnh trị. Giữa thời ấy, ở bộ Cửu Chân Biên Châu² có người họ Lã tên Tạo khi còn trẻ ngấm làm nhiều việc thiện, lấy nghiệp y bốc thuốc cứu người, lấy vợ người họ Trương tên là Vi. Vợ chồng duyên ưa cầm sắt, uyên ương phi nguyên. Gặp lúc luôn mấy năm mất mùa đói kém, người trong thiên hạ chết đói đầy đường. Khi ấy ông đem gia tài tiền của, mua đồ chôn cất người chết đói ngoài đường. Kẻ đau ốm thì ông cho thuốc thang trị liệu, người đói khát thì ông cho ăn cơm ăn cháo. ông xuất tiền bạc tới hàng vạn tiền cứu giúp thiên hạ như thế trong chừng bảy tám tháng, nên người khắp nơi xa gần nghe tiếng đều kéo về nương tựa vào ông đông đúc vô kể. Đến nỗi gia tài ông khánh kiệt không còn một hạt gạo, tiền hết không còn một xu mà ông vẫn vui vẻ. Ông thường tự nhủ: giàu sang cũng chẳng để làm gì nếu không có con hiếu cháu thảo. Ngày nay nếu trời có ban cho một hòm vàng rớt cục cũng hết, vậy sự tích cóp cũng chả đem lại ích lợi gì. ý nghĩ của ông dường

1. Đông A: chữ đông ghép với chữ a thì thành chữ Trần.

2. Biên Châu có lẽ chép nhầm từ chữ Hoan Châu?

như cũng thấu đến trời cao. Một ngày kia Thiên đế hội họp các vì sao và truyền rằng: "Ở đất Cửu Chân dưới hạ giới hiện nay có một người họ Lã đem hết gia tài của mình để cứu giúp người nghèo khổ mà vẫn lấy làm vui. Trẫm nay muốn ban thưởng cho họ Lã một ngàn hốt vàng để thử biết thực hư thế nào?". Bổng có một vị tiên lên trước thưa: "Bệ hạ xử như thế chưa phải đã rõ sự thực. Nay xin cử một vị thiên tình giả làm ông lão già mang chứng phong hủi vào ở nhà họ Lã. Nhà họ Lã nếu quả đúng là một nhà có phúc thiện thì sẽ tận lực nuôi nấng ông lão, mấy tháng sau nữa sẽ biến thành ngàn lạng vàng và đúng thấy chân thành, thì Ngọc Hoàng phê chuẩn cho theo lời nghị". Thế là Ngọc Hoàng sai một viên sứ giả hóa thành một ông lão già ngoài 70 tuổi mắc bệnh phong hủi, toàn thân lở loét hôi thối không ai dám gần. Một loáng đã vào nhà Lã công xin ăn. Lã công nhìn thấy ông lão thì thương xót, bèn bảo bà vợ Trương thị đun nước nóng để ông tự tay tắm cho ông lão mà không ngại hôi tanh, hằng ngày hầu hạ ân cần coi ông lão như cha đẻ của mình vậy. Ngày đông giá rét Lã công bán ruộng vườn để mua chiếu, chăn bông, áo ấm cho ông lão mặc, mua thức ăn ngon cung phụng cho ăn. Mỗi ngày một lần tắm. Vào một buổi sáng ba bốn tháng sau, Lã công bừng mắt mở cửa lên thì không thấy lão đâu nữa, mà chỉ thấy đầy một giường vàng đếm được hơn ngàn hốt. Lã công ngửa mặt lên trời mà than: "Gia sản của thần dẫu chưa so được với Vương Tạ, Thạch Sùng, nhưng cũng vào loại tiểu phong lưu. Hơn nữa nay thần đã ngoài 40 tuổi mà vẫn chưa có con trai để phụng sự tổ tiên, thì giàu có để làm gì đây". Nói rồi ông mang số vàng ấy phân phát hết cho những người nghèo khổ ở các nơi trong thiên hạ, mỗi người được không dưới một hốt. Bấy giờ Ngọc Hoàng mới thực sự thấu tỏ tấm lòng chân thành của Lã công, Ngọc Hoàng bèn cho viên Tinh Tào đầu thai làm con nhà họ Lã. Đêm đó, bà vợ Lã công mơ thấy một cây to ở đằng đông có hiệu là "Bảng". Một loáng lại một cây nữa sinh ra hóa thành một đứa con trai từ ngọn cây xuống đi vào nhà xin làm con nuôi. Khi ấy bà Trương thị nói ở trong mộng rằng: "Nếu

là con đẻ thì nhận, còn con nuôi thì thôi". Khi ấy chợt có một cậu bé bỗng hiện ra cười nói: "Lời nói dối ấy lại thực là mệnh lệnh của thiên đình sai xuống làm con đẻ báo đáp sự tích thiện của nhà mẹ". Lời nói chưa dứt, bỗng có tiếng nổ âm âm, bà Trương hoảng hốt tỉnh giấc, bèn đem hết sự tình kể cho Lã công nghe. Lã công trầm nghĩ *đông phương* chính là chữ "đông", *bàng mộc* chính là chữ "bằng", điều đó tất là điềm nhà mình sinh con trai còn ngờ gì nữa. Nghĩ vậy *nên* vợ chồng cả mừng bèn cùng chân gôi, loan phượng hợp quần, trong lòng rộn ràng hân hoan, nghe thấy tiếng ti tiếng trúc, hòa cùng tiếng nhạc lời thơ. Từ đấy bà mang thai 12 tháng đến giờ Mão ngày 4 tháng Giêng mùa xuân năm Giáp Ngọ sinh ra một cậu con trai phong tư tuấn tú, mặt mũi khôi ngô, tay dài quá gối, mặt vuông tai lớn, mắt sáng mày xanh. Thân thể hình hài cân đối (tam đình)¹; ngũ nhạc châu về. Lúc đang sinh bỗng trên trời có ba tiếng nổ, khí lành lan tỏa, hương thơm ngát ngào. Sinh được 100 ngày, Lã công nhớ chữ trong mộng bèn dùng để đặt tên cho con trai là "Bảng Công". Tháng ngày thấm thoát, Bảng Công đã 12 tuổi mới theo học Lý Đường tiên sinh. Về văn chương quán triệt thiên kinh vạn quyển, đọc suốt đến tận cùng mọi lý lẽ của Khổng Tử, Mạnh Tử; về võ bị thì tinh thông cả về Tứ khóa, Tam truyện chẳng kém phần thao lược của Tôn Tân, Ngô Khởi². Năm 20 tuổi cha mẹ đều qua đời, cảnh nhà nghèo túng, mái xiêu vách đổ, gió lửa tứ phía, vườn tược cây cối tiêu điều cần cỗi, Bảng công thường than thở: "Cổ nhân từng nói: con nhà lương y sẽ chết vì bệnh, nay ta chính là khổ bởi bệnh nghèo". Nhân đó vượt sông Nhĩ Hà sang bờ bắc nương tựa vào người cậu ruột tên là Trương Công Đạm. Ít lâu sau Trương Công bị một người ở bộ

-
1. Tam đình: các nhà tướng thuật chia toàn thân cũng như khuôn mặt người làm ba phần để đoán tướng: phần trên gọi là Thượng đình, phần giữa là Trung đình, phần dưới là Hạ đình.
 2. Tôn Tân và Ngô Khởi: là hai người thao lược binh pháp nổi tiếng thời Chiến Quốc của Trung Quốc.

Cửu Chân tên là Đào Trịnh Hoan giết chết. Bàng Công muốn báo thù cho cậu nhưng bởi lực thiếu sức yếu mà không địch nổi, bèn chu du khắp thiên hạ, ngoạn cảnh núi sông để thăm đường hỏi bến. Có một ngày, Bàng Công đi tới động Phàm Sơn ở ái Châu. Lúc bấy giờ ở đó có vợ chồng nhà Nham Sơn, chồng họ Lý vợ là Trương Thị Đạm. ông bà đều ở tuổi ngoài 50 mà chưa hề sinh con, bởi thế ông bà càng ra sức dựng xây nền phúc, bồi đắp móng nhân. Có một hôm bà Trương ra bãi biển tắm, bỗng mây mưa bao phủ, giữa ban ngày mà tối mịt như đêm, chợt thấy một con rắn trắng dài chừng 10 thước cuốn chặt lấy thân thể bà, tiết ra một thứ hương dịch, rắn cuốn chặt bà Trương như chẳng muốn rời. Nhưng giây lát sau trời quang mây tạnh. Rắn trắng biến mất, bà Trương kinh hoàng bỏ chạy về, đem đầu đuôi sự việc kể hết cho ông Lý nghe. Ông nghe xong không khỏi kinh dị, bán tín bán nghi. Thế rồi từ đó bà Trương mang thai 11 tháng, đến giờ Dần ngày 10 tháng 10 mùa đông năm Canh Thân sinh ra một cậu con trai: phong tư tuấn chỉnh, khí vũ hiên ngang vượt. quá vạm vạm người thường. Một tuổi tròn đã nói sõi đủ điều, 5 tuổi thích thơ phú âm luật, nhân dân địa phương ai ai cũng đều kinh ngạc, cha mẹ càng yêu quý cậu hơn mới đặt tên là Hải Công. Đến năm lên 7 tuổi, thông minh xuất chúng, chưa học đã biết: thượng thông thiên văn, hạ tường địa lý, không có việc gì không biết, không có việc gì không tỏ tường. Tới năm 15 tuổi, khi ấy Bàng Công đi tới địa phương này bất ngờ gặp được Hải Công ở dưới núi Nham Sơn, và hai người đã kết nghĩa anh em, rồi mở tiệc chiêu đãi nhau. Nhân đó hai người cùng chu du thiên hạ. Nhị Công đều tinh thông thiên văn tỏ tường địa lý, lại cao tay nghề phù thủy pháp môn. Thời ấy nơi huyện sở Nam Xương, phủ Lý Nhân, đạo Sơn Nam có bệnh dịch lệ lan tràn, người chết khá nhiều mà ở. Hạ Khu trang Mạc Xá thì càng trầm trọng hơn. Quan địa phương đã làm sớ tâu việc này lên triều đình, vua Trần Thái Tông xa giá về tận nơi lập đàn tế thần tống dịch, nhưng bệnh dịch không hề thuyên giảm mà càng nặng thêm. Thái Tông ngao ngán than phiền: "Ở thời Hán Quang Vũ

xưa có một Thái thú Lưu Côn còn đuổi được gió dập được lửa, huống hồ ta nay làm vua của một nước mà đức độ không bằng viên Thái thú Lưu Côn vậy ư?" Ngài bèn cho treo biển cầu hiền như sau: "Người trong thiên hạ hễ ai có tài thuật dập tắt bệnh dịch này thì trăm sẽ giao địa phương lập miếu thờ phụng hàng trăm năm về sau". Khi Bổng Công biết tin, ông liền bàn với Hải Công: "Anh em ta há không có tài thuật nào để trừ bệnh dịch cứu lấy nhân dân và để nhận vinh phong lộc nước hay sao?" Bấy giờ Hải Công mới nhường Bổng Công làm anh rồi cùng đi tới Hạ Khu trang Mạc Xá huyện Nam Xương. Việc đầu tiên của nhị Công là lập đàn cầu xin Bách thần trời đất tiêu trừ bệnh dịch, lời khẩn cầu trăm thần vừa dứt thì bệnh dịch được yên. Vua Thái Tông vui mừng, ngài liền ban thưởng cho nhị vị, lại ban cho Bổng Công cùng Hải Công thực ấp ở Nam Xương Thượng huyện, lại miễn phu phen tạp dịch, tô thuế, dung điệu, giao cho dân Hạ Khu trang Mạc Xá là nơi thờ cúng ngàn năm sau của nhị Công. Đến thời Trần Thái Tông mở khoa thi Tiến sĩ, nhà vua cho chia làm 2 bảng: Đông bảng và Tây bảng. Bổng Công thi đỗ ở Đông bảng, tên ông đứng hàng thứ 7; Hải Công thi đỗ ở Tây bảng, tên ông đứng thứ 8. Vua Thái Tông ban chúc cho nhị Công: Đông bảng đại phu và Tây bảng đại phu. Nhị Công bái tạ nhà vua trở về cung sở ở Hạ Khu trang Mạc Xá. Ngày hôm ấy nhân dân trang Mạc Xá làm lễ chúc mừng nhị Công.

Lại nói, đến thời Trần Nhân Tông, nhà vua ban thưởng cho nhị vị nhiều lần mà triều thần không ai được ưu ái bằng. Thời bấy giờ có tướng giặc Nguyên là Ô Mế Nhi cùng với Ngột Lang¹ đem 30 vạn quân tới uy hiếp biên cương nước ta, ngày ngày thư tín từ biên cương gửi cáo cấp về triều, Nhân Tông họp bàn với Thượng Hoàng phong cho Hưng Đạo Vương làm Tiết chế Thủy Bộ chư doanh, cho Đông bảng làm Tham tán, cho Tây bảng làm Nguyên nhung đưa đại quân tới Bạch Đằng giang chặn đánh,

1. Trong sách là Ngột Tuấn.

bẻ gãy mũi phong tỏa của giặc Nguyên. Khi ấy Nhân Tông trở về, dừng chân ở bến Đông Bộ Đầu. Mỗi khi nghe thấy quân Nguyên ào ạt kéo tới bao vây lấy Nhân Tông, thì Bàng Công, Hải Công lại phát cờ mang binh mã bản bộ hăng hái tung hoành ngang dọc, tiêu diệt quân thù, giải vây cho vua, báo đền ơn tri ngộ quân thần. Đó cũng lại là một trận nữa nhị Công đánh phá giặc Nguyên vậy. Sau đó, quân Nguyên lại kéo tới rất đông, nhị Công lại cùng bàn mưu với Trần Hưng Đạo ngầm giăng lưới sắt ở hạ lưu sông, đợi cho giặc kéo tới đi vào khu giăng lưới, thì chúng sẽ hết đường thoát, nhờ đó Hưng Đạo Vương đã chém được đầu Ô Mã Nhi trên sông Bạch Đằng. Tiếp đó, nhị Công cùng các tướng truy đuổi quân Nguyên, chém được đầu giặc nhiều vô kể. Quân Nguyên đại bại, lũ tàn quân sống sót chạy về Bắc quốc. Nhà vua hạ lệnh ban sư khải hoàn. Về triều cùng Đạo Vương, nhị Công đều được phong làm Đại Vương, còn các tướng sĩ đều được thăng thưởng chức tước cao thấp khác nhau. Nhị Công bái tạ nhà vua, trở về Hạ Khu trang Mạc Xá làm lễ ăn mừng, khao thưởng nhân dân sĩ tốt. Việc xong, lại trở về cự quán ở bộ Cửu Chân, lưu ở đấy được mấy tháng thì vào một buổi sáng, bỗng nhiên thấy trời đất tối om, gió mây sấm chớp nổi lên âm âm, ở dưới núi hồ báo kéo tới, dưới biển cá rồng trăm loại kinh nghê, muôn vật ko tới bãi châu, kim đồng ngọc nữ, đàn sáo xướng ca... Nhị Công đều hóa trong cảnh tượng đó. Bấy giờ nhằm vào ngày 10 tháng 6.

Lúc bấy giờ có mấy chục người ở Hạ Khu trang Mạc Xá ngày trước theo nhị Công nay từ nơi nhị Công hóa trở về báo cho dân làng biết. Ngay hôm đó dân làng dựng miếu tại chốn cung sở cũ để thờ phụng nhị Công. Khi đó vua Trần Nhân Tông nghe tin nhị Công đã hóa, ngài thương tiếc khôn cùng, sai quan về tận nơi cúng tế và ban sắc phong mỹ tự cho nhị Công làm Thượng đẳng phúc thần. Chuẩn cho Hạ Khu trang Mạc Xá là Hộ nhị sở (nơi sinh quán) để lo việc phụng thờ hương hỏa nhị Công muôn ngàn đời và cùng thịnh vượng trường tồn với giang sơn đất nước vô cùng vậy.

13. TRUYỆN CHU VĂN AN

Ông Chu Văn Trinh đời nhà Trần, húy là Văn An, tự là Linh Triệt, hiệu là Tiểu ẩn, người làng Quang Liệt, huyện Thanh Trì, đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Tư nghiệp Quốc tử giám. Đời vua Dụ Tông¹, ông dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần rồi treo mũ từ quan, về ẩn ở núi huyện Chí Linh, dạy học trò. Sĩ phu đều kính ngưỡng như núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu.

Tương truyền khi ông còn dạy học ở thôn Cung Hoàng, trong bọn học trò có hai người thiếu niên, dung mạo kỳ vĩ, không bao giờ ngồi cùng chiếu với các học trò khác. Có người trông thấy họ đi từ dưới nước lên; ông biết họ là thủy thần. Gặp năm nắng to, ông sai đi làm mưa. Hai người từ chối:

- Thượng Đế phong khóa cả sông hồ, không có giọt nào mà làm mưa được.

Ông bảo lấy nước ở cái ao rửa nghiên. Hai người nói:

- Lời thầy dạy không dám trái, nhưng trái ý Thượng Đế, sẽ phải nghiêm phạt.

Hai thiếu niên đi thì một lúc mưa xuống như trút nước. Bỗng thấy có hai thân thuồng luồng cụt đầu rơi xuống. Ông thu nhặt lại rồi đem chôn. Nay mà ở ngoài lũy làng, tục gọi mã thuồng luồng. Sau khi ông mất, người làng dựng đền thờ ở chỗ nền cũ nhà học, lấy những bậc nhân sĩ trong làng phối hưởng. Trong năm Cảnh Hưng, ông Bùi Huy Bích chấp chính, dò hỏi dòng dõi, thấy đã đổi sang họ Nguyễn, đều ngu dốt không biết gì, và ở vào hàng cùng dân cả. Ông bắt trở lại họ cũ, chọn một người trẻ tuổi dạy cho học, muốn sẽ tiến dần lên triều đình, bàn việc phong ấm, như người Tàu đối với dòng dõi Tống nho là ông Trình, ông Chu. Nhưng bỗng gặp biến, việc ấy lại không làm được.

1 . Trần Dụ Tông (1341-1369).

14. NGUYỄN HIỂN

Nguyễn Hiền quê ở làng Hà Dương, huyện Thượng Nguyên (Nam Định), đỗ thủ khoa năm Bính Ngọ thời vua Thái Tôn nhà Trần, đến năm sau thi đình đỗ Trạng.

Nguyễn Hiền thông minh từ nhỏ. Khi 6, 7 tuổi học nhà sư ở chùa, nhà sư mỗi ngày dạy 10 tờ giấy, Nguyễn Hiền chỉ học qua là thuộc lòng.

Một hôm nhà sư tụng kinh vừa xong, vào phòng nằm nghỉ, mơ thấy Phật giáng xuống bảo rằng: "*Nhà sư sao không biết bảo Trạng, cử để cho lên chùa lớn với Phật*". Nhà sư tỉnh dậy soi đèn xem các tượng Phật thì thấy sau lưng một tượng có chữ đề: "*Phật 30 trượng*", và sau mình hai tượng hộ pháp thì có chữ đề: "*Phật 60 trượng*". Nhận nét chữ thì chính chữ ông Nguyễn Hiền. Nhà sư quả máng Nguyễn Hiền, bắt phải lấy nước tẩy đi.

Nguyễn Hiền học các sách, qua mắt một lượt là nhớ ngay. Thơ từ phú sách, nói ra tức là văn chương. Năm 11 tuổi, đã nổi tiếng thần đồng, bấy giờ có người học trò ở Kinh Bắc tên là Đặng Tính, tự thị tài mình hơn cả đời. Nghe tiếng Hà Dương có thần đồng, đến chơi tận nhà, thử xem tài học ra làm sao. Khi đến ra một bài phú:

*"Phụng hoàng sào vu A các. Kỳ lân du vu Uyển hựu"*¹.

Nguyễn Hiền đọc ngay bốn câu rằng:

*"a) Quy phi Lạc Thủy"*²

-
1. Nghĩa là chim phụng hoàng làm tổ trên A các, con kỳ lân ra chơi ở vườn Uyển hựu.
 2. a) Không phải con rùa ở sông Lạc Thủy,
b) Không phải con rồng ở sông Mạnh Hà.
c) ấy kia nước Hữu Hùng (hùng nghĩa là con gấu).
d) Đóng đô ở gò Trác Lộc (lộc nghĩa là con hươu). Câu nào cũng có giống cầm thú cho nên hay.

b) Long bát Mạnh Hà.

c) Y bì Hữu Hùng chi quốc,

d) Ấp vu Trác Lộc chi a."

Đặng Tính mới nghe được bốn câu, đã lắc đầu lè lưỡi nói rằng: - Thiên tài xin nhường bác trẻ tuổi này?

Năm ấy thi đỗ thủ khoa. Năm sau vào thi đình, vua ra bài phú: "*áp tử từ kê mẫu quy hồ*"¹ văn Nguyễn Hiền hay nhất, vua cất lên đỗ Trạng nguyên, bấy giờ mới 12 tuổi.

Trạng vào bái mạng vua trong sân rồng, vua thấy còn bé loắt choắt, lấy làm lạ, hỏi rằng:

- Trạng nguyên học ai ở nhà?

Trạng thưa rằng:

Tâu bệ hạ, tôi sinh ra đã biết ngay, chỉ còn chỗ nào tôi không biết thì hỏi nhà sư một vài chữ mà thôi.

Vua thấy Trạng ứng đối, chưa biết lễ phép, ăn nói không được khiêm tốn, mới cho về học lễ phép ba năm rồi mới dùng làm quan.

Nguyễn Hiền về nhà ở không được bao lâu, có sứ Tàu đem một bài thơ ngũ ngôn sang thử nhân tài nước Nam.

Thơ rằng:

Lưỡng nhật bình đầu nhật,

Tứ sơn diên đảo sơn,

Lưỡng vương tranh nhất quốc,

Tứ khẩu tung hoành gian.

Vua hỏi các quần thần thì không ai hiểu nghĩa lý ra làm sao.

Phải sai hai quan văn võ đến nhà ông Nguyễn Hiền mời vào triều để hỏi. Hai quan sứ đến làng Hà Dương, gặp một đứa trẻ trong nhà hàng, mặt mũi phương phi. Sứ giả hỏi thì đứa trẻ ấy không thềm đáp lại. Mới đọc một câu đối nôm rằng:

1. Nghĩa là con vịt từ già mẹ gà về hồ.

"Tư là chữ, cất giăng đầu chữ tử là con: con ai con ấy?"

Đứa trẻ đối ứng khẩu ngay rằng:

"Vu là chưng, bỏ ngang lưng chữ đình là đứa: đứa nào đứa này?"

Sứ giả biết đứa trẻ ấy tức là Trạng Hiền, mới hỏi thăm đến tận nhà, thì thấy Trạng đang lúi húi ở dưới bếp, nhân lại đọc một câu rằng:

"Ngô văn quân tử viễn bào trù; hà tu mị tảo"¹

Trạng ứng khẩu đối rằng:

"Ngã bản hữu quan cư đình nại; khả tạm điều canh"²

Sứ giả thấy ứng khẩu nhanh nhẩu và có ý cao, chịu là giỏi, mới bày kể ý vua xin mời vào kinh.

Trạng nói rằng:

- Thiên tử nước ta trước bảo ta chưa biết lễ phép, nhưng chàng những là Trạng chưa biết lễ phép, cả đến thiên tử cũng chưa biết lễ phép.

Nói rồi nhất định không chịu đi. Sứ giả về tâu lại với vua, vua phải sai đem xe ngựa và đồ lễ đến đón, bấy giờ Trạng mới đi.

Khí đến kinh, vua đưa bài thơ của Tào ra hỏi. Trạng Hiền cầm bút viết ra một chữ và giải rằng:

- Câu thơ thứ nhất nghĩa là chữ *nhật* ngược xuôi bằng đầu nhau; thứ nhì là bốn chữ *san* ngược xuôi cũng là chữ *san* cả; thứ ba hai chữ *vương* tranh nhau ở trong một nước; thứ tư là bốn chữ *khẩu* ngang dọc cùng thành chữ *khẩu* cả. Tóm lại chỉ là một chữ *điền*.

1. Nghĩa là: Tôi nghe quân tử xa chỗ bếp nước, lọ là phải nịnh vua bếp. Có ý chê làm việc tầm thường.

2. Nghĩa là: Ta cốt có chức làm được tể tướng, nhưng còn tạm nấu nôi canh. Nấu canh lặt mận tại tay, cũng như chức làm tướng.

Giải xong đưa ra cho sứ Tàu xem, sứ Tàu phải chịu. Vì thế vua cử Nguyễn Hiền làm Kim tử vinh lộc đại phu. Sau lại làm đến Công bộ Thượng thư, không được bao lâu thì ông ấy mất.

Vua thấy người đại tài như thế mà không được thọ, thương tiếc vô cùng. Huyện ông ấy nguyên tên là huyện Thượng Hiền, vua mới kiêng tên ông ấy, đổi ra gọi là Thượng Nguyên. Lại cấp cho năm mẫu ruộng tư điền, bắt dân ấy phải lập miếu thờ.

15. MẠC ĐÌNH CHI

Mạc Đình Chi tự là Tiểu Phu, người làng Lũng Đồng, huyện Chí Linh (Hải Dương), nguyên về dòng dõi quan Thượng thư Mạc Hiến Tích về triều nhà Lý (Hiến tích đỗ Trạng nguyên về đời vua Trung Tôn nhà Lý, làm Lại bộ Thượng thư).

Tục truyền làng Lũng Đồng có một thung rừng rậm, cây cối lùm tùm lảm giống hươu (con khỉ) ở. Mẹ ông ấy thường khi vào rừng kiếm củi, phải con hươu to bắt hiếp. Về nói với chồng, chồng ăn mặc giả làm đàn bà, giắt sẵn con dao sắc vào rừng, con hươu quen thói lại ra, bị ông kia chém chết bỏ thây ở đấy. Sáng mai ra xem thì mối đã dùn đất lấp hết, thành một gò má.

Bà kia từ đó thụ thai, đủ tháng, sinh ra Mạc Đình Chi, mặt mũi xấu xí, người nhỏ loắt choắt tự như giống hươu.

Ông cha đến lúc gần mất, dặn lại táng lên trên mỏ con hươu, vì biết chỗ ấy là chỗ đất kết (ngồi mỏ đến giờ vẫn còn).

Mạc Đình Chi lớn lên bốn năm tuổi, tư chất thông minh hơn người. Bấy giờ Hoàng tử Chiêu quốc công mở trường dạy học trò. Mạc Đình Chi vào học. Đến năm gần 20 tuổi, là năm Giáp Thìn đời vua Anh Tôn nhà Trần, Đình Chi thi đình, văn đáng đỗ đầu cả mọi người. Nhưng, vua trông thấy người hình dạng xấu xa, toan không cho đỗ Trạng nguyên, Đình Chi làm một bài phú *Ngọc tỉnh liên* (Hoa sen trong giếng ngọc) để ví vào mình, vua mới lại cho đỗ Trạng nguyên.

Khi Đinh Chi phụng sự sang sứ nhà Nguyên bên Tàu, đã hẹn ngày với người Tàu đến hôm ấy thì mở cửa ải, vì phải gặp trời mưa gió sai hẹn, người Tàu đóng cửa không cho vào. Đinh Chi nói tử tế xin cho mở cửa. Người Tàu ra một câu đối tự trên ải ném xuống và bảo hễ đối được thì mở cửa.

Câu ra:

*"Quá quan tri, quan quan bế, nguyên quá khách quá quan"*¹
Đinh Chi viết ngay một mảnh giấy đối lại đưa lên:

*"Xuất đối di, đối đối nan; thỉnh tiên sinh tiên đối"*²

Người Tàu khen có tài nhanh nhẩu, mới mở cửa ải cho vào. Khi đến cửa Yên Kinh, người Tàu thấy xấu xa, có bụng khinh bỉ. Một hôm, quan Tể tướng tâu mời vào phủ đường ngồi chơi, Đinh Chi trông thấy trên bức tường có thêu con chim sẻ vàng đậu trên cành trúc, tưởng là con chim thực, đứng dậy chạy lại bắt. Người Tàu cười âm cả lên, Đinh Chi xé tan ngay bức tường ấy ra. Chúng ngạc nhiên hỏi cố làm sao thì thưa rằng:

- Tôi có nghe người ta thường vẽ chim sẻ đậu cành mai, không ai vẽ đậu cành trúc bao giờ. Nay Tể tướng sao lại cho vẽ thế? Trúc là giống cây quân tử, tiểu nhân ở trên quân tử, tôi e rằng đạo tiểu nhân mỗi ngày thịnh lên, mà đạo quân tử mỗi ngày mòn đi, nên tôi trừ giúp cho thánh triều đấy thôi.

Chúng chịu là biện bác có lẽ.

Đến khi vào châu, nhân có ngoại quốc dâng một đôi quạt quý, vua Tàu sai Đinh Chi và một người sứ Cao Ly, mỗi người để một bài tán vào quạt.

Sứ Cao Ly để xong trước.

Lời tán rằng:

-
1. Qua ải chậm, cửa ải đóng, mời khách qua đường qua cửa ải.
 2. Ra đối dễ, làm lại đối khó, xin ông sinh đối trước đi cho.

"Uẩn long trùng trùng, Y Doãn, Chu Công. Vũ tuyết thê thê,
Bá Di, Thúc Tề"¹

Bấy giờ Đinh Chi chưa nghĩ ra ý tứ làm sao, nhác trông sang quản bút bên kia viết, biết là lời lẽ như thế, mới suy ra mà để một bài như sau này:

"Lưu kim thước thạch thiên địa vi lô: nhĩ ư tư thế hê, Y Chu cự nho! Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết lải đở: nhĩ ư tư thời hê, Di, Tề nga phụ; Y! dụng chi tắc hành xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù?"²

Để xong dâng lên vua, vua Tào cầm bút khuyên chữ Y, phê rằng: "Lưỡng quốc Trạng nguyên" (nghĩa là Trạng nguyên hai nước).

Thường khi cười lừa đi đường, chạm phải ngựa của người Tào.

Người kia đọc lên một câu rằng:

"Súc ngã kỳ mã, Đông di chi nhân già! Tây di chi nhân già!"³ Đinh Chi ứng khẩu đối rằng:

"Át dư thừa lư. Nam phương chi cường dư! Bắc phương chi cường dư!"⁴

Lại tường đối đáp với người Tào, Tào ra rằng:

"An nữ khứ: thi nhập vị gia."⁵

1. Đang lúc nắng nẫu nực, thì như ông Y Doãn, ông Chu Công (ý là dắc dụng với thời). Đến khi mưa tuyết lạnh ngắt, thì như ông Bá Di, ông Thúc Tề (ý là xếp xó một chỗ).
2. Nắng chảy vàng tan đá, trời đất như lò lửa, người lúc ấy ví như Y, Chu hai nhà Nho lớn. Gió bắc lạnh lẽo, mưa tuyết lấp đường; người lúc ấy ví như Di, Tề hai người chết đói. Than ôi! Khi dùng đến thì ra, khi không dùng đến thì cất đi chỉ ta với người được thế thôi.
3. Chạm vào ngựa của ta cười ấy là người Đông di hay người Tây di?
4. Chấn đường lừa của ta đi, thử xem người phương Nam khoẻ hay là người phương Bắc khoẻ? Câu ra thì dùng chữ sẵn trong sách Mạnh Tử, câu đối thì dùng chữ sẵn ở sách Trung Dung cho nên hay mà tài.
5. Chữ an bỏ chữ nữ, chữ thi vào thì là chữ gia.

Đối rằng:

"Tù nhân xuất: vương lai thành quốc"¹

Người Tàu phê rằng:

Con cháu về sau, tất có người làm đến đế vương, nhưng hiềm về chữ quốc đơn, thì hưởng nước không được trang cữu mấy nỗi.

Lại ra:

"Nhật hỏa vân yên; bạch trú thiên tàn ngọc thỏ"²

Đối:

"Nguyệt cung tinh đan: hoàng hôn xạ lạc kim ô"³

Người Tàu phê rằng:

- Con cháu về sau tất có người cướp nước (Mạc Đăng Dung giết vua Lê cướp nước).

Lại ra:

"Lị, vị, vông, lưỡng, tứ tiểu quý"⁴

Đối:

"Cầm, sắt, tỳ, bà, bát đại vương"⁵

Tàu phê rằng:

- Đời sau được làm phúc thần, hưởng người ta tế bái (về sau quả nhiên làm thành hoàng làng Cổ Trai).

Lại rằng:

"Điều tập chi đầu đàm Lô luận: Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri"⁶

-
1. Chữ tù bỏ chữ nhân, chữ vương đến thì là chữ quốc.
 2. Cung mặt nguyệt, đan ngôi sao, chiếu hôm bán rụng trái ô vàng.
 3. Lửa mặt trời, khói đám mây, ngày trắng đốt tàn con thỏ ngọc.
 4. Bốn chữ LỊ VỊ VÔNG LƯƠNG cùng có chữ QUỲ.
 5. Bốn chữ CẦM SẮT TỖ BÀ mỗi chữ có hai chữ Vương thành tám.
 6. Chim đậu đầu cành đọc sách Luận ngữ, điều biết thì cho là biết, điều gì không biết thì cho là không biết thế mới là biết. Có ý chê là tiếng nói như tiếng chim.

Đối:

"Oa mình trì thượng độc Trâu thư. Lạc dữ thiếu nhạc lạc, lạc dữ chúng nhạc lạc, thực lạc?"¹

Lại rằng:

"Lạc thủy tân quy đàn ứng triệu, thiên số cửu, địa số cửu, cửu cửu bát thập nhất số, số số hỗn thành tam đại đạo, đạo hợp Nguyên thủy thiên tôn, nhất thành hữu cảm"²

Đối:

"Kỳ sơn minh phụng lưỡng trình tường, hùng thanh lục, thư thanh lục, lục lục tam thập lục thanh, thanh thanh hưởng triết của cùng thiên, thiên sinh Gia Tĩnh hoàng đế, vạn thọ vô cương"³

Một khi Hoàng hậu ở Tàu mất, vua Tàu sai ông Mạc Đĩnh Chi vào đọc tế văn. Đến lúc quỳ xuống cầm bản văn đọc thì chỉ thấy một tờ giấy trắng. Có bốn chữ nhất (~) mà thôi. Đĩnh Chi không nghĩ ngợi gì, đọc ngay rằng:

"Thanh thiên nhất đoá vân, hồng lô nhất điểm tuyết, ngọc uyển nhất chi hoa, Dao Trì nhất phiến nguyệt. Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết"⁴

Bài văn ấy còn được chép vào sử Tàu. Người Tàu ai cũng chịu tài ứng biến nhanh.

- 1.Ếch kêu trong ao học sách Mạnh Tử, nhạc cùng với ít người vui, nhạc cùng với nhiều người vui, thì dẫu nào vui? Có ý chê lại người Tàu tiếng như tiếng ếch.
2. Con rùa sông Lạc báo triệu tết, số trời chín, số đất chín, chín chín thành tám mươi một số, số số hợp thành ba đạo lớn, đạo hợp với Nguyên thủy thiên tôn, bởi một lòng thành cảm cách lên.
3. Con phụng núi Kỳ trình điểm hay, tiếng dục sáu, tiếng cái sáu, sáu sáu thành ba mươi sáu tiếng, tiếng tiếng suốt đến chín tầng trời, trời sinh ra Gia Tĩnh hoàng đế, cho muôn tuổi thọ dài lâu mãi.
4. Trời xanh một đám mây, tô hồng một điểm tuyết, vườn ngự một cành hoa, cung Dao Trì một mảnh trăng. Ôi! Mây tán, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết.

Tục truyền rằng Mạc Đĩnh Chi ở Tàu, ai cũng chịu là người tài, mà xét đến tướng mạo, thì không có gì làm quý cách, mới cho người rình, lúc đi đại tiện thấy tiện ra hình vuông, mới biết có ẩn tướng ở đấy.

Đến lúc đi sứ về, người Tàu lại theo sang xem địa lý, xem đến ngôi mộ thân phụ ông ấy, chịu ngôi đất hay và có nói rằng ngôi ấy hình thể rất đẹp, chỉ hiềm không có nước tụ, thiếu mất hồ thủy, cho nên quý mà vẫn nghèo.

Đĩnh Chi làm quan liêm quá, vua Minh Tôn biết tính ông ấy; thường sai người đem 10 quan tiền, tính lúc tối bỏ vào cửa nhà ông ấy. Sớm mai Đĩnh Chi vào tâu ngay với vua, xin bỏ tiền ấy vào kho.

Vua bảo rằng:

- Tiền ấy đã không có ai nhận, thì cho người cứ việc mà tiêu.

Bấy giờ Đĩnh Chi mới lấy, đại để thanh liêm như thế cả.

Đến triều vua Hiến Tôn, làm nên đến chức Tả bộc xạ (Tể tướng). Văn chương lưu truyền lại về sau rất nhiều, mà bài nào cũng vui thích cho tai mắt người ta cả. Và lại có đức hiền hậu, cho nên để phúc đến đời con cháu. Con ông ấy là Khả, Trục cùng làm đến Viên ngoại lang. Cháu là Dịch, Toại, Viễn cùng có quyền thế làm quan đương lúc nhà Minh cai trị. Đời cháu chất thiên¹ sang ở làng Cổ Trai huyện Nghi Dương, thì có Đăng Dung là cháu bảy đời của ông ấy làm vua nhà Mạc.

Nhà Mạc lên làm vua, truy phong Đĩnh Chi làm Huệ việt linh thánh đại vương, bây giờ ở làng ấy còn thờ làm phúc thần.

16. ĐỀN THIÊN Ở CỬA BIỂN

Cung phi triều nhà Trần có Nguyễn Cơ là con gái nhà quan, tiểu tự là Bích Châu, tính cách đứng đắn, tư dung tươi đẹp,

1. Đời

thông hiểu âm luật Lê Viên¹ theo đòi văn từ Nghệ phố². Vua Duệ Tông nghe tiếng, cho kén vào hậu cung.

Có một hôm gặp tiết trung thu, hội yến các phi tần, vua tựa câu lớn, nhìn trông bốn mặt, thấy một tòa lâu đài chỗ nào cũng múa hát, bóng người và bóng đèn lấp loáng xen lẫn với bóng trăng soi Nhân lúc tử hững nẩy ra thì hững, ngẫu nhiên thành một vế câu đối rằng:

Thu thiên hoa các quái ngân đăng, nguyệt trung đan quế.
(Trời thu gác tía treo đèn bạc, quế đỏ trong trăng).

Vua ngâm nga một lát, đoái trông thấy Nguyễn Cơ bèn bảo rằng: "Nàng có thể đối lại câu ấy chăng?". Nàng liền rời gót ngọc, mỉm miệng cười, ung dung khẩu đối rằng:

Xuân sắc trang đài khai bảo kính, thủy đế phù dung (Sắc xuân đài trang mở gương báu, phù dung đáy nước).

Vua khen ngợi hồi lâu, ban cho một đôi ngọc long kim nhĩ³ và đặt tên hiệu cho nàng là Phù Dung.

Từ đó, nàng được vua yêu quý hơn mọi cung phi khác.

Khi ấy, nàng cảm thấy chính sự trong nước, tiếp theo đời Hôn Đức⁴, ngày càng suy kém, liền thảo Kê minh Thập sách⁵ dâng lên đại lược rằng:

"Trộm nghĩ rời củi khỏi bếp gianh, giữ cháy trước khi chưa

1. Lê Viên: Vườn lê. Ở nơi ấy, Đường Minh Hoàng tổ chức việc dạy nhạc và âm luật cho cung nữ.

2. Nghệ phố: Vườn văn nghệ, ý nói các ngành văn học nghệ thuật.

3. Ngọc long Kim nhĩ: Khuyên đeo tai bằng vàng nạm con rồng bằng ngọc.

4. Hôn Đức công: "Ông đức tới" kém đức. Đời Trần, Dương Nhật Lễ tiếm ngôi vua. Trần Duệ Tông giành lại được ngôi vua, truất Nhật Lễ làm Hôn Đức công, rồi giết chết.

5. Kê Minh thập sách: Mười kế sách của thơ Kê Minh, Kê Minh là gà gáy. Thơ Kê Minh trong Kinh thi nói về việc Hoàng hậu khuyên vua nên chuyên cần, lo việc nước từ lúc gà gáy.

cháy. Dùng gốc cây dâu ràng cửa tổ¹, phòng mưa trước lúc chưa mưa. Vì dân tình dễ chìm đắm vào sự yên vui, mà thế vận khó lòng giữ được luôn bình trị. Cho nên, tiến lời răn biếng trễ, Cao Dao² trước dè sự ngợi khen, ở vào đời thái bình, Giả Nghị³ đã tấu lời than thở. Chỉ vì yêu vua mà ngăn trước, không phải làm khác chúng để khoe tài.

Kẻ thiếp hèn tên là Bích Châu, lúc nhỏ sinh ở nơi nghèo hèn khi lớn được vào hầu, chứa chan ban thưởng, đầm thắm thương yêu, thêu xiêm áo vua Ngu⁴, dăm dêu sánh với người nam tử, trút trâm cài Khuông Hậu⁵ tiến lời can đứng trước đình thần. Bày tỏ mười điều bản khoản tắc dạ.

Một là năng giữ cội gốc của nước, trừ hà bạo thì lòng người

Hai là giữ nếp cũ, bỏ phiền nhiễu thì kỷ cương không rối.

Ba là nén kẻ quyền thần, để ngăn ngừa chính sự một nát.

Bốn là thải bớt kẻ những lạng, để trừ tệ khoét đục của dân.

Năm là xin cổ động nho phong, khiến cho lửa bó được cùng với ánh mặt trời cùng soi sáng.

Sáu là mở đường cho người nói thẳng, để cho cửa thành cùng với đường can gián mở toang.

Bảy là cách kén quân, nên chú trọng vào dũng lực hơn là cao lớn.

Tám là chọn tướng, nên cầu người thao lược mà không căn cứ vào thế gia.

1. Thơ Chi Biễn trong Kinh thi nói về việc con chim biết lo trước, lấy gốc cây dâu ràng dặt cửa tổ để phòng khi có trời mưa.

2. Cao Dao: Bề tôi giỏi của vua Thuần (vua thần thoại. Trung Quốc cổ).

3. Giả Nghị: Bề tôi Hán Văn Đế dâng nhà vua bài "Trị an sách" trong đó than thở về chính sự có nhiều tệ lậu

4. Vua Ngu: Tức vua Thuần nhà Ngu.

5. Khuông Hậu: Vợ vua Chu Tuyên vương. Nhà vua hay dạy muộn. Khuông Hậu trút bỏ trâm, ngọc cài đầu, tự nhận mắc tội làm cho vua biếng nhác. Nhà vua tỉnh ngộ, từ đó dậy sớm, chuyên cần việc nước.

Chín là khí giới, quý hồ bền chắc, không chuộng hình thức.

Mười là trận pháp, cốt cho chỉnh tề, cần chi điệu múa.

Mười điều kể trên rất là thiết thực, phơi bày tấm lòng trung, mong được bề trên soi xét. Hay tất làm, dở tất bỏ, vua nghĩ đến chăng? Nước được trị, dân được yên, thiếp mong làm vậy.

Tờ sớ dâng lên, vua thích quá, vỗ vào phách cây đàn mà rằng: "Không ngờ một nữ tử lại thông tuệ đến thế? Thật là một Từ phi¹ ở trong cung của trăm vậy". Nhưng vẫn do dự chưa đem thi hành. Long Khánh năm thứ tư, trấn tướng Đỗ Tử Bình tâu rằng bờ cõi ở phía Nam có giặc muốn xâm lấn. Vua hăm mộ võ công của Tần Hoàng, Hán Võ² bèn vời đình thần, bảo rằng: "Nước nhỏ mọn kia dám gây thù với nước lớn, hôn mê ngông cuồng thật là vô lễ. Nước Việt ta nước rộng, binh mạnh há lại không san bằng được đất Đồ Bàn, quét sạch hang lỗ của Bồng Nga để rửa cái hổ thẹn đời Thiệu Khánh³ hay sao?"

Quần thần biết ý vua sẽ đem quân đánh Phù Nam⁴. Mọi người đều xin đánh qua loa thôi. Duy có ngự sử trung tán Lê Tích đứng lên can rằng: "Hiện nay mới trải qua nội nạn, ví như cái nhọt bọc chưa khỏi hẳn, vua không nên lấy giận riêng mà khởi binh, tướng không nên cầu công mà đánh bậy. Kẻ địch kia chỉ là một hạng giặc nhỏ, cần gì làm mệt nhọc nhà vua phải thân chinh!"

Vua nghe lời can ấy, có ý lặng ngắt không vui. Lúc bãi triều, lui vào cung, vẫn còn giữ ý chủ chiến.

1. Từ phi: Vợ Đường Thái Tông dâng sớ can khuyên nhà vua đừng xa xỉ, đừng ham võ công.
2. Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ đế là những ông vua bị sử sách cổ chê là hiếu đại, hí công (thích sự vĩ đại, ham có chiến công)
3. Thiệu Khánh: niên hiệu đời Trần Nghệ Tông. Năm Thiệu Khánh thứ hai, vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga đem quân đánh nước ta, chiếm được Thăng Long, vua Trần phải chạy lên phía Bắc.
4. Phù Nam: Tên một nước thời xưa ở vùng Tiêm La (Thái Lan), Chân Lạp (Campuchia). Ở đây dùng tên ấy để gọi nước Chiêm Thành.

Nàng biết rõ vua không chịu nghe lời nói thẳng và có ý khinh địch, bèn làm bài biểu văn, nhờ bà Phó mẫu dâng lên.

Bài biểu viết: "Thiếp trộm nghĩ rợ Hiểm Doãn¹ ngang tàng quá lắm, từ trước quen thân, rợ Hung Nô² kiệt kiệt gồm ghê, đến nay càng tệ. Cướp bóc là cái thói thường của Man di, nhưng dùng binh không phải là bản tâm của vương giả.

Nước Chiêm Thành nhỏ xíu ở chệch nơi hải đảo. Năm xưa kéo quân vào Nhị Thủy³, nhòm thấy nước ta bất hòa... cho nên chúng dám tung đàn ruồi nhặng để múa cỏ⁴. Nhưng thánh nhân rộng lượng bao hàm, không thêm cùng với chó dê so sánh; vả trị đạo, trước gốc sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân chúng yên hàn; trị cái rắn dùng mềm, dùng người xa lấy đức. Ngu bộ múa khiên, bảy tuần tức khắc Miêu đến châu⁵; Hạ cung gãy sắt cầm, chặn thàng tự nhiên Hồ quy phục⁶. Đó thật là thượng sách, xin xét đoán cho mình". Tờ biểu dâng lên, vua không trả lời, hạ lệnh duyệt binh định nhật kỳ đến tháng chạp kéo quân đi đánh. Nàng thấy lời can không được nghe theo, so sức mình, lường sức giặc, tấm lòng lo nước nhớ vua phát hiện ra sắc mặt, than rằng: "Nghĩa là vua tôi, ơn là vợ chồng, đã không can nổi để giữ nền bình trị, lại không khéo lời để ngăn lòng hiếu chiến, thật là sống thừa trong cõi đất trời vậy!". Từ

-
1. Hiểm Doãn: Một bộ lạc ở phía Bắc Trung Quốc.
 2. Hung nô: Một bộ tộc ở Bắc Trung Quốc.
 3. Nhị Thủy: Sông Nhị Hà.
 4. Bọ ngựa giờ càng ngáng bánh xe: Sách Trang Tử viết: "Con bọ ngựa khi tức giận giờ càng chân để ngáng bánh xe". nói: không biết lường sức mình.
 5. Cả câu có nghĩa là: Đòi vua Thuấn nhà Ngu, Hữu Miêu không chịu thần phục; Thuấn mở rộng nền văn đức sai múa khiên một ở trước bộ nhà vua. bảy tuần sau, Hữu Miêu tự đến quy thuận.
 6. Cả câu có nghĩa là: vua nhà Hạ gãy đàn sắt ở trong cung mà Hữu Hồ quy phục.

đó, nàng không để lòng đến sự trang điểm, ăn ngủ không yên, có ý nài xin đi hộ giá. Vua chuẩn y lời tâu ấy. Đúng nhật kỳ, phát binh hai mươi vạn, bóng cờ rợp trời, thuyền bè đầy sông, ba quân thuận dòng xuôi mà tiến, thẳng tới địa giới Kỳ Hoa¹. Phụ lão nghe tin quân nhà vua đến, tranh nhau dâng lụa, dâng thức ăn, đứng xếp hàng ở bờ sông tâu rằng: "Thần miếu ở phía trước rất hiển linh, các tâu thuyền đi lại lên đó lễ bái thì sẽ được thuận buồm xuôi gió, nếu không thì một cái chèo, một mảnh buồm đều bị đắm xuống đáy biển hết!".

Vua uỷ lạo các phụ lão cho lui về, rồi hạ lệnh đóng tạm quân ở bên bãi Bạch Tân². Khi ấy là cuối mùa đông, mưa tuyết mới tan tạnh, trăng lơ mờ sáng, tiếng gió tiêu điều, cá bơi lượn đớp bóng cây mai, chim về tổ đàn cành cổ thụ.

Nàng cuốn rèm gấm, tựa mạn thuyền ngồi một mình, rót rượu ngon, đốt hương thơm, bao nhiêu cảnh trời biển thiên nhiên đều thu vào trong tầm con mắt. Lúc gần nửa đêm, ngửa mặt lên trời xem thiên tượng, thấy một đạo hắc khí từ phương Đông lại, lẫn vào ngôi sao thứ tư Bắc cực rất kíp. Nàng sợ hãi chỉ vào sao ấy mà nói: "Ngôi sao kia là ứng vào phạm phi tần chúng ta, chẳng biết yêu khí nơi nào dám đến xâm phạm; có lẽ khinh ta không có thanh gươm Bao công³ hay sao?". Nói xong, nàng liền đóng cửa sổ đi nằm, trần trọc không yên giấc. Chợt nghe chiến thuyền phía trước sau đã điểm trống canh tư. Ngồi dậy bói một quẻ Kinh Dịch, trúng vào quẻ phục biến sang quẻ đi⁴, trong lòng tự đoán rằng: "Trong quẻ dụng đẳng "nhiều" thể

1. Kỳ Hoa: Nay là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

2. Bãi Bạch Tân thuộc Quảng Bình.

3. Bao Công: Túc Bao Chửng, người đời Tống, làm quan giữ đúng luật pháp nghiêm minh, không ai hối lộ được. Tương truyền ông có thanh kiếm khi gươm ra thì yêu quái cũng phải hiện nguyên hình.

4. Phục, Di: Tên hai quẻ trong Kinh Dịch. Ý nói việc hành quân không lợi phải quay trở lại. Phục: trở lại; Di: đi đường lấy lại sức, cho quân đi.

dăng¹ ít, ngoại khí vượng, nội khí suy; hào từ² lại nói: "(Mê lại dữ có tai vạ đi hành quân sẽ bị đại bại!". Có lẽ chuyến đi này bị cái nhục Nhu cát³ chăng?". Ngày hôm sau, nàng có ý đến trước mặt vua tâu bày quẻ bói, mong được thay đổi chủ trương. Khốn vì quân cơ bận rộn, tiến hành cần kíp, không cách nào tìm được chút thì giờ nhàn hạ để dâng lời.

Khi mặt trời đã chiếu vào cửa sổ trong thuyền, quân tiến đến cửa biển, bỗng có một trận gió lốc cuộn cuộn thổi vào thuyền vua, lá cờ bị gió cuốn sang Tây Nam. Nàng nói: "Trận gió ấy lạ thay! Tiếng ào ào, sắc ảm đạm, chắc là một thứ gió gian tà". Vua hỏi: "Là nghĩa thế nào?". Nàng tâu: "Thiếp từ nhỏ đọc sách có biết xem thiên văn. Nay thủy cùng cực ở ngôi Thìn, mộc cùng cực ở ngôi Mùi; tính thủy khôn, khôn cùng cực thì là gian; tính mộc nhân, nhân cùng cực thì đi lệch. Hiện nay là giờ Mùi, thế mà gió ấy từ ngôi Thìn đến, e có xảy ra việc dâm loạn hại người? Xin nhà vua cấp tốc chuẩn bị lục quân để đối phó".

Nàng nói chưa hết, quả nhiên gió bão nổi lên, sóng biển gầm thét. Vua hạ lệnh bỏ neo để lánh trận gió mạnh.

Cuối canh ba có một người nanh to râu xồm, diện mạo hung tợn, đầu đội lưu tinh, mình mặc áo gấm vẩy, bước rộng, cúi đầu, nghiêng mình, lắc lư, đi thẳng đến trước mặt vua thi lễ. Vua hỏi: "Người là ai? Đêm khuya tới đây tất có điều gì muốn nói". Người ấy thưa: "Tôi là đồ đốc vùng Nam Hải, đi làm quan ở nơi giang hồ, hiện còn thiếu người nội trợ, nghe nói bệ hạ cung tần rất nhiều, nay ngẫu nhĩ gặp nhau cho nên nổi cơn sóng mạnh

-
1. Dụng đăng, Thể đăng: nói về công dụng và bản chất, bản thể.
 2. Hào từ: Lời giải của mỗi hào trong một quẻ (hào là cái vạch, mỗi quẻ có sáu hào, tức sáu vạch).
 3. Nhu Cát: Một tên đất thuộc nước Trịnh đời Xuân Thu (thuộc tỉnh Hà Nam - Trung Quốc). Vua nhà Chu là Hoàn Vương đi đánh nước Trịnh, bị thua ở đất Nhu Cát.

để thay câu thơ Hoa đường¹. Vậy xin ban cho nàng Tử Vân, tôi sẽ kết cớ² để báo đáp. Nếu bề hạ chỉ để làm của riêng thì tôi không thể nào bỏ qua được". Vua gật đầu.

Lúc tỉnh giấc, vua liền cho vời phi tần, kể lại việc trong mộng.

Các cung phi tái mặt, nhìn nhau im lặng, không ai nói gì cả.

Trong lúc đó, nàng Bích Châu chan chứa nước mắt, nghẹn ngào nói không ra lời, quỳ trước mặt vua tâu rằng: "Ngôi đền thiêng kia các phụ lão đã trình tâu; cái nguy sóng gió kia, chứng nghiệm đã báo trước. Nếu không phải là oan khiên ngày trước, cũng tất là nghiệp chướng ngày nay. Thiếp đây không dám tham luyến phồn hoa, tiếc thân bồ liễu, xin được trả xong cái nợ trước mắt kia". Vua buồn rầu nói rằng: "Lành dữ có mệnh, phúc họa do trời thiêng như Kiềm Doanh³ cũng không tự chủ được. Nay xem Duyệt Minh⁴ là một tráng sĩ đã chém được con thuồng luồng cướp ngọc bích, Kính Chi là một văn nhân còn giết được loài trai biển quen thói hiếp dân; huống chi trẫm là một ông vua, có lẽ nào không tự chủ được, lại tin lời cổ hoặc để phụ nhân mắc lụy chăng?". Nàng khẩn khoản: "Thiếp tuy là phận gái, và cũng theo đòi nghiên bút, có mê tín những việc ma quỷ đâu.

1. Hoa Đường: Thơ Đường lệ trong Kinh Thi nói về việc công chúa nhà Chu lấy chồng chư hầu.
2. Kết cớ: Theo Tả truyện: Ngụy Thù lúc sắp chết, có dặn con là Ngụy Khảo nên đem chôn theo người vợ lẽ yêu của mình. Khảo làm tướng, đánh nhau với danh tướng Đỗ Hối. Mới đánh nhau được mấy hiệp, Đỗ Hối đã ngã ngựa lăn xuống đất. Đêm ấy Khảo nằm mộng thấy một ông già đến tạ ơn và bảo rằng: Tôi là cha người thiếp của cha ông được ông cứu sống. Cảm cái ơn ấy, tôi đã kết cớ làm vương chân ngựa của Đỗ Hối.
3. Kiềm Doanh : Cũng gọi là Kiềm Lôi, tên vị thần tạo hóa ở trên trời.
4. Duyệt Minh: là người mang ngọc bích qua sông. Bồng sông nổi sóng, có hai con thuồng luồng bám vào thuyền. Duyệt Minh rút gươm chém chết, sóng liền im lặng. Kính Chi (tên tự của Hứa Tốn) đời Tấn, trước học đạo tiên, chu du giang hồ, dùng phép thuật trừ hại cho nhân dân, từng giết một con trai biển yêu quái.

Nhưng khẩn việc đã đến nơi, thế không dừng được. Ví bằng nấn ná, e lại xảy ra tai biến to, có khi hải thuyền bị tan vỡ hết. Và lại khi hành quân, tướng sĩ là trọng, ân ái là nhẹ; đời xưa đã có người giết vợ vứt con, cũng là do sự vạ bất đắc dĩ".

Vua nghe nàng nói, lòng thêm buồn bã, không nỡ rời bỏ nàng.

Chính lúc ấy, gió gào cuộn đất, sóng vỗ ngút trời, đã mấy phen thuyền rồng chực lật úp. Nàng khóc đau rằng: "Có duyên may được hầu chẵn gối, dám tiếc chết để nghĩa phụ phàng; không phải Cai trưởng¹ ngậm oan, cũng khác Ngồi đình² nuốt giận. Chỉ hiềm: Ra quân chưa thắng thân xuôi trước, luống để anh hùng nước mắt tuôn! Điều đó là di hận của thiếp vậy. Sau khi thiếp chết, xin bệ hạ sửa văn nghĩ võ, kén dùng người hiền, làm điều nhân nghĩa, dựng mưu chước lâu dài cho nhà nước. Được như thế thì u hồn thiếp có thể ngậm cười nơi chín suối!". Nói xong, nàng liền nhảy xuống biển, trong gió gào sóng cuộn, còn nghe văng vẳng tiếng nói: "Kính tạ quân vương, từ nay vĩnh biệt, không thể hầu bên tả hữu nữa".

Vua và các phi tần kinh hoàng luống cuống, ai cũng thương khóc. Bỗng chốc gió tan, mưa tạnh biển hết sóng cồn. Vua sai thủy quân mò tìm, không thấy tung tích nàng đâu cả, liền làm lễ tế, đọc văn chiêu hồn... Tế xong, văn võ bá quan đều khóc sụt sùi. Vua lập tức hạ lệnh tiến quân, tiến sâu vào cửa động Y Mang, trúng phải quỷ kế của Bà Ma, toàn quân nhà vua bị hãm ở trong động ấy³. Vận suy đã hết, bị cực thái lai, trời quuyến cố nhà Lê, mở ra vận hội lớn. Đến triều Thánh Tông trị vì, khoảng niên hiệu Hồng Đức ngoài biên thủy lại có giặc ngoại xâm. Vua nghe tin bảo tả hữu rằng: "Cát Bá giết kẻ đưa

1. Cai trưởng: Bức trưởng (màn) ở Cai Hạ. Hạng Vũ bị Lưu Bang vây ở Cai Hạ. Vợ là Ngu Cơ tự vẫn chết ở trong trướng Hạng Vũ.

2. Ngồi đình: Đình Mã Ngồi, nơi Dương Quý Phi buộc phải tự tử.

3. Quân nhà Trần bị đại bại ở động Y Mang.

cơm, Bạc ấp¹ đem quân đi đánh; người Mật không biết vâng mệnh. Kỳ Chu² hỏi tội không tha. Ngày nay hôn chúa Chiêm Thành kiêu căng khinh mạn, đảo ngược luân thường, tàn hại sinh dân; nếu không để bình trị tội, thì sao cứu được nhân dân địa phương ấy?".

Liên hạ chiếu phát binh, vua thân hành thống suất thủy binh tiến phát. Khi ấy, gặp mùa xuân, khí trời ấm áp, buổi gấm gió đưa, thuyền rồng êm sóng, hai bên bờ sông chim oanh học nói, ngang mặt nước cò diệc lặn bơi. Vua liếc mắt xa trông, khái nhiên có chí nuốt chừng vũ trụ, bao quát càn khôn, liền ngâm một bài thơ rằng:

*Thống suất ba quân tự Nhĩ Hà,
Gió xuân đưa đẩy tiến thuyền ra.
Cò hồng quét sạch mây đen tối,
Chèo phấn đề êm sóng trắng lòà.
Lâm ấp, trĩ sa mong đợi cứu,
Đồ Bàn, cá ngáp³ cúi xin hòa.
Phù tang cao ngất treo cung báu⁴,
Thiên hạ thu về cả một nhà.*

-
1. Cát Bá: Vua nước Cát, nhà Hạ. Bạc ấp: ấp Bạc, nơi khởi nghĩa của vua Thang nhà Thương. Vua Thang sai người ấp Bạc sang cây ruộng cho Cát Bá. Có người đưa cơm đến cho người cày. Cát Bá giết mà cướp lấy cơm, vua Thang phải cất quân lấy nước Cát.
 2. Mật: Một nước chư hầu đời nhà Ân. Kỳ Chu, đất Kỳ là nơi khởi nghiệp của Văn Vương nhà Chu, Văn Vương làm tây bá chuyên việc chinh phạt, nước Mật không vâng mệnh. Văn Vương cho quân diệt đi.
 3. Cá ngáp: Cá thoi thóp thở, ý nói giặc không còn sức lực gì nữa, sắp bị tiêu diệt.
 4. Phù tang: Một loại cây thần ở biển Đông, cao ba nghìn trượng ở núi Thang Cốc Đại ngôn phú của Tống Ngọc có câu: "Loan cung quái phù tang", ý nói đã đến lúc cất cung tên, chấm dứt chiến tranh.

Chưa đầy một tháng, thủy quân đã kéo đến cửa biển Kỳ Hoa. Bỗng nhiên mưa gió mịt mù, sóng biển nổi lên. Vua hạ lệnh cho các chiến thuyền theo thứ tự đóng lại. Trông sang bên kia bờ, cây cổ thụ rợp đất, khí u uất ngang trời, bèn cho rời thuyền đến gần xem, thì ra đó là một tòa miếu cổ, hương khói nghi ngút, hoa thơm ngào ngạt, cáo chuột ra vào trong bụi rậm, chim sẻ riu rít nơi lau lách, hành khách treo tiền giấy trên cành cây, người làng gác thuyền bên cạnh đền.

Vua hỏi người sở tại, biết rõ đầu đuôi, liền chỉ vào miếu, truyền thị rằng: "Đã lâu nghe tiếng nhà người luôn luôn làm nhiều điều ngang ngược. Nay quân của trẫm đi qua đây còn dám làm chuyện điên cuồng như thế! Dẫu rằng âm dương cách biệt nhưng phép nước ở trong tay ta. Nhà người há lại không biết việc mộc yêu¹, cổ quái² chẳng? Nay phải đổi lỗi tự tâm, nếu không chịu chữa thì một phiến gạch vụn, một mảnh tro tàn cũng bị phá tan làm đất bằng".

Nói xong thì thấy sóng gió càng mạnh. Khi ấy, mặt trời đã lặn, bóng trăng lên cao, đêm khuya thảnh thơi nghe tiếng người thuyền chài hát văng vẳng ở trong tiểu cảnh. Vua bần khoản không ngủ, ngồi xem sách. Gần lúc gà gáy, tựa án rồng nhắm mắt thiu thiu, vua bỗng thấy một người con gái nhan sắc rất đẹp, từ dưới nước hiện lên, lạy khóc mà rằng: "Thiếp là cung nhân đời Trần Duệ Tông, không bị chìm đắm ở bến Đỗ Phụ³ và

-
1. Mộc yêu: Yêu quái của loài cây. Theo Tuân Tử, cây không có gió mà tự nhiên kêu, gọi là mộc yêu.
 2. Cổ quái: Yêu quái của một cái trống (cái trống không gõ mà tự nhiên có tiếng kêu). Hán thư: Tai nghe không thông suốt, bị che lấp thì sinh cổ quái.
 3. Đỗ Phụ: Người đàn bà hay ghen. Theo Đậu Dương tạp trở: Đất Lâm Cùng có bến sông Đỗ Phụ. Tương truyền- vợ Lưu Bá Ngọc, tính hay ghen, sau khi chết vẫn còn hay ghen ghét hóa làm thủy thần ở bến sông Đỗ Phụ. Phụ nữ qua bến ấy phải hủy bỏ nữ trang, nếu không sẽ bị chết đuối.

cũng không bị nước cuốn ở Tiêm Đài¹, chỉ là hồng nhan bạc mệnh, chiếc bóng một mình, phiêu lưu vào tay yêu quái; từ khi về nơi thủy quốc ở lẫn với loài hôi tanh. Xấu hổ làm vợ họ Trương², bị lụy làm tù nước Sở³. May sao, ngày nay gặp Thánh Hoàng, dám xin cả gan tâu bày, mong được ra tay tế độ, vớt kẻ trầm luân, để cho tiện thiếp lại được trông thấy ánh sáng mặt trời; đó là ân lớn của bệ hạ tái tạo vậy.

Vua nghe nói, có ý xót thương mà rằng: "Trẫm xét tình oan của nàng cũng như Liễu thị⁴, có nghĩa hơn Tào Nga⁵, ngàn đời về sau cũng lấy làm đau lòng căn rằng? Chỉ hiềm âm dương cách biệt, thủy lục đôi đường, dầu có rừng gươm, núi giáo cũng chưa rõ làm cách gì để cứu vớt?".

Nàng thưa rằng: "Việc này rất dễ. Bệ hạ nhân từ tín nghĩa khắp đến cả mọi loài vật. Tên đồ đốc Nam Minh kia, tội ác đầy rày, sông biển không rửa sạch. Ngoài biển Nam Minh có Quảng Lợi Vương là vị thống trị nó, xin bệ hạ gửi cho Quảng Lợi Vương một lá thư trách y thiếu sự ngăn phòng kẻ dưới, tự khắc y phải trị tội tên hung thần kia vậy". Rồi nàng dâng ngọc minh châu mà rằng: "Ngọc châu này gọi tên là Triệt hải, soi thấy cả nơi âm u, kính dâng lên để thay thông thiên tê ở Ngưu Chủ⁶".

1. Tiêm đài: Cái đài làm trên sông. Chiêu Vương đi chơi, để phu nhân ở lại Tiêm đài. Khi nước sông lên to, vua cho Sứ giả về đón phu nhân, nhưng quên không mang phù tín, nên bà không chịu đi. Nước làm sập đài, bà bị chết chìm.
2. Chưa rõ vợ họ Trương là ai và sự tích như thế nào.
3. Sở tù: Tù nước Sở; Chung Nghi nước Sở, theo tướng Sở đi đánh các nước Tấn, Trịnh. Bị quân Trịnh bắt đem hiến cho Tấn. Tấn cho giam lại gọi là "Sở tù".
4. Liễu thị tức nàng Liễu ân, vợ thứ của Tiêm Khiêm ích. Khi chồng chết, nàng chết theo.
5. Tào Nga: Một thiếu nữ, người Đông Hán, cha bị chết đuối, Tào Nga gieo mình xuống sông; năm ngày sau thì ôm thấy cha nổi lên.
6. Ngưu Chủ: Bến sông Trường Giang. Đời Tấn, Ôn Kiệt đi qua bến này, nghe nói ở đây nước sâu có nhiều quái vật, liền đốt sừng vãn tê soi xuống, thấy có nhiều loài thủy tộc kỳ quái.

Nói xong, người biển mất, vua đuổi tay ra nhặt lấy ngọc châu, chợt tỉnh giấc thì chuông đã báo sáng rồi, liền sai thị thân Nguyễn Trọng ý viết một phong thư bắn ra ngoài biển, treo ngọc minh châu chiếu ra, quả nhiên thấy lầu son, gác tía, thành đồng ao nóng, con châu ngư long cưỡi ngựa đi kiệu, qua lại dưới thành, không lúc nào ngớt bóng người.

Khi ấy có Kinh hiệu úy (tướng cá kinh) đi tuần tiểu về đến đấy, nhặt được bức thư của nhà vua niêm phong cẩn thận, vội vàng đem vào tâu. Chính lúc ấy Quảng Lợi Vương ngồi ở điện Linh Đức, sai các thân Long Thượng thư (Thượng thư rồng) mở ra đọc. Thư rằng: "Thường nghe: ban phúc người thiện, ra tay kẻ dâm, đạo trời nhanh như tiếng dùi với trống; ban thưởng người tốt, phạt tội kẻ xấu vương chính vững như chất đá cùng vàng; trên dưới như nhau, xưa nay một lẽ. Nay trăm nổi ngôi chính truyền của tổ tiên, đem quân đánh Chiêm Thành là do tội ác của chúng, trời đất, thần, người đều không tha thứ. Quân thuyền trăm vạn tiến phát, ba nghìn thủy lộ mở đường; Hoàng Việt¹ vẫy thì cá tôm lặn chìm, loài vật cũng biết ước thúc; Bạch Mao² trở thì gió mây biến sắc, ai là không sợ giản thư³. Ấy thế mà bấy tôi điều hầu độc dữ của ông còn dám chống lại đội quân chim cất tung cánh của trăm. Làm yêu, làm quái, đã hiếp oan cung nữ vua Trần, tham sắc, tham tài, lại nhiều hại tính mệnh dân chúng. Kẻ kia thật hưng hăng quá lắm, sao ông cứ lạng ngát ngôi yên? Nên sáng suốt soi gan, đừng để kẻ tiểu nhân lẫn với quân tử; nên quyết đoán làm việc nghiêm dùng quốc pháp, giết bọn gian tà. Xin gửi phong thư, chờ mong phục bút. Quảng Lợi Vương nghe đọc xong thư ấy, mặt rồng nổi giận nói: "Người nào cai quản địa phương ấy?". Ngao ngự sử (cá Ngao) ở trong

1. Hoàng Việt: Cái búa vàng, biểu trưng cho uy lực của nhà vua.

2. Bạch Mao: Cờ mao trắng. Khi đánh Thương Trụ, Chu Vũ vương dùng hoàng việt, bạch mao để chỉ huy quân đội.

3. Giản thư: Mệnh lệnh của nhà vua viết trên thẻ ngọc.

triều bèn nhảy ra tàu rằng: "Đó là Hải khẩu Giao đô đốc (Thuồng luồng) vậy. Y là cành vàng lá ngọc, chịu trách nhiệm trông coi một phương trời, chuyên quyền phóng túng, tham sắc đẹp, ăn hối lộ".

Quảng Lợi Vương đập gươm xuống bàn nói: "Quả nhân ít đức, dùng người không xứng đáng; lũ các người a dua để cho y làm rối loạn kỷ cương, mang tiếng với trần gian; tội ác của y không khác gì tứ hung¹ và ngũ cầu², thực đáng sợ vậy! Nay phải phanh thân y ra để làm răn cho hạng người tham bạo".

Khi ấy, có Cơn thừa tướng (cá Côn) đứng lên tàu rằng: "Đức xấu của Giao đô đốc tung hoành khắp cả trên trần gian và dưới âm ti, nếu chỉ dùng hình trị y, chưa đủ làm cho mọi người hả bụng. Nay không gì hơn là viết thư trả lời rồi sai tướng đi bắt để trị tội một cách công khai, cho tỏ rõ hiến cương của chúng ta rất nghiêm ngặt vậy". Quảng Lợi Vương cho là phải, liền hạ lệnh Ngạc tổng binh (cá Sấu), Miết tông sự (Ba Ba) đem theo vài người lính mặc áo giáp, đội mũ trụ đi tróc nã. Lại sai Lý hàn lâm (cá Chép) thảo thư, Long các thần (Rồng) sửa chữa lại, Quy đốc bưu (Rùa) sung chức Giang sứ (sứ đi tuần vùng sông) mang thư ra đầu bãi biển. Vua Lê sai học sĩ Lương Thế Vinh nhặt lấy xem. Đó là một lá thư viết vào lụa, mở ra đọc, thấy trong thư viết rằng:

"Thường nghe: Khi mùa xuân ấm áp, hang tối chưa kịp thấm nhuận; ánh sáng mặt trời soi chung, chậu úp không thể thấu đến. Vì trời đất còn có chỗ thiếu sót, mà tạo hóa cũng phần nhiều không đều Tôi đây hồ là tài hèn, lạm dự đức tốt, hết lòng cầu tìm người hiền tài, mong sự phò giúp của lương tá. Vốn đã

-
1. Tứ hung: Bốn kẻ hung ác đời vua Thuấn là Cung Công, Hoan Hầu, Tam Miêu và Cỗn.
 2. Ngũ cầu: Năm con chó của Tam Tư. Đời Đường có năm người lập bè đảng a dua theo Vũ Tam Tư (Chu Lợi Trinh, Nhiễm Tố Ung, Tống Chi Tốn, Lý Tuấn, Diệu Thiệu Chi)

biết Vương đạo phải công bằng rất mực, nhưng khôn nổi gian tà còn che lấp thông minh. Cho nên phiên trấn xa xôi, còn có cường thần làm bậy. Dầu là hai nơi âm dương cách biệt, nhưng ba tác gươm sáng chẳng dung gian tà.

Kính cần trả lời, dám mong xét đến."

Vua Lê xem thư ấy trao cho quần thần cùng xem. Để mắt trông ra ngoài biển, mọi người đều nhìn thấy: Đi trước là Ngạc tổng binh, theo sau có các loài cá lớn, các loài rùa, ba ba... như sấm như sét, tiến thẳng vào hải phận của Giao thần.

Miết tông sự đồng dặc tuyên chỉ rằng:

"Tên Giao thần kia, nhỏ mọn tài hèn, hùng phiên trọng nhậm; không giữ lòng chính trực, lại quen thói tà dâm; dẫn thân vào nguồn lợi tham ô, chìm đắm vào ba đào sắc đẹp. Thật là đáng đưa ra chém giết, dùng chính trăm hình; nhưng nghĩ đến đánh dẹp có công, hãy khoan tám nghị¹; đẩy lên lục địa, cho được đào sinh² Khâm thử³".

Giao thần nghe xong, mắt sáng quắc, râu dựng đứng nói: "Sao lại nhẫn tâm phá hoại bức tường thành muôn dặm của người ta?" Nói xong, liền vào hậu đường, một chốc lại ra. Mọi người lấy quân pháp thôi thúc.

Giao thần đứng phát dậy, nhảy một cái thật mạnh, ngược dòng mà bơi lên. Thuồng luồng lúc ấy thất thế, chẳng khác gì loài giun dế ! Mọi người ra sức xua đuổi. Giao thần cụp đuôi chạy biến mất.

1. Tám nghị: Theo Chu Lễ, trong khi nghị xử những người có tội thường dùng tám điều có thể bàn luận để khoan giảm: 1. Nghị thân (thân thuộc); 2. Nghị cố (có quan hệ mật thiết lâu ngày); 3. Nghị hiền (có đức hạnh); 4. Nghị năng (có tài năng); 5. Nghị công (có công lao); 6. Nghị cần (chuyên cần); 7. Nghị quý (có tước vị); 8. Nghị tân (tân khách không phải là bề tôi).

2. Đào sinh: chạy trốn cho khỏi tội chết.

3. Khâm thử: Kính cần về việc này. Sắc lệnh của nhà vua, ở cuối có chữ "Khâm thử" để nhắc nhở bề tôi phải tôn trọng chấp hành.

Bỗng chốc, sóng biếc lặng im, non xanh phơi màu, "hòn ngọc Minh châu"¹ lúc trước không biết hiện thân vào nơi nào, chỉ thấy pha lê nhấp nháy, hương hài nổi lên, vẻ đẹp vẫn y nguyên, nhan sắc vẫn như thuở bình sinh.

Vua cho lấy lễ hoàng hậu mai táng, làm văn tế, dâng tiến lễ diện. Lại ngự chế một bài thơ đề lên tường bên tả. đền ấy rằng:

*Một vị hiền phi của điện thần,
Hy sinh vì nước quân chi thân.
Đào hoa chìm nổi cơn giông tố,
Đỗ Nhược mơ màng giấc mộng xuân.
Dòng nước vô tình chôn Sở phụ².
Hương hồn nào chốn viếng Tương quân³.
Than ôi, trăm vạn quân hùng mạnh,
Lại kém thư sinh một hịch văn!*

Đề xong, chinh đồn quân đội lên đường. Quân đi đến đâu như gió mùa thu bẻ cành khô, núi Thái Sơn dè quả trứng, bắt sống tù trưởng, hát khúc khải hoàn.

Khi vua kéo quân về, gặp lúc mặt trời xế chiều, lại đi qua nơi cũ nhân tiện đóng quân ở dưới đền. Đêm ấy trăng sáng sao thưa, nước và trời một sắc, vua hồi tưởng lại việc thần Thuồng luồng nổi sóng, bà Duệ phi quyên sinh, ngậm ngùi than rằng: "Quốc gia hưng vượng tất có điềm lành, quốc gia suy đồi tất có điềm dữ thật có liên quan đến đức của ông vua tốt hay xấu" .

Nói xong, trong lòng bồi hồi không ngớt; ngọn đèn tờ mờ, đồng hồ rỏ giọt, chợt thấy một mỹ nhân, vẻ mặt đoan trang, mặc áo trắng đến vái chào mà rằng: "Nhờ ơn Thánh Hoàng tể độ u

1. Hòn ngọc minh châu: Chỉ nàng Bích Châu.

2. Sở phụ: Là phu nhân nước Sở.

3. Tương quân: Tức Tương phi, vợ vua Thuần. Sau khi chết trở thành nữ thần sông Tương.

hồn, nay thiếp đã lên tiên, tiêu điều ở mây trắng. Thượng đế thương lòng trung thành của thiếp, sai giáng sinh xuống trần hoàn, được trông coi hoạ phúc một phương. Thiếp mở xem tiên tích biết bệ hạ là Tiêu Điện tiên đồng, ngày sau được gặp sẽ ngậm vành¹ đáp tạ để trả ơn to như núi cao biển rộng của Người.

Duy có một điều thắc mắc về câu kết của bài thơ ngụ đề vàng ngọc ở trên tường, làm cho thiếp không được yên lòng về chỗ vua tôi chồng vợ".

Vua gật đầu nói: "Phu nhân lúc nào trong lòng cũng nhớ đến vua, thực là một người anh kiệt trong đám nữ lưu. Trẫm sẽ vì phu nhân mà đổi lại câu ấy". Cầm bút định viết, liền sực tỉnh dậy, hóa ra một giấc chiêm bao.

Ngày hôm sau, vua cho bồi vôi câu cũ mà viết lại rằng:

Muôn thuở cương thường không hổ thẹn

Thư cưu² vờn sóng dưới chân đèn.

Sau khi ngụ giá hồi kinh, vua hạ chiếu cho lập đền, cấp ruộng tế và cấp người coi đền, sắc phong thần cả hai chữ Chế thắng. Mãi đến đời nay, khói hương vẫn nghi ngút, rất linh ứng.

17. SỰ TÍCH HUYỀN QUANG

Khi ấy, sư Huyền Quang sáu mươi tuổi. Một hôm nhà vua bảo thị thần và tăng đạo rằng: "Người ta sống ở trong trời đất,

1. Ngậm vành: Ngậm vành ngọc, vòng ngọc. *Tục Tễ phả ký* kể rằng: Dương Bảo ở núi Hoa ân, thấy một con sếu vàng bị chim cắt đánh rơi xuống đất, gần chết. Bảo đem về nuôi cho khoẻ, rồi thả cho bay đi. Sau đó, bỗng có một đứa trẻ mặc áo vàng, ngậm bốn vòng ngọc đến nói rằng: "Tôi là sứ giả của Tây Vương Mẫu, được ông cứu vớt, xin đem lễ này đến tạ ơn".

2. Thư cưu: Loài chim nước, con sông và con mái không bao giờ rời nhau. Kinh thi (thơ Quan thư) dùng để ví sự sánh đôi giữa Chu Văn và Hậu phi.

mang khí âm, ôn khí dương, ăn thì thích vị ngon, mặc thì thích màu đẹp, đều có tình dục như thế. Chúng ta mà ngần hãm một phía ham muốn ấy lại chính là để dốc lòng phụng đạo, đó là dành đi một lẽ vậy. Tại sao riêng một vị lão tăng Huyền Quang, từ trước đến nay, chỉ sắc sắc không không, như nước chẳng gợn sóng, như gương chẳng mờ bụi.

Đó là ngần hãm lòng dục hay là không có lòng dục vậy?".

Có một quan văn ở bên cạnh đáp ứng mà tâu rằng: "Vẽ hổ chỉ vẽ được da, khó vẽ được xương. Biết người thì biết được mặt mà không biết được lòng. Xin hãy cứ thử xem thì sẽ biết là thế nào". Nhà vua nhìn xem là ai, thì ra đó là một chàng học sĩ, lương quốc trạng nguyên, họ Mạc tên là Đinh Chi. Nhà vua cho là nói phải, bèn im ắng không động then máy, không lộ góc cạnh, có ý ngầm chọn cung nữ tuổi dưới hai mươi, có cái vẻ nòn nà của Phi Yến, có cái thói khéo tài của Điều Thuyền.

Có một cung nhân, tên là Thị Điểm Bích, hiệu là nàng Ba. Mẹ cô là người huyện Đường An, nhà nghèo ở góa, gặp năm đại hạn đói khổ, di ăn mỳ. Đến chùa Quỳnh Lâm, huyện Đông Triều, bà ngủ trọ một đêm. Đến khoảng canh ba, trăng trong gió mát, bầu trời sáng vằng vặc, thấy một chàng trai, không biết tên là gì, không rõ mặt mũi thế nào, xin được tư thông một cái, xong rồi bỏ đi mất. Nhân đó bà có mang, đầy tháng sinh ra một gái, ẵm về quê nhà. Có nhà giàu trong làng đem một quan tiền mua về làm con nuôi. Đám trẻ con gái thường chế nhạo đứa trẻ, gọi là con gái chùa Quỳnh. Đến khi lớn lên, nàng có nhan sắc rất đẹp, tính lại ham học. Cửu lưu tam giáo không có gì là không thông hiểu. Khi có lệnh tuyển cung nữ, Điểm Bích mới lên chín, được tuyển vào cung làm cung nữ, thơ trường thiên ngũ ngôn cú mở miệng là thành chương, lại đặc biệt giỏi thơ quốc ngữ. Vua nói: "Đây là nữ thần đồng".

Khi ấy vua triệu nàng vào nội điện giao tờ thủ trát và bảo rằng: "Vị sư ấy vốn không có sắc dục, tính rất cương phương, giới hạnh rất cao. Nàng có nhan sắc, giỏi ngôn từ, lại thông kinh

sử. Nàng hãy đến thử vị sư ấy, nếu thấy rung động, có lòng quyến luyến, thì đồ khoa mà xin cho được vàng thoi về đây làm chứng cứ. Còn nếu lại dối trá thì có tội đấy. Nàng phải kính cẩn mà làm theo ý chỉ của ta".

Thị Bích lĩnh ý chỉ mà đi, đem theo một nữ tỳ làm kẻ tùy tùng. Đến Vân Yên¹, nàng vào nương tựa một bà vải già, khai quê quán căn cước, và xin xuất gia tu hành học đạo, nhờ trình lên quốc sư.

Bà vải già thường sớm chiều sai Thị Bích dâng nước chè lên sư.

Sư thấy người này, khi động khi chỉ có cái thói của nàng Hằng Nga trên mặt trăng đùa cợt với gió, không phải là bậc người Phật tử cầu đạo, bèn sai tăng ni khiển trách bà vải già, bảo để cho Thị Bích quay về nhà mà đi lấy chồng, làm ăn, đợi khi nào tuổi già sẽ lại đến học đạo. Thị Bích thấy sư giới hạnh nghiêm ngặt, sừng sững vậy thay, khó lấy sắc đẹp mà quyến rũ, chợt sinh ra một kế.

Đêm ấy, nàng khóc và bảo bà vải già rằng: "Tôi vẫn là dòng họ lớn ở huyện Đường An, trong nhà kế truyền cái học thi lễ, đời đời đăng vào cửa quan, cửa tướng. Cha tôi do tập ấm mà có chức quan, làm chức huyện thừa Cẩm Hóa, đạo Ninh Sóc, thu thuế ruộng hàng năm được mười lăm dật vàng mười, đựng vào túi, mang đến kinh đô để nộp cho kho công. Ngủ trọ ở phương Bắc, phủ Cẩm Viên, bị kẻ gian thông mưu với nhau lấy hết cả không còn gì để nộp, cha tôi làm đơn trình lên Bộ Hộ. Quan Hộ Bộ thượng thư không thương tình, hứa là hoãn đến cuối năm thì phải đem đủ số vàng đến nộp. Nếu quá kỳ hạn thì sẽ tâu lên rõ ràng sự việc thì vợ con, điền sản, đều sẽ phải nhập vào của công. Vì vậy, tôi mới phải đi khuyên giáo thập phương, khắp các lộ, châu, phủ huyện, khắp cửa sang, nhà hèn đều góp phần công đức². Tôi lại bán gia tài điền sản. Thế mà vàng vẫn còn thiếu.

1. Tức chùa Vân Yên ở Yên Tử

2. Công đức ở đây có nghĩa là tiền hoặc vàng mà tín chủ đạo Phật hiến cho nhà chùa, đóng góp vào sự thịnh vượng của đạo...

Nghe nói bậc tôn sư đạo cao, đức trọng một lòng từ bi, cho nên tôi mới tìm đến cửa này, đợi đến lúc người thư thả thung dung, sẽ nói rõ nguồn cơn, trình lên bài phổ khuyến vãn, mong đợi trong muôn một ở công đức của sư. Được thế thực là may quá, chẳng những cái tội của cha tôi được tha, mà cả nhà tôi trai gái đều được giải thoát vậy. Đó là điều mà người xưa gọi là cái lẽ sống chết, cái tình cốt nhục vậy". Các tăng ni nghe nói như vậy, thương xót cho tình cảnh, không ai là không nhỏ nước mắt, bèn cùng bạch lên với nhà sư, xin ban cho vàng công đức để cứu mệnh cho cả một nhà sư trăm ngăm hồi lâu rồi nói: "Xưa kia Hán Văn đế cảm động vì lời xin của người con gái là nàng Đế Oanh mà tha cho người cha khỏi phải chịu nhục hình. Đường Thái Tông xem bức vẽ ở nhà Minh Đường mà cấm không được dùng hình phạt lấy roi đánh vào lưng. Hai ông vua ấy đều biết thể theo đức hiếu sinh của trời, cho nên con cháu hưởng lộc đời lâu dài ba, bốn trăm năm. Nếu không có âm chất mà lại có thể được như vậy ru? Ta sẽ vì nàng ấy mà về kinh đô, tâu rõ sự việc, ngõ hầu làm rộng lớn cái đức hiếu sinh của nhà vua, đó là cách tốt để cứu khổ vậy". Có một chú tiểu đứng ở bên thưa rằng: "Pháp luật là chung cho thiên hạ. Kể kia không giữ gìn cẩn thận, phép công bắt tội. Đó là công điển vậy. Ta có tiền và vàng công đức thì nên cho riêng nàng. Còn nếu vì muốn giúp đỡ riêng nàng mà bỏ mất phép công thì có nên chăng hay là không nên?". Sư nói: "Chú tiểu nói phải đấy". Bèn đem một dật hoàng kim mà cho Thị Bích đem về chuộc tội cho cha. Các tăng ni cũng bố thí cho tiền.

Sau đó, nàng Thị Bích được vàng, bái biệt để về. Đến kinh đô, nàng vào trước vua, quỳ tâu: "Tôi vâng chiếu chỉ đi thử Thiền sư Huyền Quang. Đến chùa Vân Yên, vào ở nhờ một bà vải già, tự xưng là con gái nhà dân, xin được theo học đạo tôn sư. Bà vải già thường sai tôi dâng nước chè lên sư. Trải qua hơn một tháng, sư không hề liếc nhìn, hỏi han gì tôi cả. Một hôm, nửa đêm, sư lên nhà tụng kinh, đến canh ba, sư và đám tăng ni, ai nấy đều về phòng mình mà ngủ. Tôi bèn đến bên

cạnh phòng của Thiền sư để nghe động tĩnh thế nào thì thấy sư ngâm lời kệ rằng.

Văng vạc trắng mai ánh nước

Hiu hiu gió trúc ngâm sen

Người hòa tươt tốt, cảnh hòa lạ,

Mâu Thích ca¹ nào thú hữu tình.

Sư ngâm đi ngâm lại mãi, tôi bèn vào phòng tắng, từ biệt sư để về nhà thăm cha mẹ, sang năm sẽ quay lại học đạo. Sư bèn giữ tôi lại ngủ một đêm, rồi cho tôi một dật vàng".

Vua nghe lời tâu thì thấy bực bội không vui, và nói: "Sự việc nếu quả có thực như thế, thì đúng là ta đã giăng lưới ở cửa tổ mà bắt chim vậy. Nếu sự việc mà không có như thế thì quốc sư khó mà tránh khỏi mối ngờ oan đối với người sửa dếp ở ruộng dưa vậy!"².

Vua bèn mở hội Vô - già ở phía Tây kinh thành, cho mời sư đến làm chúc mật án pháp trong lễ ấy. Cà sa, y bát, pháp khí đều đem ra dùng cả, đồi mỗi, vàng bạc, châu ngọc bày ra trang hoàng.

Sư thấy vua cho mời, bèn đến kinh đô để yết kiến. Hôm sau, sáng sớm, sư vào đàn lễ. Bần bên đàn đều căng lụa quỳen vàng; phẩm vật đủ các loại, đèn nhang của sáu lễ cúng đều cùng được bày biện sẵn. Sư vốn đã biết việc ngày nọ cung nữ đến thử, bèn ngẩng lên trời than thở. Lên đàn ba lần, xuống đàn ba lần, đứng một mình giữa đàn, vọng bái hiến thánh mười phương, tay trái cầm bình bạch ngọc, tay phải cầm cành liễu xanh, lăm rầm

1. Tức Thích Ca Mâu ni, Phật tổ.

2. Cả câu ý nói: Giăng lưới ở cửa tổ chim mà bắt thì thế nào cũng bắt được chim; đem gái đẹp đến tận nơi để quyến rũ thì dấy người ta vào điều sắc dục khó tránh; nếu nhà sư không bị sa vào sắc dục thì việc đưa gái đẹp đến ở chùa mà thử nhà sư lại cũng là dấy nhà sư vào cái tình thế của người đi qua ruộng dưa mà cúi xuống sửa lại dếp, khó tránh khỏi mối ngờ oan là định ăn trộm dưa.

niệm chú, vẩy nước tưới rửa trên dưới, trong ngoài đàn hội lễ. Bỗng thấy một đám mây đen từ phương Tốn¹ hiện ra, bụi cát tung bay làm mờ mịt cả bầu trời, một lát thì tan hết. Bèn thấy tất cả các tạp vật đều bay đi mất, chỉ còn đèn nhang của sáu lễ cúng, ai nấy đều kinh sợ thất sắc.

Vua thấy sư làm phép thông cảm được trời đất, bèn rời chiếu lễ để đến mà lạy tạ xin tha thứ lỗi lầm. Vua giáng Thị Bích xuống làm phu quét rửa chùa Cảnh Linh ở trong cung, càng thêm tôn kính nhà sư mà gọi là Tụ Pháp...

18. NÓI VỀ SỰ TÍCH ÔNG VĂN DĨ THÀNH

Cuối đời nhà Trần ở phủ Quốc Oai, có một người học trò tên là Văn Dĩ Thành, tính ngay thẳng bạo dạn, không sợ những ma quỷ. Bấy giờ nhà Trần loạn, thiên hạ chết nhiều lắm, những người hồn chết oan, họp thành một lũ cứ quấy dân hại lắm, không ai phép nào trừ được. Người Văn Dĩ Thành nghe tiếng đồn, mới cười ngựa đi xem. Lũ ma đương ngồi ăn uống, trông thấy người ấy đến, sợ chạy tan cả.

Người ấy gọi bảo:

- Ta thấy chúng bay, chẳng may mà chết oan, ta đến chơi hỏi chuyện.

Lũ ma mới trở lại, mời người ấy ngồi trên nói chuyện. Người Dĩ Thành hỏi:

- Sao chúng bay cứ hay hại người ta?

Lũ ma đáp:

- Thưa ông, chúng tôi bắt để thêm cho nhiều quân.

Người Dĩ Thành hỏi:

- Quân chúng bay nhiều thời làm gì?

1. Phương Tốn: phương Đông Nam.

Lũ ma đáp:

- Hại người ta chết.

Người Dì Thành hỏi:

- Lấy ai cúng cho mà ăn?

Lũ ma đáp:

- Thưa ông, vì đời nhà Trần nay sắp biến, cho nên đổi người đổi vật, bởi thế dưới âm ty không cấm chúng tôi. Năm nay còn hại vừa, sang năm còn hại hơn nữa.

Người Văn Dì Thành nói rằng:

- Đã đành vận giờ như thế, nhưng mà chúng bay làm việc gì cho nó có chừng, không nên hại người ta quá.

Lũ ma thấy người ấy có uy vọng, ngay thẳng, có nhân đức, mới xin bầu làm tướng.

Người ấy cười nói rằng:

- Ta văn hay võ giỏi, dầu làm tướng chúng bay cũng được, nhưng mà dương gian, âm phủ khác nhau. Vả lại ta còn mẹ già. thời làm sao?

Lũ ma nói:

- Thưa ông, chúng tôi chỉ xin ông dạy bảo cho uy nghiêm kỷ luật mà thôi.

Người Dì Thành nói:

- Có dùng ta làm tướng, thời phải theo hiệu lệnh ta, hễ lỗi thời không được.

Lũ ma thuận cả, xin nghe nhờ. Từ đấy có việc gì, cũng phải trình người ấy, dân mới được đỡ hại.

Độ hơn một tháng lũ ma nói:

- Bây giờ vua dưới âm ty đặt ra bốn bộ Dạ thoa, hiện mỗi bộ một người tướng, chúng tôi đã bầu ông, thời không nên từ chối.

Người ấy nói:

- Đã gọi là người trượng phu, thời ta cũng làm để tiếng về sau.

Văn Dĩ Thành liền về nói với mẹ, dặn việc cửa nhà, rồi chết đi để làm tướng ma.

Bấy giờ người Dĩ Thành có bạn tên là Lê Ngộ, đi dạy học ở huyện Quế Dương. Người ấy cưỡi ngựa đến chơi đây nói chuyện: - Bấy giờ tôi làm quan ôn từ sông Trường Giang về phương Bắc. Tôi xem trong sổ thấy nhà anh phải nạn cả. Tôi đến bảo anh để anh về. Hễ có việc gì, thời bày nhiều cỗ ở giữa sân mà lễ là được yên.

Người Lê Ngộ nghe nói về ngay. Thấy ở nhà vợ con phải đau cả liền làm cỗ bày ra sân. Một chốc thấy lũ ma kéo đến ăn, ăn gần xong, người Lê Ngộ ra lạy mãi. Thấy vậy quân bàn nhau rằng:

Hắn người này là chủ có cỗ. Chả có nhẽ ăn một bữa mà trừ năm nhân mạng.

Người tướng bảo:

- Thôi đã trót ăn rồi, thời cứu cho người ta.

Hắn mới mở sổ lấy bút son xóa mười chữ, rồi kéo quân đi.

Được vài hôm, nhà người Lê Ngộ khỏi cả, nhớ ơn người Dĩ Thành, bèn đặt tinh thờ. Sau dân làng đến cầu việc gì cũng được, mới lập đình thờ làm thần thành hoàng. Đình ấy bây giờ vẫn còn ở làng Thượng Hội, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông.

19. NÓI VỀ SỰ TÍCH NGƯỜI HỒ QUÝ LY MẮC LÝ CON CÁO VỚI CON VƯỢN

Đời vua Phế Đế nhà Trần cùng với người Quý Ly đi săn, gặp phải mưa tuyết không về được, đỗ thuyền ở sông Đà Giang, đêm mở tiệc rượu.

Lúc bấy giờ có con cáo với con vượn tinh, nói chuyện ở dưới chân núi gần đấy. Con cáo bảo con vượn rằng:

- Vua tôi nhà Trần đem quân vào săn chỗ núi này, là chỉ

chăm bắt lũ ta. Ví không mưa gió, thời hai chúng ta chẳng mắc đạn cũng phải tên. Mày sao chẳng cùng với tao đi ra mà kêu, để vua dừng vào sẵn đây nữa.

Con vượn nói rằng:

- Chỉ sợ người ta biết mình, thời khôn cả?

Con cáo lại nói rằng:

- Ở đây chỉ có người Quý Ly là giỏi, nhưng mà học ,cũng chưa rộng, tất nhiên cũng không biết được ta.

Con vượn thuận tai, hai con mới hóa ra hai người. Con vượn giả làm tú tài họ Viên, con cáo giả làm xử sĩ họ Hồ, đến chốn vua đóng quân, tâu rằng:

- Chúng tôi nghe nhà vua có đức tốt, thời những loại cầm thú được hòa thuận. Bây giờ đương lúc thái bình, sao nhà vua chẳng kén kẻ hiền tài, để giúp nước trị dân, mà lại chỉ chăm việc săn bắn. Bây giờ vua đã mỏi muốn đi nghỉ, sai người Quý Ly ra tiếp. Người ấy mời hai người lên thuyền ngồi, mà nói rằng:

- Việc săn bắn cũng là phép đời xưa, sao nên bỏ?

Hồ xử sĩ thưa rằng:

- Bẩm quan lớn, đời xưa đi săn, là những lúc dân làm ruộng xong rồi, trước là đuổi những con tê, con tượng khỏi làm hại dân, sau thời tập võ. Nay đương mùa hạ mà để dân nhọc nhằn, là không phải thời; giẫm nát lúa để bắt loài vật, là không phải chốn; tát cạn đầm, đốt cháy núi, là không phải nhẽ. Sao quan lớn chẳng can vua trở về, để giống người cùng giống vật đều được bình yên.

Người Quý Ly nói rằng:

- Nghe đây có con vượn với con cáo thành tinh, cho nên muốn săn mà trừ nó đi, để nó khỏi quấy dân, không cốt gì việc đi săn.

Hồ xử sĩ với Viên tú tài nghe nói trông nhau mồm mỉm cười.

Người Quý Ly hỏi:

- Có sao mà cười thế?

Hồ xử sĩ mới nói ra rằng:

- Bẩm quan lớn, con sài, con lang đứng chắn đường sao chẳng hỏi, mà lại hỏi con cáo cùng con vượn làm gì?

Người Quý Ly lại hỏi rằng:

- Nhà người nói thế là nghĩa làm sao?

Hồ xử sĩ thưa rằng:

- Bẩm quan lớn, giặc Bồng Nga như chó đại cắn ở cõi Đông Nam, giặc Man Lý như hổ đói gào ở phương Tây Bắc, mà nhà vua bỏ chẳng xét đến, cứ chăm chăm những việc săn bắn. Dẫu được cầm thú chất cao bằng núi, thời chúng tôi cũng không dám khen.

Người Quý Ly nghe nói phải nhẽ, nhận nhời, rồi mời uống rượu. Hai người uống say từ tạ xin về. Người Quý Ly nghi tình, mới sai người đi theo dò xem, đến giữa rừng thấy hai người ấy hóa ra một con cáo, một con vượn chạy mất. Người Quý Ly trót nhận nhời mới tâu vua đem quân về.

20. TRUYỆN TRÂU CANH

Tại phía tây đất Tử Trâm, huyện An Sơn có hơn mười ngọn núi đá chạy dài gần một dặm, phong cảnh thanh thú đáng yêu. Bên trong có một cái động đá, bên dưới có chùa, tiền Thánh vương lập hành cung ở đó, thường đến chơi luôn và đổi tên là Phong Châu. Ở phía đông núi có một hòn đá nhô lên, rất giống hình một con cóc tía.

Tương truyền xưa ấy có một người tên là Trâu Canh nhà nghèo, phải đi làm thuê kiếm ăn. Một hôm, ông đang nhở mạ ở khe núi, chợt có một chú khách Trung Quốc đi qua nói rằng:

- Tôi có một ngôi đất tốt, nếu có ai xin tôi sẽ cho ngay.

Ông nghe thấy chú khách nói, liền bỏ mạ chạy đến trước

mặt vái chào và mời về nhà. Ông chỉ chuẩn bị được một niêu cơm bé đem ra cho chú khách ăn và nói với chú khách rằng:

- May mắn được gặp ông, thế là nhà tôi có phúc. Chỉ vì nghèo túng, nên bữa ăn quá đạm bạc. Nếu ông cho tôi một ngôi phúc địa, đời sau phát đạt, không bao giờ chúng tôi dám quên ơn.

Chú khách thấy ông thành khẩn, bèn dẫn ông đến chỗ con cóc tía bên cạnh núi chỉ vào bảo ông rằng:

- Chỗ đất này rất đẹp, nếu làm nhà ở thì tất sẽ giàu sang.

Nhưng sau khi đã được gần vua chúa rồi, phải dời nhà đi chỗ khác ngay chứ không nên ở lại, dù chỉ một ngày.

Ông theo lời chú khách, bèn làm gian nhà tranh ở đó để ở, được ba năm. Bấy giờ trong làng có tục lệ đánh cá. Ao cá ở bên cạnh núi trước cửa nhà ông, dài rộng mỗi bề độ vài trượng. Dân làng đem đó và lưới xuống ao đánh cá. ông ở dưới ao lấy dây buộc đó cá vào người. Dây buộc tự nhiên đứt, ông phải leo lên bờ lấy một đoạn dây mây quấn vào ngang thắt lưng thay dây cũ. Bỗng thấy dương vật khởi dậy, cứng rắn lạ thường. ông chỉ có một chiếc khố rách, sợ không che đậy được, nên cứ phải đứng ở dưới ao, không dám lên bờ. Bấy giờ dân làng đã lục tục kéo nhau về, chỉ còn một mình ông ở lại. Sau mẹ ông đến tìm, thấy một mình ông ở dưới nước, bèn quở mắng ông sao lại về chậm. ông cởi đó cá ra đưa cho mẹ đem về, rồi cởi dây quấn ở ngang thắt lưng ra, thì thấy dương vật dần dần bé đi và lại mềm nhũn như thường. Sau khi ông về nhà, mẹ ông hỏi vì có gì mà phải ở lại dưới ao, ông cứ thực thưa với mẹ. Mẹ ông bèn lấy dây mây phơi khô để lên gác bếp, rồi thỉnh thoảng sai ông lấy dây ấy đeo thủ vào người thì thấy dương vật khởi dậy. Lần nào thủ cũng được hiệu nghiệm như thế. Bấy giờ vua Trần Dụ Tông bị bệnh liệt dương, các thầy thuốc chữa mãi không khỏi. Vua cho sứ giả đi rao khắp trong nước, hứa người nào chữa khỏi thì vua sẽ cho ăn một nửa dân lộc thiên hạ. Sứ giả đến làng ông. Mẹ ông gọi sứ giả vào hỏi:

- Liệt dương là bệnh gì?

Sứ giả cứ thực nói cho bà biết. Bà nói:

- Nhà tôi có một vật có thể chữa khỏi được cho vua.

Rồi hai mẹ con đem dây mây theo sứ giả vào Kinh đông vua.

Vua đeo dây vào, quả nhiên dương vật hoạt động trở lại, sau sinh được hai Hoàng tử. Vua cho ông là thần y, bèn lưu ông ở lại trong cung để trông nom thuốc men. cho vua, ban thưởng rất hậu và sủng ái hơn tất cả mọi người.

Từ khi được vua sủng ái, ông quên mất lời dặn của chủ khách, không dỡ nhà đem đi chỗ khác. Sau con ông thông dâm với cung nữ. Việc phát giác, con ông bị tử hình, còn ông thì bị đuổi về. Gia tư điền sản bị tịch thu hết; ông lại đói rét như ngày trước.

Chỗ nhà ông ở phía trước có mấy mẫu ruộng cao hình giống chiếc bàn dao cắt thuốc, cho nên nổi tiếng về nghề làm thuốc. Nhà ở cạnh núi, mỗi khi mặt trăng tà chiếu, bóng núi đổ xuống, trông như con cóc ở trên nóc nhà, còn người thì đang ngồi tại cung trăng, cho nên được gần vua chúa, ra vào nơi cung cấm. Chỉ hiếm nhà ở cạnh núi, địa thế bức bách, phía trước lại hướng về kiếp sơn đi lại vô định cho nên giàu sang không được lâu.

Quốc sử chép rằng: "Vua Dụ Tông đi chơi Hồ Tây, bị ngã xuống nước, Trâu Canh dùng cách châm cứu làm cho vua sống lại. Vua bị bệnh liệt dương, Canh lấy "gan đồng nam" hòa với "đá dương khởi" làm thuốc uống và bảo vua thông dâm với em gái để tráng dương khí. Vua Dụ Tông làm theo lời Canh, quả nhiên thấy hiệu nghiệm. Vì thế Canh đắc sủng".

Theo đó thì chuyện chép ở quốc sử và chuyện chép ở đây không giống nhau, chưa biết chuyện nào đúng sự thực.

21. TRUYỆN NÀNG VŨ Ở HUYỆN NAM XƯƠNG

Tương truyền, ở xã Vũ Điện, huyện Nam Xương (sau là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam) có người con gái họ Vũ có nhan

sắc, lấy Trương Sinh là người cùng làng. Cuối thời Hồ, quân Chiêm Thành vào lấn cướp nước ta, Trương Sinh phải đi đánh giặc. ở nhà Vũ Nương sinh con trai, đặt tên là Đản. Mẹ chồng chết, Vũ Nương làm lễ tang chu đáo như đối với mẹ đẻ. Khi đánh giặc xong, Trương Sinh trở về thì con đã biết nói. Trương âu yếm bế con nhưng nó không chịu theo, nói rằng: "Bố tôi chỉ đến vào ban đêm thôi". Trương gạ thêm thì đứa con nói: "Đêm nào ông đó cũng đến, mẹ đi thì ông ấy cũng đi, mẹ ngồi thì ông ấy cũng ngồi"... Trương Sinh nổi ghen tra khảo vợ. Vũ Nương khóc lóc kêu oan, nhưng Trương Sinh không tin. Nàng uất ức gieo mình xuống sông tự tử để bạch sự tình oan khuất. Trương Sinh thương con, hàng ngày chăm sóc âu yếm. Một hôm Trương Sinh khêu đèn bế con ngồi chơi, đứa con bỗng chỉ tay vào cái bóng đen trên tường nói: "Bố lại đến kia rồi!". Bấy giờ Trương Sinh mới biết vợ bị ngờ oan, bèn lập đàn chay tế lễ ở bến sông Hoàng Giang. Trong khói hương bay tỏa, Trương Sinh thấy vợ mình đứng trên xe hoa lướt trên mặt sóng, lúc ẩn lúc hiện. Dân xã Vũ Điện thấy Vũ Nương linh thiêng bèn dựng đền thờ trên chỗ Trương Sinh lập đàn chay. Về sau dân các xã Phú Lư, Hậu Miếu, Hào Châu cũng dựng đền thờ.

22. CHUYỆN Ở CHÙA TRĂM GIAN

Chuyện xưa truyền lại rằng: Tại trang Vân Lộng, lộ Bàn Châu, tri Nam Sách, huyện Hồng Châu (Hải Dương ngày nay) có người họ Phạm tên Lương, gia thế kế truyền học nghiệp, trải ba bốn đời vinh hoa phú quý.

Sinh thời Phạm Lương là người nho học tinh thông, văn chương trác việt, vào niên hiệu Thái Ninh, đời Lý Nhân Tông (Ất Mão 1075) lần đầu tiên Nhà nước cho mở khoa thi, để kén chọn nhân tài, Phạm Lương hồ hởi lên đường ứng thí. Trúng tuyển, ông được cử làm Bộ chủ Hoan Châu (Nghệ An ngày nay). Mấy mươi năm, chỉ lo dùi mài kinh sử, đến khi công thành danh toại, tuổi ngoài 60 ông mới lo việc xây dựng gia đình.

Vào nhậm chức ở Hoan Châu, ông đính hôn với bà Lưu Thị Thiện, người trang Đoan Mê, huyện An Định, thuộc bản châu. Ngày 12 tháng 2 năm Bính Thìn (1076) ông bà sinh được người con gái đặt tên là Phạm Thị Toàn. Bẩm sinh, Toàn nường tính nết hiền hòa, mắt phượng mày ngài, dung nhan yếu điệu; chẳng khác gì những trang nữ nhân thời Nghiêu - Thuấn, thế gian ít có người được như vậy.

Tháng 5 năm Mậu Ngọ (1078) khi Toàn nường mới được 2 năm 3 tháng tuổi, thì không may, thái bà bị bệnh qua đời. Phạm Lương an táng vợ tại bản trang, rồi ở vậy nuôi con đến trưởng thành Năm Toàn nường 17 tuổi (Quý Dậu 1093) ông lại bị bệnh qua đời, mộ ông táng tại cửa biển Thần Phù, theo hướng Đông Bắc (sau này vẫn còn).

Lại nói đến Toàn nường, lúc này lâm vào cảnh ngộ vô cùng éo le, tuổi còn niên thiếu, cha mẹ sớm qua đời, chỉ còn một mình nơi đất khách, không biết dựa vào đâu, hận lòng, nàng quyết định trở về quê quán:

Hận vì thương mẹ nhớ cha

Tìm đường trở lại quê nhà thân thương

Về đến quê nhà, trước tiên Toàn nường tìm đến mộ mẹ và ngậm ngùi ở lại cư tang 3 năm trọn, cũng là lúc Toàn nường 20 tuổi. Vua Lý nghe tin Toàn nường đức hạnh, đoan trang, bèn xuống chiếu vời vào cung lập làm Hoàng hậu và phong làm Mẫu nghi thiên hạ. Nhưng Toàn nường không có ý định lấy chồng. Nàng ngửng mặt lên trời mà than, rồi phát tâm xuất gia theo đạo Phật.

Lúc ấy tại bản trang có ngôi chùa, cảnh trí trang hoàng rực rỡ, Toàn nường bèn vào tu hành tại đó. Trải qua 5 năm ăn lộc, bố thí của mọi nhà, từ nơi ở, cái ăn đến đồ trang phục, đều rất đơn sơ, thanh đạm. Sống cuộc đời tăng ni, đức hạnh, bà chỉ chuyên tâm cần mẫn, dùi mài kinh sách, khổ công rèn luyện mình theo giới luật Phạm những lúc đi ra đường thấy côn trùng cây cỏ, thẳng hoặc có lúc ra ruộng, ra đồng, thấy cua cá tôm ốc

không bao giờ bà nhẫn tâm sát hại. Thật là người tinh thông kinh sách, pháp chú huyền diệu, quảng đại từ bi, tăng đồ và dân chúng gần xa, nghe thấy tiếng bà, ai ai cũng ngưỡng mộ kính phục.

Vào niên hiệu Long Phù thứ nhất đời Lý Nhân Tông (Tân Ty 1101) bỗng nhiên thiên hạ bị thiên tai, dịch bệnh, người chết rất nhiều, biết bà là vị cao tăng, nên khắp nơi đến cầu thỉnh bà ra tâm giải hạn. Được bà cứu giúp, dân chúng nơi nơi đều được mệnh toàn. Bà còn thân hành vào tận trong làng (tức Vân Lộng) lập đàn chay, tụng kinh niệm phật, tụng chú suốt bảy ngày liền, cứu được nhân dân khỏi vòng tai họa, già trẻ gái trai ai nấy đều vui mừng khôn xiết. Bà thường ngồi tụng một bài kệ như sau:

Luyện thân như nước trong ngân

Như cây đại thụ trước sân vô thường

Có người đến hỏi pháp vương

Vui đời dân dã thông dong tháng ngày.

Khắp nơi thiên hạ, ai ai cũng cảm mộng lương đức của bà, coi bà như bậc thánh sư vậy, người đời sau thường tán dương công đức của bà bằng một bài kệ như sau:

Giác Hải tâm như biển rộng sâu

Thông huyền đạo pháp lại càng huyền

Thần thông muôn phép tài biến hoá

Thật là nhất Phật nhất thần tiên.

Ngày mồng 3 tháng sáu Quý Mùi (1103) tức niên hiệu Long Phù thứ 3, đời Lý Nhân Tông, Toàn nương đột ngột qua đời. Lúc đó, bà mới 27 tuổi, nhân dân nghe tin ai nấy đều thương tiếc. Tăng đồ và nhân dân sở tại đã rước thi hài bà về an táng tại một ngôi đất quý ở phía đông trang Vân Lộng.

Khi sứ mệnh lịch sử nhà Lý đã hết, nhà Trần lên kế vị, lúc ấy thiên hạ thái bình - bốn phương vô sự. Nhưng chẳng được bao lâu, giặc Nguyên đã mấy lần khởi quân sang đánh vào niên hiệu Trùng Hưng thứ 3, đời Trần Nhân Tông, tháng 11 năm

Đinh Hợi (tức tháng 12-1257) giặc Nguyên lại khởi binh xâm lược lần thứ 3. Lần này 30 vạn quân Nguyên thủy bộ song hành, nhằm hướng kinh đô Thăng Long thẳng tiến. Quân trấn thủ khắp nơi cửa sông, biên giới hải đảo đều biên thư về kinh cáo cấp. Vua Trần nghe tin vô cùng lo lắng, bèn cho họp triều đình để bàn kế sự. Được nhân dân ủng hộ, nhà vua bèn xuống chiếu, tuyển gấp 30 vạn quân thủy bộ cùng tiến. Tại trận tuyến Bạch Đằng, quân ta đã nhả thẳng trại giặc giáp công một trận, nhưng không phân thắng phụ. Thống lĩnh đại quân ta lúc này là Nguyễn Linh, con ông Nguyễn Lương và bà Trần Thị Mỹ, quán tại trang An Thái, huyện Thiên Bản, đạo Sơn Nam (Nam Định ngày nay) ông sinh vào giờ Mão, ngày 12 tháng 8.

Năm 31 tuổi được phong làm đô quân, Đốc bộ trấn thủ Hồng Châu (Hải Dương ngày nay). Trước thế giặc lúc đầu còn mạnh, Nguyễn Linh bèn cho quân ta tạm rút.

Đến trang Vân Lộng, thấy ở đây dân cư đông đúc, thế đất hiểm rộng, ông bèn cho đại quân đóng trại trong chùa. Đêm ấy nằm nghỉ ở quán doanh đóng tại chùa Vân Lộng, Trấn quan nằm mơ thấy một người con gái đứng tựa ở lan can bên phải, Trấn quan hỏi thì nàng nói rằng: "Thiếp là con gái nhà họ Phạm, người làng này tu ở chùa này, gặp bất hạnh quyền sinh tạ thế. Nay nghe Trấn quan thân hành ra miền đông dẹp giặc, thiếp xin nguyện phù giúp đại quân, phá tan lũ giặc Nguyên để đền nợ nước, sau rồi sẽ về cung tái nhậm chức "Mẫu nghi thiên hạ". Trấn quan tỉnh mộng cho sửa ngay lễ vật, thân hành lễ bái rồi tuyển gấp binh lương tự mình làm hướng đạo tiên phong, dẫn quân đến trại giặc giáp công lần nữa. Bọn ô Mã Nhi, Bá Linh - Nguyễn Nga, Nguyễn Ngột bỏ chạy tán loạn, giặc rơi xuống sông chết đuối rất nhiều, chúng sợ không dám động binh nữa. Trấn quan nghiệm đúng như trong mộng, bèn dẫn đại binh về chùa, sửa soạn lễ vật, thân hành tạ lễ, rồi mở tiệc khao thưởng quân dân suốt ba ngày liền.

Ngày 21-12 Đinh Hợi (tháng 1 năm 1288) giữa lúc quân dân

đang ca khúc khải hoàn, thì vào đúng giờ Ngọ, bỗng thấy trong chùa rực rỡ hào quang, tiếp theo là cả một vùng trời đất, mưa gió nổi lên mù mịt, Trần quan đột ngột qua đời ngay tại trong chùa, quân dân ai nấy đều hoảng sợ, dâng sớ tấu với vua Trần. Vua nghe tin vô cùng thương tiếc, bèn cử ngay sứ quan về tận nơi cùng quân dân làm lễ an táng rồi cho lập miếu để sau này mãi mãi đèn hương cúng bái. Lại truyền cho lập riêng một ngôi đền thờ cúng nữ nương ứng mộng, và ban thưởng cho nhân dân sớ tại 800 quan tiền, và miễn binh lương đinh lệ trong 12 năm nữa. Vua còn xuống chiếu phong cho hai vị âm dương công thần mĩ tự: phúc thần vạn cổ huyết thực, dữ quốc đồng thế, vĩnh ni hằng thức thịnh dư. Truy phong Trần quan Nguyễn Lĩnh "Anh không hùng đoán, hào nghị hiển ứng, phúc thần trung đẳng - Trần triều hướng đạo tiên phong, đại vương".

Truy phong ni cô Phạm Thị Toàn là Trinh khiết đoan trực, Hoàng quý phi tối linh, thượng đẳng công chúa (sinh Lý triều âm Phù Trần triều) lại chuẩn hứa, cho xây cất tại lộ Bằng Châu, trang Vân Lộng, ngôi đền nhỏ để đèn hương cúng bái, nhân các ngày sinh và ngày hóa của hai thần.

Nhân dân quanh vùng ghi nhớ công ơn của hai vị thần, nên hằng năm chuẩn bị lễ vật như xôi, rượu, thịt gà, thịt lợn vào chùa cúng tế, rồi dùng kiệu rước ra đền, miếu lễ hội vào các dịp ngày sinh và ngày mất của Trần quan (12 tháng 8 và 21 tháng 12), ngày sinh, ngày mất của công chúa (12 tháng 2 và 3 tháng 8).

23. CHÂU NƯƠNG PHU NHÂN

Châu Nương họ Lý xưa ở ven hồ phía Giảng Võ ngày nay, có công bảo vệ kho tàng chống giặc, thời vua Nhân Tông, nên được nhân dân lập đền thờ. Nguyên bố của cô là Lý Quỳnh, vốn người làng Cổ Pháp (Hà Bắc), làm chức Điển bộ binh lương, tức coi kho tàng cho quân đội (ở Thăng Long). Năm ông ngoài sáu mươi tuổi, lấy người thiếp ở Giảng Võ và sinh ra cô Châu, tên chữ là Châu Nương. Lúc nhỏ cô Châu học chữ Hán với một ông thầy ở

phường Bích Câu, không rõ tên, đến năm cô mười tám tuổi thì bố mất. Cô đẹp và hay chữ có tiếng trong số các bạn gái thời đó, có vị quan họ Trần, tước Thái bảo, làm đốc bộ ở Hoan Châu (Nghệ Tĩnh), ghé qua Thăng Long, nghe tiếng cô, xin cưới làm thiếp. Năm đó cô hai mươi hai tuổi.

Gặp lúc quân Nguyên Mông từ phía Chiêm Thành tràn ra cướp phá Hoan Châu. Thái bảo phải ra đèo Ngang chống giặc, giao cho Châu Nương ở lại chỉ huy quân sĩ bảo vệ kho tàng. Lực lượng giặc lúc này rất mạnh, Thái bảo phải rút về Diễn Châu củng cố và bổ sung đội ngũ. Thành Hoan Châu (thời đó ở vùng Rú Thành, thuộc huyện Hưng Nguyên hiện nay) bị giặc vây riết, tình hình rất nguy nan. Châu Nương rất bình tĩnh, gan dạ, không hề nao núng, giúp chống bảo vệ chắc thành Diễn Châu, làm một hậu phương tốt, do đó Thái bảo có điều kiện chuẩn bị phản công. Quả nhiên, được ít lâu Thái bảo tập kích giặc, từ ngoài đánh vào, và trong đánh ra, khiến giặc phải rút chạy về phía đèo Ngang thuộc châu Bố Chính (Quảng Bình hiện nay).

Được tin Thái bảo thắng trận, vua Trần triệu cả hai vợ chồng về kinh đô khen ngợi, và giao cho hai vợ chồng nhiệm vụ ở lại tham gia bảo vệ kinh đô, đề phòng giặc báo thù. Thái bảo được giao cho chức Tiền quân dự thánh, có ý nghĩa xung kích bảo vệ nhà vua, và Châu Nương nhận nhiệm vụ coi kho phủ Phụng Thiên, tức ở Kinh đô Thăng Long. Quả nhiên, giặc Nguyên Mông kéo sang báo thù, đốt phá kinh thành. Thế giặc quá mạnh. Triều đình phải rút ra khỏi kinh đô để bảo toàn lực lượng. Thái bảo được giao bảo vệ mặt trận phía sông Thao, rồi tử trận ở đó. Châu Nương nghe chồng mất, khóc lóc thảm thiết, ngửa mặt lên trời than rằng: "Trời sinh ta là gái, nhưng ta nguyện vì dân, vì nước, dù thịt nát xương tan, mong được tiếng thơm muôn đời".

Sau đó, biết thế không cản được giặc nữa, phu nhân cho phân tán cất giấu của cải được chùng nào hay chùng ấy, rồi vào kho lấy khăn hồng thắt cổ tự tử. Nhân dân rất cảm phục khí

tiết của phu nhân, tin rằng phu nhân không chết, đã hóa phép về trời, tấm khăn hồng bay về làng Giảng Võ, nơi sinh của phu nhân. Khi quân giặc vào kho lũng sục, thấy kho trống trải, chỉ có con rắn lớn hung dữ lao ra, nên chúng phải bỏ đi, người đời nói đó là hồn của phu nhân nhập vào rắn thần.

Sáu khi quân giặc bị dẹp tan, thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông về kinh đô, nghe tin Châu Nương tử tiết, bèn phong là "Quản chuồng quốc khố công chúa", và sức cho làng Giảng Võ (xưa là Võ trại) và các làng ở Diên Châu xưa (nay ở hạt Diên Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu) tất cả 22 nơi lập miếu thờ, riêng miếu nơi kho là miếu chính (nay không còn nữa)¹

Tại đình làng Giảng Võ hiện nay, còn đôi câu đối ghi lại sự tích đó như sau:

*Tài chính túc sung quân, khốn nội mệnh văn thiên tử chiếu;
Âm mưu năng thoái lỗ, quốc trung danh chấn nữ thần quyền.*

Nghĩa:

Của cải đủ nuôi quân, khốn nội mệnh văn thiên tử chiếu²;
Hồn thiêng còn đuổi giặc³, non sông vang dậy tiếng thần nương.

Ngoài ra, nhiều vị thần Thành hoàng quanh hồ Tây đều ít nhiều có công trong việc chống giặc cứu nước. Có khi đó là một công chúa như Đức vua bà ở Yên Phụ - Giặc đến công chúa mặc áo gấm, cầm kiếm sắc, cưỡi ngựa trắng ra trận như một nữ tướng.

Giặc yên, công chúa đi tu, người đời không biết tên là gì, chỉ gọi tôn là Đức vua bà⁴.

Có khi đó là một vị sư, như Long thần chùa Ba làng ở Tứ Liên. Vị sư này tên là Ngô Quế Lộc, quán người Hà Đông cũ đến tu ở chùa Ba làng. Có lần sư phải cởi áo cà sa, mặc áo chiến chỉ

-
1. Theo thần tích làng Giảng Võ
 2. Chiếu chỉ: lệnh của vua ban xuống
 3. Nhắc lại việc con rắn lớn trong kho
 4. Theo các cụ ở Yên Phụ.

huy chống giặc lập công to. Giặc tan sư lại về chùa tu hành như cũ. Về sau, sư được triều đình phong tặng là: "Thượng trụ Thượng tướng, thượng quốc công". Trong chùa, nơi thờ sư ở chùa tổ, treo bức hoành phi khắc bốn chữ vàng:

"*Dũ quốc đồng hưu*" (nghĩa: cùng nước hưởng yên vui)¹ có ích; đó lại là *hai thầy đồ* ở làng Ngọc Xuyên, như các ông *Bảo Trung, Minh Khiết*, về sau cũng là thần thành hoàng Tứ Liên. Thời đó, không rõ thời nào, có giặc ngoại xâm; hai ông mộ quân giúp vua đánh giặc. Thế giặc quá mạnh, hai ông phải rút lên vùng Bạch Lưu (Vĩnh Phúc). Bị giặc đuổi mãi, hai ông chạy đến bờ sông thì hết đường, không có lối qua, không có thuyền. Bí kếp, hai ông đồng lòng rút gươm chuẩn bị tự tử chứ nhất định không đầu hàng. Hai ông quay lại phía sau, thì lạ chưa, một doi cát bỗng nhiên nổi lên, mỗi lúc một lớn, dần dần kín cả một khúc sông. Hai ông vội phóng ngựa qua sông chạy lên phía bắc. Quân giặc ủa đuổi theo, thì doi cát tự nhiên biến dần, nước dâng cao, khiến chúng chết đuối vô số, phải chùn cả lại. Đất nước bình yên, hai ông trở về làng Ngọc Xuyên dạy học như cũ. Đôi câu đối ở đình Tứ tổng cũ (Tứ Liên) ca tụng hai ông có công phá giặc ngoại:

Bình Chiêm tráng hiệt hoàng vân cử

Phá Tống linh thanh bách thủy hồi.

Nghĩa:

Bình Chiêm thế mạnh mây vàng nổi,

Phá Tống oai rền nước biếc quanh.

24. ÁP LĂNG CHÂN NHÂN²

Đời Tống Nhân Tông³, vua nhà Lý nước An Nam tự mang

1. Theo sư cụ là Nguyễn Thanh Chính ở chùa Ba làng (Tứ Viên).

2. Áp lăng: dè lên sóng.

3. Tống Nhân Tông (1023-1063), thuộc Bắc Tống của Trung Quốc.

quân thuyền đi đánh Chiêm Thành¹. Khi tới cửa biển Thần Đầu², sóng gió nổi lên hết ngày này sang ngày khác, không thể vượt biển được Vua nghe nói ở núi gần đấy có người đạo sĩ, một mình sống trong am, bèn cho vời đến để khẩn cầu. Đạo sĩ nói:

- Vua tự có phúc lực, thần cam đoan muôn một không có gì đáng lo. Ngày mai cứ việc lên đường chờ sinh lòng nghi ngại! Nửa đêm trời dừng gió. Sáng sớm khi ra tới ngoài biển, nhìn xa thấy sóng cao như núi, nhưng đoàn thuyền đi đến đâu thì sóng gió yên lặng đến đó. Bấy giờ lại thấy vị đạo sĩ đang bước đi trên mặt sóng, lúc ở đằng trước, lúc ở đằng sau, trông rất rõ ràng, song người không thể đến gần được thôi.

Ngày quân trở về đến núi Thần Đầu, đạo sĩ ra nghênh tiếp.

Vua mừng và uỷ lạo. Đạo sĩ nói:

- Thần biết nhà vua phúc dày, không có gì đáng lo, ấy là nhờ thần linh giúp đỡ, chứ không phải hạ thần này có tài cán gì. Hỏi người trong làng, họ đều nói:

- Đạo sĩ từ dạo ấy đi hái thuốc lâu nay không thấy ở am.

Vua càng lấy làm lạ, phong cho hiệu "Chân nhân dè sóng". Lại ban thưởng rất nhiều vàng lụa, nhưng đạo sĩ không nhận. Sau đó đạo sĩ vào núi rồi không biết đi đâu.

Chân nhân họ La, không rõ tên, người ta đều dùng hiệu "áp Lăng Chân nhân" để gọi. Từ thuở tuổi xanh đã bỏ vợ con để đi vào đạo Trong số con cháu đời sau của Chân nhân có La Tu thi đỗ Tiến sĩ, làm quan thời Trần Nghệ Vương đến chức Thâm hình viện Bử, rồi mất. Người này chính tôi quen biết.

25. SỰ TÍCH ĐỨC THÁNH ÔNG

Đức Thánh ông tục gọi Cao Sơn Mạo Giáp Hoa, giáng sinh

-
1. Đây nói về cuộc đánh Chiêm Thành năm Giáp Thân (1044), niên hiệu Minh Đạo của Lý Thái Tông (1028-1054).
 2. *Cửa biển Thần Đầu*: tức cửa biển Thần Phù, (còn gọi Thiên Phù, nằm giữa Ninh Bình và Thanh Hóa.)

làm con trai thứ út mà danh hiệu hiển vinh với giang sơn muôn thuở, tên tuổi lưu truyền trong quốc sử muôn đời. Cùng các ngôn từ cao quý: Tiếng thiêng hiển hách, thông minh quyết đoán mưu cao. Thành tích lớn, công lao nhiều. Nên mới gọi là Giáp Hoa.

Đánh giặc cướp, đuổi kẻ thù xâm lược, vận nước vững bền đều thấy rõ ràng ghi trong sử sách. Mạo Giáp Hoa vốn người Việt Thường ở Phong Châu. Sinh ngày 12 tháng 2 năm Quý Mùi. Thân mẫu là bà Lê Ngại mang thai một năm mới mãn kỳ sinh nở. Suốt trong kỳ sinh từ ngày 2 cho đến ngày 12 hương thơm tỏa ngát trong nhà. Tuy còn rất trẻ mà thân thủ trông rất phi phàm. Mặt vuông chữ "điền", bụng dạng chữ "tâm". Trên thân có vân sắc đẹp tựa hoa hồng. Bởi vậy mới có tên húy là Mạo Giáp Hoa. Ai gặp cũng đều hoan hỉ mừng vui. Đúng là sinh ra đã biết trí tuệ hơn người, đức hạnh cũng đều ưu việt. Tới lúc trưởng thành, năm 16 tuổi đã lập nhiều công to, khai bình khảo quốc, đánh giặc công lao. Vua cả mừng ban cho quan tước hiển vinh. Tới sau ngày chết, vua ra lệnh ban tặng là thần Thượng đẳng.

Thời ấy đất nước thanh bình, nhân dân sung túc. Triều đình bàn mở khoa thi Hiếu liêm để chọn người giỏi, văn nhân tài tử. Mạo Giáp Hoa ứng thí đỗ ngay vòng đầu, đứng vào hạng nhất trong bậc Tam khôi¹. Sau khi thi đỗ, Hoàng đế phong cho Mạo Giáp Hoa làm Đốc học Sơn Tây, mới được 6 tháng lại được thăng lên chức Tham tri bộ Binh. Vừa lúc gặp nước nhà có biến, Bí Cai chúa Chiêm Thành một Đại tướng võ nghệ cao cường nhiều lần mang quân tới quấy nhiễu xâm lấn bờ cõi. Nhà vua hội triều thần cử Mạo Giáp Hoa làm Tổng thống quan Đại thần quân vụ rồi ban cho ba ngàn sĩ tốt được tùy điều quân tới địa hạt Sơn Tây dàn trận và đánh một trận ở trang Hiệp Thượng,

1. Tam khôi là danh hiệu đặt ra từ đời Trần, gồm có: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa để chỉ thứ bậc đỗ đệ nhất giáp Tiến sĩ.

Hiệp Hạ, lũ giặc đại bại. Quan Tổng thống cho quân khai hoàn tới trại Cầu, trang Kim Lũ, tổng Khương Đình, sở Thanh Trì, quận Thường Tín, Thăng Long thành, đúng vào ngày 15 tháng 7, rồi cho mở đại yến khao thưởng quân sĩ, lại triệu các cụ phụ lão ở các nơi lân cận tới cho cùng ăn uống hát ca. Xong tiệc, Mạo Giáp Hoa tản bộ quanh vùng để tìm địa mạch, ngài chợt nhận ra thấy trang Kim Lũ là nơi quý địa, nhiều gò đột ngút nổi lên, ba khu núi hoành nước lượn. Duy đất trại Cầu có huyết quý đa phát công hầu khanh tướng. Mạo Giáp Hoa liền triệu các phụ lão tới tặng cho 300 quan tiền để mua ruộng đất công, dựng ngôi miếu theo hướng đông nam. Trước mặt có Tam thai (ba núi) Kim Quy (rùa vàng) tác án; sau lưng có Ngũ Nhạc (năm ngọn núi), long mã (ngựa rồng) châu vào, thêm dòng nước đào đường ... tất phát văn nhân hào kiệt. Đúng lúc ấy, Mạo Giáp Hoa thấy mình không khỏe, nhắm vào ngày 12 tháng 1 năm Đinh Hợi, bỗng dưng đất trời mù mịt ảm đạm, gió mây cuộn cuộn, chớp giạt sấm dậy ầm ầm. Ngày ấy Mạo Giáp Hoa hóa thân, hồn phách nhập vào miếu sở.

Từ ngày ấy, trại Cầu trang Kim Lũ ngàn ức niên phụng thờ chiêm ngưỡng mà ngày càng thấy cao vòi vọi, truyền trải bao đời, càng truyền lại càng kính cẩn tôn nghiêm.

26. SỰ TÍCH Ắ LÃ - ĐỆ NHỊ CÔNG CHÚA ĐỜI TRẦN

Theo sự tích đức Ắ Lã, ngài sinh vào ngày mồng 10 tháng 3, ngài hóa vào ngày mồng 1 tháng 12, vào đời vua Trần Thánh Tông. Nhà vua sinh được hai bà công chúa, bà trưởng nữ là Quỳnh Châu, bà thứ hai là Lã. Khi bà Lã lên hai tuổi, vẻ mặt đoan trang, dáng người yếu điệu, sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Khi bà 20 tuổi, vua gả chồng, bà không bằng lòng. Bà chỉ thích đi chơi chùa chiền trong thiên hạ. Bà ngự thuyền rồng trên sông Nhị Hà, Đức Giang và sông Nghĩa Giang. Dọc đường,

bà thấy phong cảnh thôn Nhân Lễ, thôn Viên Ngoại đáng yêu, bà có ý định lập chùa quán để làm nơi đi lại nghỉ ngơi. Bỗng nhiên giờ đất tối tăm, mưa to gió cả, thuyền bị đắm chìm, hồn bà đã sông nước vui chơi, không ngờ con giao long đã nuốt tự bao giờ. Khi tạnh mưa, vua sai thủy sư đi tìm, thì không thấy, bắt con giao long mổ xem cũng không thấy có vật gì, bèn chôn con giao long ở giếng đá trang Phú Thị. Sau đó, chỗ bà bị đắm dò nổi lên một bãi cát, vua thương nhớ bà chết ở cái sông ấy, nên gọi là Bát Nghĩa giang, cho hai thôn lập miếu thờ, hương hỏa nghìn thu. Đến đời Lê, vua Thái Tổ bình giặc Minh, vua Thánh Tông bình giặc Chiêm, cũng nhờ bà âm phù. Về sau các vua đều gia tặng cho bà bốn chữ "Trình tinh y đức", nhờ bà âm phù cho nước được bình yên.

27. SỰ TÍCH BÀ QUÝ MINH THỜI TRẦN

Tục truyền, về cuối đời nhà Lý, có người con gái họ Lý tên là Huệ Nương, tuổi vừa 18, nguyện chẳng lấy chồng, tu hành mộ đạo tại chùa Tiêu Sơn (Bắc Ninh), đêm ngày ở đấy, mới được vài tháng. Có một đêm, bà Huệ Nương nằm, chợt thấy người con gái mặt mũi khác thường, tay cầm đóa hoa sen mà nói rằng: "Ta là tiên trên giời giáng xuống, sau người sinh con gái, mặt mũi như thân, tức là ta vậy". Nói rồi biến mất. Đang trong giấc mộng, bà Lý thị trông lên giời thấy có đám mây đỏ, sáng rực tựa ban ngày. thấy một vì sao sa bay vào miệng, bà Lý thị liền nuốt mất. Đang cơn sợ hãi, bà Lý thị chợt tỉnh, tự đấy có thai.

Một hôm bà chơi qua đường huyện Tiên Du, giờ đã tối, bà trú ở đầu làng Ma ô (tức sau là làng Xuân ô). Bấy giờ là giờ Tuất, ngày 15 tháng 8, bà Huệ Nương thấy thai trong bụng chuyển động, liền sinh một người con gái, mặt mũi tựa như hoa điểm tuyết, khác nào thần tiên giáng thế, đặt tên là Quý Minh. Đêm hôm khuya khoắt, bà Lý thị ôm con vào trú ở đền, chợt nằm mơ màng, mộng thấy một người mũ áo chỉnh tề, đứng ở trong đền nói rằng: "Ta là Thiên Cang đại thần, quyền cai quản

ở đền này, ta báo mộng cho biết, ngày sau làm linh thần ở làng này". Bà Lý thị chợt tỉnh, đêm cuối canh tư, nghe thấy trong làng chó lợn xông xáo, ngoài đồng chim kêu riu rít. Cùng đêm ấy, nhân dân làng Ma Ổ, trên dưới hai khu, ai ai cũng mộng thấy Thần Nhân báo rằng: "Làng các người có nữ thần giáng sinh trần thế, ôm con vào đền ta mà trú đấy, ngày sau làm linh thần giúp nước phù vua, kíp đem về làng mà nuôi nấng, thì dân làng đều yên vui vậy". Nói xong biến hóa. Nhân dân đều tỉnh dậy, sáng hôm sau ra đình hội sở, ai ai cũng nói chuyện y như một mộng. Dân làng bèn rủ nhau ra đền xem, quả thấy hai mẹ con bà Lý thị, bèn đón về làng phụng dưỡng, biết là thiên thần vậy.

Tháng ngày thắm thoát, bà Quý Minh 15 tuổi, văn võ anh tài, không ai địch được.

Một hôm, bà Quý Minh nghe tin trên núi Lô Sơn có cái giếng gọi là giếng tiên, ngày thường thần tiên chơi ở đấy. Bà lên chơi thấy giếng thanh gió mát tựa như cảnh tiên, bà chợt thấy một người tựa như thần tiên giáng thế. Người ấy nói rằng: "Ta là Ma thị tiên cô, ngồi ở gốc cây tùng, mà người trần không biết, ta cho nhà người cái áo này, ngày sau dẹp được giặc, giấu được hình, lại toàn được tính mệnh". Bà Quý Minh lạy tạ, lĩnh áo lui về. Từ đấy biến hóa hiện hình; làng Ma Ổ xin bà cho làm thần tử, lại lập một tòa đền để phụng dưỡng mẹ con bà Lý thị. Giời đất đã định bà Lý thị bị bệnh mà mất. Bà Quý Minh thờ cúng ba năm vừa mãn tang. Bấy giờ nhà Lý đến lúc suy; nhà Trần lên làm vua. Khi ấy có giặc Nguyên sang xâm lấn kinh thành; vua Trần Thái Tông bị hãm; chiếu truyền khắp thiên hạ, ai có tài trí thông minh, dẹp tan được giặc, vua sẽ phong công thưởng tước. Bà Quý Minh nghe chiếu nhà vua, bèn nói rằng: "Ta lòng con gái, trí anh hùng; một nghe chiếu thiên tử, bốn bể lòng Trưng nguyên". Bà Quý Minh tâu vua, xin mộ nhân dân làng Ma Ổ, và lĩnh gia thần của nhà vua, tất cả hơn 1.000 quân, theo ông Trần Quốc Tuấn đi đánh giặc. Đánh có một trận, phá tan mấy lần vây, chém được chính tướng và tỳ tướng hơn 1.000 người, máu chảy thuyền trôi, thân chết thành núi; còn sót ít dư đảng của

giặc thì trốn đi đâu mất. Tự dấy nước yên, dân thịnh, thiên hạ thái bình, muôn dân vui vẻ.

Một hôm bà Quý Minh dặn bảo nhân dân làng Ma ố rằng: "Mừng rằng mình ta nay sống dư muôn đời, đều là nhờ giúp ta vậy Ta nay bảo cho dân làng Ma ố biết rằng: Ta trăm tuổi về sau, làng các người phải thờ cúng vậy". Các người phải thờ:

Thờ đức Thiên Cang, một ngôi vị

Ta một ngôi vị (tức là bà Quý Minh).

Từ đấy các họ, đều để ruộng tám khoảnh để cúng các ngày giỗ.

Khi ấy, thượng tuần mùa xuân, tháng giêng ông Trần Quốc Tuấn làm biểu tấu vua Trần Thái Tông rằng: "Giặc Nguyên đã đại bại". Vua hạ cho thưởng tướng khao quân, và cho bà Quý Minh về huyện Tiên Du, kén ngày để gia thần nhân dân làng Ma ố lập một tòa đền thờ cúng mãi mãi ngàn muôn xuân.

Ngày ấy là ngày mồng 3 tháng 3, bà Quý Minh ban yến cho nhân dân làng Ma ố. Đang ăn uống ở đền, chợt thấy giời đất tối tăm, có đám mây vàng từ trời cao bay xuống che ở giữa trước đền. Bà Quý Minh chợt thấy thân mình bay lên lầu rồi biến hóa mất. Gia thần làm biểu tấu. Vua truyền cho làm lễ an táng và làng Ma ố là làng họ nhi sở tại phải lập đền thờ.

Sau vua phong cho là: Quý Minh phu nhân chi thần.

(Làng Ma ố tức là làng Xuân ố bây giờ)

28. SỰ TÍCH UY LINH LANG VƯƠNG

Tục truyền, Vương vốn là dòng chính của họ Hồng Bàng, là chi thứ tông của Bách Việt. Xưa Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai tên là Âu Cơ sinh ra trăm con trai, sau mỗi người chia lấy một nửa rồi mỗi người một ngả tạo thành hai nhà làm chủ núi sông và cai quản lê dân, mà Đại vương là con trưởng của Xích Giáp, thuộc họ Giao Long, hiệu gọi là Uy Linh Lang, cùng với sáu em đều phong tại đấy. Về sau linh thiêng hiển hách, bảo

vật giúp dân, linh thiêng hiển hiện, được tôn sùng phong cao đẳng trật.

Lại nói, bà Chính cung Hoàng hậu Minh Đức của vua Trần Thánh Tông thường xuyên đến cầu tự ở các đền chùa bởi tuổi xanh hơi hờ, trần trề sức xuân mà chưa từng sinh con. Bà vốn có lòng ái mộ cảnh sắc của Ngưu Hồ (Hồ Tây). Có một hôm đi vân cảnh, Hoàng hậu nghỉ trưa tại đền bên hồ, mộng thấy một người mặt như dát ngọc, miệng thơm môi đỏ dầu đội mũ hoa, thân khoác cẩm bào đi tới trước mà lên tiếng chúc mừng: "Ta chính là Uy Linh Lang, biết hậu ở đây đã lâu, nay đến chào mừng, hiềm vì chưa cho giáng trần". Phút chốc bà tỉnh giấc rồi có thai, mang thai 14 tháng sinh ra một bọc. Lúc ấy vào giờ Ty ngày mồng 2 tháng 2 năm Tân Sửu, Đế và Hoàng hậu cho là điềm gở, mới ngấm sai cung nữ bỏ vào thùng quăng ra đường. Người qua lại nơi ấy, thấy vậy, lấy làm kỳ dị không dám tới gần, chỉ đứng xa kiểng chân mà ngó. Mãi đến khi mặt trời lên cao chừng ba con sào, bỗng nghe có tiếng bọc vỡ, nổ âm như sấm. Dân làng cấp tập đổ xô tới chỗ ấy, thì thấy bọc vỡ lộ ra một cậu bé con, đang nằm giữa trong thùng mà khóc, tiếng như tiếng chuông. Tự bấy giờ tiếng đồn đại huyên náo xa gần và vọng vào trong triều. Đế Hậu đều cho là quái dị, sai cung nữ ngấm tới nơi để nghe ngóng sự tình, thì thấy vẻ mặt của đứa trẻ thanh tú, lẫm liệt kỳ khôi. Cung nữ trở về tâu lên, Đế nghe mỉm cười mà bảo: "Khi xưa Nguyên phi họ Cao Tân tên là Khương Nguyên sinh con, rồi sự tích về Hậu Tác cũng đại loại như vậy, há lại cho là điềm gở được chăng?". Ngai bên sai người đem về nuôi dưỡng, qua năm tháng đã biết nói năng, tròn năm biết đi lại đứng ngồi nằm chững chạc như người lớn. Đế Hậu ân hận về việc đã vất bỏ, nên lại càng thương yêu, nhân đấy cho gọi tên là Uy Lang. Tới khi trưởng thành tư chất thông minh tài trí, học rộng biết nhiều, xa gần muôn người như một đều nức tiếng khen.

Khi gần tới tuổi đôi mươi chàng Uy Lang rất thích ngao du, nhiều lần dâng biểu xin Đế Hậu cho xuất gia nhưng đều không

được Vương bèn thay áo trốn tới nhà ông Thiều Lăng Khang ở ấp Vũ Điện, huyện Nam Xang thụ nghiệp pháp đạo. chưa đầy đôi tháng mà kinh tịch nhà Phật không sách nào không thiệp liệp đọc qua. Năm tháng càng nhiều thì sự bổ ích càng tăng. Cho nên trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, cửu lưu Tam giáo, không đâu là không tỏ tường. Đặc biệt là Kệ từ số thuyết thì bọn cao tăng thiện tử đều phải kính phục cái tài cao diệu của vương. Đế và Hoàng hậu nghe tin lại càng khen thưởng, triệu về cho làm nhà riêng ở Bình Thọ, Nam Giao, lại cho thêm lương bổng hàng tháng để dưỡng nhàn. Vương tĩnh dưỡng như thế quá hai mươi năm.

Đến thời Nhân Tông, bọn Toa Đô tướng giặc nhà Nguyên đem hơn bốn mươi vạn thủy bộ, chia đường cùng tiến vào xâm lược bờ cõi nước ta. Trong triều ngoài nội náo động một ngày bốn năm lần tin khẩn. Vương phấn khích cất tiếng ngâm nga:

"Con người ta sinh ra trong trời đất trần gian, thì phải bộc lộ tài ba lỗi lạc hơn người. Kẻ đại trượng phu thì phải tu chí ở bốn phương; tang bồng hồ thỉ da ngựa bọc thân chốn sa trường. Nếu không tể thế lúc gian nan thì sao đáng lưu danh sử sách, nêu gương cho muôn đời hậu thế" Sau đó, Vương liền dâng biểu tâu bày phương lược lên vua cha, cho hưng nghĩa lũ đánh đuổi giặc cường bạo. Hoàng đế liền phê chuẩn để khích lệ tráng chí của Vương. Bấy giờ Vương đốc xuất bọn gia thân dưới trướng của mình, chiêu mộ nghĩa sĩ được trên một vạn quân tinh nhuệ. Chia thành đội ngũ, luyện tập trận pháp, tự xưng là "Thiên Tử quân", tập kích đồn giặc Nguyên ở Bình Than, phá tan giặc, thừa thắng truy đuổi lên phía bắc, lại phá giặc ở phía Đông Mai giang. Sau đó hội với các ông Trần Nhật Duật Trần Hưng Đạo ở bản doanh Vạn Kiếp để chuẩn bị cho việc điều binh khiển tốt. Sau đó lại chiến đấu với giặc Nguyên ở Mạn Trù, nhỏ được đồn Đông Kết. Một ngày đánh tám trận thắng cả tám, chém đầu giặc quá ba chục vạn, bắt sống tướng giặc Can Ly Hòa La và sĩ tốt của chúng nhiều vô kể. Từ đấy

vua Nguyên không dám đem quân sang nữa. Do đó đất nước được hưởng thanh bình.

Về sau bình công lao trong cuộc chống quân Nguyên, Vương được phong là Dâm Đàm Đại vương (Dâm Đàm tức Hồ Tây). Năm ấy, Đại Vương đã 36 tuổi. Bấy giờ nhằm vào giờ Ngọ ngày 8 tháng 8 năm Bính Tý, Đại vương không ốm đau mà chết. Đế Hậu thương tiếc khôn nguôi, bèn cho lập miếu ngay nơi vút bỏ để thờ, gọi là "Nhật Chiêu điện còn gọi là" Linh Bảo điện, lại có tên là Linh Lang Thánh tử. Sau đó lại cho dựng từ đường tại nơi ở là Bình Thọ để thờ Mẫu Hậu Minh Đức. Đến triều Nghệ Tông do vương có công ngầm giúp, lại gia phong mỹ tự là Dục chính Hiến ứng Phù hựu Đại vương.

Đền thờ của Vương tại phường Yên Hòa (Yên Phụ sau này) huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên. Tại trại Thủ Lệ, cũng lập đền thờ Vương.

29. ĐỀN CỦA CÀN HẢI

(Ở xã Hương Càn, huyện Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu, Nghệ An)

Phu nhân họ Triệu là công chúa nước Nam Tống, tất cả có ba mẹ con, phu nhân là con gái út.

Trong năm Thiệu Bảo thứ 1 (1279) đời Trần Nhân Tông, bên Trung Quốc. Trương Hoằng Phạm đem binh đánh úp quân Tống ở Nhai Sơn. Quân Tống bị tan vỡ, quan tả Thừa tướng là Lục Tú phu ôm vua Đế Bình cùng nhảy xuống bể, tướng sĩ nhà Tống chết xuống bể có tới hơn mười vạn người. Ba mẹ con phu nhân, ôm lấy cột buồm một chiếc thuyền, trôi dạt đến một cái chùa bên bờ bể. Sư chùa thương bèn cho mẹ con vào ở chùa và nuôi cho ăn. Được mấy tháng, mẹ con khi đã lại sức trở nên béo tốt, vẻ mặt phu nhân coi tuyệt đẹp, sư động lòng muốn tư thông, bị phu nhân cự tuyệt, sư xấu hổ quá gieo mình xuống bể chết. Mẹ con phu nhân cùng khóc rằng: "Chúng ta vì sư mà được sống,

nay sư vì chúng ta mà phải chết, sao nỡ yên tâm", rồi ba mẹ con cùng đâm đầu xuống bể chết cả, xác trôi đến cửa Càn Hải thuộc huyện Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu nước ta, vẻ mặt vẫn tươi như lúc còn sống. Thổ dân lấy làm lạ, vớt lên táng, thấy rất hiển linh mới lập đền thờ. Phàm những thuyền đi bể, gặp khi sóng gió nguy hiểm, kêu cầu đều được thoát nạn. Sau các nơi cửa bể đều lập đền thờ, đền nào cũng có tiếng thiêng.

30. SỰ TÍCH NGUYỆT NGÀ CÔNG CHÚA

Theo sự tích ngài, quê ngài ngày trước ở về thôn Vạn Châu, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, lúc bấy giờ thuộc về trấn Sơn Nam. Ông thân sinh ra ngài là Gia công họ Nguyễn, bà thân sinh ra ngài là Trần Thị Đạt. Ông bà thân sinh ra ngài tuổi đã nhiều, đến năm bà thân sinh ra ngài 48 tuổi, đêm nằm chiêm bao thấy một đám mây đỏ có ngũ sắc và có một đạo hào quang hình như mặt trăng rơi xuống miệng bà. Bà bèn nuốt đi, kinh sợ tỉnh dậy, mới biết là chiêm bao. Từ đấy bà thụ thai, 11 tháng mới sinh ra ngài, tại ngày 12 tháng 11 năm Giáp Tuất, ngài sinh ra hoa thơm con gái để thoát khỏi sự truy đuổi của bọn Mông Cổ. Một con cá mập đã cứu họ và đưa họ tới một hòn đảo. Trên hòn đảo này có một ngôi chùa do một ông sư trụ trì. Những người chạy chốn sau khi bình phục cho rằng, họ không thể ở lại với một người đàn ông, vì như thế không thích hợp. Họ lại nhảy xuống biển và biến thành một thân cây bạch đàn giạt vào bờ biển của người An Nam. Người nhìn thấy thân cây lạ không phải là người câu cá mà là một nhóm phụ nữ đi giặt trên sông. Một trong số họ muốn giặt quần áo trên thân cây lạ, không may, chị ta bị lộn cổ xuống sông và chết đuối. Chồng chị ta rất đau buồn và tức giận, nên mang một cái riu ra chặt vào thân cây rồi trở về nhà. Người trong làng kháo nhau rằng vị thần cây kia có thể nhận ra và ám vào người một đứa trẻ con. Theo lệnh của nữ thần, người ta phải tạc một bức tượng có bốn mặt và dựng một ngôi đền để thờ. Mười hai cô gái dưới mười

lăm tuổi, chưa có chồng phải làm việc này. Cứ ngày mồng ba mỗi tháng, vào lúc canh năm, các cô gái phải rước bức tượng xuống một cái thuyền sơn son thiếp vàng và chèo ra biển. Sau đó, họ dừng lại, quay mặt vào đất liền khi nữ thần tắm gội, người cần tắm gội như một người còn sống. Mỗi năm vào ngày 15 tháng mười, người ta lại thay quần áo mới và các khu chợ ở Thăng Long có thể cung cấp vải theo yêu cầu.

Vua Lê Thánh Tông đã cho trùng tu ngôi chùa này, ông đã nhận được một luồng gió lành và sự bảo vệ trong cuộc viễn chinh đánh quân Chăm-pa. Trong bản mới này của chúng tôi chỉ nói đến hai người con gái, không bao gồm bốn vị thần. Truyền thuyết này dựa trên một sự kiện lịch sử có thật. Đế Bính bại trận, không muốn chết dưới bàn tay kẻ thù nên đẩy vợ con xuống biển rồi chết theo, theo lời khuyên của Tô Lưu Nghĩa. Ông này cũng gieo mình xuống biển cùng với một đám sĩ quan và binh lính tùy tùng, rục nhà, da ngựa mất phượng, tư cách khác trần. Ngài rất là thông minh, đến năm ngài 12 tuổi, cũng am hiểu được thơ phú. Ông thân sinh ra ngài cũng đi làm quan tại triều. Nhân một hôm vua Tống Nghệ Tông có sai ông Triệu Công Chân người nước Tống, sang làm quan đô hộ ở quận Nam Giao; có một ngày ông Triệu Công Chân đến chơi nhà ông thân sinh ra ngài, thấy ngài tư cách khác thường và nhan sắc tuyệt trần, ông ta về làm ngay sớ tấu về triều Tống. Vua Nghệ Tông bên Tống ưng thuận ngay, cho người vời ông thân sinh ra ngài và ngài phải sang triều vua Tống Nghệ Tông. Vua thấy ngài dong nghi khác thường, vua rất yêu quý, đặt làm đệ tam cung phi. Vua lại ban cho ông thân sinh ra ngài vàng bạc, vóc lụa, chức tước. Ông bái tạ trở về nước, được 10 năm, thì ông đã gần 90 tuổi, ông bị bệnh chết. Ngài được tin báo, vào xin vua Tống để về nước phục tang. Vua Tống bèn sai các quan cùng ngài đem vàng bạc, vóc lụa về nước làm lễ an táng và phục tang. Ngài bái tạ trở về nước phục tang xong, rồi ngài có đi xem phong cảnh các nơi và đến chỗ ông Triệu Công Chân. Ngài đi đến đâu thì nhân dân chỗ ấy lập thành trang sở để mời ngài lưu

lại. Cộng tất cả được 42 sở, nhất là sở chính ở đạo Sơn Nam, thuộc về phủ Thường Tín, ở huyện Phù Vân, xã Hương Lâm và trang Hương Lâm. Sở ấy lập xong, nhân dân vùng ấy cũng xin ngài lưu lại. Ngài cũng cho tiền bạc để tậu ruộng nương làm của công. Xong rồi, ngài quanh về để sang bên triều Tống với vua Nghệ Tông. Được ba năm thì vua Tống Nghệ Tông bị nước Tề đem binh mã đến đánh. Vua Nghệ Tông bị thua, phải đem gia quyến trốn chạy đi các nơi. Vua tôi tan nát, cho nên ngài phải cùng với một bọn thị nữ thuê thuyền trở lại nước Nam nhà. Khi thuyền đi về đến cửa Càn Môn, thấy ở đấy có một ngôi chùa, đề là Thạch Nham động, trông rất là một nơi thắng cảnh Ngài bèn bảo thị nữ đóng thuyền lại, lên xem cảnh và xin nước uống. Lúc lên đến chùa, có một vị sư vội vàng trải chiếu ở phương trượng, mời ngài ngồi. Vị sư ấy dâng trà, ngài cáo từ đi xuống thuyền. Vị sư ấy mời ngài lưu lại và nói rằng trời sắp chiều tối, mà ở đây có rất nhiều ác thú, sợ ngài đi không tiện. Nhưng ngài không nghe, cố từ biệt cảnh ấy. Quả nhiên thuyền ngài đi được vài dặm, thì gặp một bọn côn đồ hơn 10 đứa đi sẵn. Chúng nhảy xuống thuyền ngài, thấy ngài nhan sắc tuyệt trần, chực hãm hiếp. Nhưng ngài cũng lấy lời ngọt ngào mà dỗ bọn họ. Nhưng bọn ấy là một loài ác thú, cho nên ngài phải xỉ mắng rồi ngài nhảy xuống cửa bể Càn Môn tự tử. Đó là ngày mùng 9 tháng tám, khi ấy trời đất u ám, sóng bể nổi lên cuộn cuộn, làm cho bọn côn đồ kinh hoàng, trốn chạy hết cả. Được ba ngày, bọn ấy lại đi tìm ngài, thì thấy xác ngài nằm ở cửa bể Càn Môn. Bọn ấy vớt lên, lại thấy thi thể ngài xinh đẹp hơn lúc còn sống. Bọn côn đồ cầm lấy tay ngài chực than thở nọ kia, tự nhiên ngài thét lên một tiếng rất to, làm cho bọn côn đồ hồn xiêu phách lạc, hộc máu lẫn ra chết. Những người ở về địa phương ấy, nghe thấy tiếng ngài tự tử ở cửa bể Càn Môn đã ba ngày mà vớt lên còn chửi mắng khiến bọn côn đồ vô lại hộc máu mà chết như thế thì đều cho rằng ngài thực là một bậc anh linh hiển thánh. Nhân dân ở đấy kéo nhau đến dựng miếu thờ phụng. Từ đấy, ngài anh linh biến hóa vô cùng và những khách đi lại khói hương, không

lúc nào là dứt. Trong một trăm ngày, ngài đã báo ứng cho các nhân dân, đã dựng trang sở ngày trước để khói hương, phụng thờ làm ức vạn niên hương hỏa. Trái các triều Đinh, Lê, Lý, Trần vẫn được sắc phong là Thượng đẳng tối linh Nguyệt Nga Công chúa (tục gọi Nguyệt Nương). Vì ngài là bậc hiển thánh anh linh rõ rệt, cầu sao được vậy, cho nên đến đời vua Thánh Tôn nhà Lê, ngự thuyền đi tuần chơi đến quãng sông Lương Giang, thuộc về địa phận xã Đại Cầu thì gặp cơn phong ba làm cho thuyền rồng vua lay chuyển, vua trông thấy ở gần sông có miếu thờ, vua cầu đảo rằng, ở đây có vị gì linh ứng làm cho phong ba này yên lặng được. thời trăm về triều tặng phong cho. Quả nhiên phong ba yên lặng ngay lập tức. Về triều, vua tặng phong cho được tám chữ Lịch triều tặng phong quốc tế gia ban Thượng thượng đẳng tối linh Nguyệt Nga Công chúa. Cứ hằng năm về mùa xuân thì lễ bộ thân đến tại địa phận xã Đại Cầu là nơi miếu thờ ngài mà tế.

31. SỰ TÍCH LINH THÔNG HÒA THƯỢNG ĐỜI TRẦN

Theo sự tích: Đức Linh Thông hòa thượng, Ngài là người huyện Vĩnh Ninh, trại Hà Lãng, tức là Vĩnh Lộc, tỉnh Nghệ An bây giờ. Khi sinh Ngài thì đức thánh phụ đã hơn 40 tuổi, đức thánh mẫu 39 tuổi chưa sinh đẻ lần nào. Lúc ấy đức thánh mẫu tới cầu tự ở chùa Hoàng Long, Vĩnh Ninh, được ba ngày, khoảng nửa đêm, đức thánh mẫu ngủ say, chợt thấy vào chùa Thiên Thai có một thầy tăng già, người mặc áo xanh, đầu đội mũ Phật, một tay cầm cây tùng, một tay cầm một bó hoa sen, đem đến trước sân cấm, miệng đọc bài thơ chúc mừng. Đức thánh mẫu chạy đến xem thì thấy cây tùng biến thành con rồng xanh, chui thẳng vào miệng đức thánh mẫu. Đức thánh mẫu sợ hãi tỉnh ra mới biết là giấc mộng bèn nói chuyện với đức thánh phụ. Đức thánh phụ có bảo đức thánh mẫu rằng: Nhà ta vốn ấy thiện đức. Nếu mộng như thế ắt hẳn lòng giới giáng phúc, lại có anh hoa

nổi đời, tuần kiệt sinh trần chứ không phải là mộng tầm thường được. Đến tháng sau, đức thánh mẫu quả có thai. Đến năm ất Mão, tháng Giêng, ngày 15 giờ Mão, sinh Ngài, long nhan phượng nhãn, yếm hàm tầm mi, thể mạo khôi kỳ khác hẳn thường nhân. Lúc ấy mùi hương thơm ngát quanh nhà, thụy khí đầy sân, thực có điềm lành. Khi Ngài lên 7 tuổi, thiên tư hiểu để thông minh. Ngài ăn uống tinh khiết chay tịnh. Cha mẹ Ngài cũng bảo Ngài là tiên phẩm sinh trần, kim thân xuất thế, chẳng phải là con nhà nhân gia nên rất yêu mến.

Rồi do mộng mà đặt tên Ngài là Thông, cho Ngài vào học ở nội các.

Ngài lên 15 tuổi, vua Anh Tông truyền ngôi cho vua Thiếu Đế.

Vua Thiếu Đế bèn cho Ngài làm nội các chương án sự, kiêm thị nội vệ quân. Lúc ấy có Hồ Quý Ly cướp ngôi, bèn bức vua xuất gia ở chùa Ngọc Thanh, thôn Đạm Thủy. Vua bèn tự vẫn, nhà nước đại loạn với bọn Quý Ly. Ngài tự thấy gian thần cướp ngôi, Ngài bèn muốn hưng binh phục quốc, trượng nghĩa dẹp loạn, để rửa thù cho vua cha. Nhưng lúc ấy trung thần nghĩa sĩ đều bị Quý Ly làm hại. Ngài cô thân khó lập. Bởi thế Ngài đi tìm nơi khác, cho được toàn thân. Một ngày Ngài đi đến núi An Tử, nói với vị tăng là ông Trần Huyền xin cắt tóc nhập đạo. Ngài học được pháp kinh, khoảng 7 năm. Chợt Quý Ly nghe biết Ngài tu ở chùa Vân Yên, núi An Tử, bèn sai đình thần lại dụ dỗ Ngài về triều, lại hứa cho làm quan để chống giặc Tàu tới xâm phạm. Ngài không nghe mắng sứ giả rằng, nhà ta trải đời làm tướng nhà Trần, ân thâm đức hậu, thâm vào xương cốt. Vả lại làm người có ba điều là trung với vua, nghĩa với thầy, hiếu với cha mẹ, ta há dám tham lợi lộc, bỏ cương thường. Chẳng may nước biến nhà mất đã chẳng hay cứu, nên dạo tìm Phật đạo để bỏ trần ai, lấy giữ tiết thân tử, thắng hoặc đạo giới soi tới trả được thù quân phụ ấy là sở nguyện của ta. Sứ giả nghe ngài nói lòng sắt đá, chẳng chịu lại triều, trở về cáo với Hồ Quý Ly. Giặc Hồ nghe nói, bèn sai đình thần đem binh tầm nã. Có người mật báo Ngài,

Ngài bèn tránh đến phủ Ứng Hòa, huyện Thanh Oai, làng Khúc Thủy. Ngài bèn nghỉ chân ở quán bên đường. Lúc ấy làng Khúc Thủy có ông Nguyễn Hành, vốn mộ đạo thiên tăng, đi qua quán thấy Ngài thể mao phi thường bèn hỏi rằng, ông ở đâu lại. Ngài nói rằng: Ta vốn ấy ở bà sa thế giới, thập phương tam giới đều là nhà ta, há hạn phương nào. Nhân lúc nhàn du phong cảnh, trải xem nhân gian phúc họa mà bảo giúp. Ông Nguyễn Hành nghe nói rất kính trọng Ngài, vả ông Nguyễn Hành cũng hơi biết đạo pháp kinh kệ, bèn hỏi lại Ngài chân kinh các lục Ngài bèn dẫn đọc chân kinh vạn quyển, thù, tứ uyên nguyên, không đâu chẳng biết, lại kiêm toán bốc tướng pháp, nói cùng ông Nguyễn Hành gia sự ông Nguyễn Hành thế nào một tí không sai, ông Nguyễn Hành thấy Ngài nói rất đúng quả là Tây thiên Phật tổ, bỗng đảo thân tiên xuất hiện, bèn vội trở về làng, báo khắp phụ lão nhân dân. Hôm ấy tức là ngày 12 tháng một, nhân dân cùng đến quán ấy đón Ngài về làng, hội hỏi gia sự, nhà nào hay dở đều biết hết. Nhân dân cả sợ, đều nói làng ta có Phật, không phải là phạm sự. Dân làng lập tức làm lễ, cùng xin đón Ngài vào chùa giữ cảnh, để bảo trợ nhân dân. Ngài bằng lòng, bèn vào ở chùa Linh Quang xã ấy. Lúc Ngài ở chùa, sớm tối tụng kinh giảng kệ, dạy dỗ nhân dân, đối ác theo thiện, bởi ấy dân phong thuần hậu, nhân vật khang ninh, đều nhờ đức Ngài. Được năm, nhân dân coi Ngài như sơn cao thủy khoáng, cần thủ khôn sinh, nhất gia phong làm thần tử. Một ngày kia, Ngài nhàn xem phong cảnh, nằm ở Phật đường, chợt mộng thấy một ông quan, đội mũ chỉnh tề, đường đường binh mã tiến đến. Ngài bèn đứng dậy hỏi rằng: Quan nào lại đây, có việc gì, thì ông ta bảo rằng: Ta chính là quốc lão nhà Trần, lại bảo một việc. Ngài hỏi rằng, việc gì thì quan nhân đọc rằng: "Cấp báo chi cấp báo chi. Hồ vinh lai nhật đáo chiến vi. Cấp cấp phản hồi Khê Tang địa, huynh đệ đồng tâm cự tế chi".¹

1. Nghĩa là: Cấp báo khẩn cấp báo, Quân Hồ sắp đến đây vây chùa, Phải gấp về ngay Khê Tang, Anh em cùng nhau chống giặc.

Đọc xong Ngài chợt tỉnh, biết là mộng, cả sợ, đêm hôm ấy gà gáy canh ba, ngài báo tiểu đồng lên gác thỉnh chuông, chợt nghe bốn mặt tiếng người gọi dậy. Quả là quân giặc Hồ lại vây, Ngài bèn cầm cái gậy tầm xích, đến chỗ vòng vây, đánh vỡ quân chạy thẳng đến địa phận làng Khê Tang, có một khu đất cao nhiều cây cối cổ thụ. Ngài ngảnh lại thấy quân Hồ đuổi theo, bèn chạy vào trong khu ấy. Quân Hồ bốn mặt hội vây, chợt thấy một đám mây màu sắc sáng tỏ, nổi trên khu đất, cuộn cuộn thẳng lên trời, chợt thấy trời đất mờ tối, giữa ngày như đêm, sấm sét dữ dội, mưa gió nổi dậy, gãy cây bay cát. Quân Hồ phải giải tán. Ngài bèn ra, chạy đến địa phận làng Khê Tang đi thẳng vào trong đình, bèn ẩn trên gác. Quân Hồ trông thấy lại đem quân lại vây, vào trong đình tầm nã các sở, chợt thấy lòng mê mất mờ, đều chẳng thấy được. Được năm ngày, nhân dân Khê Tang bèn lập đàn cầu đảo. Đêm hôm ấy ai ai đều trông thấy Đức Thánh Hưng Đạo cùng với Ngài ngồi đối diện ở trong đình. Bên tả bên hữu có quân sĩ đứng hầu, ngoài 50 người. Đức Thánh Hưng Đạo gọi nhân dân lại trước sân đình trách rằng: Ta nay có quý nhân tiếp đến, cùng ta cùng là bạn, nay đã bốn năm ngày mà nhân dân điềm nhiên không làm lễ mừng. Bởi thế gia thần thiên binh vẫn trách, khiến nhân dân chẳng yên. Dân tỉnh biết là mộng. Sớm ngày hội đồng làm lễ, đệ vào trong đền cầu đảo, ngửa xem trong ngai, quả thấy một vị thiên sư ngồi ở bên Ngài, mặc áo sư, đầu đội mũ Phật. Nhân dân tưởng cũng như lúc mộng trông thấy bèn khấu đầu làm lễ, rồi hỏi Ngài ở xứ nào lại, Ngài bèn trải kể tự trước duyên do. Dân nghe nói rất kính trọng, xin làm tử đệ. Ngài thấy dân có đạo thì bằng lòng. Tự đấy nhân dân yên ổn, dân bèn lưu Ngài ở đình phụng dưỡng. Được ba tháng thì con thứ vua Nghệ Tông là ông Trần Giản Định khởi nghĩa tảo trừ lũ Quý Ly, Hán Thương. Ông Giản Định biết Ngài cũng là Hoàng gia cực thần, bèn đưa hịch lại triệu Ngài. Ngài thấy nhà Trần làm vua, trong lòng phân phát, lập tức mộ dân binh tráng sĩ gia thần xin theo được 500 người, làng Khê Tang dân chúng đi theo được 212 người. Ngày 11 tháng năm,

Ngài truyền lập đồn, hội quân sĩ, mổ trâu bò, tế thiên địa bách thần Bảo hộ để trừ gian thần. Rồi khao quân sĩ, đến ngày 2 tháng sáu, đại cử nghĩa binh, lại yết vua Giản Định. Vua cả mừng, bảo rằng, chẳng ngờ ngày nay, ông hãy còn toàn thân trượng tiết, lại được một nhà cùng hội, ấy thực lòng giới lại định, thế nước lại hưng, bèn phong cho Ngài làm Đô Đốc binh nhung, trưởng Tả hữu vệ quân, thăng tiến một tỉnh Thanh Hóa, cùng đánh nhau với quân Hồ một trận ở đất Giao Thủy, quân Hồ thua tan, chém được hơn 600 người. Ngài chia binh hai ngả, đóng đồn triệt lộ, quân Hồ không thể trốn chạy, nháy cả xuống sông mà chết. Sau vua Giản Định lên ngôi, phong cho Ngài làm Phó tướng quân, kiêm Thủy bộ, nhưng lòng Ngài không muốn nhiễm trần và đã giả thù được cho quân thân, muốn nhân tìm Phật tích, chẳng chịu nhận chức. Vua cũng theo ý Ngài, phong làm Linh Thông hòa thượng, ban cho áo mũ vàng bạc, chuẩn cho làng Khê Tang cùng với làng Khúc Thủy làm thang mộc ấp. Ngài tạ vua về làng Khê Tang và làng Khúc Thủy, sửa sang chùa chiền, và lập đền chuẩn tế, hoàn thành ngày 11 tháng chín. Nhân lúc uống rượu vui, Ngài có bảo phụ lão dân chúng rằng: "Ta cùng với dân có tình sư đệ, nghìn năm chẳng khá quên, nay nhân dân đều nghe mệnh, có khu đất cao nhiều cây cối, ngày trước ta tránh giặc Hồ ở đấy, may mà giới thương đến kẻ lương thân, phát gió mưa mù mịt, quân Hồ chạy tan, ta được thoát, ta sau trăm tuổi, dân thiết lập miếu ở đấy thờ phụng đến lấy biểu danh tiết. Nhân dân cả mừng, xin theo nhờ di chúc. Đến ngày 15 tháng 2, Ngài về thăm mã đức thánh phụ ở Đốn Sơn, Ngài có đọc câu thơ rằng:

Nhất bả cương thường trọng thử thân

Tuyệt thù di đắc báo quân thân

Khe Tang Khúc Thủy giai hàm nghĩa

Vạn cổ phương anh tại ngã dân.

Tạm dịch thơ:

Trọng lễ cương thường trọng tấm thân

Rửa thù báo đáp nợ quân thân
 Khê Tang, Khúc Thủy cùng chung nghĩa
 Muôn thuở danh thơm ngát cõi dân

Đọc xong chợt thấy một đám mây vàng, tự trong đền ra giăng thẳng lên, giờ đất mù mịt, không thấy Ngài đâu. Thanh đồng lấy làm việc lạ, chạy về hô hoán nhân dân, lại đến hội xem, đã thấy mối đùn thành một gò lằng lớn, trong đền duy còn một cái dải mũ ở trên đất, gia thần Ngài nhặt lấy đem về làm lễ, theo các nhời Ngài di chúc rồi tâu vua. Vua thương kẻ lương thần trung nghĩa, bao phong các mi tự, sai quan đem sắc chỉ, áo mũ đến đình làng Khê Tang sở tại, phong cho Ngài và phong cho làng Khê Tang sở tại được làm hộ nhi thang mộc ấp, huyết thực vạn năm, hương hỏa vô cùng, dữ quốc đồng hưu, vĩnh vi hăng thức.

32. SỰ TÍCH ĐỨC ĐÔNG BẢNG VÀ ĐỨC TÂY HẢI

Theo sự tích, ở quận Cửu Chân có một nhà họ Lã rất là giàu có, vốn là nhà tích thiện, chỉ cứu giúp nhân dân thiên hạ. Ông bà đã già mà không có con. Bỗng một hôm bà vợ nằm mộng thấy ở phương đông có một cây cổ thụ rất lớn, có một vị đồng tử ở trên cây tụt xuống, rồi từ đấy bà thụ thai 12 tháng, đến ngày mừng 4 tháng giêng sinh con trai, đặt tên là Bảng Công. Mất Ngài có hai con người, tay dài quá gối. Đến năm lên 8 tuổi Ngài đi học, được vài năm thì đều văn hay võ giỏi. Đến năm 20 tuổi thì cha mẹ đều mất. Việc hiếu đã xong, Ngài bèn đi chu du thiên hạ. Khi đến núi Nam Sơn, Ngài gặp đức Hải Công bèn kết làm anh em. Hải Công từ tạ cha mẹ theo cùng Bảng Công đi chu du thiên hạ. Thời bấy giờ ở đạo Sơn Nam, phủ Lý Nhân, trang Mão Cầu, ở xứ ấy phát ra bệnh dịch rất nhiều. Nhân dân khổ hại, quan địa phương làm sớ tâu vua. Vua bèn ngự giá lập đàn tống dịch, nhưng không khỏi. Vua bèn treo bảng bố cáo trong thiên hạ ai có tài trừ tai hoãn họa thời trầm cho địa

phương ấy để làm chỗ trăm năm huyết thực. Hai ông thấy vậy bèn đến huyện Nam Xương, trang Mão Cầu Vũ khu, vào xin trừ ôn dịch. Hai ông bèn lập đàn kỳ đảo giới đất, thì tự nhiên bệnh ấy không phát ra nữa. Vua Thái Tông bèn thưởng cho hai ông được lập ấp ở huyện Nam Xương.

Tối năm sau, nhà vua khai khoa thí sĩ. Hai ông vào thi đều đỗ đồng tây đệ nhất. Nhà vua bèn phong đức Bổng Công làm Đông Bổng đại phu, đức Hải Công là Tây Hải đại phu. Hai ông bái tạ vua trở về Mão Cầu trang Vũ khu thiết lập cung điện, dạy dân cấy ruộng chăn tằm. Đến đời vua Nhân Tông có giặc nhà Nguyên là ô Mã Nhi đem binh xâm lấn. Nhà vua bèn triệu hai ngài đến chầu phong đức Đông Bổng làm Tham tán, đức Tây Hải làm Nguyên nhung. Rồi sai đi dẹp giặc. Hai Ngài lĩnh mệnh đem binh đi dẹp yên được quân Nguyên, rồi về triều. Nhà vua bèn gia phong hai Ngài làm đại vương. Hai Ngài bái tạ vua rồi lại về Vũ, Nhiễm hai khu, khao thưởng nhân dân. Rồi lại về cứu quán bái yết gia đường. Đến ngày mừng 10 tháng 6, tự nhiên giới đất tối tăm thì hai Ngài đều hóa. Gia thần hai khu theo hầu về nói với mọi người. Dân hai khu bèn lập miếu ở hành cung để thờ. Vua nghe thấy tin lấy làm thương tiếc, bèn gia ban làm Thượng đẳng phúc thần muôn năm thờ cúng.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	5
PHẦN I	
TRUYỆN THUYẾT VỀ THỜI LÝ	7
1. LÝ THÁI TỔ.....	9
2. LÝ PHỤC MAN	12
3. TRUYỆN VỊ THẦN Ở XỨ ĐẰNG CHÂU	14
4. LÊ PHỤNG HIẾU (Đô thống Khuông quốc Tá thánh vương).....	16
5. LÝ HOẰNG	18
6. THẦN NÚI ĐỒNG CỔ	20
7. ÔNG TỔ NGHỀ IN LÀ AI?	21
8. SỰ TÍCH CẢNH KỲ, TIẾN SƠN	21
9. ÔNG THẦN XÃ ĐÌNH LẬP	23
10. THÁNH VÔNG THỊ	25
11. ĐỀN MỤC THÂN	25
12. ĐẠI YÊN VÀ CHUYỆN TRẦN NGỌC HOA	28
13. SỰ TÍCH Ỡ LAN PHU NHÂN (Lý triều đệ tam Hoàng đế - Hoàng thái hậu).....	29
14. BÀ CHÚA DỆT: THỤ LA CÔNG CHÚA	33
15. NHẢ LANG VÀ ĐÌNH CHU CHÀNG (CHU QUYẾN).....	34
16. QUÁN ĐÁ, CHÓ VÀNG	35
17. THÁNH LINH LANG.....	39
18. SỰ TÍCH THẦN LINH LANG	40

<i>Truyện thuyết về thời Lý và Trần - Quyển 3</i>	197
19. QUẾ NUƠNG VÀ DUNG NUƠNG	45
20. BÀ CHÚA LÂM.....	47
21. THẦN HẬU THỔ (Ứng thiên hóa dục Nguyên trung Hậu thổ địa kỳ Nguyên quân).....	51
22. LÝ THƯỜNG KIẾT	52
23. TRUYỆN TỪ ĐẠO HẠNH VÀ NGUYỄN MINH KHÔNG.....	53
24. TRUYỆN SƯ NGUYỄN MINH KHÔNG	59
25. TRUYỆN DƯƠNG KHÔNG LỘ VÀ NGUYỄN GIÁC HẢI.....	61
26. TRUYỆN TÔ HIẾN THÀNH VÀ THẦN LINH	64
27. TRUYỆN CAO SƠN ĐẠI VƯƠNG THỜI LÝ	66
28. SỰ TÍCH THIÊN BỔNG NHÀ LÝ	70
29. TRUYỆN ĐOÀN THƯỢNG TRIỀU LÝ	71
30. VŨ THÀNH.....	72
31. SỰ TÍCH MINH CHU ĐẠI VƯƠNG VÀ MINH KHIẾT ĐẠI VƯƠNG	77
32. SỰ TÍCH CHIẾU DIỆU QUỐC VƯƠNG ĐỜI LÝ.....	79
33. SỰ TÍCH PHẠM CỰ LƯỢNG TRIỀU LÝ.....	80
34. SỰ TÍCH PHẠM CÔNG CHÚA THỜI LÝ.....	80
35. SỰ TÍCH HAI ANH EM PHẠM QUANG, PHẠM HUY THỜI LÝ.....	81
36. SỰ TÍCH CHÍNH NUƠNG VÀ CHU CHƯƠNG	86
37. SỰ TÍCH PHƯỢNG HOÀNG CÔNG CHÚA THỜI LÝ	88
38. TRUYỆN BỐN ANH EM CÙNG MỘT BỌC CÓ CÔNG CHỐNG NGOẠI XÂM THỜI LÝ THÁNH TÔNG	90

PHẦN II

TRUYỆN THUYẾT VỀ THỜI TẤN 95

1. SỰ TÍCH NGÔI MỘ NHÀ TRẦN	97
-----------------------------------	----

198.....	<i>Tình hoa văn học dân gian người Việt</i>	
2. SỰ TÍCH TRẦN QUỐC LIÊU		101
3. SỰ TÍCH TRẦN HUNG ĐẠO		103
4. CHIÊU VĂN VƯƠNG TRẦN NHẬT DUẬT		109
5. TRUYỆN NÀNG CÔNG CHÚA ĐỜI TRẦN		112
6. TRUYỆN PHẠM NHAN		116
7. TRUYỆN DỊ NHÂN LÀNG HẠ BÌ		117
8. SỰ TÍCH ĐỨC THÁNH TRẦN HUNG HỒNG		118
9. PHẠM NGŨ LÃO		119
10. SỰ TÍCH ĐÌNH CÔNG TUẤN ĐỜI TRẦN		121
11. SỰ TÍCH MIẾU HAI DANH TƯỚNG HỌ TRẦN		124
12. TRUYỆN BẢNG CÔNG VÀ HẢI CÔNG ĐỜI TRẦN		125
13. TRUYỆN CHU VĂN AN		132
14. NGUYỄN HIỀN		133
15. MẠC ĐÌNH CHI		136
16. ĐỀN THIÊN Ở CỬA BIỂN		141
17. SỰ TÍCH HUYỀN QUANG		157
18. NÓI VỀ SỰ TÍCH ÔNG VĂN DĨ THÀNH		162
19. NÓI VỀ SỰ TÍCH NGƯỜI HỒ QUÝ LY MẮC LÝ CON CÁO VỚI CON VƯỜN		164
20. TRUYỆN TRẦU CANH		166
21. TRUYỆN NÀNG VŨ Ở HUYỆN NAM XƯƠNG		168
22. CHUYỆN Ở CHÙA TRĂM GIAN		169
23. CHÂU NƯƠNG PHU NHÂN		173
24. ÁP LÃNG CHÂN NHÂN		176
25. SỰ TÍCH ĐỨC THÁNH ÔNG		177
26. SỰ TÍCH Ắ LÃ - ĐỆ NHỊ CÔNG CHÚA ĐỜI TRẦN		179
27. SỰ TÍCH BÀ QUÝ MINH THỜI TRẦN		180

<i>Truyện thuyết về thời Lý và Trần - Quyển 3</i>	199
28. SỰ TÍCH UY LINH LANG VƯƠNG	182
29. ĐỀN CỬA CÀN HẢI (Ở xã Hướng Cản, huyện Quỳnh Lữ, phủ Diễn Châu, Nghệ An).....	185
30. SỰ TÍCH NGUYỆT NGA CÔNG CHÚA.....	186
31. SỰ TÍCH LINH THÔNG HÒA THƯỢNG ĐỜI TRẦN.....	189
32. SỰ TÍCH ĐỨC ĐÔNG BẮNG VÀ ĐỨC TÂY HẢI.....	194

TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI
LÝ VÀ TRẦN
Quyển 3



Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ

<i>Biên tập nội dung:</i>	BAN BIÊN TẬP
<i>Kỹ thuật vi tính:</i>	NGUYỄN HÀNG
<i>Sửa bản in:</i>	NGUYỄN DUY MINH
<i>Trình bày bìa:</i>	NGÔ TRỌNG HIỂN

In 1.020 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty Cổ phần in
và thương mại Đông Bắc.

Số đăng ký KHXB: 136 – 2009 / CXB / 35 – 14 / KHXH.

Số QĐXB: 23 / QĐ - NXB KHXH ngày 18/02/2009.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2009.

Sách Phát hành Kỷ niệm 10 năm thành lập

Nhà sách **Thăng Long**



101101091

